HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 12 tháng 8 & 9 năm 1993



VĂN NGHỆ SĨ VÀ QUYỀN TỰ DO

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Telephone: (714)537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ - số 12 tháng 8 & 9, 1993

Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068.
Tél: (904)282-2419
Đại diện tại Âu Châu:
Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Tél: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy:
Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway
Đại diện tại Canada:
Trân Sa, P.O.Box 232, Station "C", Toronto, Ontario M6J 3P4
Tél: (416) 762-4659 và (416) 652-1384
Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4.
Tel: (514)342-8018
Võ Đình Kh., 102 - 830E. Sixth Ave. Vancouver, BC V5T - 1M1
Đại diện tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.
Tél: 011-61-3-8071797

*

Chủ trương:
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.

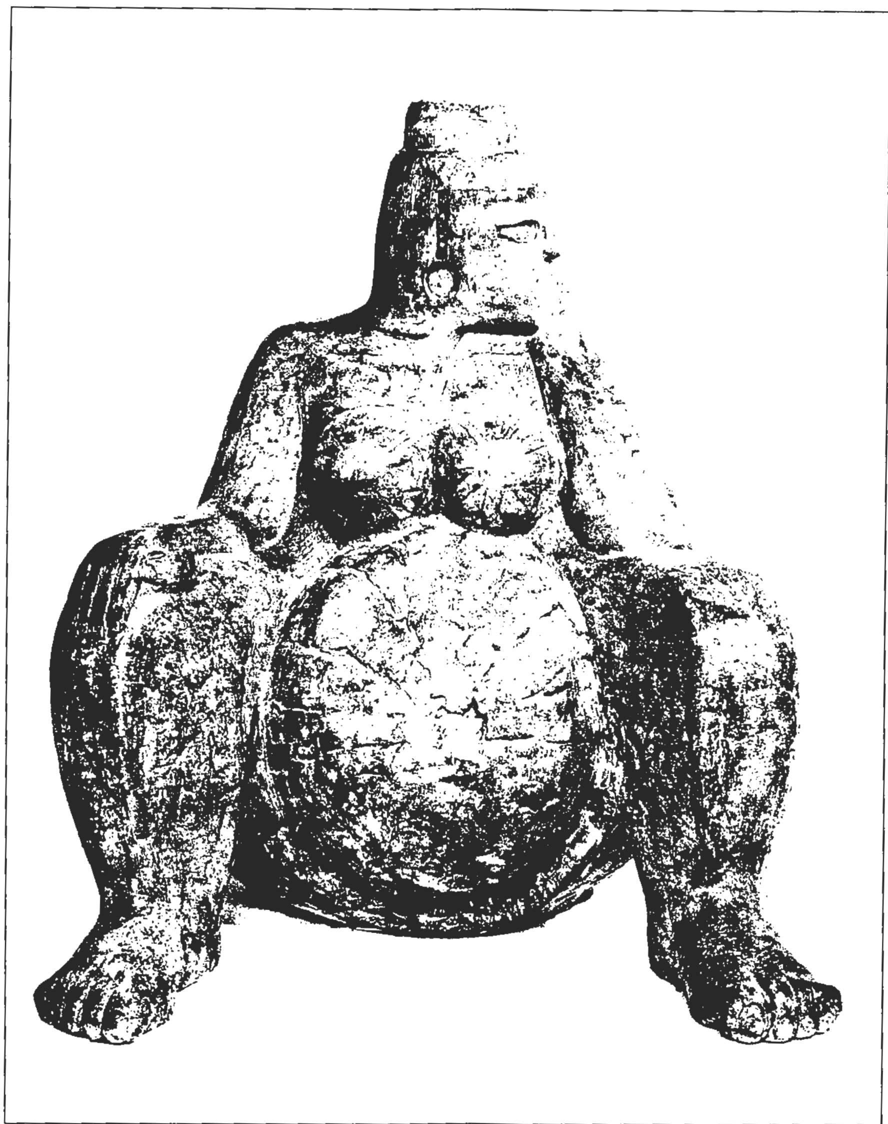
Chủ biên
Khánh Trường

Phụ tá chủ biên:
Phan Tấn Hải

Nghiên cứu, lý luận
Hoàng Sử Mai - Đỗ Hữu Tài

Trị sự: **Nguyễn Thị Giáng Châu**

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



Điềm Phùng Thị: ***La Terre*** **- 1964 (Bronze, 77 x 77 x 77cm)**

HỢP LƯU

Số 12 tháng 8 &9, 1993

Văn nghệ sĩ và quyền tự do



mục lục

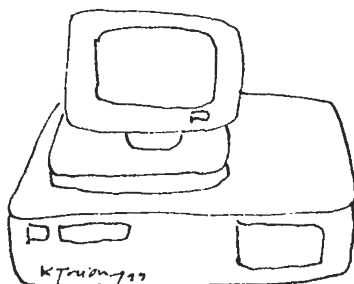
Tranh bìa:

Lâm Triết: Sau Cơn Giông (*Sơn dầu trên bố - 140cm x 140cm*)





thư tòa soạn



Hợp Lưu vừa tròn hai-mươi-bốn tháng. Nếu tính năm, Hợp Lưu đã "sống sót" đến năm thứ ba. Nhiều anh em văn hữu cũng như rất đông bạn đọc vẫn tỏ ý lo ngại: Hợp Lưu còn khả năng tiếp tục có mặt đều đặn trên văn đàn trong thời gian tới nữa không? Thành thật mà nói, chúng tôi không dám trả lời câu hỏi này một cách dứt khoát. Tuy nhiên, ba năm qua, Hợp Lưu chưa từng bị gián đoạn hoặc trễ nãi, vẫn đều đặn mỗi đầu hai tháng xuất phát từ nhà in, theo đường bưu điện đến từng bạn đọc dài hạn, cũng như nằm cố định ở một vị trí nào đó trong các nhà sách trên thế giới. Dù rằng, cũng ba năm qua, nhất là thời gian đầu, Hợp Lưu không ngừng chống đỡ với bao nhiêu sóng gió, từ tinh thần đến tài chánh. Điều đó chứng tỏ sự quyết tâm của chúng tôi. Điều đó cũng chứng tỏ, trong tình cảnh gian nan như thế, Hợp Lưu đã không đình bản, thì tương lai, Hợp Lưu sẽ vẫn không thể đình bản. Thay mặt ban chủ trương, chúng tôi xin chân thành gởi đến các văn hữu và bạn đọc từng quan tâm, âu lo cho sự sinh tồn của Hợp Lưu một lời cảm ơn, và xin quí vị an lòng, tờ báo còn đến với quí vị dài lâu, rất dài lâu, vào những năm tháng trước mặt.

Hợp Lưu kỳ này dành nhiều trang đề cập đến quyền tự do tư tưởng, sáng tạo, cư trú và phổ biến tác phẩmcủa văn nghệ sĩ, nhân một cuộc triển lãm hội họa bị hủy bỏ vì vài lý do rất cá nhân nhưng lại được che phủ dưới lớp áo "chính trị".

Chúng tôi rất đau lòng khi phải công khai sự việc lên mặt báo. Tuy nhiên chuyện chẳng đặng đừng. Mười tám năm nay giới sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại đã bị cái vòng kim cô chính trị siết quanh đầu, khiến cho bao nhiêu điều, bao nhiêu chuyện trở thành những bi hài kịch dở khóc dở cười. Tệ hại hơn, hai chữ "chính trị" này đã bị nhiều kẻ đã lợi dụng, gây phương hại cho người khác, như trường hợp bạn đọc sắp theo dõi phần sau. Đó là chiếc gai độc cần phải dứt khoát và can đảm nhổ ra, ném đi, bằng không, mãi

mãi văn học nghệ thuật của ta sẽ khó có cơ hội bung nở trọn vẹn.

Có dư luận cho rằng tinh thần của Hợp Lưu là hòa hợp, đoàn kết, qui tụ tất cả mọi nguồn, mọi mối về một điểm, thế nhưng chính trên diễn đàn này, lại nổ ra hơn một lần những tranh cãi quyết liệt. Điều đó có mâu thuẫn chăng với tinh thần vừa nêu?

Xin được trả lời: Vâng, Hợp Lưu vẫn cố gắng đưa mọi dòng chảy qui về một mối. Tuy nhiên không phải vì thế chúng ta nhắm mắt dung nạp tất cả. Có những dòng đục, ô nhiễm cần phải ngăn lại, làm cho sạch ra, trước khi để chúng chảy vào tụ điểm. Trong ý hướng đó, Hợp Lưu chắc chắn sẽ còn phải trực diện với nhiều mặt tiêu cực khác, trên mọi lãnh vực. Chuyện không thể tránh. Hợp Lưu biết thế, và chấp nhận những mất mát tất nhiên phải có. Không có cuộc sinh nở nào không gây đau đớn cho sản phụ. Đó là cái giá phải trả của qui luật biến sinh.

Ngoài vấn đề chính vừa nêu, Hợp Lưu số này bên cạnh những sáng tác của nhiều nhà văn đã thành danh trong và ngoài nước, thuộc nhiều thế hệ cầm bút, xin được giới thiệuthơ, truyện của vài cây bút "mới". Tuy "mới", nhưng qua những đóng góp này, chúng ta có đủ lạc quan tin họ còn tiếp tục cống hiến cho Văn Học Việt Nam những thành tựu tuyệt vời khác.

Trong những số sau, Hợp Lưu sẽ lần lượt thực hiện các số chủ đề.

Để độc giả yên tâm những số chủ đề này xứng đáng với hai chữ "chủ đề", tòa soạn sẽ mời những vị có khả năng, liên quan trực tiếp đến từng lãnh vực chịu trách nhiệm chủ biên.

Chúng tôi kêu gọi độc giả và văn hữu khắp thế giới đóng góp thêm, để nâng cao phẩm chất cho mỗ số báo, hầu luôn luôn xứng đáng với tiêu đề: Hợp Lưu, tập san văn học nghệ thuật biên khảo của người Việt Nam trong, ngoài nước.

Hợp Lưu.



KHÁNH TRƯỜNG

phòng tranh không mở cửa



LTS: *Hạ tuần tháng năm vừa qua, một "biến cố" gây tổn thương không ít cho giới tạo hình và khách thưởng ngoạn đã xảy ra tại quận Cam: cuộc triển lãm hội họa có tên* Sau Cơn Giông *của họa sĩ Lâm Triết đã phải hủy bỏ, bắt nguồn từ một số lý do vài người viện ra, nhưng lại được vụng về phủ che dưới chiêu bài chính trị.*

Nếu nhìn "biến cố" trong chiều kích hẹp, thật không đáng để gây thành cơn bão (không khéo, có người lại mỉa mai: cơn bão trong tách trà). Nhưng ở chiều kích khác, "biến cố" là điển hình tiêu biểu cho sự non yếu, ấu trĩ và mâu thuẫn của một lớp người trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại đối với tinh thần dân chủ, tự do, mà từ bao năm nay họ mãi khản giọng kêu gào.

Đưa "biến cố" này công khai cùng độc giả, thật tâm chúng tôi rất không vui, bởi đây là nỗi đau chung dù muốn dù không chúng ta cũng liên đới trách nhiệm. Tuy nhiên nếu không nhìn thẳng vào sự thật, không có can đảm khoét sâu mũi dao vào vết thương, làm sao chúng ta cạo sạch được lớp mủ độc đang khiến chúng ta đêm ngày nhức nhối?

Để độc giả nắm được khái quát diễn tiến của "biến cố", chúng tôi xin tóm lượt vài điểm trọng yếu: Theo dự định, ngày 10 tháng 6, 1993, với sự bảo trợ của Hội Cao Niên Á Mỹ, tại phòng triển lãm của hội VAALA (hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ), họa sĩ Lâm Triết sẽ trưng bày một số tranh mới, hầu hết được vẽ tại Sài Gòn. Nhưng cuộc triển lãm dù đã hoàn tất đến giai đoạn cuối, vẫn đành phải hủy bỏ vì phản ứng của bốn họa sĩ khác. Theo những vị này,

Lâm Triết trở lại Việt Nam, sống và vẽ tại đó, nay đem tranh về Mỹ triển lãm, lại lấy chủ đề là Sau Cơn Giông, *là vô hình trung Lâm Triết đã tuyên truyền cho chế độ Cộng Sản. Tôn trọng tinh thần dân chủ, ban điều hành hội VAALA biểu quyết để lấy ý kiến chung. Kết quả: dù sĩ số giữa phe ủng hộ và chống đối ngang ngửa, nhưng "để giữ hòa khí", hội quyết định "tạm ngưng" cuột triển lãm. Những người chống đối gồm: Nguyễn Thượng Hiệp (director), Kiêm Thêm (director), Ngô Bảo (chairman), Lê Văn Khoa (director), Hoàng Ngọc Tuệ (director). Phiếu trắng: Nguyễn Đức Quang (secretary), Kiều Chinh (director), Bùi Bích Hà (Treasurer). Ủng hộ: Lê Đình Điểu (president), Phạm Duy (director), Nguyễn Duy Tưởng (dirrector), Nguyễn Hiền (director), Nguyễn Văn Châu (director). Vắng mặt: Nguyễn Mộng Giác (director).*

Cũng cần biết thêm, họa sĩ Lâm Triết sinh tại Bồng Sơn, Bình Định, miền Trung Việt Nam năm 1938. Tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn. Khởi sự dạy hội họa từ năm 1961 tại trường trung học Võ Trường Toản và Phan Bội Châu ở Phan Thiết. Giáo sư hội họa trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế vào năm 1968 và Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1969. Sang Hoa Kỳ năm 1975, tiếp tục sáng tác một thời gian ngắn, sau đó ông ngưng vẽ, chỉ minh họa và trình bày sách báo. Năm1990 ông trở lại Việt Nam, và dường như được "hồi sinh nghệ thuật", ông vẽ say mê, chỉ trong vòng ba năm đã triển lãm bảy lần, vừa cá nhân vừa tập thể, ở trong và ngoài nước.

Tranh Lâm Triết giai đoạn này nghiêng hẳn sang trường phái trừu tượng. Ông nói: "Tôi cảm thấy sự hiện diện thường xuyên của sự dịu dàng, tất cả những gì quanh tôi đều trở thành êm ái và mỹ miều. Sự tha thứ, sự thăng bằng của tâm hồn và cái vô biên là chìa khóa cho sự giác ngộ của tôi. Hội họa là một bản đại hòa tấu không âm thanh. Tôi nghe thấy nó ngấm vào tâm hồn tôi, làm tôi phấn khởi không ngừng. Hội họa đối với tôi không những là sự nhắc lại những điều thấy được ở đời, mà nó còn vược hẳn cõi đời này nữa. Tôi muốn nghệ thuật vươn lên trên cái hữu hình của thế gian và đưa tôi vào một cuộc hành trình đi tới cõi vô tận của không gian. Quê hương tôi nghèo lắm. Dân chúng Việt Nam đã u buồn quá nhiều rồi. Tôi không muốn phản ảnh nỗi u buồn đó trong những tác phẩm của mình. Đã tới lúc phải vượt qua những buồn thảm để hướng về tương lai..."

Bài viết sau đây của Khánh Tường phần nào phản ảnh được mặt trái của một "biến cố" lẽ ra nghìn lần không nên có.

Hợp Lưu

*

Trí nhớ tôi không tốt, nhiều việc, nhiều vấn đề, nhiều sự kiện lẽ ra không được phép quên, tôi vẫn cứ quên. Năm ngoái tôi suýt mất một người bạn thân - rất thân - chỉ vì ngày đám cưới của con trai anh tôi quên không đến dự! Để khắc phục khuyết tật tai hại này, tôi thường ghi mọi điều cần nhớ - điện thoại,

địa chỉ, số thẻ an sinh xã hội, số bằng lái xe, những cuộc hẹn, những việc sẽ làm... - vào một cuốn sổ, và để chắc chắn cuốn sổ không bị thất lạc, tôi cẩn thận tìm chỗ kín đáo cất kỹ. Kết quả, lúc cần tìm cuốn sổ, tôi... quên không biết đã giấu ở đâu!

Khi nhận giấy mời đến tham dự buổi khai mạc phòng tranh của họa sĩ Lâm Triết tại hội VAALA, tôi tự nhủ, bằng mọi giá, không được phép quên. Cho chắc, tôi dùng bút nỉ loại lớn viết ngày giờ khai mạc vào một tờ giấy khổ tám rưỡi mười một, dán ngay trên màn ảnh computer. Hàng ngày, làm việc, tôi lật tờ giấy lên, xong việc, phủ xuống. Thế này thì chỉ... quáng gà mới không thấy.

Chiều nay nhìn tờ giấy, nghĩ đến buổi khai mạc vào sáng hôm sau, lòng tôi hơi nao nao. Tôi nghe nói hiện nay Lâm Triết thay đổi hẳn bút pháp, phá bỏ phong cách tạo hình cũ, đi sâu vào thế giới bao la, thăm thẳm của tiềm thức. Nói giản dị, tranh anh bây giờ ngả hẳn sang trường phái không-hình-tượng (*non-figurative*). Tôi còn nghe nói anh đã làm chủ được bản màu của mình. Đó là bản màu của một họa sĩ sinh ra và lớn lên trong thời điểm khốc liệt nhất của lịch sử một dân tộc, nó chuyên chở trọn vẹn sự bức xúc, nóng rãy, dữ dội nhưng đồng thời cũng mở ra những mảng không gian hư ảo đầy chất thơ, vốn là nét đặc thù của một quốc gia lấy nông nghiệp làm nền tảng phát triển, lấy thiên nhiên cao rộng làm bằng hữu thâm giao. Có ai đó từng nói, mỗi cảnh thổ Việt Nam là một bài thơ và mỗi con người Việt Nam là một thi sĩ, cho nên các trường phái hội họa phương Tây, khi du nhập vào Việt Nam, vô hình trung bỗng biến thái, trở nên dàn trải hơn, bao la hơn, huyễn hoặc hơn. Tranh sơn dầu Việt Nam ngoài kết cấu của màu sắc, đường nét, chất liệu có tính kỹ thuật thuần Tây phương, còn chở trong nó cái hồn của một dân tộc, cái triết lý nhân sinh của một quốc gia. Điều này không giải thích khúc chiết được, nhưng nó có đó, nó tiềm ẩn bàng bạc trong hầu hết mọi tác phẩm của mọi họa sĩ, dù ông ta chọn phương pháp biểu đạt nào, cổ điển nhất hoặc hiện đại nhất.

Riêng cá nhân tôi, từ vài năm trở lại đây tôi ít bị chinh phục nữa trước hằng hà sa số những họa phẩm có hình thể, dù là thứ hình thể được tân kỳ hóa bằng mọi kiểu cách. Nói như thế không có nghĩa tôi phủ nhận vẻ đẹp và giá trị của các công trình sáng tạo tiền-trừu-tượng. Ở mặt nào đó tác phẩm cũng giống như nhan sắc đối với người đàn ông. Tùy cá tính, tâm trạng, sự tác động của môi trường sống, mỗi người đàn ông có riêng cho mình một mẫu nhan sắc. Giả dụ vào tuổi mười tám hai mươi, tôi yêu người nữ qua hình ảnh "gầy như mai, mềm như liễu". Đến tuổi trung niên, người đàn bà lý tưởng của tôi nhất thiết phải "có da có thịt". Đấy là sở thích có tính cách cá nhân, hoàn toàn chủ quan, đấy không phải là tiêu chuẩn, là mẫu số chung, vì thế chưa chắc đã đúng với nhiều người khác (tôi cần nhấn mạnh điều này để tránh hiểu lầm). Ngày nay, tôi thường bị rung động trước các họa phẩm trừu tượng. Mỗi lần đối diện với chúng, là mỗi lần cảm giác bỡ ngỡ, ngạc nhiên tái hiện.

Suy nghĩ của tôi ngày hôm qua về một đường cong, một mảng màu, một nhát cọ, hôm nay, đã khác. Do đó, tác phẩm không còn là vật thể chết, nó đã được bàn tay và khối óc của nghệ sĩ phả vào đấy chất "động" của một linh hồn, nó biến thái tùy cảnh trạng nội tâm của người thưởng ngoạn. Lúc ta vui, nó rực rỡ sinh động, lúc ta buồn, nó âm u quằn quại. Nói cách khác, hội họa trừu tượng thể hiện trọn vẹn nhất tinh thần dân chủ của thời đại hôm nay. Từ trước giai đoạn Phục Hưng và trải dài nhiều trăm năm về sau, họa sĩ là kẻ *kể chuyện* bằng màu sắc, theo yêu cầu của giai cấp quý tộc và giáo hội. Đến thời kỳ bung nở của các trường phái mới mà cái nôi là Âu châu, họa sĩ cũng còn tiếp tục công việc *kể chuyện*, chỉ khác, lúc xưa, nguồn cảm hứng được khơi mở từ huyền sử, thần thoại, điển tích, thánh kinh. Nay, tiếp cận với đời thường hơn, chất liệu tạo ra tác phẩm là xã hội họ đang sống, là chính họ. Để thể hiện môi trường chung quanh, cũng như những biến động nội tâm, mỗi nghệ sĩ phải tự tìm kiếm một thứ ngôn ngữ, bút pháp, bản sắc riêng. Từ đó khai sinh những dã thú, biểu hiện, ấn tượng, lập thể... Từ đó hiện diện những vị "khổng lồ" trong thế giới tạo hình hiện đại: Manet, Boudin, Pissarro, Renoir, Cézanne, Seurat, Dégas, Chagall, Van Gogh, Gauguin, Vlaminck, Ruoault, Modigliani, Dali, Rousseau, Picasso... Họ xứng đáng đại biểu cho một giai cấp mới, giai cấp trí thức tiểu tư sản, khai sinh khi thời đại phong kiến và thần quyền chuẩn bị lui vào bóng tối, với quyền lợi tư hữu và ý thức về chủ thể tư duy độc lập. Qua đến thời kỳ của hội họa trừu tượng thì người nghệ sĩ - kẻ làm ra tác phẩm - đã không còn là chủ thể tuyệt đối nữa. Nghĩa là người thưởng ngoạn đã không còn bị đẩy ra ngoài rìa tác phẩm, họ có quyền đứng chung, tham dự, chia sẻ. Nói cách khác, mỗi người thưởng ngoạn là "một tác giả", tùy tâm cảm, hắn "sáng tác" lại tác phẩm theo cách của hắn, rất cá nhân, rất riêng tư, rất độc lập. Tác phẩm nhờ thế trở nên phong phú hơn, sinh động hơn. Nói cách khác, tác phẩm có tính phổ quát (*universal*) hơn, gợi mở những phần thâm sâu trong các tầng ý thức của con người, và do đó, dân chủ hơn vì không một giai cấp nào có thể độc quyền thủ đắc. Họa sĩ không còn là một thứ thượng đế của cái thế giới do ông ta tạo dựng. Họa sĩ đã bước xuống cuộc đời, hòa nhập vào đám đông, trở nên một thành tố, góp phần tạo ra vóc dáng đa tạp của thời đại.

Tôi yêu hội họa trừu tượng vì thế.

Phòng tranh của họa sĩ Lâm Triết, như báo chí đưa tin, là một phòng tranh trừu tượng. Trừu tượng. Chỉ hai chữ đó cũng đủ làm lòng tôi nao nao.

Nhưng cũng buổi chiều hôm nay, điện thoại reo. Tiếng Lâm Triết:

- Tôi đang ở phòng triển lãm, đến chơi.

- Xong tất cả rồi à? Để ngày mai đi, ngày mai khai mạc, đông vui, coi mới thú.

- Ngày mai dẹp rồi, đến để coi bốn bức tường ấy à?

- Cái gì?

- Ban tổ chức không muốn bị phiền nhiễu, đã hủy cuộc triển lãm.

Tôi lặng người. Một cảm giác nghèn nghẹn trào lên cổ. Thế này là thế nào? Nhiều năm âm thầm một mình với cọ sơn, nhiều trở ngại phải vượt qua để mang những đứa con tinh thần này vượt nửa vòng trái đất đến đây, nhiều ngày chuẩn bị: căng tranh, đóng khung, in thiệp mời, in catalogue, đăng báo quảng cáo... để cuối cùng gần bốn mươi tác phẩm đã nằm yên vị trên tường. Chỉ còn sáng mai mở cửa, giới thiệu với khách thưởng ngoạn những nỗ lực, những tâm huyết, những vọng âm thầm lặng nhưng sinh động của một tâm hồn. Thích hay không thích, khen hay chê, việc đó dành cho người thưởng ngoạn. Ông ta, cái kẻ đã khai sinh ra những tác phẩm nghệ thuật kia đã làm xong nhiệm vụ của mình, và ông ta xoa tay hài lòng. Vui chứ, những cái bắt tay, vui chứ những tiếng cười, vui chứ, những khuôn mặt bằng hữu thân quen, vui chứ những suối tóc dài, những mái đầu bạc trước một không gian, một tư duy đã được thu tóm trên mặt bố. Tôi nghĩ ông ta chẳng mong ước gì hơn. Những niềm vui tinh thần kia, tuy khiêm nhường, nhưng đối với nghệ sĩ là cả một ân sủng lớn lao. Hội họa, nói riêng, mọi ngành nghệ thuật khác, nói chung, chẳng phải để mang đến cho đời những giây phút rạng rỡ kia sao? Và ông ta, không xứng đáng để tiếp nhận cái phần thưởng cao khiết kia sao?

Thế mà phòng tranh đã không thể mở cửa. Thế mà những tác phẩm sắp phải gỡ xuống, tách rời khỏi khung gỗ, cuốn lại, để rồi mai đây sẽ nằm cô đơn ở một xó góc nào đó trong căn phòng bừa bộn sơn cọ trên cái đất nước ông ta đã ra đi, đã trở về, đã sống và làm việc. Tôi hình dung người đàn ông đó, Lâm Triết, ngồi trong lòng phi cơ trên tầng cao ba mươi ngàn bộ nhìn xuống cảnh thổ bên dưới, những cảnh thổ tù túng chật hẹp đang lao xao bao nhiêu triền phược của cuộc đời, người đàn ông đó sẽ nghĩ gì về mối tương quan đầy bất trắc giữa nghệ thuật và danh lợi của những sinh vật người trong *cõi nhân gian bé tí* dưới kia? Về cái được cái mất quá đỗi tầm thường mà con người mải miết chụp bắt vô vọng? Ông ta nên cười hay nên khóc, nên buồn hay nên vui, nên tiếp tục cầm cây cọ hay vất nó vào vũng sình nào đó, và quên đi, quên hết, để cam phận với cuộc sống bình thường, tách rời hẳn cái thế giới bon chen đầy ganh ghét tị hiềm, đầy man trá đãi bợm được phủ che dưới tấm áo nhung mỹ miều mang tên *nghệ thuật*?

Khóc, có thể không, nhưng chắc chắn chẳng thể cười nổi. Và buồn, tất nhiên!

Buồn thật. Suốt tuần nay, mỗi lần nghĩ đến phòng tranh của họa sĩ Lâm Triết và dư luận chung quanh các bài phỏng vấn vài họa sĩ - vốn là bè bạn cùng thời với anh - trên một tờ báo tại quận Cam - tôi đã không giấu được bực dọc. Hơn một lần tôi gọi điện thoại cho nhiều bằng hữu hằng quan tâm đến sinh hoạt tạo hình hải ngoại bộc lộ nỗi bực dọc này. Tất cả đều chia sẻ với tôi, rằng nghệ thuật đang bị cưỡng dâm thô bạo bởi lòng đố kỵ. Tôi nhấn mạnh, lòng đố kỵ, chứ không phải chính kiến, lập trường như nhiều người lầm tưởng hay cố tình đồng hóa với, cho ra vẻ "chính nghĩa". Bởi vì, cái gọi là "dư luận phản đối" đều chỉ xuất phát từ vài đồng nghiệp của Lâm Triết.

Các đồng nghiệp này, hầu hết những ai từng sinh hoạt trong lãnh vực tạo hình, đều biết họ là ai, lập trường họ thế nào, bản chất, cá tính họ ra sao. Tôi vẫn thường nghĩ, trong chừng mực nào đó, lòng đố kỵ cũng cần thiết như một chất xúc tác, một lực đẩy. Nhưng lòng đố kỵ - được hiểu dưới dạng thức trong sáng hơn: óc tranh đua - chỉ nên sử dụng vào nỗ lực hoàn thiện tác phẩm của mình, chứ không phải để biến nó thành một thứ rào cản nhằm ngăn trở bước chân người khác. Một nghệ sĩ, trước tiên và cuối cùng, phải là kẻ có tấm lòng đủ rộng, trái tim đủ nhạy để dung chứa và yêu thương cuộc đời. Bằng không, sẽ quẩn quanh mãi trong vòng phấn bon chen nhỏ mọn, sẽ tự thui chột dần mòn khả năng sáng tạo, và đáng thương hơn, sẽ đẩy chính mình vào thế giới cô đơn của loài ốc ma vị kỷ, chỉ biết có mình và quyền lợi tiếng tăm của mình, quên hết mọi tương quan đạo đức giữa con người với con người, nhất là giữa những con người đang cùng chung một nghiệp dĩ.

Nỗi bực dọc của tôi cùng giới yêu hội họa tưởng sẽ qua, tưởng sẽ chỉ là hòn đá nhỏ trên đường đi ta không may vấp phải. Thế nhưng chiều nay, qua cú điện thoại của Lâm Triết, tôi bàng hoàng nhận ra nó đã trở thành một biến cố, một sự kiện. Cái biến cố và sự kiện nghìn lần không nên có, không thể có. Cái biến cố và sự kiện làm cho chúng ta vừa buồn vừa tủi hổ. Trong lịch sử nghệ thuật nhân loại, có lẽ lần đầu tiên một phòng tranh không thể mở cửa chỉ vì một nguyên nhân hết sức khôi hài, nhỏ nhen!

Trong căn phòng rộng của hội VAALA, chung quanh bốn bức tường treo kín tranh, nhìn vẻ mặt Lâm Triết, hít thở thứ không khí lạnh lẽo của một phòng triển lãm vắng khách, tôi liên tưởng đến cái lạnh lẽo của một nghĩa trang. Thế giới nghệ thuật một lần nữa đang hấp hối, như đã từng hấp hối nhiều năm nay, do sự thờ ơ của quần chúng. Quần chúng, kẻ thưởng ngoạn, từ lâu đã không còn tha thiết bước chân đến các phòng trưng bày, họ đã gần như quên hẳn rằng cộng đồng Việt Nam hải ngoại cũng có một nền hội họa và cũng có những người làm hội họa. Họ đáng trách chăng? Hay tại ta không đóng nổi vai trò của kẻ sáng tạo? Trên mặt báo này, tôi từng bỏ tâm huyết thực hiện một số chủ đề về hội họa Việt Nam bằng tất cả tấm lòng yêu thương trân trọng, với hy vọng, trong muôn một, góp phần vực dậy một con bệnh đã quá đổi suy kiệt. Cũng trên mặt báo này tôi từng âu lo vì sự mòn rỗng trong phần lớn những tác phẩm của những người sáng tác không-chịu-trưởng-thành. Đó là hậu quả đáng buồn của thứ tinh thần vị kỷ, cục bộ, phe nhóm hạn hẹp. Khác với văn chương, thi ca, âm nhạc... nghệ thuật tạo hình là tiếng nói trực tiếp và cụ thể nhất. Trên diện tích nhỏ nhoi của mặt bố, anh là thiên tài kiệt xuất hay chỉ là một nghệ nhân thủ công, khách thưởng ngoạn sẽ thấy ngay. Cũng trên mặt bố, tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của anh sẽ phơi bày không thể che giấu. Tôi tự hỏi, những bức tranh đang vây bọc quanh tôi, những bức tranh trừu tượng, gồm sự kết hợp theo một qui luật rất riêng của Lâm Triết, về màu sắc, đường nét và bố cục này có liên hệ gì đến chính trị? Lâm Triết đang sống ở Việt Nam hay Mỹ, Lâm Triết từng triển lãm ở Sài Gòn hay

California, điều đó có liên quan gì đến chính trị? Ông Hồ Thành Đức - một trong những "đồng nghiệp" của Lâm Triết từng tạo ra dư luận chống đối - tuyên bố: *"Triển lãm nơi này, không triển lãm chỗ kia, cũng là một chọn lựa chính trị"*, và khi bày tỏ ý kiến về cuộc triển lãm dự trù của các họa sĩ Việt Nam trong nước có thể được viện bảo tàng Orange tổ chức, ông khẳng định một cách đanh thép: *"... nếu có tranh Cộng Sản, dù là của họa sĩ bỏ Đảng rồi cũng không được" (Diễn Đàn* - Cali - số 175*)*. Câu tuyên bố làm tôi kinh ngạc đến sững sờ, trí nhớ ông không tốt hay tại nguyên nhân nào khác, khiến ông quên chỉ mới vài tháng trước ông rất lấy làm hãnh diện được tham dự triển lãm "Đại Dương Xa Cách" (*An Ocean Apart*) do *Smithsonian* bảo trợ. Triển lãm này gồm rất đông họa sĩ nội địa, lại là những họa sĩ có Đảng tịch, chính thức đại diện cho Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mang chuông đi đánh xứ người. Thế là thế nào? Chỉ riêng ông có thể chọn lựa bất cứ nơi nào, với ai để phô diễn tài năng mình mà vẫn không dính gì đến chính trị, còn người khác thì không?

Ông Hồ Thành Đức cách đây bốn năm, lúc còn ở quê nhà, là một họa sĩ thành công nhất trong lãnh vực tài chánh, tranh ông được nhiều người mua, không phải từng tấm, mà hàng loạt. Những ai từng quen biết ông, hoặc Việt kiều từng vãng lai Việt Nam, đều đã nghe ông nói nhiều về phẩm chất nghệ thuật của tranh sơn mài Hồ Thành Đức. Tôi cũng nghe, và tin. Nhưng sau khi ông đến Mỹ, trong một bài phỏng vấn của tạp chí *Thế Kỷ 21*, ông tâm sự: tại Việt Nam, Cộng Sản đã không cho phép ông làm nghệ thuật "đàng hoàng", vì thế ông chỉ làm thương mại. Tôi lại nghe, hơi lấn cấn một chút nhưng vẫn tin. Cũng như tôi còn tiếp tục tin khi ông phấn khởi tuyên bố tiếp: bây giờ được hít thở không khí tự do, ông sẽ tha hồ sáng tác. Cảm động quá. Một họa sĩ bị chế độ o ép đến phải chôn vùi tài năng để xoay qua làm tiền, nay trở lại với nghệ thuật, quả may mắn cho người thưởng ngoạn. Tôi thất thỏm chờ đợi. Thế nhưng sau bốn năm, lạ nhỉ, cũng những bức tranh từng sao đi chép lại nhiều lần (những tác phẩm này, theo tinh thần của các câu trả lời trong bài phỏng vấn dẫn trên, là những món hàng không "đàng hoàng", chỉ có tính chất thương mại!), nay tiếp tục được... chép lại lần nữa, chưa thấy có sáng tạo nào mới cả. Phải giải thích cách nào đây? Ngày trước, vì bị o ép chính trị, ông không sáng tác được, đành phải đi làm tiền. Đúng. Nay có lẽ do choáng ngợp trước không khí tự do - như người bị giam lâu trong bóng tối, nhất thời cảm thấy chóa mắt trước ánh sáng trong lành của mặt trời - ông chưa lấy lại đủ sự quân bình cần thiết. Cũng đúng nữa. Thôi thì chúng ta hãy kiên nhẫn chờ. Bốn năm, có là bao. Những tác phẩm lớn không thể một sớm một chiều ra đời ngay được. Sự bùng nổ của thiên tài luôn luôn là một bất ngờ ngoạn mục.

Tóm lại, cái gì ông Hồ Thành Đức nói tôi cũng tin hết, dù nếu với một đầu óc không lấy gì làm thông minh cho lắm, cũng sẽ thấy ông ấy là người thích tuyên bố và tuyên bố tùy thích, có khi lời trước làm đỏ mặt lời sau, ý hôm qua

cù vào nách ý hôm nay. Nghệ sĩ mà. Nghệ sĩ như con trẻ. Từ xa xưa người ta vẫn âu yếm nói thế.

Chỉ một điều duy nhất, xin ông Hồ Thành Đức hãy tránh xa hai chữ "chính trị". Vì nếu ông cứ dùng nó tuyên bố lung tung, thì rồi sẽ có lúc ông kẹt cứng. Ví dụ có người cắc cớ hỏi ông: Ông Lâm Triết *triển lãm nơi này, không triển lãm chỗ kia cũng là một chọn lựa chính trị*. Còn ông, phản đối Cộng Sản triển lãm ở Mỹ, *kể cả Cộng Sản đã bỏ Đảng*, nhưng lại rất vui vẻ tham dự nếu ông cũng được mời là thái độ gì? Nghệ thuật hay chính trị? Trả lời cách nào bây giờ?

Ấy là tôi chưa nói đến những lập luận khác của ông. Những lập luận, nếu lấy ngôn ngữ nghệ thuật - và chỉ nghệ thuật thôi - làm tiêu chuẩn, thì nó kỳ quái, ngây ngô và mâu thuẫn đến độ khó tin. Trước: *"Bây giờ được hít thở không khí tự do, tha hồ sáng tác"*, Nay: *"Đi làm vất vả suốt ngày, làm gì có thanh bình để vẽ."* (Diễn biến này có thể hiểu được, dù ông HTĐ đang hoạt động hội họa tại gia toàn thời gian, chưa phải kiếm cơm bằng nghề nào khác). Lâm Triết: *"... trở về được nhìn lại quê hương, thấy cảnh làng xóm khiến tôi xúc động (...) Có lẽ đó là động lực chính thúc đẩy tôi vẽ lại"*. HTĐ: *"Tôi không đồng ý với Lâm Triết (...) ở Mỹ thiếu gì cảnh đẹp để vẽ...* (Mâu thuẩn với những lời bên trên rồi! Chưa kể cảnh trạng của nội tâm, tác động của môi trường, và chưa kể các ông đâu phải họa sĩ chuyên vẽ phong cảnh kiểu xanh xanh đỏ đỏ bày bán nhan nhản trong cái tiệm tạp hóa?). Và: *"Khi nào dùng màu xanh, lúc nào dùng màu trắng, đó cũng là chính trị rồi"*. (Trời ạ! Dù một người hoàn toàn mù tịt về hội họa, có lẽ cũng khó mà tin lời phát biểu ngây ngô này là của một họa sĩ!)

Ông Hồ Thành Đức quả có làm tôi sững sờ, nhưng sự sững sờ chỉ như một cơn mưa bóng mây. Đã hiểu ông ấy thích tuyên bố và tuyên bố tùy thích, thì chả ai nỡ trách làm gì. Biết đâu mai mốt ông về tới Việt Nam, anh em đồng nghiệp ở quê nhà lại nghe ông hồ hởi theo một chiều hướng khác. Cũng vui thôi. Hiềm một nỗi, trong số những người chống đối quyết liệt nhất, lại có tên những vị từ xưa đến nay vẫn được tiếng khôn ngoan, chín chắn, ví dụ họa sĩ Ngô Bảo, họa sĩ Nguyên Khai, và một họa sĩ trẻ sống lâu năm ở nước Mỹ, đến nỗi tiếng Việt không được rành cho lắm, thế mà lạ quá, vẫn có vẻ như không hấp thụ nổi tư tưởng tự do dân chủ của cái xứ sở đã từng nuôi nấng dạy dỗ anh: họa sĩ Nguyễn Việt.

Ông Ngô Bảo nghĩ rằng, *suốt cả cuộc đời, tôi đã chứng kiến những biến đổi thời cuộc do các thế lực chính trị tạo ra. Đất nước tôi phì nhiêu phong phú mà dân tộc tôi lại bị đói khổ, biến thành một trong vài nước nghèo nhất thế giới, đó là điều bất hạnh cho thế hệ chúng tôi và tiếp theo nhiều thế hệ sau nữa. Do đó tôi không muốn bị lôi kéo vào một trò chơi chính trị nào cả. Tôi muốn nghệ thuật mà tôi theo đuổi được phục vụ cho con người chân thiện, cho cái đẹp của thiên nhiên không ô nhiễm mà tôi cho là chức năng của người nghệ sĩ, tôi cũng cầu mong cho các đồng nghiệp của tôi ở trong nước có đủ phương*

tiện và tự do, để có thể sáng tác theo lương tâm và ý nguyện của mình.

Hội họa là một phương cách truyền thông, một ngôn ngữ không biên giới. Vẽ tranh thì dễ, thực hiện được một tác phẩm đẹp thì khó hơn nhưng nếu cái đẹp không có tư tưởng chân, thiện để phục vụ con người, có được tự do nhân bản, môi sinh thiên nhiên trong sạch thì thật đáng tiếc...

Những lời này tôi đọc được trong tuần báo *Diễn Đàn* số 174 phát hành tại quận Cam ngày 4.6.1993, dưới tiêu đề *Hội Họa Trong Đời Sống Chính Trị*, để bày tỏ quan điểm của ông nhân cuộc triển lãm lưu động sắp khai mạc vào thời gian tới trên 50 tiểu bang của nước Mỹ trong vòng ba năm, có tên "Đại Dương Xa Cách" (*An Ocean Apart*). Cuộc triển lãm gồm 10 họa sĩ Việt Nam hải ngoại và nhiều họa sĩ đang sống trong nước, do *Smithsonian* tổ chức. Cũng theo lời ông Ngô Bảo, hoạt động nghệ thuật này không có bàn tay thô nhám của chính trị thò vào, vì theo thăm dò của ông, *sau khi nhận được danh sách các họa sĩ trong nước và các đề tài tác phẩm, tôi an tâm...* (*Diễn Đàn*, dẫn trên). Với tư cách của một người tương đối có chút hiểu biết về hội họa, tôi hơi lo, bởi nếu chỉ đọc nhan đề đã hiểu rõ nội dung, tôi nghĩ, ông Ngô Bảo quá tự tin ở giác quan bén nhạy của mình. Tôi có một kinh nghiệm, xin kể ông nghe. Có lần tại miền Trung tôi đi xem triển lãm tập thể. Khi đọc nhan đề *Trên Đê* của một bức tranh trong catalogue, tôi hình dung ngay đến nội dung tác phẩm, ắt hẳn phải rất thơ mộng, nào sông nước bao la, nào đồng lúa ngút ngàn , nào những thôn nữ với quang gánh thoăn thoắt trên đường đê giữa lòng trời chiều ửng đỏ... Đến lúc đối diện với bức tranh, tôi mới thấy sự bén nhạy của mình còn cạn lắm. Thì cũng có đê, có sông, có đồng lúa, chỉ khác chút đỉnh, và chính cái "chút đỉnh" này mới là trọng tâm của tác phẩm: Một mảng đê lớn bị vỡ, nước tràn vào ruộng như thác, bên cạnh, một máy bay B52 còn ngun ngút lửa khói, trên mặt đê, các dân quân với súng trên vai, đang hồ hởi chữa đê. Nội dung bức tranh thật "tuyệt", vừa nói được cùng lúc hai yếu tố tương phản: tính phá hoại của "đế quốc Mỹ" và tinh thần chiến đấu kiên cường của "nhân dân ta". Đấy, một nhan đề thơ mộng, hiền hòa, không hẳn mang nội dung tương tự.

Đơn cử ví dụ trên, tôi cốt muốn hỏi họa sĩ Ngô Bảo: sự "hợp tác" của ông với các đồng nghiệp trong nước coi bộ khá dễ dàng, nghĩa là chỉ cần xem nhan đề, ông đã *an tâm*. Vậy mà phòng tranh Lâm Triết ông từng thấy tận mắt, gồm trên dưới bốn mươi bức, chỉ xoay quanh những đề tài hết sức hiền hòa, nhẹ nhàng, và được thể hiện qua phong cách trừu tượng, lại bị ông phản đối. Tại sao?

Họa sĩ Nguyên Khai, như anh em trong giới từng biết, rất ít giao du tiếp xúc với bên ngoài. Chính vì thế ông mãi dậm chân tại chỗ, lập trường chính trị của ông là thứ lập trường của những thập niên năm mươi, sáu mươi còn kéo dài mãi tận ngày nay. Cũng không sao. Ông có quyền tự do của ông, ông có quyền đứng, đi, hay nằm ngủ với thời cuộc, không ai cấm được. Tôi tôn trọng tư thế ngủ ngày của ông. Nhưng về chuyện phản đối phòng tranh Lâm

Triết thì hình như ông không được công bình cho lắm. Đối với cuộc triển lãm "Nhìn Từ Hai Phía" (*As Seen By Both Sides*) do một họa sĩ Mỹ - Davis Thomas - tổ chức, gồm 20 tác giả Mỹ và 20 tác giả Việt Nam đa số ở trong nước, thì ông cực lực phản đối, bởi theo ông họ *đã vẽ theo đường lối và chính sách của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam hiện tại*, cho nên "người ta" *phản đối là đúng (Diễn Đàn* số 173, ngày 30.5.1993*),* Thế mà, khi được mời tham dự cuộc triển lãm "Đại Dương Xa Cách" (*An Ocean Apart*), cũng do một tổ chức Mỹ, và cũng có sự tham dự của nhiều họa sĩ Việt Nam quốc nội, ông lại *hồ hởi* hưởng ứng. Thế này là thế nào? Những cá nhân hoặc hội đoàn đứng ra tổ chức hai cuộc triển lãm kia đều có thiện chí cả, đều muốn dùng nghệ thuật để hàn gắn vết thương do chiến tranh và hận thù gây ra, mãi đến nay vẫn còn làm nhức nhối cho cả hai dân tộc. Lẽ ra, với trái tim nhạy cảm của một nghệ sĩ, ông phải thấy được cái tinh thần nhân bản và ý hướng hòa bình của họ chứ, và phải hết lòng tán dương chứ. Ước mơ của nghệ sĩ há chẳng phải mang hoa dâng tặng cho đời ư? Sao ông lại bên trọng bên khinh? Phải chăng cuộc triển lãm "Nhìn Từ Hai Phía" (*As Seen By Both Sides*) không có sự góp mặt của ông nên tất nhiên *nội dung triển lãm này không thuần túy nghệ thuật, hay ít nhất là chỉ sử dụng nghệ thuật để tuyên truyền sai lạc (Diễn Đàn* số 173, đã dẫn*)*. Ngược lại, triển lãm "Đại Dương Xa Cách" (*An Ocean Apart*), ông có góp mặt, thành ra nó... phi chính trị? Phản ứng thuần cảm tính và cá nhân chủ nghĩa như thế, cũng... được thôi. Nghệ sĩ mà. Đừng bao giờ bắt nghệ sĩ phải dùng đến cái đầu. Tôi thông cảm lắm với ông. Tuy nhiên, dù thông cảm cách nào chăng nữa, tôi vẫn không thể hiểu nổi tại sao ông lại chống đối Lâm Triết, bởi vì, thứ nhất, ông là bằng hữu cùng hội cùng nghề với Lâm Triết dễ chừng cũng trên dưới ba mươi năm, ông ấy là ai, làm gì, nghĩ gì, lập trường ra sao, hẳn ông thừa hiểu. Thứ hai, Lâm Triết triển lãm với tư cách cá nhân, chẳng có "kẻ địch" nào bày tranh chung với ông ấy, nếu dựa vào lý do Lâm Triết về Việt Nam, sống ở đó và sáng tác ở đó là "thỏa hiệp với địch" thì tôi e nó khôi hài quá. Tôi nghĩ một người như ông chẳng bao giờ "ngây ngô" đến thế. Vậy, tại sao?

Họa sĩ Nguyễn Việt. Ông này thì hơi khó hiểu. Trước đây vài ba năm ông không giao tiếp với cộng đồng Việt Nam. Theo ông "*người Việt Nam... kỳ lắm*". Vì ông không thể diễn tả tư tưởng bằng tiếng Việt một cách minh bạch, nên tôi không tiện hỏi "kỳ" là "kỳ" thế nào. Chỉ đơn cử ra đây một ví dụ, để thấy, tuy ông chỉ sống với người bản xứ, nhưng hành động của ông cũng... "kỳ" không kém nhận xét của ông về "người Việt Nam": Với những bức tranh này, năm 1991, chính ông đã đứng ra tổ chức triển lãm cho Lâm Triết tại Gallery của ông ở Burbank, thế mà bây giờ cũng chính những bức tranh này lại biến thành "có ý đồ chính trị"! Chưa kể, trước ngày dự định khai mạc phòng tranh Lâm Triết, ông Nguyễn Việt gọi điện thoại cho nhiều người, trong số này có một phụ nữ Mỹ, bà Mimi, vốn là bạn và rất yêu tranh Lâm Triết, "warning": *Đừng đến dự triển lãm, vì hậu quả khó lường, nguy hiểm*

lắm. Tôi tự hỏi, một người bình thường thôi, chưa chắc đã chịu làm một hành động "kỳ" như thế, huống chi ông là một nghệ sĩ, lại lớn lên và được học hỏi tại đây! Nhưng lý do nào khiến ông chống phá cuộc triển lãm của Lâm Triết?

Ba câu hỏi tôi vừa đặt ra cho ba ông Ngô Bảo, Nguyên Khai và Nguyễn Việt cùng có chung nội dung: tại sao các ông dùng mọi thủ đoạn, kể cả thủ đoạn hạ đẳng nhất là chụp mũ Cộng Sản lên đầu Lâm Triết, cốt tạo áp lực và dư luận lệch lạc trong ban quản trị hội VAALA để đạt đến mục đích sau cùng: hủy bỏ cuộc triển lãm?

Để trả lời câu hỏi này, cần đi ngược thời gian một chút.

Trong *Triển Lãm Mùa Xuân 1993* tại phòng sinh hoạt VAALA của hơn ba mươi họa sĩ VIệt Nam hải ngoại , ông Peter C. Keller, giám đốc viện bảo tàng Bowers Museum tại thành phố Orange có đến xem và ngỏ ý ban quản trị hội VAALA hợp tác với ông mở một triển lãm dành riêng cho các họa sĩ Việt Nam tại viện bảo tàng của ông (Tin này đã được loan trên nguyệt san *Thế Kỷ 21*). Thời gian qua đi, hội viên và các họa sĩ ngoài hội có mặt trong *Triển Lãm Mùa Xuân* không ai nghe tin tức gì thêm. Tình cờ mới đây Lâm Triết tiếp xúc với Keller để xin mở một triển lãm cho cá nhân ông, Keller nói triểm lãm cá nhân thì không được, tôi (Keller) từng đến Việt Nam, và biết họa sĩ Việt Nam nhiều người rất có tài, vậy ông (Lâm Triết) khi trở về nước có thể kêu gọi thêm nhiều tác giả khác nữa, lập thành một nhóm, chừng đó viện bảo tàng sẽ lo hết mọi thủ tục để cuộc triển lãm thành hình. Lâm Triết hoàn toàn không ngờ cũng trong thời điểm này bốn ông Ngô Bảo, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức và Nguyễn Việt đang xin trưng bày tranh tại đây, dưới danh nghĩa hội VAALA, nhưng viện bảo tàng chưa chấp thuận vì lúc trước, theo gợi ý của ông Keller, cuộc triển lãm sẽ gồm đông đủ các họa sĩ , nay, chỉ có bốn người, chưa tiêu biểuđược cho tiếng nói nghệ thuật của một cộng đồng lớn như Việt Nam. Sau đó tin Lâm Triết gặp Keller đến tai Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Ngô Bảo, Nguyễn Việt, và đồng thời lúc bấy giờ các anh em họa sĩ khác mới biết bốn ông đã mượn danh nghĩa của hội VAALA để xé lẻ đi đêm với Keller (trên nguyên tắc, ông Ngô Bảo là Chairman của hội, và ông Nguyên Khai là Trưởng Ban Mỹ Thuật, lẽ ra những hoạt động có tính tập thể như thế phải được các ông trình bày với anh em hội viên, đồng thời kêu gọi mọi người cùng tham dự). Trong lúc các họa sĩ hội viên VAALA chưa lên tiếng về chuyện thiếu ngay thẳng của bốn ông thì chính bốn ông, có lẽ cho rằng vì Lâm Triết bàn ra tán vào thế nào đó, khiến Keller không chấp thuận cho các ông triển lãm tại Bowers Museum. Thế là mỗi người một kiểu, cả bốn nhất loạt lên án Lâm Triết. Rằng Lâm Triết có "ý đồ chính trị", rằng chủ đề *Từ Cõi An Bình* (sau này đổi thành *Sau Cơn Giông*) của cuộc triển lãm cũng đủ nói lên "âm mưu" ca tụng chế độ CS của họ Lâm* v.v và v.v...

Kinh khủng quá! Ngày hôm qua đang là bằng hữu thâm giao, cùng bày tranh chung, cùng cho mượn chỗ để triển lãm, ngày hôm nay chỉ vì một nguyên nhân nho nhỏ, đã trở thành "địch".

Một sự kiện khiến mọi người ngạc nhiên hơn nữa là cả bốn ông đều có tên trong cuộc triển lãm chung với các họa sĩ bên nhà do *Smithsonian* tổ chức. Nghĩa là các ông từng hợp tác với "địch"trước hơn ai hết! Dù vô tâm cách mấy, kẻ biết chuyện cũng phải lắc đầu ngao ngán trước tinh thần vị kỷ cao độ của các ông: cái gì làm cho tên tuổi ta thơm thêm một tí, ta làm. Cái gì người khác làm mà ta không có phần, ta phá. Một trong những cách phá hiệu quả nhất, và "chính nghĩa" nhất: mặc lên sự kiện một lớp áo chính trị!

Nhân tiện,tôi xin lưu ý để bốn ông "chuẩn bị tinh thần": mới đây tại San Jose và Minnesota, triển lãm lưu động *Nhìn Từ Hai Phía* (*As Seen By Both Sides*) đã bị các hội đoàn chống Cộng hăm dọa... ném đá, khiến những người tổ chức đành phải hủy bỏ, *move* đến nơi khác. Ngày hôm nay các ông chống Lâm Triết, vài tháng nữa "người ta" phản đối, các ông phải trả lời thế nào? Và trong lương tâm của các ông, không thấy có gì lấn cấn sao? Càng nghĩ, tôi càng buồn. Các ông là những họa sĩ tài năng**, hãy đem tài năng đó củng cố tay nghề, sao cho mọi người nể phục và công nhận. Như vậy không tốt hơn sao? Họa sĩ Lê Bá Đảng, điêu khắc gia Điềm Phùng Thị từng mang tranh tượng về triển lãm tại Việt Nam, sao chẳng thấy có ai bảo các vị này là Cộng Sản hoặc thiên Cộng? Từ đó suy ra, những tài năng lớn, và lớn thật, bao giờ cũng vượt trên những tranh chấp lèng èng. Khi họ biết họ có tài, và tự tin ở tài năng mình, thì những chiêu bài có tính cách giai đoạn như tả, hữu, Quốc Gia, Cộng Sản v.v... chẳng bao giờ làm họ quan tâm, và cũng chả bao giờ làm họ "bẩn" đi hoặc "sạch" ra. Chung qui chỉ vì một chỗ treo tranh. Chưabiết các ông có bán được bức nào không, cũng chưa biết, nhờ đó, tiếng tăm của các ông có tăng thêm chút đỉnh nào chăng. Chỉ biết, các ông đang tự mình bôi đen nhân phẩm của giới họa sĩ.

Đấy, cái mặt trái của biến cố. Lẽ ra tôi không nên vạch trần làm gì. Xấu người mà mình cũng chẳng vẻ vang gì. Nhưng biết làm cách nào bây giờ? Có những sự thật sớm muộn sẽ phải phơi bày ra ánh sáng. Nói như một người biết rõ những diễn biến thuộc hàng "thâm cung bí sử" chung quanh cuộc triển lãm Lâm Triết: cây kim đã trồi khỏi bọc, phải lôi ra, ném đi, nếu không nó sẽ làm chảy máu nhiều người. Tôi viết bài này trong tinh thần đó.

Tôi biết lần này tôi sẽ lại mất thêm một số bạn bè, như đã mất khi làm Hợp Lưu. Đành vậy.

*

Chính trị, chính trị, chính trị... Mười tám năm nay ta lặp đi lặp lại hai chữ này trên đầu môi. Mười tám năm nay việc làm gì của ta, của người, cũng đều bị hai chữ này chi phối. Viết một câu văn, làm một bài thơ, vẽ một bức tranh, cũng phải tìm cách tránh cho xa những gì có liên quan đến chính trị. Hoặc nếu không tránh được, cũng phải lách cách nào đó cho tròn, kẻo không, sẽ trở thành con dê tế thần của dư luận hoặc tệ hơn nữa, trở thành nạn nhân

của bạo động. Sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu điều này xảy ra ở Việt Nam. Trong chế độ Cộng Sản con người bị đè bẹp dưới áp lực nặng nề của cả một guồng máy mà sự tồn tại của nó hoàn toàn dựa trên bạo lực. Nhưng ở đây, tại các quốc gia phương Tây, với truyền thống tự do dân chủ, tại sao não trạng của ta vẫn không thay đổi? Ám ảnh quá khứ đè quá nặng trong tâm tư ta? Hay đó là bản chất của người Việt Nam, kể cả nghệ sĩ Việt Nam? Người Việt Nam, theo nhận xét của "ngoại nhân", hễ cứ có ba người ngồi chung với nhau, là đã có tranh cãi, hơn thua. Nhận xét trên thật "ác", nhưng khổ nỗi lại đúng.

Tôi cũng là một người Việt Nam - Việt Nam trăm phần trăm - trích dẫn nhận xét trên, tôi cảm thấy xấu hổ và đau lòng lắm. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Chung quanh tôi cứ tái diễn mãi những trò kèn cựa chụp mũ rẻ tiền. Cái gì đụng chạm đến quyền lợi uy tín ta: địch. Cái gì không phù hợp với suy nghĩ ta: địch. Cái gì có vẻ vượt trội hơn ta: địch. Trong buổi chiều đến thăm Lâm Triết tại phòng-tranh-không-mở-cửa, tuy anh rất buồn nhưng cũng cố đùa: *Mình chẳng chính trị chính em gì, mình chỉ là một thằng họa sĩ, nhưng "bọn nó" cứ nhất định đẩy mình về phía Cộng Sản, điệu này không chừng mình dám thành Cộng Sản thật lắm.* Nói xong, anh cười, kèm theo cái lắc đầu đầy vẻ ngao ngán. Câu nói đùa của anh khiến tôi giật mình, bao lâu nay tôi không để ý, giờ nghĩ lại, thấy điều anh nói sao cay đắng quá. Thử nhớ lại xem, đã có bao nhiêu người, chỉ vì suy nghĩ và hành động khác với cái đám đông nhộn nhạo chung quanh, đã trở thành "kẻ địch" trong mắt nhìn họ. Bản thân tôi là một ví dụ điển hình. Ở hải ngoại, tôi là đứa "nối giáo cho giặc", trong nội địa, Hợp Lưu vừa phát hành chưa lâu, đã thấy nó nằm chễm chệ trên bàn làm việc của sở công an thành phố Sài Gòn, và những bạn bè văn nghệ của tôi, bị gọi lên, bị chất vấn: *Sao anh chuồn bài viết này ra ngoài cho... địch?* (lại địch, sao mà những kẻ cực đoan lại giống nhau đến thế!). Tôi thường tự hỏi mình đang đứng chỗ nào đây trong thời điểm mịt mù chân giả này? Đó là câu hỏi tôi tin bây giờ Lâm Triết cũng đang tự hỏi.

Chính trị. Hai chữ này chắc chắn sẽ còn làm nhiều người điêu đứng.

Và tệ hại nhất, hai chữ này sẽ còn bị những tâm hồn tối ám nhân danh, lợi dụng. Chỉ vì giành giật với nhau một chút danh hờ, hai trong bốn ông họa sĩ kia đã quên hết giao tình thắm thiết mấy mươi năm, từ thuở còn đứng chung với nhau trong *Hội Họa Sĩ Trẻ*, nhẫn tâm tròng vào đầu đồng nghiệp của mình một vòng gai nhọn. Chỉ vì giành giật với nhau một chút danh hờ, một họa sĩ đã bước qua lứa tuổi "lục thập" từ lâu, bỗng dưng tự mình bôi đen uy tín của mình. Và cũng chỉ vì giành giật với nhau một chút danh hờ, một người trẻ tuổi được đào tạo, trưởng thành trong thế giới tự do, tự nhiên đâm say sưa với trò chụp mũ rẻ tiền!

Cuộc triển lãm không khai mạc được như dự tính là một đáng tiếc và tủi nhục lớn cho giới làm nghệ thuật nói riêng, người Việt ngoài nước nói chung.

Nhưng xét cho cùng mọi điều rồi cũng sẽ qua đi, sẽ chìm vào lãng quên.

Duy cái còn lại: vết chàm các anh tự khắc lên trán mình, tôi nghĩ, thật khó mà tẩy xóa.

*

Nhớ một lần có người bạn hỏi tôi: Thử ví dụ phải bỏ tất cả, chỉ giữ lại một cái duy nhất, anh sẽ giữ cái gì? Tôi trả lời không ngần ngừ: Hội Họa. Vâng. Hội họa. Trong đời, cái tôi yêu nhất là hội họa, và những con người tôi quý trọng kính nể nhất là những họa sĩ. Hội họa, những tác phẩm, kẻ làm ra nó, tất cả đối với tôi là một cái gì có tính cách tôn giáo. Càng thấy tài năng mình không ra gì, càng hiểu tác phẩm của mình tồi, càng nỗ lực một cách tuyệt vọng trước thế giới của màu sắc, tôi càng thấy sự nhiệm màu của thứ tôn giáo này. Thứ tôn giáo này, khi bước vào ngôi đền của nó, nếu anh không tước bỏ được lòng đố kỵ hẹp hòi, anh sẽ mãi mãi chỉ là kẻ ngoại đạo, cho dù, suốt cuộc đời anh ăn nằm với cọ sơn, khung bố, cho dù anh đã bán được nhiều tranh, cho dù tên tuổi anh đã được nhiều người nhắc đến. Tất cả chỉ là mặt nổi, mặt giả. Và cái giả rồi sớm muộn cũng bị thời gian đào thải. Hãy yêu con người như yêu chính bản thân anh, hãy yêu nghệ thuật như một phần thịt xương anh, hãy yêu sự nỗ lực của người khác như nỗ lực của chính anh.

Chỉ trên tinh thần đó, và trong tinh thần đó, anh mới xứng đáng là một họa sĩ.

Cuối cùng, với tư cách một người thưởng ngoạn, tôi mong các anh hãy để tôi, chúng tôi, còn tiếp tục coi các anh là những đấng thừa sai linh thiêng của một thứ tôn giáo linh thiêng: hội họa.

KHÁNH TRƯỜNG

---

* Ông Ngô Bảo mỉa mai: *"Đề tài cuộc triển lãm lại mơ hồ: "Từ Cõi An Bình". Cõi an bình nào và ở đâu thì không nói rõ, cho nên Lâm Triết khi ở trong nước có thể nói là: Khi trở về quê hương anh thấy được sự an bình, nên anh có hứng khởi cao, say mê sáng tác như chưa bao giờ anh được như vậy. Nhà nước ôm lấy anh và tổ chức cho anh cuộc triển lãm lớn. Còn bây giờ, muốn cho dư luận thuận lợi tại Cali, Lâm Triết sẽ tổ chức một cuộc ăn nhậu, mời báo chí, truyền thanh, truyền hình lại rồi tuyên bố: Những tranh anh sáng tác để nhớ đến "Cõi An Bình Cali" vì anh trở về quê hương, anh thấy nơi đây..." (Diễn Đàn,* California số 173. Ngày 30.5.1993). Quái lạ! Bên trên, phần nói về ông Ngô Bảo tôi có trích một đoạn trong bài viết của ông. Qua đoạn này, chúng ta thấy một Ngô Bảo chín chắn, hiền hòa, đạt đạo, chỉ sống cho những giấc mơ cao đẹp của nghệ thuật và con người. Vậy mà, cũng từ ông, ta lại bị ngỡ ngàng bởi một chân dung Ngô Bảo khác, hoàn toàn bôi xóa không thương tiếc hình ảnh cũ: thiển cận, cực đoan, cay độc và nông nổi. Ông từng dạy hội họa, ông hiểu hơn ai hết ngôn ngữ của nghệ thuật nó huyền ảo, mênh mông, lồng lộng như vũ trụ, như núi non, như biển rộng sông dài. Sao ông nỡ bắt nghệ sĩ phải bó suy nghĩ của mình vào những ý đồ chính trị hạn hẹp? Hãy nhớ lại xem, tại Sài Gòn Lâm Triết đã có một cuộc triển lãm mang tên "Cõi Trầm Tư". Nếu diễn dịch theo cách của ông, thì Lâm Triết chắc chắn đã đi tù rồi: "Cõi Trầm Tư"! Anh đang sống trong một chế độ tốt tươi thế này, còn trầm tư, khắc khoải nỗi gì? Té ra, dù đang

sống ở một xứ sở tự do, dù từng là giáo sư hội họa, ông Ngô Bảo coi bộ còn độc tài phát xít hơn cả chính quyền trong nước! Nghĩ, tội nghiệp cho ông, tội nghiệp cho nền hội họa Việt Nam, và tội nghiệp cho chúng ta, những kẻ trót xem nghệ thuật là *cõi an bình* ít bất trắc nhất!

** Vì tôn trọng tài năng của các ông nên tôi và nhà văn Phan Tấn Hải đã đích thân mang tập bản thảo *Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại* gồm đủ tên tuổi của các ông đến nhà xuất bản Hồng Lĩnh, dùng "ba tấc lưỡi" thuyết phục họ nhận in tác phẩm. Vì tình thân, họ đã nhận lời, dù biết trong giai đoạn hiện tại, loại sách biên khảo in ra chỉ để chất đống trong kho. Khi tôi đang viết những dòng này, tập bản thảo đã được Phan Tấn Hải thức trắng nhiều đêm đánh máy (ban ngày anh ấy phải đi làm) vừa xong. Phần tôi, đang lay-out, sắp xếp tranh ảnh, làm bìa, cố hoàn tất sớm để mang đến nhà in cho kịp phát hành đầu tháng 7.1993. Vì yêu hội họa, vì thấy một công trình nghiêm túc cần phải được in ra, phổ biến rộng rãi, nên cả hai chúng tôi đều làm với tư cách tình nguyện, tuyệt đối không nhận một đồng thù lao nào của nhà xuất bản hoặc của tác giả (ông Huỳnh Hữu Ủy và nhà HL có thể xác nhận chuyện này). Tôi thật sự rất đau lòng khi thấy các ông đã hành sử không xứng hợp với tài năng của mình, nhưng tôi quan niệm: Giá trị của tác phẩm hoàn toàn có tính độc lập, không thể vì coi thường các ông, tôi lại phủ nhận tác phẩm.



DƯƠNG PHỤC thực hiện

hội họa trong đời sống chính trị*



LTS: *Dưới tiêu đề trên, tuần báo* Diễn Đàn *tại California, liên tiếp trong ba số đã thực hiện bốn cuộc phỏng vấn các họa sĩ liên quan trực tiếp đến "biến cố" về "phòng tranh không mở cửa"* Sau Cơn Dông *của họa sĩ Lâm Triết, cùng hai cuộc triển lãm khác có tên dưới đây:*

1. Nhìn Từ Hai Phía *(As Seen by Both Sides) do họa sĩ Davis Thomas tổ chức, đã triển lãm lưu động qua nhiều tiểu bang Hoa Kỳ trong hai năm vừa qua hiện vẫn còn tiếp tục.*

2. Cách Một Đại Dương *(An Ocean Apart) do viện* Smithsonian *tổ chức, cũng là một phòng tranh lưu động, dự định khai mạc ngày gần đây và luân chuyển trên toàn nước Mỹ trong vòng ba năm.*

Bốn bài phỏng vấn này do ký giả Dương Phục thực hiện. Hợp Lưu *xin phép tuần báo* Diễn Đàn *và ký giả Dương Phục trích đăng để... rộng đường dư luận!.*

Hợp Lưu

PHỎNG VẤN HỌA SĨ LÂM TRIẾT

HỎI: *Anh vừa triển lãm tại Sài Gòn tháng 3 vừa qua, lại sắp triển lãm tại Orange County, xin cho biết chi tiết việc tổ chức các buổi triển lãm này?*

ĐÁP: Cuộc triển lãm sắp tới tại phòng sinh hoạt Thế Kỷ 21, đang bàn với anh Lê Đình Điểu về chi tiết tổ chức, sẽ khai mạc ngày 12-6 sắp tới, một số tranh tôi sáng tác tại Việt Nam và một số tôi mới vẽ sau khi trở lại Hoa Kỳ. Hầu hết là tranh trừu tượng, khổ lớn. Đây là các bức tranh tôi ưng ý nhất, đã được vẽ sau năm 1990, là năm tôi bắt đầu vẽ lại được.

Buổi triển lãm này gồm 30 bức tranh vừa trừu tượng vừa hình thể, đề giá từ 1200 Mỹ kim đến 3000 Mỹ kim, 50% số tiền bán được tôi tặng cho Hội Cao Niên Santa Ana và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, là hai Hội đứng ra tổ chức. Bà Từ Dung, đại diện Hội Cao Niên cho biết buổi triển lãm sẽ có sự tham dự của các ông Chuck Smith, Thị trưởng Thị xã Westminster, ông Curt Pringle, dân biểu tiểu bang California, ông Trần Dũ chủ nhân siêu thị Little SàiGòn hứa mua tranh ủng hộ, ông Peter Keller, bà Janet Baker, đại diện The Bowers Museum of Cultural Art santa Ana.

HỎI: *Sau năm 1990 là năm anh trở về Việt Nam, anh mới vẽ lại được, trước đó từ 1975 đến 1990 tại Hoa Kỳ anh không vẽ được bức nào, tại sao vậy? Động lực nào khiến anh "trở lại" như vậy?*

ĐÁP: Ở đây đầy đủ phương tiện, giá vẽ, màu mực nhưng tôi không thể vẽ. Năm 1990, về thăm quê hương, thấy các bạn bè họa sĩ cũ đều vẽ được thấy cảm hứng lây, tôi bắt đầu vẽ lại.

HỎI: *Ngoài cái cảm hứng lây đó, còn có động lực nào khác không? Tại sao lại vẽ được tại Việt Nam, tại sao không vẽ được tại Mỹ?*

ĐÁP: Có lẽ sự trở về được nhìn lại quê hương, thấy cảnh làng xóm khiếntôi xúc động. Cuộc chiến quá lâu trên quê hương, đau thương tột cùng, tôi xúc cảm rất nhiều, khác hẳn cuộc sống ở Mỹ, tôi thấy tôi khô khan, vật lộn với cuộc sống. Có lẽ đó là động lực chính thúc đẩy tôi vẽ lại.

HỎI: *Thế còn cuộc triển lãm sắp tới tại Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Santa Ana, nghe nói không những treo tranh của anh, mà anh còn định đem tranh của các họa sĩ từ Việt Nam triển lãm tại đây?*

ĐÁP: Sự thật diễn tiến như thế này, tôi chỉ mới có ý định đó khi gặp ông Giám Đốc Viện Bảo Tàng Bowers ở Santa Ana. Vợ chồng ông Giám ĐốcViện Bảo Tàng này mời tôi ăn cơm, qua đó cho tôi biết quy định của cơ quan này chỉ chấp nhận triển lãm "group", chứ không triển lãm cá nhân. Thoạt đầu tôi chỉ định triển lãm tranh của tôi mà thôi, nhưng vì ông ta gợi ý tôi tại sao không đem thêm tranh của các họa sĩ khác từ Việt Nam qua triển lãm chung, thì Viện Bảo Tàng dễ chấp nhận hơn. Từ đó, tôi nảy ra ý đem các tranh bạn bè cũ, các họa sĩ của Sài Gòn từ trước năm 75, như Hồ Hữu Thủ,

Đỗ Quang Em, Nguyễn Lâm, Nguyễn Vũ, Nguyễn Trung, Trịnh Cung, có thể đây là cơ hội giúp bè bạn cũ, biết đâu gây được tiếng vang, biết đâu giúp họ bán được tranh. Đây mới chỉ là ý định của riêng tôi. Còn phải chờ tôi trở về Việt Nam, nói chuyện lại với các bạn trong nước, cũng có thể các anh ấy không bằng lòng vì trở ngại mang tranh đi xa. Đây chỉ là hoàn toàn mang tính cách nghệ thuật, không phải là giao lưu văn hó a. Xin đừng hiểu lầm.

HỎI: *Từ năm 1990 đến nay, anh trở về Việt Nam ở lại nhiều tháng, trở lại Mỹ, rồi lại về Việt Nam nhiều lần như thế tình trạng cư trú chính thức của anh ở đâu? Vấn đề sinh kế như thế nào?*

ĐÁP: Năm 1990 khi trở về Việt Nam lần đầu, tôi gặp lại người yêu cũ từ 30 năm về trước lúc còn ở Phan Thiết, chúng tôi kết hợp với nhau và nhà tôi đảm bảo cuộc sống, về tài chánh không có gì phải lo lắng. Tôi bắt buộc phải "đi đi về về" vì tôi không thể lưu trú tại Việt Nam quá ba tháng, phải về Mỹ, hoặc trở ra Thái Lan, rồi vào lại. Tôi đã có gia đình ở Việt Nam nên tôi phải ở đó. Những lần tôi về Hoa Kỳ, một công đôi việc, về để trở lại cho đúng thủ tục và luôn tiện đem tranh sáng tác tại Việt Nam để triển lãm tại đây.

HỎI: *Ở Việt Nam lâu như vậy, anh nhận xét thế nào về tình trạng sinh sống và sáng tác của Văn Nghệ Sĩ Tại Việt Nam? Có hoàn toàn tự do sáng tác hay không?*

ĐÁP: Về phương diện hội họa, chúng tôi hoàn toàn tự do sáng tác. Tình trạng sinh sống của các họa sĩ tương đối khá, bán tranh được. Các cuộc triển lãm đều bán được, tranh tại nhà cũng bán khá. Cá nhân tôi, cũng bán được, đời sống tương đối ổn, tình trạng cư trú cũng không có gì trở ngại, miễn không ở quá thời hạn lưu trú.

HỎI: *Cuộc triển lãm tại Sài Gòn tháng 3 vừa qua của anh do sự bảo trợ của công ty Lam Sơn và Hội Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, theo tôi biết 50% tiền bán tranh dành cho Quỹ Phát Triển Mỹ Thuật thành phố. Anh giải thích thế nào nếu có người nói là anh làm việc và cộng tác với chính quyền Cộng Sản?*

ĐÁP: Thực ra, triển lãm Mỹ thuật ở Việt Nam ai tổ chức cũng được, mời người bảo trợ là để bán được, công ty Lam Sơn hiện nay nổi tiếng là mua rất nhiều tranh của họa sĩ, mỗi bức vài ngàn Đô la là chuyện thường. Bảo trợ là như vậy! Còn việc tôi dành 50% cho quỹ phát triển mỹ thuật thành phố là để quỹ này giúp cho các họa sĩ trẻ có thêm phương tiện sinh hoạt sáng tác, chẳng hạn Hội Mỹ Thuật thường dùng quỹ mua mầu, mua bố vải giúp cho các anh em chưa bán được tranh. Ngoài ra, không có vấn đề chính trị nào cả. Tôi chỉ là người làm nghệ thuật thuần túy, không theo một khuynh hướng chính trị

nào. Tôi về nước, lập gia đình tại Việt Nam, thích vẽ và dĩ nhiên là muốn triển lãm và triển lãm không bị cấm đoán gì thì tôi triển lãm, tôi không nghĩ đó là chính trị, các bạn bè tôi không phải là Cộng sản, họ đều là các họa sĩ trước 75, hầu hết mọi người ở đây đều biết danh, biết đâu tranh của họ được giới thưởng ngoạn ở Mỹ chiếu cố, cuộc đời của họ có thể khá hơn.

HỎI: *Như anh đã nói ở trên, giới Họa sĩ ở Việt Nam hiện nay sống khá, tranh bán được vài ngàn Mỹ kim một bức là thường. Đó có phải là một trong những động lực khiến ngành Hội họa phát triển mạnh? Giới tiêu thụ thuộc loại nào?*

ĐÁP: Phát triển ồ ạt như vậy nhưng thực ra thực chất kém về phẩm, các loại tranh chỉ để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch dần dần bị loại bỏ. Giới tiêu thụ nhiều nhất là người Nhật, Hồng Kông, Đài Loan, Đại Hàn họ mua giá rất cao, gần đây bức tranh sơn mài của Hồ Hữu Thủ bán được 18 ngàn Mỹ kim. Đỗ Quang Em thường xuyên bán được mỗi bức 3, 4 ngàn Mỹ kim. Giới tiêu thụ chính là khách du lịch. Công ty Lam Sơn buôn bán sơn mài mua cũng khá nhiều, mua để bán lại, hoặc để tổ chức các cuộc triển lãm ở nước ngoài.

HỎI: *Nhà cầm quyền có kiểm soát các cuộc triển lãm dưới bất cứ hình thức nào không? Khi anh triển lãm, anh có phải thông qua cơ quan kiểm duyệt văn hóa không?*

ĐÁP: Muốn vẽ cái gì cũng được, khỏa thân, nhảy múa thế nào cũng không ai bắt bẻ, tuy nhiên muốn triển lãm phải qua sự kiểm duyệt của Hội Mỹ Thuật của Nhà Nước. Tiêu chuẩn kiểm duyệt là để xem có gì phản động, phá hoại chế độ không, có thể bị cấm không cho triển lãm một vài bức không đạt tiêu chuẩn, thì đem cất các bức đó đi. Ngoài ra, không bao giờ có yêu cầu họa sĩ vẽ ca tụng chế độ.

HỎI: *Trở lại Hoa Kỳ, sống tại trong Cộng đồng người Việt tại đây, có bao giờ anh có cảm tưởng bị áp lực, bị gò bó tinh thần khi anh muốn triển lãm tranh tại đây, do việc anh đã sinh hoạt, sáng tác và triển lãm tranh tại Việt Nam?*

Đáp: Tôi không có liên hệ nhiều với sinh hoạt cộng đồng, nếu có dư luận nào thì có lẽ chỉ do một vài người hiểu lầm hoặc tại ganh ghét cá nhân. Việc tôi muốn đem tranh từ Việt Nam sang đây triển lãm hoàn toàn vì nghệ thuật. Từ xưa, tôi không dính đến vấn đề chính trị, tôi chỉ chuyên chú đến nghệ thuật thuần túy. Tôi mong giới thưởng ngoạn hãy xem tranh vì nghệ thuật. Nếu tôi có thể tổ chức được một buổi triển lãm, mang tranh từ các họa sĩ trong nước ra ngoài, xin đừng xem đó là giao lưu văn hóa. Hãy giản dị hóa

các khúc mắc, để được thanh thỏa. Nếu thắc mắc quá, chỉ đem lại khó khăn hơn cho nhau, cho giới sáng tác nghệ thuật.

PHỎNG VẤN HỌA SĨ NGUYÊN KHAI

HỎI (H): *Với nội dung của cuộc Triển Lãm có tên "As Seen By Both Sides" của David Thomas, anh thấy khuynh hướng của các họa sĩ đó ra sao?*

TRẢ LỜI (TL): Hai mươi họa sĩ Mỹ rõ rệt là nhóm họa sĩ phản chiến Mỹ cũ. Còn hai mươi họa sĩ Việt Nam đa số đang ở trong nước đã vẽ theo đường lối và chánh sách của nhà cầm quyền CSVN hiện tại.

H: *Cộng Đồng VN tại Mỹ đang phản đối cuộc triển lãm đó. Anh nghĩ gì?*

TL: Phản đối là đúng vì nội dung triển lãm này không thuần túy nghệ thuật, hay ít nhất là chỉ sử dụng nghệ thuật để tuyên truyền sai lạc.

H: *Họa sĩ người Mỹ rõ rệt là vẽ theo ý định lôi cuốn quần chúng Mỹ bằng cách thỏa mãn hiểu biết sai lạc về chiến cuộc Việt Nam theo ý họ. Còn họa sĩ VN trong cuộc triển lãm đó vẽ ra sao?*

TL: Theo thời gian tôi còn sinh hoạt hội họa trong nước sau 1975, tức là đến năm 1981 khi gia đình tôi vượt biên, thì họa sĩ trong nước muốn tiếp tục hành nghề, phải vẽ theo đơn đặt hàng, phải vẽ cái gì lợi và tuyên truyền cho chế độ.

H: *Cụ thể hóa thì là..?*

TL: Không có quyền tự do sáng tác vì không có tiền mua sơn bố để vẽ... Có tiền đi nữa cũng không có sơn và vải bán bên ngoài thị trường để mà mua. Họa sĩ phải tùy theo từng chiến dịch nhà nước đề ra để sáng tác, phục vụ cho chiến dịch đó. Rồi chắt bóp lại sơn vải thừa bao nhiêu, họa sĩ mới vẽ theo ý mình, nhưng cũng phải dấu diếm. Không thì dễ tù lắm.

H: *Anh đã có kinh nghiệm nào rồi?*

TL: Để tôi nhớ lại... Có lần tôi theo chỉ định xuống vẽ một xưởng máy có khu rèn kim loại. Thủ trưởng nhà máy theo sát tôi luôn miệng yêu cầu vẽ thêm các chi tiết không có thực tế như tôi quan sát. Chẳng hạn công nhân đang mặc quần áo rách phải vẽ quần áo lành lặn. Công nhân không có quần áo bảo hộ lao động, đi chân không, không kính bảo vệ mắt khi hàn xì... Phải

vẽ thêm vào hết.

PHỎNG VẤN HỌA SĨ NGÔ BẢO

H: Hội *VAALA có ý định tổ chức cho họa sĩ Lâm Triết triển lãm tranh?*

TL: Thứ Năm cách đây 2 tuần, anh Lê Đình Điểu có điện thoại nói cho tôi hay là chị Từ Dung bàn về một cuộc triển lãm tranh, Họa sĩ Lâm Triết giao cho Hội Cao niên Á Mỹ tổ chức cuộc triển lãm với điều kiện là nếu bán tranh được, thì sẽ biếu Hội Cao niên Á Mỹ 50%. Vì là Hội Cao niên Á Mỹ không chuyên môn nên chị đề nghị cùng tổ chức với hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA). Hội Cao niên Á Mỹ sẽ hưởng 30% và bên VAALA sẽ được hưởng 20%. Tôi trả lời với anh Điểu là xin mời chị Dung lại Hội và xin thêm chi tiết, tôi cũng xin mời Họa sĩ Nguyên Khai là người đặc trách Ban Hội Họa của Hội VAALA cùng tới họp luôn thể. Sáng thứ sáu, ngày hôm sau chị Từ Dung đến họp. Với sự có mặt của Anh Điểu, tôi và Nguyên Khai, chị Từ Dung đưa cho chúng tôi tờ quảng cáo cho cuộc Triển lãm tranh của Lâm Triết mới sáng tác, có tên là "Từ Cõi An Bình" tại thành phố HCM vừa qua, và cho biết thêm rằng cuộc triển lãm tới có thể có tranh của các Họa sĩ trong nước nữa.

Đây là một sự việc hết sức tế nhị.

Tôi đã giải thích với chị Từ Dung là riêng với cá nhân Họa sĩ Lâm Triết thì chúng tôi nghĩ là có thể tổ chức được, nếu anh ta giải độc được với giới Truyền thông, báo chí tại đây về sự cộng tác của anh ta với chính quyền thành phố Hồ Chí Minh. Còn đối với các họa sĩ trong nước, chúng tôi thấy là lúc này chưa thuận lợi. Họa sĩ Lâm Triết, đã là nạn nhân cộng sản tị nạn, sự giải thích với dư luận dễ dàng hơn, còn đối với các họa sĩ khác thì quả thật chúng tôi không thể xác quyết tư tưởng của họ được. Chắc là Họa sĩ Lâm Triết cũng hiểu là dư luận, có nghĩa là người Việt Nam hiện đang tại đây có khoảng cả triệu người. Hầu hết họ đều là nạn nhân của chế độ cộng sản hoặc ít hay nhiều, hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Họ lại có liên hệ gia đình, bằng hữu với cả triệu tử vong trên đường di tản, đào thoát khỏi chế độ. Do đó dư luận sẽ rất khắt khe đối với Hội, nếu như Hội đứng ra tổ chức một cuộc triển lãm như vậy.

H: *Tại sao không phải là toàn thể người Việt Nam cư ngụ tại đây là nạn nhân Cộng Sản mà chỉ có "hầu hết"?*

TL: Vì rằng trong cộng đồng chúng ta còn có một số cán bộ tình báo quốc ngoại Cộng Sản, hoặc những người cộng tác với họ vì lợi riêng tư. Chính những người này đã làm chúng ta chia rẽ và nghi kỉ lẫn nhau.

H: *Theo anh, sự liên hệ giữa Họa sĩ Lâm Triết và nhà nước CS như thế nào?*

TL: Xin anh hỏi thẳng Họa sĩ Lâm Triết về điều này và "biết đâu anh lại có thể giải độc dư luận cho trường hợp của anh ấy. Tuy nhiên cứ theo tờ quảng cáo cho triển lãm thì cơ quan tổ chức là Hội Mỹ Thuật thành phố HCM. Hội do đảng CS Việt Nam và nhà nước CS đẻ ra, tuy là không phải tất cả Hội viên đều là Đảng viên. Và cơ sở bảo trợ là Công Ty Lam Sơn. Theo một người bạn có về thăm nhà trở qua, thì cơ sở này là một Công ty hợp doanh giữa chính quyền và các đảng viên cộng sản có ít nhiều tư hữu. Có thể là các đảng viên đã trở thành hữu sản và đã mua cổ phần của Công ty này khi Công ty được giải thể.

H: *Anh nghĩ gì về một cuộc triển lãm tranh của các Họa sĩ cả trong lẫn ngoài nước trong tương lai tại Hải ngoại, bao giờ thuận lợi?*

TL: Tôi chẳng thể tiên đoán nổi rằng thời gian này còn xa hay sắp tới, để Hội VAALA có thể tổ chức một cuộc triển lãm như vậy. Chúng tôi chẳng thể nhắm mắt, bịt tai bước qua dư luận. Riêng cá nhân tôi đây là một điều rất buồn, vì trong số các Họa sĩ bên nhà không phải ai cũng là Cộng Sản. Tôi cũng biết là ngay cả các họa sĩ có đảng tịch lâu năm, cầm thẻ Đảng mà thâm tâm, họ cũng chẳng tin vào các chủ thuyết của Đảng chút nào. Ngoài ra, trong số những đồng nghiệp trong nước, tôi còn có những bạn bè và học trò cũ nữa. Từ chối không tổ chức được một cuộc triển lãm như vậy trong thời gian này không phải là một điều vui đối với tôi. Khi nào có dân chủ, tự do thực sự thì chính tôi sẽ xin được anh em cộng tác, để không những tổ chức tại đây mà còn khuyến khích anh em bên này mang tranh về bên nhà triển lãm nữa.

H: *Theo ý anh, Họa sĩ L.T. làm thế nào để giải tỏa được?*

Ngô Bảo cười rỡn và nói:
Dễ ợt - Này nhé, tranh của L.T. vẽ theo trừu tượng thì giải thích thế nào cũng được. Đề tài cuộc triển lãm lại mơ hồ "Từ cõi An Bình". Cõi an bình nào và ở đâu thì không nói rõ, cho nên L.T. khi ở trong nước có thể nói là: Khi trở về quê hương anh thấy được sự an bình, nên anh có hứng khởi cao, say mê sáng tác như chưa bao giờ anh có được như vậy. Nhà nước ôm lấy anh và tổ chức cho anh cuộc Triển lãm lớn. Còn bây giờ, muốn có dư luận thuận lợi tại Cali L.T. sẽ tổ chức một cuộc ăn nhậu, mời các báo chí, truyền thanh, truyền hình lại và tuyên bố:
Những tranh anh sáng tác để nhớ đến "Cõi An Bình Cali" vì khi trở về quê hương, anh thấy nơi đây....!!!
Đây là ý kiến riêng tư không ăn nhập gì đến Ban Điều Hành của VAALA

nếu L.T. dùng xin trả bản quyền cho thầy dùi nhé

PHỎNG VẤN HỌA SĨ HỒ THÀNH ĐỨC
"Văn là người, vẽ cũng vậy"

HỒ THÀNH ĐỨC: Anh Lâm Triết trước đây tuyên bố sống ở Mỹ vẽ không được, anh về Việt Nam vẽ được vì khung cảnh quê hương gây xúc động thúc đẩy sáng tác. Tôi không đồng ý với Lâm Triết. Hay nói một cách rõ hơn rằng quan niệm đó có chăng chỉ phù hợp với hoàn cảnh của Lâm Triết thôi. Tôi biết hoàn cảnh của Lâm Triết tại Việt Nam cũng như tại bên này. Lâm Triết về Việt Nam, hoàn cảnh thuận lợi về vật chất, thử hỏi nếu Lâm Triết không gặp may về vật chất, sống cực khổ như các anh em khác thì chắc gì Lâm Triết vẽ được tranh, có được xúc động như vậy. Ở Mỹ cũng thiếu gì cảnh đẹp để vẽ, nhưng nếu đi làm vất vả suốt ngày, làm gì có thanh bình để vẽ. Lâm Triết vẽ tại Việt Nam cho dù có bán được năm ba bức, cũng không đủ để chi phí đâu, trường hợp Lâm Triết gặp hên thôi, đang lấn quấn ở đây thì được giải thoát khi về Việt Nam, cho nên có hoàn cảnh để vẽ. Chứ còn nói về Việt Nam, rồi xúc động cảnh quê hương mà vẽ được, chắc chắn tôi không tin như vậy. Năm ngoái, tôi về Việt Nam, tôi cũng đã biết.

HỎI: *Anh có ý kiến gì về cuộc triển lãm dự trù gồm tranh Lâm Triết và tranh của các họa sĩ ở Việt Nam có thể được Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Santa Ana tổ chức?*

HỒ THÀNH ĐỨC: Nếu Lâm Triết làm được việc này tôi hoan hô, vì các anh em họa sĩ còn ở Việt Nam như Hồ Hữu Thủ, Trịnh Cung... không phải là Cộng sản, nếu có điều kiện các anh này cũng sang đây như chúng ta cả. Nhưng nếu có tranh Cộng sản cho dù của họa sĩ bỏ Đảng rồi cũng không được. Tuy nhiên, theo tôi biết, muốn được Viện Bảo Tàng Mỹ triển lãm thì phải đưa dự án ít nhất hai năm trước, không thể nói khơi khơi như vậy. Nếu quả thật như vậy, Lâm Triết phải đưa xem thư mời của Viện Bảo Tàng cho rõ ràng. Ngoài ra, khách quan mà nói Lâm Triết đang làm một việc mà đáng lẽ một chính phủ làm, một hội tư nhân làm, thì cá nhân anh lại làm. Cá nhân không đủ sức và uy tín làm một việc như vậy. Còn như Lâm Triết làm được, chúng tôi cảm ơn. Tuy nhiên, trong lúc này nên tránh, không nên làm vội.

HỎI: *Ngày 12 tháng 6 sắp tới, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt - Mỹ tổ chức cho Lâm Triết triển lãm các tác phẩm sáng tác tại Việt Nam, đã từng triển lãm tại Sài Gòn. Anh có ý kiến gì?*

HỒ THÀNH ĐỨC: Tôi chỉ không đồng ý cuộc triển lãm đặt tên chủ đề

"Từ Cõi An Bình" như anh ấy đã đặt tên cuộc triển lãm tương tự tại Sài Gòn.

Nhân đây, tôi xin đề nghị với Lâm Triết là vẽ tranh, tranh tự nói, không nên ồn ào tuyên bố gì hết vì lúc này nên coi chừng có thể bị cho là tuyên truyền cho cảnh sung túc một nơi mà nhiều người đã phải bỏ đi.

HỎI: *Tôi đã phỏng vấn Lâm Triết, anh ấy cho rằng nghệ thuật là nghệ thuật, anh không quan tâm đến chính trị, sáng tác ở bên này hay bên kia, triển lãm chỗ này hay chỗ nọ, do ai tổ chức, không quan trọng. Người nghệ sĩ vượt qua, đứng ngoài chính trị trong lúc sáng tác. Anh có đồng ý như vậy không?*

HỒ THÀNH ĐỨC: Hoàn toàn không. Lâm Triết quan niệm vẽ có hình thể, vẽ tuyên truyền mới là chính trị. Không phải vậy. Không nghệ sĩ nào có thể nói không có chính trị trong sáng tác phẩm của mình. Nói như vậy là tránh né. Văn là người, vẽ cũng vậy, khi nào dùng màu xanh, lúc nào dùng màu trắng, đó là chính trị rồi. Nhân dây, tôi muốn nói với Lâm Triết thế này: Hà Nội có mời ai về triển lãm đâu?** Bây giờ mới bắt đầu mở cửa, chơi trò giao lưu, Hà Nội mới thả Tô Thùy Yên, Doãn Quốc Sĩ vì thấy thua đến nơi rồi. Nếu tình hình Mốt-Cô-Va không thay đổi thì Lâm Triết làm gì được về vẽ tranh trừu tượng ở Sài Gòn, rồi lại được đem qua đây. Ngày xưa, Lâm Triết liệu có yên ở Sài Gòn vẽ như vậy được không, cho Lâm Triết đi tới đi lui, nếu Lâm Triết vẽ mà có hại về chính trị thì đã bị nhốt. Đừng nói là vẽ không nghĩ gì đến chính trị, Việt Cộng đương nhiên không nghĩ như vậy. Rõ ràng vẽ là chính trị rồi, triển lãm nơi này, không triển lãm chỗ kia, cũng là một chọn lựa chính trị.

DƯƠNG PHỤC *thực hiện*

---

* Tiêu đề của tuần báo *Diễn Đàn*, California

** Chỗ này ông Hồ Thành Đức nói nó... thế nào ấy! Nhiều nghệ sĩ Việt Nam đã trở về Việt Nam triển lãm, như Lê Bá Đảng, Điềm Phùng Thị... hẳn ông thừa biết. Bản thân tôi (KT), qua thư từ, từng được Nguyễn Trung và Ca Lê Thắng, đại diện *Hội Mỹ Thuật thành phố HCM*, yêu cầu tôi mang tranh về triển lãm (ông Hồ Thành Đức muốn xem, tôi photo một bản gởi ông xem chơi). Và chính ông, Hồ Thành Đức, nhiều lần nói với nhiều người, trong chuyến về Việt Nam năm trước (1992), *đã tiếp xúc để chuẩn bị cho cuộc triển lãm cuối năm nay tại Việt Nam* của vợ chồng ông. Thế nhưng hai ngày trước đây ông Hồ Thành Đức, qua điện thoại, bảo tôi đừng công bố lời ông lên báo, vì đó chỉ là chuyện "trà dư tửu hậu", "*tôi nói, nhưng tôi đã làm đâu?*". Thôi thì tôn trọng ông, tôi đề nghị độc giả hãy đọc lời tuyên bố ấy trong tinh thần "trà dư tửu hậu". Cho vui vẻ cả làng! *(chú thích của KT)*



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

thu khúc

Lũ bướm chiều hôm bay qua thềm cửa
đợi trăng về
phá cỗ trung thu
áo em nhiều màu như đèn kéo quân
không kéo được niềm vui chỉ toàn nỗi nhớ
bâng khuâng tháng bảy gọi mưa về

Lịch năm nhuần trung thu già thêm một tháng
thu có dài kỷ niệm
dài cho hết mùa trăng
dẫu thu Sàigòn không lá vàng thao thức nhớ mong
lá xanh cứ rủ nhau xuống phố
hàng me ướt mưa đêm chau mày nhẹ thở
lời tình thánh thót bước chân đi

Lời mưa hay lời em
chào hạnh phúc của mùa thu cũ
bàn tay lạnh thèm bàn tay ấp ủ
anh có về cho giấc ngủ xôn xao
thu Sàigòn không có lá vàng đâu
mây xám giăng giăng mây buồn mây biết nói
lá xanh vẫy như ngón tay em gọi
cổng nhà ai hé mở đợi trăng về

Cổng nhà ai mùi nguyệt quế nở khuya
bay vào hồn em để ngỏ
hoa có dựng nên tường thành cổ
quét mùa thu lá mục
ủ mối tình xa xưa

Sàigòn bây giờ anh đã quên chưa
lá xanh vẫn rủ nhau xuống phố
trăng chưa mọc nên trăng chưa hề vỡ
như hồn em sáng rỡ một thu nào
ôi thu Sàigòn không có lá vàng đâu
mưa tháng Bảy kéo dài sang tháng Tám
lũ bướm chiều nhởn nhơ lãng mạn

đợi trăng về

Em vẫn chờ anh...

Anh thân yêu bây giờ Sàigòn thu, cơn bão rớt chạy ngang thành phố đẹp. Bão trong mắt nên mắt thành màu tím, bão là mưa nên mắt ướt đợi chờ. Thu Sàigòn vẫn là thu rất mưa, những hạnh phúc như dòng mưa đổ xuống, những hạnh phúc của một đời gỗ mục, mọc thành cây nấm ngọt giữa trời, như em bao giờ cũng chỉ có anh thôi...

Những chấp nhận đắng cay và thua thiệt, những rạn nứt và trăm điều bi thiết, chảy thành sông thành biển cuốn trôi rừng. Hạnh phúc bỗng là con cá quẫy, theo sóng về vượt chín từng không. Hạnh phúc như cánh chuồn quá mỏng, ngẩn ngơ bay chờ bão thổi về. Em cuối cùng gói đời cất vội, sợ mai này hồn ngập rêu rong...

Anh thân yêu ngày ấy còn không? Cơn lốc xoáy tròn như bông vụ. Em chẳng phải em mùa thu cũ, mỗi một năm nhìn lại đời mình, thấy bỗng trẻ bỗng già bất chợt, chút nồng nàn lẫn chút thờ ơ. Anh ở đâu tình yêu rực lửa, thành tro than đốt cháy buổi đầu. Thu Sàigòn vẫn là thu bão, chuyển đến đời những biển nhớ lao đao...

Vẫn biết đời hạnh phúc chẳng bao nhiêu. Cái thoáng chốc của một thời tuổi trẻ, cái dè dặt của tuổi giá rớm lệ, cái mênh mông hiện tại êm đềm. Em bao giờ cũng vẫn là em - là ngọn nến chẳng bao giờ tắt - thứ ánh sáng điềm nhiêu hiu hắt, điềm nhiên đi thốc giữa tim người. Anh có lúc thấy mình buốt lạnh, tìm đâu ra ngọn lửa mồ côi?...

Sàigòn thu về anh thân yêu ơi, con mắt bão nhìn qua cửa chớp, con mắt nháy tình yêu choáng ngợp, uốn cong em trong hạn hẹp đời thường. Em vo tròn tất cả những nụ hôn, vắt kiệt hết nỗi buồn gởi bão. Bão yên lặng nhận món qùa ảo não, còn cho em lưởng chút trăng tàn. Trăng yên lặng soi hồn em xám ngắt, trăng soi hoài mà chẳng thấy anh đâu...

Trăng soi đến bao giờ tìm được đời nhau, và bão rớt lạnh run ngoài thềm cửa, vai kề vai sẽ cháy bùng ngọn lửa, thu sáng trưng con mắt có anh rồi, thu hồng hào từng giọt mật lứa đôi, mặc cá quẫy chuồn bay và nến sáng. Mưa cứ rơi đều đều và nhẹ hạt. SàiGòn thu còn lại có hai người. SàiGòn thu về anh thân yêu ơi...

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
(Trong nước)



VÕ ĐÌNH

lại nói chuyện vẽ



I.

Ở tuổi hai mươi, tôi có đọc đâu đó một câu của Paul Cézanne, ông thánh tổ (1839-1906) của nền hội họa hiện đại, mãi đến nay còn nhớ vì nó đã hướng dẫn tôi bao nhiêu năm trời trên con đường hội họa. *Người họa sĩ suy tưởng với cây cọ trong tay*. Ý rằng người họa sĩ vẽ chứ không nói; có nói chăng là nói với cái vẽ, với cái nhìn, với cái thấy của mình. Vọng tưởng, hư đàm, không nên. Chỉ nên suy nghĩ và thực hiện bằng đường nét, bằng màu sắc.

Tôi tôn thờ Cézanne suốt một thời mới lớn, chập chững bước vào hội họa, và ngày nay còn học hỏi rất nhiều ở tác phẩm của cụ. Nhưng tôi là người Việt Nam, sinh ở Huế, không phải người Pháp, sinh ở Aix-en-Provence. Tôi, và những người cầm bút đồng hương của tôi, có những dằn vặt, khắc khoải, những hoài bão, những ước mơ mà tôi chắc rằng cụ Cézanne không có. Tôi kính trọng sự im lặng vĩ đại của cụ. Nhưng tôi, chúng tôi, cần phải "nói". Trước đây, trong một số *Văn Học* (70 & 71, tháng 12-1991 và 1-1992) tôi đã có dịp "Nói Chuyện Vẽ". Bây giờ, mười mấy tháng sau, xin "Lại Nói Chuyện Vẽ".

Tạp chí *Hợp Lưu* số 10 (tháng 4 & 5, 1993) có mục "Ngày... tháng..." do Kim Thi phụ trách. Tôi đọc và thấm thía. Thấm thía sự thiết tha, nồng nhiệt của người viết. Người viết đã thành thật và cứng rắn đến độ tàn nhẫn. Một sự tàn nhẫn đau đớn cho chính mình. Và cần thiết cho bạn đọc. Xin hãy coi lại vài đoạn. Những đoạn chữ nghiêng dưới đây là của Kim Thi.

"Nhiều năm nay, sinh hoạt nghệ thuật tạo hình của người Việt hải ngoại bị xem là trầm lặng, nếu không muốn nói bế tắc. Nhiều người cho rằng yếu tố chính gây nên tình trạng tiêu cực kia là do tác động nhân quả giữa khách thưởng ngoạn và giới sáng tác: người thưởng ngoại ít, lười bước chân đến các phòng triển lãm, và hầu như không chịu bỏ tiền ra mua tranh, đã khiến các họa sĩ dù kiên trì và yêu nghề đến đâu cũng không cách nào cầm nổi cây cọ. Trừ vài trường hợp đặc biệt, có thể nói tất cả những nghệ sĩ tạo hình Việt Nam chuyên nghiệp đang định cư tại các quốc gia bên ngoài quê hương đều phải xoay sở bằng những nghề tay trái khác để sinh tồn" (...) "Trong hoàn cảnh như thế, chỉ ngồi được vào giá vẽ đã là khó, mấy ai còn nghĩ đến vấn đề hàm dưỡng, đầu tư, truy tìm cái mới? Cho nên tất cả, từ giới thưởng ngoạn đến người sáng tác vẫn hiểu rằng nếu nhìn ra thế giới bằng đôi mắt khách quan, thì quả thật hội họa Việt Nam còn rất nghèo nàn". (...) "Rốt cuộc ta chỉ quẩn quanh với mớ đề tài đã trở thành nhàm và nhạt đến độ không còn một chút sinh khí" (...) "Chủ quan cách mấy cũng không thể phủ nhận: chúng ta mãi giậm chân tại chỗ quá lâu rồi" (...) "Nghệ thuật đã biến thành nghề... thủ công".

Mục "Ngày... Tháng..." đó đã khiến tôi cầm bút viết bài này. Như một đóng góp cho sự tìm hiểu của người "trong nghề" cũng như của giới "ngoại đạo". (Ngoại đạo: những vị không cầm cọ, không quen thuộc với bộ môn tạo hình, nhưng thường lưu tâm đến các vấn đề văn hóa, văn nghệ nói chung, vẫn thường đặt dăm ba câu hỏi về những sinh hoạt hội họa nói riêng.)

Tôi quyết định viết mặc dù xưa nay tôi vốn không muốn, không thích viết về hội họa. Mấy chục năm về trước, tôi đã lao mình vào hội họa như một cách sống, một cách sáng tạo, chớ không phải như một lãnh vực giáo dục, biên khảo. Với tôi, hội họa là một phương thức biểu hiện thân tâm, không phải để thu thập, un đúc, và truyền đạt một vốn liếng kiến thức. Nếu có lúc chẳng đặng đừng phải viết, tôi đã không viết với chủ tâm trình bày thân thế, sự nghiệp nghệ thuật của một vài họa sĩ tiền bối. Tôi nghĩ rằng bất cứ ai thật tâm muốn trau dồi kiến thức về hội họa, đó không phải là một việc khó khăn. Với trình độ ngoại ngữ tàm tạm, bất cứ ai cũng có thể vào bất cứ một thư viện nào để tìm sách đọc. Chỉ sợ là đọc không hết đó thôi. Từ những sách phổ thông, đáp ứng nhu cầu đại chúng, cho đến các sách phức tạp, sâu rộng hơn nhắm tới giới chuyên môn. Nếu chẳng đặng đừng phải viết, tôi chỉ viết để nhân đó mà nhìn kỹ hơn một vài vấn nạn của người nghệ sĩ tạo hình Việt Nam ngày nay. Để đặt ra đôi ba vấn đề trước mắt - mà ít ai nghĩ tới - về nghệ thuật hội họa Việt Nam hiện đại.

Ba thập niên về trước, tôi được đại diện tại New York bởi một *gallery* ở đại lộ Madison. Đó là một cơ sở Pháp, có gốc gác, liên hệ ở Paris. Những họa sĩ khác được đại diện, phần đông là người Âu, nhiều nhất là Pháp, thứ đến Đan Mạch, Tây Ban Nha, Ý Đại Lợi. Họa sĩ lão thành Lê Phổ là người gốc Việt khác. Ngoài ra, *gallery* cũng có một số tác phẩm của Vũ Cao Đàm và

Mai Trung Thứ.

Đó là thời kỳ tôi chạm trán lần đầu tiên trong đời với thực tại phũ phàng của cái gọi là *art world*, thế giới nghệ thuật tạo hình. Thập niên 60, New York được coi như cái rốn của thế giới nghệ thuật. Cả Hoa Kỳ tụ về New York. Từ Paris, từ London, từ Tokyo, tụ về New York. Chỉ xin nói vắn tắt rằng cái "thế giới nghệ thuật" đó không phải chỉ là nơi người ta khai phá và tuyên dương cái "Đẹp". Ôi, tội nghiệp chàng họa sĩ trẻ 30 tuổi. Thế giới đó, như danh từ tiếng Anh vốn có nghĩa mập mờ, *art World* không hẳn là "thế giới nghệ thuật" như ta có thể hiểu. *Đó cũng là một thương trường*. Mà đã là thương trường thì đương nhiên có những qui luật về cung cầu, có cạnh tranh, có trục lợi, có lừa lọc, có bon chen. Tôi đã lạc lõng trong thế giới đó luôn mấy năm trời. Tôi đã hoang mang, lo âu, đau khổ. Nhưng may thay, nếu tôi có thể quá ngây thơ để đương đầu với những mánh khóe, mưu mô và hiểm nguy, thì tôi có một hai khí giới phòng thân khá lợi hại: tính ngay thẳng và óc bướng bỉnh. Tôi đã vượt ra khỏi "thế giới nghệ thuật" ấy. Và trả một giá khá đắt. Ngược lại, từ 30 năm nay tôi được tự do và tiếp tục sáng tác trong niềm tự trọng. Sau đây, xin ghi lại đôi điều hiểu biết của tôi có liên quan trực tiếp đến vấn đề muôn thuở của người họa sĩ: mưu sinh và sáng tạo. Những vấn đề đó lại có liên quan trực tiếp đến hoàn cảnh sinh hoạt nghệ thuật của cộng đồng Việt Nam hải ngoại sau 1975. Hoàn cảnh đã khiến cho người viết Kim Thi thốt lên những lời cực kỳ mỉa mai cay đắng.

II.

Thành phố New York mênh mông đông đúc có năm "quận" (boroughs). Quận Manhattan, hòn đảo nằm dài giữa Long Island phía Đông và New Jersey phía Tây, là nơi tập trung quyền lực kinh tế, thương mại, văn hóa, không những của thành phố, của tiểu bang New York, mà của cả Hoa Kỳ, và ở vài lãnh vực đặc biệt, của cả thế giới Tây phương. Chạy dài từ đường 23 (công viên Madison Square) lên đến sông Harlem, một trăm mười lăm *blocks* là đại lộ Madison, song song với đại lộ Thứ Năm (Fifth Avenue) lẫy lừng. Những ai đã từng quen biết với New York đều biết rằng đại lộ Thứ Năm là một thứ "đại lộ... huy hoàng", kiểu như Avenue des Champs-Elysées ở Paris, đại lộ "kẻng", đại lộ "for show". Chính Madison mới là mạch máu lớn của thành phố. Nhất là về mỹ thuật. Chỉ một mình Madison, mà đã có khoảng 300 (đây là con số của một phần tư thế kỷ về trước) trong số gần 500 cái *galleries* của cả thành phố. Cứ mỗi chiều thứ bảy, vô số cuộc khai mạc triển lãm tưng bừng mở cửa dọc dài đại lộ. Sang thì *champagne* Pháp và *caviar*, thường thì rượu vang và mâm *fromages*. Có những *galleries* trưng bày tranh để giá hàng trăm ngàn đô-la (họa sĩ còn sống). Có những *galleries* ra mắt những "tài năng mới" với giá vài trăm bạc. Thượng vàng hạ cám. Giá cả chênh lệch ghê gớm, mà phẩm chất cũng chênh lệch kinh người.

Điều đáng ghi nhận, tuy nhiên, không phải ở chỗ tranh cao thì giá cao,

tranh thấp thì giá thấp. Ở đây không có chuyện phẩm và giá. Trên một bình diện nào đó, đi đôi một cách tạm gọi là hợp lý. Không có chuyện chiếc Lamberghini một trăm hai mươi lăm ngàn đô, và chiếc Toyota Corolla chỉ ngoài mười ngàn. Lý do giản dị: cái "hay" của một chiếc xe hơi (sang trọng, an toàn, nhanh, khỏe, bền...) có thể thẩm định được phần nào, trong khi cái "đẹp" của một họa phẩm là một giá trị bao gồm quá nhiều yếu tố phức tạp, khó phân tích ra để đo lường một cách minh bạch, chính xác. Điều đáng ghi nhận là giá cả họa phẩm tùy thuộc vào một số hiện tượng bên ngoài lãnh vực nghệ thuật thuần túy: những hiện tượng như kỹ thuật quảng cáo, "chiến dịch" báo chí, sự khai thác chỗ quen biết, những liên hệ nghề nghiệp và thời thượng với những nhân vật đã từ lâu được xem như quan trọng cũng có hoặc mới "nổi" sau này cũng có...

Đấy là tình trạng đã có từ xưa. Nhưng bắt đầu hạ bán thế kỷ XX, khi kỹ thuật truyền tin, báo chí, TV, *radio* đã đạt đến cao độ thì tình trạng này trở thành hiển nhiên, không thể tránh né được, nếu người buôn mỹ thuật phẩm (*art dealers*) có dụng tâm khai thác tối đa hầu đạt được những thắng lợi tài chánh. Bước chân vào thế giới đó, người nghệ sĩ "trẻ", hay người nghệ sĩ "lính mới" không khỏi bỡ ngỡ bàng hoàng. Và kinh ngạc vì con số những người đồng hội đồng thuyền.

Mỗi năm, có vô số "họa sĩ" ra đời. Ở Pháp, muốn học môn hội họa phải thi vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật. Các tỉnh cũng về thi ở thủ đô Paris. Ở Mỹ, các trường đại học bốn năm đều có phân khoa Mỹ thuật. Trong số hàng chục ngàn cô cậu cử hàng năm, có người học tiếp, có người đi dạy, và có người lao mình vào cuộc sống với cây cọ. Và những con thiêu thân đó liều lĩnh bay về New York. Như những con thiêu thân cho ngọn lửa điện ảnh bay về L.A., bay về Hollywood. Và chúng ta thấy ngay rằng với con số *galleries* vĩ đại như vậy không có cách gì New York có thể đủ chỗ ghé chân cho tất cả mọi người. Chúng ta đã nghe nói nhiều về nỗi trần ai đi xin việc làm, đi kiếm *job*. Chắc chắn rằng nỗi gian truân đó không thấm gì so với việc tìm cho được một *galleries* đại diện cho mình. Đơn giản là đại diện cho mình, người ta tức khắc phải "chi", mà không có chút bảo đảm nào là sẽ có "thu". Hơn thế nữa, trong thương trường mỹ thuật, cái "thu" phải lớn hơn cái "chi" gấp bội, mới đáng công đáng của, đáng thì giờ người ta. Hậu quả: hàng ngàn nghệ sĩ bơ vơ không nơi nương tựa. Vì cái ăn, cái ở, phải làm đủ nghề, thường là tay chân. Các đấng nghệ sĩ lại thường gàn bướng: thà làm việc tay chân kiếm cơm còn hơn làm việc giấy bút nếu công việc này, dù đem lại lợi tức cao hơn, không xứng đáng với trí óc và tài năng của mình!

Trên đây có nói đến các cô các cậu cử của xứ Cờ Hoa. Thật ra, không phải chỉ có các vị đó. Có một câu nói bản thân người viết được nghe khá thường xuyên là: *If you can make it in New York, you can make it anywhere* "Thành công ở New York rồi thì đi đâu cũng thành công được"! Paris: lỗi thời. London: bà chúa già. Tokyo: chơi leo. Washington: thủ đô chính trị nhưng tỉnh

lẻ văn hóa. Boston: Viêm khớp. L.A.: "học làm sang". Chỉ có *The Big Apple*. "Trái Táo Bự". New York sinh động, điên cuồng, điệu nghệ, tàn bạo, tuyệt diễm. New York thiên hình vạn trạng, thiên đàng và địa ngục. Chẳng những là "đất thánh" để các tài năng "trẻ", "mới" ngoi lên. New York cũng là nơi để khách chơi tranh tứ xứ đến tìm tòi, bồi đắp cho bộ tranh (*collections*) của họ. Nơi để các bảo tàng viện đến chọn lọc, đổi chác, mua bán. Những tạp chí chuyên về mỹ thuật lớn nhất ở Hoa Kỳ xuất bản hàng tháng tại New York. Chưa kể đến những tờ có tầm vóc và số độc giả khiêm tốn hơn. Chưa kể đến phần phụ lục về mỹ thuật của các nhật báo lớn có số ấn bản hàng triệu... và vì thế phải nhắc đến những nghệ sĩ, bằng cách này hay cách khác vượt trùng dương đến từ nước ngoài. Tây Âu nhiều nhất. Rồi đến Trung Á và Nam Mỹ. Rồi Á, Phi. Riêng về dân Á, có nhiều Nhật, Ấn, Hoa, Triều Tiên... Và cứ thế, một trăm con kiến hì hục giành cho được một mảnh vụn bánh mì. Tiếng Mỹ có từ ngữ tượng hình rất hay: *rat race*, chuột (chù) chạy đua. Chạy đua trong thế giới chính trị, thương mãi, kỹ nghệ, đã đành. Chạy đua cả trong thế giới nghệ thuật. Chạy đua chưa phải vì lợi vì danh. Chỉ mới để được đại diện bởi một *gallery* mà thôi. Chuyện bán được tranh, có tiền mà sống, mà sáng tạo, hạ hồi phân giải. Thảm!

Tình trạng này, dĩ nhiên, không thể xem như là tiêu biểu cho cả Hoa Kỳ và Tây Phương. Nhưng từ những thập niên 50 rồi 60, kể từ sự vượt trội lẫy lừng của trường phái New York, thành phố này đã được xem như là thủ đô của nghệ thuật tạo hình thế giới. Hiện tượng đông đúc, chen lấn, đuổi bắt nhau ở New York có thể được coi như là thực tại phóng đại một cách ác liệt của tình trạng khó khăn đến độ vô vọng của người nghệ sĩ không muốn gì hơn là đem tác phẩm của mình ra ánh sáng.

III.

Đó là chuyện những nghệ sĩ. Thêm đôi lời về quần chúng và "thị trường". Trước hết là dân giàu có (ở Hoa Kỳ giàu có là làm chủ một tài sản mươi triệu đô-la trở lên!) yêu chuộng các "old masters", những đại danh họa kể từ thế kỷ XIX trở về trước. Nếu cần đôi chút màu mè tân thời hơn, ừ, thì Picasso, Matisse là mới lắm rồi. Dân giàu có hạng thứ, mới giàu, o bế các tên tuổi đương đại hơn, những tên tuổi đã vững vàng lắm rồi, như các bậc thầy đầu thế kỷ XX cho đến những năm đầu thập niên 50. Có kẻ phiêu lưu hơn thì len lỏi vào các trường phái tiền phong (*avant-garde*). Nói "phiêu lưu" và "tiền phong", thật ra họ cũng chỉ vung tay ký cái chi phiếu với sự hỗ trợ tinh thần của các tay "cố vấn mỹ thuật" (*art consultants*), và sự bảo đảm trí thức của các phê bình gia nặng ký. Còn lại là đại đa số quần chúng "chơi" tranh. Họ là dân trung lưu và thượng-trung-lưu. Chuyên môn cao cấp, nghề tự do có lợi tức tương đối cao. Có những ngoại lệ, dĩ nhiên, nhưng nói chung thì tuy thành phần này không làm nên sự nghiệp của những tài năng vượt bực và nuôi sống những cố gắng, những khai phá mới mẻ, chính họ mới là quần chúng đông

đảo tụ tập tại các cuộc khai mạc triển lãm. Tay cầm ly, tay cầm *checkbook*, họ là những người đổ nhớt thường xuyên vào bộ máy thương mại của các nhà buôn Mỹ thuật phẩm.

Vậy chứ cái quần chúng đông đảo này, họ ưa thích cái gì? Họ sẵn sàng mở cuốn *checkbook* ra cho cái gì?

Câu trả lời, trước hết, họ là dân trưởng giả - trong nghĩa bourgoeois của Pháp: bảo thủ, thận trọng, chiu chắt. Các "old masters" và các bật thầy hiện đại, cố nhiên, ở ngoài vòng tay của họ. Còn những khám phá, những phát hiện mới mẻ, cuồng ngông thì họ ngờ vực, ngại ngùng, thường lựa chọn thái độ "để xem" cố hữu. Và cho "chắc ăn", họ đổ xô vào cái gọi là (một cách hời hợt, cẩu thả) "nghệ thuật hiện đại" (*contemporary art*). Thật ra đây chỉ là cái đĩa xào nấu lại từ những món từng được trình làng từ lâu. Có hương vị Âu châu: Ấn tượng, lập thể, siêu thực, tượng trưng. Có phong độ đặc thù Hoa Kỳ: những phong trào "về nguồn" (*back to the farm*), "lương tâm xã hội" (*Social conscience*) v.v... và cố nhiên, có những sắc màu bay đến từ xa: các thiểu số ngoài Tây phương, các thiểu số Trung, Nam Mỹ và Á Đông.

Công bằng mà nói, mặc dù những tác phẩm của "nghệ thuật hiện đại" rõ ràng mang âm hưởng những khám phá từ trước, vẫn thường ở một trình độ khá cao. Một phần do sự hiện diện sừng sững của những bậc tiền bối trong những viện bảo tàng cận kề, phần kia do sự cạnh tranh ráo riết của nhiều tác giả và *galleries* khác. Trong khi đó, những nghệ sĩ thiểu số (ngoài Tây phương) coi như lẻ loi, yếu ớt, lạc điệu. Cũng những âm hưởng đó, từ những khám phá đó (của Tây phương) từ vị trí người thưởng ngoạn Tây phương, Hoa Kỳ, nghệ thuật hiện đại của các thiểu số này, phải thành thật nói ra, có điều đáng nghi ngại. Từ những nền văn hóa và mỹ thuật xưa cổ mang nặng nét truyền thống địa phương, đa số những họa sĩ thiểu số, dù muốn dù không, cũng đã đi theo và sử dụng ngôn ngữ Tây phương vốn có nguồn gốc Hy La, Phục Hưng. Và như thế là, đương nhiên ở lãnh vực tạo hình, có sự khập khểnh trong sáng tạo (về phía người nghệ sĩ), cũng như có sự xa cách trong nhận thức (về phía người thưởng ngoạn).

Sự xa cách này càng bị phân hóa khi người nghệ sĩ thiểu số, vì mang nặng tình cảm cá nhân và tự ái quốc gia, cố tình đưa vào tác phẩm của mình những yếu tố "dân tộc". Những yếu tố hời hợt, dễ dãi. Chẳng hạn, hễ cứ đàn bà Ấn Độ là có đôi mắt thật lớn, "đen như nhung", quấn cái "sari" lộng lẫy. Chẳng hạn, những mô-típ Inca trong tranh sơn dầu Peru. Chẳng hạn, tà áo dài Việt Nam thướt tha, "suối tóc" đen ngời, "cây trái quê mình", "đầy ắp tình tự quê hương", vân vân... Hình ảnh quê hương, cố nhiên, là những gì rất thân thương của những nghệ sĩ tạo hình, vì chính bản thân họ cũng là con người với những tình cảm về nguồn cội và giống nòi. Nhưng những hình ảnh quen thuộc mến yêu đó không thể thay thế cho ngôn ngữ sáng tạo. Những hình ảnh đó lại càng vô nghĩa, vô vị khi chưa được biểu hiện bằng những phương thức tạo hình hiện đại có cá tính. Vì vậy, không có gì khó hiểu khi nghệ thuật của đại đa số

các họa sĩ thiểu số chỉ được coi như một thứ sản phẩm trang trí, có tính cách địa phương, ngụy trang dưới hình thức gọi là nghệ thuật hiện đại nhưng vẫn để lộ thân phận nhược tiểu đã từng bị đô hộ bởi các cường quốc "bạch quỉ"...

IV.

Những điều trên đây, viết ra chỉ để nói lên một sự thực: người nghệ sĩ thiểu số ở Tây phương chỉ có thể vượt trên hệ thống sản xuất nghệ phẩm thương mại, và chiếm được sự nể vì của một thành phần quần chúng nào đó đáng kể khi đã đạt tới một trình độ kỹ thuật vượt bực đi đôi với một tâm thức nghệ thuật siêu quốc gia. Như tác phẩm của các bậc thầy hiện đại Tây phương. Như mộc bản Munakata (Nhật). Như sơn dầu của Kitaj (Ấn). Như màu nước của Zao-Wu-Ki (Hoa). Trình độ và tâm thức đó quá hiếm hoi ở những nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, ở ngoài nước cũng như ở trong nước. Nhưng trước khi bàn đến chuyện Việt Nam chúng ta, thiết tưởng nên xét kỹ hơn liên hệ giữa giới sáng tác và giới thưởng ngoạn nói chung.

Có một nghịch lý cần được trực diện. "Thưởng ngoạn" (như trong giới "thưởng ngoạn" hội họa) không phải khi nào cũng có nghĩa "xem ngắm cái đẹp" (Đào Duy Anh). Có người dư giả thì mua tranh, tài chánh eo hẹp thì dành dụm mua tranh, lắm khi mua trả góp... Có người yêu tranh, bỏ thì giờ lặn lội đi coi tranh, ở bảo tàng viện, ở các *Galleries*, ở phòng vẽ (*studios*) của chính tác giả. Những họa phẩm treo trong nhà là bầu bạn của họ, đi ra đi vô, họ nhìn thấy tranh, thương yêu, rung động, giao cảm, sung sướng... Họ có thể là những tay kinh doanh, thương mại giàu có, họ có thể là những người đi làm với đồng lương cố định. Nhưng nói chung, đó là những người có học, có học trong nghĩa họ coi trọng văn hóa, văn học nghệ thuật. Người thưởng ngoạn như vậy không nhiều. Đa số còn lại mua tranh với lý do ưu tiên là để trang hoàng nhà cửa. Đó là một lý do có giá trị riêng của nó, dĩ nhiên. Nhưng có thể tạo ra một số vấn đề. Sự yêu thích hạn hẹp của người mua tranh vô hình trung giới hạn sự bung phá của người sáng tác. Và ngược lại, để thỏa mãn thị hiếu của người mua tranh, có những người sáng tác đành lòng hy sinh bản sắc của mình. Tình trạng này chỉ có thể gây thiệt thòi cho cả hai phía. Và dĩ nhiên, muốn đưa nghệ thuật lên cao, người sáng tác phải kiên trì giữ vững lý tưởng, nếu có, đã đành, mà người mua cũng phải sáng suốt tìm hiểu, học hỏi nhiều hơn về nghệ thuật, và tôn trọng sự tự do và thành thật của người nghệ sĩ.

Như đã phác qua ở bên trên, thế giới nghệ thuật Âu Mỹ, mà tượng trưng cực kỳ ác liệt là New York, người nghệ sĩ thiểu số khó mà chen chân vào lắm. Anh hay chị ta chỉ còn có cách là trưng bày tác phẩm của mình ở những cơ sở khiêm tốn hơn, ít được giới thưởng ngoạn thứ thiệt (biết ngắm tranh và có tiền mua tranh) bén mảng đến. Những cơ sở có tính cách địa phương (bản xứ) và có cộng đồng (thiểu số). Những cơ sở bất vụ lợi, thường được tài trợ và điều hành bởi một ngân sách rất khiêm nhường. Cũng vì thế mà khía cạnh

kinh tế (bán được tranh, trả được tiền cho tác giả) được coi như "không thành vấn đề". Phát huy văn hóa, phục vụ cộng đồng là những công việc đẹp đẽ, ích lợi, đáng được ca ngợi. Chúng ta chỉ ái ngại rằng chẳng những người nghệ sĩ không được nhận một số thù lao hay lợi tức nào mà lắm khi túi riêng còn bị thâm hụt một cách đáng thương xót. Tiếp tục đóng góp trong hoàn cảnh đó đòi hỏi ở người nghệ sĩ một đức kiên nhẫn và tính hào sảng khá lớn, một đòi hỏi phi lý, bất công.

Như đã đề cập đến ở trên, trình độ nghệ thuật và tâm thức siêu quốc gia quá hiếm hoi ở những nghệ sĩ tạo hình Việt Nam. Quá hiếm hoi mặc dù con người Việt tâm hồn phong phú và tài năng dồi dào không kém ai. Quá hiếm hoi bởi vì hoàn cảnh lịch sử, chính trị, môi trường kinh tế và giáo dục đã không hội đủ điều kiện để hun đúc tâm hồn đó, và phương tiện để trui rèn tài năng đó. Khó tìm được chỗ đứng trong hội họa thế giới, nghệ sĩ Việt Nam chỉ còn một con đường, đó là tìm lẽ sống và cách mưu sinh ở cộng đồng Việt Nam. Không phải với những họa phẩm được sáng tạo với tự do, kiên trì, bản sắc của mình, mà chỉ với những công việc lẻ tẻ như vẽ quảng cáo cho các cơ sở làm ăn, vẽ bìa sách, bìa báo, hộp băng nhạc v.v... Những công việc chỉ đòi hỏi một phần nhỏ nhoi khả năng của người họa sĩ (ngoại trừ trường hợp những nghệ sĩ "thiết kế", *designers, graphic artists* chuyên nghiệp). Làm gà mà cũng dao mổ trâu, đó là tình trạng sinh hoạt "hội họa" ở hải ngoại hiện nay.

Ngay đến những họa sĩ Việt Nam có cơ hội trưng bày những năm trước 1975, ngoại trừ một vài trường hợp hãn hữu, cũng chưa vượt qua khỏi vòng vây luẩn quẩn của hai trói buộc: bút pháp Tây phương được sử dụng để gói ghém, thường thường là vụng về yếu kém, những đề tài, hình ảnh một xứ "An Nam" "mộc mạc", "thanh bình", "duyên dáng"! Trói buộc nghệ thuật và tình cảm này lại được xiết chặt hơn nữa bởi một vòng đai thép: tiền bạc. Ngày xưa, có người mách lại với đại danh họa Edgar Degas là có ông họa sĩ nọ thành công lắm. Degas cười nhạt: *Et comment!*. Đây là một từ ngữ Pháp, khó chuyển ra tiếng Việt. Ý rằng: Ừ, chả "thành công" đó, nhưng vất vả quá! "Thành công" đó, nhưng tơi tả làm sao! Hội họa Việt Nam cam phận là đứa con thuộc địa. Khách hàng là thứ trưởng giả ở Pháp, rồi ở Mỹ, mang những hình ảnh "An Nam", "Đông Dương" ấy về nhà như một thứ hoa cỏ nhiệt đới, coi như thơm, như lạ cho vui nhà vui cửa, nhưng cũng đủ quen thuộc (địa) để khỏi bận tâm vì những khiêu khích và đe dọa của những ngôn ngữ dị thường. Trong lúc đó, giới thưởng ngoạn có tư cách hơn, "biết chơi" hơn, lại giữ một khoảng cách đáng ngại, và các nhà phê bình, các cây viết về mỹ thuật phớt tỉnh, "kính nhi viễn chi".

V.

Sau năm 1975, tình trạng đổi khác. Những cộng đồng Việt Nam tạo nên

một quần chúng đông đảo: thực khách cho các hàng ăn, thân chủ cho các luật sư, cho các vị chuyên lo dịch vụ này nọ, bệnh nhân cho các y sĩ, nha sĩ, độc giả cho các nhà văn, nhà thơ, thính chúng cho các nhạc sĩ, ca sĩ... và, cố nhiên, tuy rằng ít oi lắm lắm, khách chơi tranh tượng, cho các nghệ sĩ tạo hình.

Tình trạng chung có đổi khác, nhưng với người cầm cọ, có đôi điều éo le.

Một tác phẩm văn thơ là một công trình ý và lời, được chuyên chở bởi chữ nghĩa. Cuốn sách biểu thị sự hiện hữu ý và lời đó bằng một thực tại: giấy, chữ *in*. Thực tại ấy được sản xuất hàng loạt, cung cấp cho độc giả rải rác nhiều nơi. Cuốn sách được bán với giá dăm đồng, dăm chục. Một họa phẩm khác thế. Cũng là ý, cũng là lời, một thứ lời câm, một thứ lời hình ảnh, nhưng họa phẩm tự nó là một thực tại, một thực thể. Duy nhất. Giá bán có thể tương đối rất thấp mà cũng có thể rất cao. Nhưng dù thấp mấy đi nữa cũng cao hơn giá một cuốn sách, một bản của văn phẩm vừa mới xuất bản. Có thể mua một cuốn sách của nhà văn X, nhưng không thể mua văn phẩm của nhà văn. Khác thế, có thể mua một bức tranh của học sĩ Y, và làm sở hữu chủ của cả họa phẩm ấy. Dù muốn dù không, một tác phẩm, trong nghĩa một bức tranh, là một món hàng, một *commodity*, một *merchandise*. Họa phẩm, trong nghĩa sáng tạo mỹ thuật, nó phiêu diêu trong đầu, trong óc, trong tim người họa sĩ và người thưởng ngoạn. Bức tranh, nó lù lù ra đấy, nó có thể được đem đặt lên cân mà cân, lấy giấy mà gói, lấy xe mà chở đi. Và, nếu may mắn, nó hái ra tiền. Và cũng vì thế mà nó làm khổ người họa sĩ. Muốn tạo ra nó, không những chỉ phải có thì giờ như nhà văn nhà thơ, mà còn phải có cả không gian, một chỗ để dựng giá vẽ, đặt bàn vẽ, nơi để sơn, cọ, kềm, búa, và một trăm thứ lỉnh kỉnh khác. các vật liệu để dùng làm ra nó khá tốn kém. Vẽ bức tranh xong, lại phải đóng khung, móc dây, đóng đinh, treo lên. Treo ở đâu, như thế nào, cho ai v.v.. Chẳng phải vô cớ mà sau 75, số người cầm bút xuất hiện khá đông đảo trong khi số người cầm cọ, đếm đi đếm lại vẫn chẳng được bao nhiêu!

Đấy mới là chuyện vật chất, hình thức. Chuyện tinh thần, nội dung, phiền phức hơn nhiều. Viết văn, làm thơ, trước hết là sử dụng tiếng Việt. Có ngôn ngữ Việt, trạng huống Việt, tình tiết Việt (có vài trường hợp ngoại lệ, dĩ nhiên). Khoan nói đến chuyện kỹ thuật, nghệ thuật. Mới nói chuyện vật liệu, đã có chất Việt hơn cả nồi phở! Với thịt xương con bò Mỹ (hay Pháp, v.v...), bánh phở Thái, gia vị Tàu, nồi phở Việt Nam chứng minh hùng hồn rằng bất kể hoàn cảnh, bất kể xuất xứ của vật liệu, nếu có nghệ thuật là làm nên tác phẩm! Nghệ thuật là chính yếu, nghệ thuật tiềm năng tất cả sự độc đáo, bản sắc đặc thù của người nghệ sĩ. Chẳng phải văn nào, thơ nào cũng nhất thiết có nghệ thuật, nhưng chắc chắn là có vật liệu, hay nói trong một nghĩa bóng, chất liệu sáng tác. Tuy rằng chất liệu này không phải khi nào cũng biểu hiện được bản sắc của người viết, nó hiện hữu, nó đến với người đọc bằng con đường thẳng nhất, ngắn nhất. Hiểu hay không hiểu, khoái hay không khoái,

người đọc chỉ có thể... chịu. Cái tiếng Việt, lắm khi nó "ép" ta lắm. Nó là *Tiếng Mẹ* kia mà. Sức mấy mà cưỡng lại nó.

Chất liệu sơn, màu, chúng không ép được ai cả. Chúng nó nằm chình ình ra đó. Chẳng biết chúng nói tiếng gì, chúng nói cái gì. Nếu người ngắm tranh (thật tình, chả mấy ai "ngắm" tranh, số đông chỉ thấy thôi, "dòm" thôi) có khả năng tách bỏ hình ảnh, và chỉ thưởng thức nghệ thuật và bút pháp - nôm na là cái cách vẽ, cách sử dụng cây cọ, thao túng sơn màu - chuyện thường xảy ra là người ngắm tranh phân vân, bỡ ngỡ. Và, cuối cùng,... tránh né. Thế là mệt cho người nghệ sĩ. Và họa sĩ sẽ có một trong mấy thái độ. Hoặc "tịnh khẩu", và mang tiếng là kiêu căng, khinh người. Hoặc là nói qua quít cho xong chuyện. Hoặc là phân trần, giải thích (thường là không đi đến đâu). Hoặc là "từ nay xin chừa". Lòng nhủ lòng từ nay phải chiều chuộng khách chơi tranh hơn. Muốn gì có nấy, cho xong chuyện. Mà lại có tiền. Đã đành, "cơm áo không đùa với khách thơ". Biết rồi. Cơm áo cũng đâu có đùa với khách cầm cọ!

Cứ như thế, chúng ta, những người Việt Nam thường lưu tâm đến văn hóa, văn nghệ Việt Nam, có vấn đề lớn.

Một đằng, số đông giới thưởng ngoạn cứ ôm kè kè những quan niệm sáo cũ, ướt át, và hẹp hòi về những cái họ gọi là "tình tự dân tộc", là "màu sắc quê hương". Hoặc vì lười biếng, hoặc vì thiển cận, những vị này đã giới hạn và có khi làm cho teo tóp sự nẩy nở của những cây cọ đồng hương. Đằng kia, phía giới sáng tác, vì lý do này hay lý do khác, có người đã chấp nhận thỏa hiệp với những đòi hỏi có tính cách tình cảm và thương mại của đồng bào. Chi phối, điều động cả hai đằng là đồng tiền, đồng tiền muôn thuở.

Sau ngót mươi, hai mươi năm định cư, một số khá đông đảo người Việt hải ngoại đã từ lâu bước vào giai cấp trung, thượng lưu xã hội bản xứ. Nhà cao cửa lớn, xe này cộ kia; các máy móc tiện nghi trong nhà không thiếu một món; mùa đông thì đi trốn lạnh, mùa nóng thì đi nghỉ mát, du lịch thế giới Đông Tây Nam Bắc hàng năm, người cựu tị nạn không thua kém gì dân trung, thượng lưu đã nhiều đời là dân bản xứ. Chỉ thua kém chút đỉnh mà thôi. Về cái món thưởng ngoạn văn học nghệ thuật. Ở lãnh vực này, chúng ta còn mang nặng bản năng cố thủ của mới ngày nào ngơ ngác đặt chân lên mảnh đất của Thế Giới Tự Do. Các đấng mày râu khoái lái xe mắc tiền, ưa mặc com-lê lụa, nhưng chưa biết hưởng cái thú đi bảo tàng viện nghệ thuật, đi nghe các dàn nhạc đại hòa tấu, xem những vở kịch sống, v.v... Các bà các cô thì ung dung bỏ ra bạc trăm bạc nghìn cho nhan sắc, cho thời trang, nhưng mua sách, mua tranh, coi vẫn còn lơ là lắm lắm.

Chúng ta hãy nhớ lại rằng thưởng ngoạn là thưởng ngoạn, trước hết, cho chính mình. Cho mình "sướng". Không ai ép cả. Thi vô quốc tịch Hoa Kỳ, chẳng hạn, thì phải học bài về ông Washington, Jefferson, Lincoln. Lơ là với văn học nghệ thuật, chẳng chết ai. Chỉ chết mấy anh mấy chị cầm bút cầm cọ lẩm cẩm. Ai biểu! Và chết cho chính cái "tình tự dân tộc" mà giới "thưởng

ngoạn" thường không tiếc lời nhắc nhở một cách vô cùng thống thiết. Đấy là ở hải ngoại, nơi người Việt chúng ta, nói chung, đã thừa cái ăn cái mặc. Nói chi đến quốc nội, nơi tuyệt đại đa số đồng bào ta chạy cơm từng bữa toát mồ hôi.

VI.

Chúng ta nghe nói nhiều đến những năn gần đây, các *galleries* (viết bằng tiếng Pháp kia) mọc lên tùm lum trong nước, đặc biệt ở Sài Gòn. Con đường Tự Do cũ (nay là Đồng Khởi) ngắn vậy mà đếm được gần chục cái tiệm bán tranh. Để qua một bên các thứ lỉnh kỉnh như "tranh" sơn mài, cẩn xà cừ sản xuất hàng loạt, các thứ voi sành với lại rùa đồng, v.v..., thấy những tranh sơn dầu, màu nước được trưng bày la liệt với đủ loại đề tài. Điều lạ lùng là có bức đề giá tới mấy nghìn đô la Mỹ. Hỏi chơi chơi thì được trả lời rằng khách ngoại quốc và Việt kiều về thăm nhà mua rất nhiều. Hỏi kỷ hơn thì không phải thế. Việt kiều về thăm quê cũng có mua, như chúng ta ở ngoài nước thường nghe nói, nhưng đâu có nhiều. Bởi chăng Việt kiều có ba bảy thứ Việt kiều. Có phải ông bà Việt kiều nào cũng có khả năng xoay ra cái vé máy bay khứ hồi, ăn ở khách sạn nhà hàng, dấm dúi cho bà con bè bạn, rồi còn thừa sức bỏ ra vài "thiên" mang một bức tranh về Âu Mỹ! Tranh của họa sĩ Việt Nam chính hiệu nước mắm ở hải ngoại, có thấy bao nhiêu Việt kiều mua đâu, mặc dù chỉ để giá vài trăm.

Khách hàng cũng không nhất thiết là dân du lịch ngoại quốc. Đừng tưởng người ta ngù ngờ. Ở Paris, New York, ở Đài Bắc, Hán Thành, tranh triết phần đông ở trình độ đó vài trăm người ta còn chưa mua, nói gì vài ngàn. Hỏi kỷ nữa thì được biết quần chúng mua tranh là giới có tiền trong nước! Mới giàu. Có tiền nhưng không có gì để tiêu pha, ngoài chuyện... làm giàu thêm, ngoài ăn nhậu, xoa xòe. Cho nên mới bỏ bạc ngàn (đô-la) mua tranh. (Chúng ta hãy nhớ rằng lương tháng một bác sĩ phục vụ đã lâu năm ở một bệnh viện vào khoảng 50 đô- la).

Ở ngoài nước, họa sĩ Việt Nam chiều chuộng đồng bào, sẵn sàng cung cấp "hình ảnh quê hương' và "màu sắc dân tộc", đồng bào có khả năng tài chánh tương đối đông đảo, nhưng bỏ tiền ra mua tranh chẳng có mấy ai. Ở trong nước, giới có tiền mua tranh là một thiểu số quá, quá nhỏ trong một đại đa số đói rách bần cùng. Các họa sĩ trong nước lại tranh sống và sáng tác trong một môi trường hạn hẹp, thiếu thốn mọi mặt, thiếu thốn không gian, thời gian, sơn cọ vật liệu cũng như thiếu thốn cơ hội đối chiếu học hỏi với thế giới bên ngoài. Mới được qua viếng một vài nước lân bang ở Đông Nam Á mà có người đã tưởng rằng đã ra khỏi lạch và đến biển khơi rồi!

Thế nào cũng có bạn đọc nghĩ rằng người viết đã "vẽ" nên một cảnh tượng quá u ám buồn bã. Cứ khách quan mà xét, thôi thì xem như là những điều nêu ra trên đây có thể đúng mà cũng có thể sai, hiện tại không ai có thể đoan

chắc đúng hay sai một trăm phần trăm được. Người viết chỉ sẵn sàng chấp nhận thử thách của thời gian. Trong tương lai, những điều này có thể được biết đến như những sự kiện cụ thể, và thế hệ ngày mai sẽ đọc bài viết này như lời báo động kêu lên với tất cả sự đau đớn của một người suốt đời tâm niệm hội họa và quê hương. Bởi chăng có một sự kiện không ai chối cãi được: cũng như những sinh hoạt văn hóa khác, một nền hội họa chỉ có thể tồn tại khi nó vươn tới, khi có sự khai phá và canh tân. Không khai phá là hội họa ao tù nước đọng, là nước chết, nước thối. Chúng ta hãy nhìn qua bên văn thơ thử coi.

Chúng ta có thể bàn luận đủ điều về chữ nghĩa này nọ, nhưng trước sau văn thơ vẫn *không chỉ là* câu chuyện của chữ nghĩa mà thôi. Văn thơ là câu chuyện của cuộc đời, của sự sống, của "trăm năm trong cõi người ta". Trong khi đó, chúng ta đừng bao giờ quên, thực tại vật chất của hội họa thấy được bằng mắt, sờ được bằng tay, đó chính là bản chất của hội họa. Bút pháp, kỹ thuật, tư tưởng, tình cảm gắn liền với nhau, không tách biệt ra được. Vì thế nó phải thật. Không thật trong nghĩa tả chân, tả thực. Thật trong nghĩa nó là một biểu hiện của thực tại. Hoa hướng dương Van Gogh *là* hoa hướng dương, thật hơn cả hoa hướng dương có thể thấy ngoài đời. Ngoại trừ vài trường hợp hiếm hoi, mấy chục năm qua, hội họa Việt Nam vẫn chưa *thật*. Vẫn *hình như* là thế này, *hình như* là thế kia. Thế này thế kia của những trường phái Tây phương, đặc biệt Pháp quốc từ cuối thế kỷ thứ 19 đến trước Thế Chiến II. Lúc nào cũng *hình như*, không thật tình là cái gì cả. Không thật vì chỉ là dư âm, dư ba, dư vị.

Trong bài viết của họa sĩ Nguyễn Quỳnh (*Hợp Lưu* số 10, trang 31) ông có nhắc lại lời họa sĩ Ngy cao Nguyên, hội trưởng Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam sau khi mang tranh của hội viên sang triển lãm ở Hoa Kỳ, trở về (...) đã tâm sự: "người Mỹ bảo hội họa chúng ta là sự thoái hóa của hội họa Pháp (*French decadence*). Người Viết đoán rằng họa sĩ Ngy Cao Nguyên muốn nói "French painting in decadence". Và nếu người viết nhớ đúng thì cuộc triển lãm đó được tổ chức bởi Đại Sứ Quán VNCH tại Washington, DC năm 1968.

Từ bấy đến nay là một phần tư thế kỷ. Bao nhiêu vật đổi sao dời. Trong 25 năm trời, thơ văn Việt Nam cũng đã bao phen "nổi trôi theo mệnh nước". Tết Mậu Thân 68, Mùa Hè Đỏ Lửa 72, Tháng Tư 75, sau Tháng Tư 75, ở hải ngoại, ở quốc nội, trong các trại tị nạn, chữ nghĩa Việt Nam cứ trườn mình đi tới, nơi này thì gân guốc dữ dằn, chỗ kia thì ốm o ngơ ngác, có khi điệu nghệ óng chuốt, lại có khi thô kệch sàm sỡ, nó tiếp tục khóc tiếng khóc của con người Việt, nó tiếp tục cười tiếng cười của con người Việt. Thử hỏi trong thời gian đó, hội họa Việt Nam đã làm được những gì? Hay vẫn cam làm cái phận "hình như là..."

Chúng ta, người Việt nói chung, không cần vỗ vai nhau ra cái điều vừa ca ngợi vừa an ủi nhau. Chúng ta hãy để qua một bên những câu nói, câu viết vô bổ có tính cách đãi bôi nhảm nhí. Những câu đại để: "Hội họa Việt Nam

mang nặng chất trữ tình, chan hòa màu sắc dân tộc"; "Hội họa Việt Nam đang trên đà bắt kịp các trào lưu thế giới", v.v... Thay vì sơn quét màu mè như vậy, chúng ta hãy nhìn rõ sự thực. Và sự thật là hội họa Việt Nam chỉ có thể vững mạnh,tiến tới, nếu có những nghệ sĩ Việt Nam sống chết với nó, nếu giới thưởng ngoạn, đặc biệt giới thưởng ngoạn Việt Nam, bỏ công bỏ của nuôi nấng nó, hỗ trợ nó.

Chuyện người trong nước, đặc biệt trong lãnh vực mỹ thuật, người ở xa hãy lưu tâm nhưng không lạm bàn. Xin nói chuyện người ngoài nước một cách cụ thể.

VII

Về phía người sáng tác

Nếu "vợ con đùm đề", và "củi lửa nguội lạnh" quá rồi (chữ của một ông bạn mới gọi phôn tả oán sáng nay) thì nên gác cọ đi luôn, bứt rứt cựa quậy làm chi cho khổ tấm thân. Mình vẽ không được thì có người khác vẽ. Không mợ chợ vẫn đông, lo gì. Gác cọ nhưng hãy bình tâm và thành thật. Đừng lâu lâu, để người ta đừng quên mình, quẹt bậy quẹt bạ vài nét cho thiên hạ làm cái bìa hay cái phụ bản. Người ngoại đạo, họ không rõ, cũng được đi. Người trong nghề, người rành, không qua mắt họ được đâu, họ cười cho, dù là cười thương hại, kỳ lắm.

Nếu củi còn âm ỉ, lửa còn ấm nóng, mà thấy cần chất xúc tác thì nên... học hỏi thêm. Thật đó, ông Proust, quanh năm suốt tháng chui rúc trong một căn phòng đóng kín, kéo màn tối mò mò, ông Tolstoi hết làm nhà nông đến làm nhà bất bạo động, hàng năm không bước chân đến chốn thị thành, bà Austen viết văn, bà Dickinson làm thơ đều được coi như bậc sư mẫu, mà suốt đời ru rú ở nhà. Vậy mà các vị ấy để lại những tác phẩm bất hủ. Hội họa nó khác. Nó giống khoa học ở chỗ nó phải phát minh. Nó đi tìm hoài. Vì thế người họa sĩ phải lưu tâm đến những gì mới mẻ trong nghề của mình ngoài chuyện tiếp tục học hỏi mãi ở các bậc tiền bối. Được biết có người họa sĩ Việt Nam qua Mỹ mười mấy năm trời chưa bao giờ biết mặt mũi bên trong cái bảo tàng viện mỹ thuật nó như thế nào. Ông ơi, cái xứ Cờ Hoa này, không phải chỉ có *gas stations*, và *hamburgers* đâu. Làm con chim chết đói trong kho lúa thì được cái gì, phí của trời lắm.

Các bạn cầm cọ trẻ tuổi, mới vào nghề, hay chưa vào nghề: người viết xin kể câu chuyện thật rất ngắn này này tặng bạn. Ngày xưa, hồi người viết còn học năm cuối trung học, có bà giáo cười cười hỏi cậu học sinh này: "Chớ sau này học ra em muốn làm (nghề) gì?". Thưa: "Em đi tu ạ". Ở tuổi đó, người ta khoái nói ngông. Bà giáo cười: "Không, em sẽ không đi tu đâu. Em sẽ là một họa sĩ. Họa sĩ hay tu sĩ, cũng vậy thôi à". Bây giờ, râu đã bạc, thấy bà giáo ngày xưa nói trúng phóc. Đã làm họa sĩ hay tu sĩ, thì không gồng mình để được "như người ta". Hãy biết trước, và hoan hỉ chấp nhận, là suốt đời mình sẽ... nghèo. Họa sĩ giàu, hiếm lắm. Và chỉ có hai thứ họa sĩ giàu. Một

là đại tài. và may mắn dàn trời. Hai là đánh đĩ cây cọ như điên. Bạn muốn làm thứ nào? Các cụ ngày xưa vẫn dạy: tri túc! Nguyễn Bỉnh Khiêm, từng đỗ trạng nguyên, từng được phong tước quận công, từng làm thượng thư, vậy mà mới ngoài 50, rút lui về vườn, cho chuyện ăn măng mùa thu, ăn giá mùa đông đã là sung sướng lắm rồi, và có thế mới để lại cho chúng ta nào *Bạch Vân Am Tập*, nào là *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi*. Ngày nay, thân chúng ta ở Âu Mỹ nhưng chỉ cần nên lấy tiêu chuẩn Âu Mỹ mà đo khi xét chuyện học hỏi, làm việc, sáng tác. Khi xét chuyện cơm áo, ngựa xe, nên lấy tiêu chuẩn Việt Nam thì hơn! Buổi sáng mở mắt ra, biết rằng mình không đói không lạnh thì không nên đòi hỏi gì nhiều nữa. Sống và nghĩ như thế mới hòng theo đuổi hội họa một cách nghiêm chỉnh và thủy chung. Mới không bị giới "thưởng ngoạn" lợi dụng, thao túng. Và hãy dứt khoát gạt bỏ cái thành kiến sai lầm là họa sĩ Việt Nam khó có thể sống còn ở Âu Mỹ vì sự khác biệt chủng tộc, văn hóa v.v... Mặc dù chỉ có 5% trong tổng số nghệ sĩ tạo hình ở Hoa Kỳ kiếm đủ sống, Hoa Kỳ vẫn là một trong những nước trên thế giới, ở cấp liên bang cũng như ở cấp tiểu bang, chi nhiều nhất cho văn học nghệ thuật, và một trong những nước có một giới thưởng ngoạn trình độ cao nhất. Nếu 95% số nghệ sĩ còn lại phải kiếm sống bằng cách khác (ngoài nghề chính của mình) không phải vì Hoa Kỳ không chú trọng đến văn học nghệ thuật, mà vì phần đông người ta chỉ mua sách, mua tranh khi người ta có đủ tất cả các thứ "nhu yếu" khác rồi. Bạn đọc cứ làm một bài tính sơ sơ xem thử năm nay bạn đã tiêu hết bao nhiêu tiền cho văn học nghệ thuật! Sự thật phũ phàng này đưa ta đến chuyện hỗ trợ của người Việt hải ngoại cho văn học nghệ thuật Việt Nam ở ngoài nước nói chung, cho hội họa nói riêng.

Về phía giới thưởng ngoạn

Như đã nói trên, sau nhiều năm định cư, có một số đông đảo người Việt đã tạo nên được một nếp sống kinh tế khá giả. Đáng mừng, cho họ, và gia đình họ. Đáng mừng hơn nữa nếu số đồng bào này vừa làm đẹp nhà đẹp cửa vừa, một công hai việc, giúp một tay bồi đắp hội họa Việt Nam. Một bức tranh vài trăm đô- la, dù có vài ngàn đi nữa, thật ra có là bao khi xét cho kỷ cái thú nó đem lại. Năm này qua năm khác, suốt đời - *a lifetime investment!* Tiếng Việt ta, như ta vẫn biết, ý nhị lắm. Chúng ta chẳng những có chữ "giàu" rồi mà còn có chữ kép "giàu sang". Giàu là giàu tiền giàu bạc. Sang là biết sử dụng cái giàu của mình, sử dụng có nghệ thuật, có cung cách, có tiêu chuẩn, nói gọn là có văn hóa.

Người giàu sang có sẵn tiền để mua tranh. Ngay cả những vị có lợi tức khiêm tốn cũng có thể mua tranh. Không nên e ngại, rụt rè. Với một ngàn đô-la bạn có thể mua một họa phẩm Việt Nam vào hạng "khá". Nếu trả góp trong ba năm thì mỗi ngày phải trả không đến... một đô. Một năm 333 đô. Bạn hãy thương lượng với tác giả thử coi. Làm giấy tờ cho đàng hoàng, *businesslike*, tác giả chịu là cái chắc!

Tuy nhiên, cũng xin lưu ý quí vị chơi tranh đôi điều. Không phải chỉ có tiền mua tranh là quí vị có thể yên tâm mình đóng góp vào công cuộc cứu sống hội họa Việt Nam. Quí vị chỉ đóng góp khi quí vị hỗ trợ mà không đòi hỏi, không đặt điều kiện. Là một người trong nghề, người viết có dăm ba đề nghị sơ sài:

Đừng chỉ mua tranh của những họa sĩ đã thành danh. Thấy tranh của những họa sĩ trẻ, ít người biết đến, mà quí vị thích, cứ mua. Thường là giá rẻ. Sống với tranh. Tìm hiểu nó. Yêu nó. Biết đâu lại khám phá ra một thiên tài! Cũng thú lắm chứ.

Mua tranh của các họa sĩ tên tuổi, tiện lợi hơn. Dù sao, tên tuổi cũng là một thứ nhãn hiệu đã được "cầu chứng". Tuy vậy, không có gì bảo đảm rằng vì đã chi một số tiền đáng kể là tất nhiên quí vị rước được về nhà một tác phẩm có giá trị lớn. Nếu tác giả là một nghệ sĩ chân thành, anh hay chị ta sẽ chỉ cho quí vị xem tác phẩm nào là tác phẩm ưng ý của họ. Đó là tác phẩm nên mua. Lý do vì đối với họa sĩ, tác phẩm ưng ý là tác phẩm trong đó người họa sĩ đã có những cố gắng và biết mình đã tiến bộ và đạt những thành quả đặc biệt. Nên mua tác phẩm ưng ý của tác giả hơn là mua tranh có vẻ hấp dẫn đối với quí vị chỉ vì có đề tài quen thuộc, tình cảm, đại loại "màu sắc dân tộc", v.v... Một họa sĩ có tự trọng không ngần ngại phê phán tác phẩm của mình một cách công khai.

Tuyệt đối không đòi hỏi, không làm áp lực với tác giả về bất cứ khía cạnh nào của tác phẩm. Tôn trọng sự tự do và chọn lựa của người nghệ sĩ.

Khuyến khích nhắc nhủ bạn hữu, đồng nghiệp... những người tương đối có khả năng tài chánh tham dự vào cuộc... mạo hiểm này. Tương lai hội họa Việt Nam một phần nằm trong tay quí vị!

Chúng ta đọc truyện, xem phim, đều biết ít nhiều về cuộc đời thê thảm của Vincent Van Gogh. Dĩ nhiên, không phải bất cứ họa sĩ "mát mát" nào, với sự nghiệp tăm tối nào cũng là một thiên tài bị định mệnh trù dập, bị đồng loại bỏ bê. Nhưng thà là chúng ta lầm vì khuyến khích, hỗ trợ 9 họa sĩ tầm thường còn hơn là e ngại, rụt rè, xem nặng đồng tiền quá đáng, để bỏ quên một họa sĩ tài hoa trong số mười người bị rẻ rúng.

VIII.

Đó là những ý kiến, những nguyên tắc chung chung. Duy có một sự thật căn bản chúng ta nên nhắc đi nhắc lại. Đó là một nền văn hóa, nghệ thuật, khoa học, không ở trên trời rơi xuống. Đó là thành quả của hàng ngàn, hàng vạn khối óc, trái tim và bàn tay.

Chúng ta nói đến hội họa Pháp với sự ngưỡng mộ đặc biệt. Chúng ta hãy nhớ lại rằng đại tác phẩm "Cơm Trưa Trên Cỏ" (*Le déjeuner sur l'herbe*) của Edouard Manet, người hùng của ấn tượng họa, khi đem trưng bày năm 1863 (hai mươi năm trước ngày kinh đô Huế thất thủ) đã bị hoàng đế Napoléon III cầm roi ngựa quất cho một roi vì cái tội "thiếu đạo đức" (dưới

mắt người đương thời). Rằng thuở hàn vi, Picasso phải đốt tranh của mình trong lò sưởi để giữ ấm. Rằng Modigliani bán tranh quá ế phải đem đổi lấy bánh mì. Những giai thoại này kể lại không hết.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng có Théo, Vincent van Gogh mới tiếp tục cầm được cây cọ trong bao nhiêu năm túng quẩn bệnh hoạn. Và chúng ta biết ơn bác sĩ Gachet đã giúp đỡ, cả tinh thần lẫn vật chất, rất nhiều tác giả những bông hoa hướng dương mà ngày nay khắp thế giới, cả những người dốt đặc về hội họa cũng biết trầm trồ ca ngợi! Và biết ơn bác sĩ (Mỹ) Barnes đã mua *trên năm mươi* tác phẩm Soutine và nhờ đó Soutine thoát ra khỏi giai đoạn tăm tối nhất trong đời ông.

Người nghệ sĩ, không cứ gì trong giới hội họa, mà còn ở nhiều giới khác, chẳng những đóng góp tim óc mình vào tác phẩm của mình mà nhiều trường hợp, rất nhiều, còn gồng mình làm công việc sáng tạo trong cô đơn, nghèo túng, trong sự thờ ơ, dè bỉu của quần chúng. Tình trạng này đôi khi cũng có nguyên do ở cung cách của chính người nghệ sĩ.

Trước kia, dưới chế độ phong kiến, đại đa số dân dã Việt Nam nghèo đói, dốt nát cho nên người có học, người "hay chữ" được tôn kính và xưng tụng quá đáng. Đến thời thực dân đô hộ, "ông nghè ông cống cũng nằm co", có người mới xí xô chỉ vài ba chữ "Pháp-lang-sa", mới lõm bõm đọc lên được dăm câu thơ của "La-mạc-tin" hay "Đờ-vi-nhi", hay viết đôi ba bài văn thơ chữ quốc ngữ, đã vênh váo ta đây, kiêu căng rất mực, không coi thiên hạ ra gì. Mãi về sau, sau 54, rồi sau 75, căn bệnh coi trời bằng vung ấy có thuyên giảm phần nào, nhưng chưa hẳn đã tuyệt nọc. Ngồi quán, khề khà ly rượu, nhâm nhi tách cà phê, những kẻ gọi là "trí thức", "cầm bút", "văn nghệ sĩ", mở mồm ra là chỉ để ban bố những kiến thức văn học nghệ thuật Đông Tây mót lượm được đây đó, chỉ để phun ra những lời khinh bạc, chua cay. Và trong lòng chắc như đinh đóng cột rằng mình có tài là mình hơn người không có tài, rằng mình "tài lớn" là mình hơn đứa "tài nhỏ". Những thành kiến không những sai lầm, kiêu ngạo, mà còn lạc hậu, ngu xuẩn. Chẳng trách quần chúng nói chung, giới thưởng ngoạn nói riêng, họ bực mình. Họ bảo nhau: "Mấy ông nghệ sĩ ấy mà!" Rồi lắc đầu, bỏ qua, tha thứ, kiểu như đối xử với con nít, với người khật khùng.

Trong khi đó, người nghệ sĩ chỉ cần ngắm một cái hoa, bất cứ hoa nào, thì biết rằng mình dại dột. Trời Đất khiến cái hoa nó nở thì nó nở. Nó chẳng thua ai mà cũng chẳng hơn ai. Nở chán chê, nó héo, nó tàn. Cuối cùng, nó tan vào lòng đất với một sự thật: nó đã đem lại cho đời một ít màu sắc, một tí hương thơm, nếu có. Thế thôi. Đệ nhất thi hào nước Việt há chẳng đã nhắn nhủ: "Thiện căn ở tại lòng ta. Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" đó sao?

Gần đây, giới y khoa bước một bước tiến thật dài. Có những người đàn bà, người vợ khỏe mạnh bình thường, nhưng vì một lý do nào đó không thể mang thai được. Bác sĩ bèn lấy một cái trứng của bà rồi, trong phòng thí

nghiệm, "thụ sinh" (*fertilize*) nó với tinh trùng của ông chồng, của người đàn ông. Đoạn cấy cái trứng đã có "mầm" ấy vào tử cung một bà một cô nào đó đã chấp nhận mang dùm cái thai, và chín tháng sau, đẻ dùm đứa con! Nghĩ cho cùng, công việc của người nghệ sĩ sáng tạo có khác gì công việc của người đàn bà mang thai dùm này lắm đâu. Từ cõi hỗn mang, Trời Đất cấy vào người nghệ sĩ một cái "mầm" nghệ thuật, và sau một thời gian dài mang nặng, ngườ nghệ sĩ cũng đẻ đau ra tác phẩm. Người nghệ sĩ là gì nếu không là một thứ "thợ đẻ" của Đất Trời? Quần chúng thưởng ngoạn cứ việc làm ông bà nội ngoại, cứ vui hưởng cháu chắt thả dàn mà khỏi mang khỏi đẻ, khỏi thay tả, khỏi nấu cơm... Nếu quần chúng thưởng ngoạn ý thức được công việc của người nghệ sĩ là thế đó, có lẽ sẽ biết yêu chuộng nghệ thuật hơn, và thương mến người nghệ sĩ hơn. kể cả những nghệ sĩ trót dại mang thói kênh kiệu, khật khùng.

Và như vậy thì chỉ có lợi cho cả đôi bên. Và, về lâu về dài, có lợi cho quê hương dân tộc. Cho cả nhân loại.

VÕ ĐÌNH
Hạ 1993



VĂN CAO

không nhớ

Tôi không còn đủ nhớ
tuổi của tôi năm tháng bao nhiêu
bao nhiêu tỉnh thành bao nhiêu chỗ ở
bè bạn buồn vui
mù mịt như sương mờ

Tôi chỉ còn thoảng nhớ
một cái nhớ thuộc về cơ thể
những vết roi còn nằm trong da thịt nhiều năm
những tiếng chửi vọng suốt thời tôi sống
chung quanh tôi những bát gạo giúp nhau
của những người tôi không nhớ nổi
tuổi của tôi năm tháng bao nhiêu

VĂN CAO
(Trong nước)



CHÂN PHƯƠNG

ngụ ngôn của con voi đói

Cơn bão cấp mười ba rơi hụt
giữa hai hội nghị lý luận văn chương

Chiến tranh cãi nhau với bức tường
xương quay qua gây sự với không khí

Tất cả vẫn còn quá trừu tượng
con mắt nhấp nháy ngầm với tấm gương

Trước cửa văn miếu
cái mồm ngậm đầy thịt cơm

Cố gắng thuyết phục dạ dày và tử cung
về tính ưu việt của kinh tế thị trường

happy end

Chấn song phủ nhận vách nhà tù
mày không phải phe tao

Ổ khóa công kích còng số tám
biện pháp tụi bay thô bạo

Con lạc đà cuối cùng
chui lọt lỗ trôn kim

Tôi cố đút đầu
vô hậu môn của nó

CHÂN PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

"CON THUYỀN BUỘC MỘT MỐI TÌNH NHÀ" (1)?
nguyễn bính (1918-1966)



Nguyễn Bính và Thế Lữ là hai người đã dạy tôi yêu thích thơ mới từ hồi còn nhỏ. Bây giờ đọc Nguyễn Bính tôi vẫn còn thích rất nhiều bài, nhưng mỗi lần đọc tôi không khỏi hơi "bỡ ngỡ" trước mối thân thiết hiếm có của thi sĩ dành cho người chị đã đi lấy chồng từ sớm: tuy xa cách mà lúc nào Nguyễn Bính cũng tưởng đến chị, tâm sự với chị, viết hàng chục bài thơ tặng chị... Con số này thực ra không đáng kể bên cạnh những bài thơ tình đủ loại Nguyễn Bính viết ra: từ những mối tình vu vơ, nhè nhẹ đến những bài thơ lâm ly, căm hận, thống trách người yêu phụ bạc. Trong cái thế giới của thi nhân, mộng và thực lẫn lộn, điều này không có gì quan trọng miễn là thơ hay. Chỉ vì muốn đào sâu vào tâm hồn Nguyễn Bính, chúng ta cố gắng thử xem có thể nhận định đâu là chân, đâu là giả.

I. Tình vu vơ, tưởng tượng.

a) "Tình vu vơ" chỉ vào những bài thơ tình không có đối tượng, hoặc đối tượng tuy có mang tên người bằng xương bằng thịt song cũng chỉ là tình tưởng tượng trong óc thi nhân. Vì không phải sự thật, loại thơ tình này mang những nét chung của bất cứ một mối tình nào:

cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bướm nhiều hoa...
(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi).
... Từ ngày cô đi lấy chồng
Gớm sao có một quãng đường mà xa!
Bờ rào cây bưởi không hoa,
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo. *(Quê Nhà, 1936)*

hoặc:

Hồn anh như hoa cỏ may
Một chiều cả gió bám đầy áo em. *(Hoa Cỏ May)*

hoặc nữa:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng... *(Tương Tư)*

Trong những bài thơ tình vu vơ này, đối tượng thường không có tên, thi sĩ chỉ gọi là "em", là "nàng", là "cô". Tình cũng không có gì sâu đậm, dù yêu, dù ghét, dù giận, nó chỉ nhè nhẹ, thoang thoảng.

b) Song cũng có khi Nguyễn Bính không ngần ngại gọi đích danh người mình yêu ra như "Oanh", "em Nhi" v.v... Đọc "Dòng Dư Lệ", đề tặng T.T.Kh., ngoài "Vườn Thanh", thi sĩ không đưa ra thêm một bằng chứng nào cho thấy hai người thực sự có quen biết và đã yêu nhau. Chẳng qua Nguyễn Bính đọc thơ T.T.Kh. rồi nẩy hứng muốn viết một bài thơ tả mối tình dang dở này. Nguồn cảm hứng vì T.T.Kh. cũng chỉ giúp Nguyễn Bính thảo được có một bài thơ là cạn, khác hẳn với trường hợp của Anh Thơ.

c) Mối tình tưởng tượng với "em Nhi" (đề tặng Hạnh Cẩn) hơi khác. Nhi là bạn gái thuở thơ ấu của Nguyễn Bính. Cả hai cùng là:

Học trò trường huyện ngày năm ấy
Anh tuổi bằng em, lớp tuổi thơ *(Trường Huyện, 1938)*

Hai người dĩ nhiên thường chơi chung với nhau, đôi bên gia đình đều là chỗ quen biết:

Hai đứa thường nhân buổi vắng nhà,
Người ta bắt chước chị người ta
Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đầy nồi cất nước hoa. *(Hoa Với Rượu, 1941)*

Khi Nhi vào khoảng 10 tuổi thì gia đình dọn đi xa, từ đấy hai người bặt tin nhau. Nguyễn Bính tưởng tượng một ngày kia tình cờ gõ cửa nhà lạ xin trọ một đêm bỗng gặp lại Nhi, hai người ôn chuyện cũ và cuối cùng:

Vườn xuân trắng xóa hoa cam rụng

Tôi với em Nhi kết vợ chồng. (Hoa Với Rượu)

Tình Nguyễn Bính đối với Nhi là thứ tình thơ ngây, thơ mộng, thấp thoáng màu trắng và thoang thoảng hương hoa cam.

d) Với Oanh, Nguyễn Bính không thoải mái xưng "anh, em" như với Nhi. Vì sao?

- Ba năm trở lại đất Hà Đông,
Người cũ, cô Oanh má vẫn hồng,
Tóc vẫn bỏ lơi, răng vẫn trắng,
Vẫn ngồi lơ đãng liếc qua song.
... Nhưng vẫn vô tình với khách thơ... (Vô Tình)

Vì tình không được đáp ứng, nhà thơ xoay ra "mơ truyện thần tiên":

Giá có phép tiên tôi nắn được
Một người xinh đẹp y như Oanh,
Để tôi âu yếm, tôi yêu dấu,
Tôi giắt nàng đi trước mặt Oanh.
Hốt hoảng trông tôi, Oanh hối hận:
"Với ai ta đã quá vô tình!"... (Mơ Truyện Thần Tiên)

Tình của Nguyễn Bính đối với cô Oanh là thứ tình đơn phương, một chiều, nhẹ nhàng và không sôi nổi.

e) "Oan nghiệt". Tuy nhiên, có một mối tình rõ ràng 100%, không thật mà lại gây cảm động mạnh cho người đọc. Khoảng mùa thu năm 1941, khi đang ở Huế thì Nguyễn Bính nhận được "tin buồn":

lại còn một chuyện buồn hơn cả
Là chuyện con Dung đẻ tháng ngày (2) (Giời Mưa Ở Huế)

Tại sao Dung đẻ mà lại buồn?

Hôm nay bắt được thư Hà Nội,
Tôi được tin Dung đã đẻ rồi,
Công chúa, tháng ngâu, ngày nguyệt tận,
Bao giờ tôi biết mặt con tôi? (Oan Nghiệt)

Thì ra đứa con vừa ra đời không phải là đứa con mong đợi của cha mẹ: mẹ là kỹ nữ và cha chỉ là một nhà thơ nghèo:

Tiền cha không đủ hoàn lương mẹ
Thì lấy đâu mà nuôi nấng con? (Oan Nghiệt)

Nhà thơ vì nghèo, vì quen lối sống buông thả vô trách nhiệm, để mặc Dung lo cho con, chính mình không giúp đỡ gì ngoài mấy câu thơ tắc trách rồi thả dòng tư tưởng lan man đến một cuộc gặp gỡ "oan nghiệt" giữa hai cha con mười sáu năm sau:

Con mười sáu tuổi xuân đang độ

Cha bốn năm mươi chửa trót già.
Cha buồi tiễn bạn hơi thu quạnh
Con thẹn che đàn nửa mặt hoa.
"Chàng, chàng, thiếp, thiếp" vui bằng được,
Bố, bố, con, con, chẳng nhận ra!

Một lứa bên trời chung lận đận
Thương nhau cha soạn khúc Tỳ bà.
Áo xanh mà ướt vì đêm ấy
Tội nghiệp con mà xấu hổ cha!
"Khóm cúc tuôn đôi dòng lệ cũ
Con thuyền buộc một mối tình nhà..." (1)

Bài thơ rất hay, gây xúc động nhiều cho độc giả thời ấy, nhưng xét về mặt tình lý thì có chỗ không ổn:

- "Bao giờ tôi biết mặt con tôi?". Nguyễn Bính lúc ấy sống ở Huế, Dung ở Hà Nội, muốn gặp chỉ cần lấy vé tàu trở về Hà Nội là gặp chứ có khó gì? Cho dù ngay khi ở Hà Nội Nguyễn Bính không muốn gặp mẹ con Dung song Hà Nội nhỏ bé, chẳng chóng thì chầy, cũng sẽ có người mang tin mẹ con nàng đến tai Nguyễn Bính, có trốn cũng không được.
- Nguyễn Bính kể lể với chị rằng mình bỏ Hà Nội đi vì thất tình:

Em đi mất tích một mùa xuân
Đi để chôn vùi hận ái ân... (Khăn Hồng)

Tuy vậy vẫn đinh ninh trong dạ lời chị khuyên:

Em vẫn nghe lời chị: "thủy chung"... (Khăn Hồng)

Có lẽ đó là sự "thủy chung" trong óc và trên thơ, còn sự thật cho thấy bài "Khăn Hồng" trích trong "Lỡ Bước Sang Ngang" xuất bản năm 1940, và đến mùa thu năm 1941, thì Dung đẻ. Đã thế, mặc dầu không làm gì giúp mẹ con Dung, nhưng Nguyễn Bính lại trách Dung không chung tình:

Dung còn chung thủy nữa hay thôi?
Rồi có một đêm màn rủ thấp
Ngã vào tay một khách làng chơi...
... Dung còn có nhớ đến con tôi?
... Em có nghĩ rằng trong quán lạnh
Đầu tôi lại gối cánh tay tôi?... (Oan Nghiệt)

Những câu hỏi này xét theo tình lý đáng "sổ toẹt", nhưng nếu xét theo văn lý thì lại "hợp cách". Câu hỏi đặt ra để mà hỏi chứ không cần đợi câu trả lời *(question rhétorique)*, nó dụng ý dẫn giắt một cách hợp lý tới phần sau: Dung có tiếp tục làm kỹ nữ thì con gái lớn lên mới tự nhiên nối nghiệp sênh phách; cha con có không biết mặt nhau thì mối tình oan nghiệt mới có cơ xảy ra.

II. Tình thắm thiết với "nàng"

Trong những bài thơ tả mối tình thắm thiết với "nàng", thi sĩ cho biết "nàng" là người đã thực sự yêu mình, đã viết thư và tặng cả ảnh nữa:

Đưa ảnh người yêu cho chị xem,
Cả thư người ấy gởi cho em... *(Khăn Hồng)*

"Nàng" còn thề thốt nặng lời với thi sĩ, nên khi "nàng" bỏ đi lấy người khác, Nguyễn Bính vừa đau đớn vừa căm tức:

Ai thề như mới hôm qua:
"Lấy nhau không được chẳng thà chết đi!"
Mà thôi, nói đến làm gì?
Thế gian chán vạn kẻ thề có sao? *(Nhà Tôi,* Hương Cố Nhân)

Không những thề thốt, tặng ảnh, "nàng" còn đan cả áo len tặng chàng:

Vâng, chính là cô chửa yêu ai
Lần đầu đan áo kiểu con giai,
Tôi về, thu cả ba đồng lại,
Đốt hết cho cô khỏi thẹn lời!... *(Vâng)*

Trong thơ Nguyễn Bính, áo len đan có một địa vị quan trọng đặc biệt: nó tượng trưng cho tìnhh yêu thắm thiết, nó là cán cân đo lường tình yêu. Vô tình như "nàng áo đỏ" thì chỉ:

Suốt cả mùa đông đan áo len,
Cho người, cho tất cả người quen,
Còn tôi người lạ, tôi người lạ,
Có cũng nên, mà không cũng nên... *(Vẩn vơ)*

hay "người con gái ở lầu hoa":

Nàng có bao giờ biết thế không?
- Không, nàng đan áo suốt mùa đông.
Mùa xuân qua cửa, tôi qua cửa
Nàng chả nhìn cho, đến não nùng!... (Người Con Gái Ở Lầu Hoa)

Hễ có áo len đan tặng là chắc chắn tình yêu phải có mặt:

Kể từ thu ấy, mỗi thu sang,
Tôi thấy nàng đan áo vội vàng,
Tôi thấy nàng nhìn đôi nhạn nhỏ,
Bằng đôi mắt đẹp của yêu thương. *(Đôi Nhạn)*

và khi nàng bỏ đi lấy chồng, tình yêu hết thì áo len cũng không còn nữa:

Áo rét ai đan mà ngóng đợi?
Còn vài hôm nữa hết mùa đông!... *(Xuân Tha Hương)*

và:

Em còn sợ nữa mùa thu tới
Người ấy còn đan áo nữa đâu? (Khăn Hồng)

Tình yêu của Nguyễn Bính đối với "nàng" rất sâu đậm, thắm thiết chứ

không nhẹ nhàng, hời hợt như trong những mối tình vu vơ, nên khi bị tình phụ Nguyễn Bính choáng váng, đếm từng ngày đau khổ:

Nàng thành thiếu phụ đã hai hôm,
Tôi thuở nào đây mới lại hồn?
Tôi thuở nào đây nguôi được hận?
Hận này sống mãi, ai người chôn?
Nàng thành thiếu phụ đã năm hôm,
Tôi thuở nào đây mới lại hồn?
Đời có còn gì tươi đẹp nữa?
Buồn thì đến khóc, chết thời chôn! *(Nàng Thành Thiếu Phụ)*

Căn hận, tức tối, Nguyễn Bính đã thốt ra những câu chua chát, mai mỉa cả "cái giống đàn bà":

(Một trăm con gái thời nay ấy
Đừng nói ân tình, nói thủy chung.)
Đò ngang bến dọc tha hồ đấy
Qúy hóa gì đâu một chữ "đồng"!
Vâng, em trẻ dại, em đâu dám...
Thôi, để người ta được kén chồng.
Thiếu nữ hoài xuân mơ cát sĩ
Chịu làm sao được những đêm đông...
(Khốn nạn tưởng yêu thì khó chứ
Không yêu thì thực dễ như không!) *(Xuân Tha Hương)*

và cay đắng kết luận:

Bá Nha thuở trước còn Chung Tử
Kim Trọng thời nay hết Thúy Kiều! *(Cảm Tác)*

Thi sĩ phải bỏ nhà đi để quên, nhưng tuy đã chạy trốn, cái buồn vẫn lẽo đẽo theo sát một bên, thi sĩ đành mượn rượu để giải khuây:

Chị ơi, Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não nùng
Uống say cười vỡ ba gian gác,
Ném cái chung tình xuống đáy sông! *(Xuân Tha Hương)*

Nhưng rồi Nguyễn Bính phải nhìn nhận có chạy trốn Hà Nội và tìm quên trong rượu cũng vô ích:

Chén rượu tha hương càng đắng lắm,
Trăm hờn nghìn giận hết mùa đông! *(Xuân Tha Hương)*

Cái buồn nằm ngay trong tim thi sĩ thì dầu chạy trốn đến chân trời góc biển nào cũng không thoát!

Nhưng "nàng" là ai"?

1) Ngoài chuyện "nàng" đã từng viết thư, tặng ảnh, tặng áo len và đã tình

phụ, Nguyễn Bính chỉ cho biết "nàng" ở Hà Đông:

Ở đây lưu luyến làm gì?
Thương về Hà Nội, nhớ về Hà Đông. (*Một Chiều Say*)

Vì trong bài "Giời Mưa Ở Huế" Nguyễn Bính đã nói:

Gia đình thiên cả lên Hà Nội,

Cho nên "hướng về Hà Đông" chỉ có thể hướng về "nàng". Trong "Xuân Tha Hương" Nguyễn Bính cũng lại nhắc đến Hà Đông:

Em sẽ uống say hơn mọi bận
Để hồn về mãi xứ Hà Đông (*Xuân Tha Hương*)

Vậy "nàng" có phải là Oanh không, vì Oanh cũng ở Hà Đông:

Ba năm trở lại đất Hà Đông
Người cũ, cô Oanh má vẫn hồng... (*Vô Tình*)

Nhưng Oanh "vô tình với khách thơ" có bao giờ hứa hẹn gì với thi nhân đâu? Và nếu chính "nàng" là Oanh thì tại sao Nguyễn Bính không tiếp tục gọi đích danh nàng ra như trong bài "Vô Tình" mà lại dùng tiếng "nàng" chung chung? Rõ ràng "nàng" và Oanh là hai người khác nhau.

2) Ngoài Hà Đông, thỉnh thoảng Nguyễn Bính cũng nhắc đến "xóm Trữ La":

Để hồn trôi về bến Trữ La. (*Nhớ Người Trong Nắng*)

Chắc không phải Nguyễn Bính định nói đến quê của Tây Thi vì:

Con đường sang xóm Trữ La
Cách một ngày ngựa với ba ngày đò. (*Thư Cho Chị*)

Không nói rõ Trữ La ở đâu. Theo Ngô Vi Liễn thì Trữ La thuộc tỉnh Hải Dương. Anh Thơ tuy sống ở Bắc Giang hay Thái Bình nhưng sinh quán lại ở Hải Dương. Bài thơ "Nhớ Người Trong Nắng" rõ ràng đề tặng A.T., lại trích trong *Hương Cố Nhân*, viết vì Anh Thơ. Trong hồi ký *Từ Bến Sông Thương* Anh Thơ nhìn nhận khi ở Bắc Giang thường trao đổi thơ và thư với Nguyễn Bính. bài "Vẩm Vơ" đăng trong *Tiểu Thuyết Thứ Năm*, Nguyễn Bính đề tặng "nàng thơ áo trắng sông Thương", và trong bài "Truyện Cổ Tích" (1938) thì "công chúa Bướm" là Anh Thơ. Anh Thơ mê thơ Nguyễn Bính đã "nhầm thơ với người một cách thảm hại", vẽ ra trong óc một chàng thi sĩ Hà Thành hào hoa phong nhã nhưng khi Nguyễn Bính "lặn lội" lên Bắc Giang tìm gặp thì Anh Thơ "vỡ mộng" thấy một chàng "lùn, đầu tóc bù xù, răng cáu nhựa thuốc", sổ sàng cầm tay hôn má, và rủ rê: "Đã yêu nhau thì theo nhau cần gì phải cưới hỏi?" Anh Thơ cắt đứt mối tình khiến cho Nguyễn Bính đau khổ làm thơ than khóc đăng trên các báo, đặc biệt năm 1941, khi nghe tin Anh Thơ sắp đi lấy người khác, đã cho ra đời tập *Hương Cố Nhân* trong có hai câu:

Xây bao nhiêu mộng thế mà
Đến nay phải gọi người là "cố nhân"!(3)

Từ 1939, Anh Thơ sống ở Hà Đông lúc đầu ngày ngày lên Hà Nội làm báo Đông Tây với Quỳnh Giao. Báo đóng cửa sau số Xuân 1940 thì Anh Thơ hợp tác với Đổ Cẩm Văn, giám đốc nhà xuất bản Nguyễn Du và sau trở nên vị hôn phu của Anh Thơ (4), cho nên "nhớ người Hà Đông" rất có thể chỉ vào Anh Thơ mặc dầu Hà Đông không thể gợi một kỹ niệm gì cho Nguyễn Bính vì hai người quen nhau khi Anh Thơ ở Bắc Giang.

3) Anh Thơ cũng cho biết khi mới quen. Nguyễn Bính đã tâm sự đang viết truyện "Ngậm Miệng" vì thất tình và lúc mối tình giữa hai người tan vỡ thì ngoài thơ oán trách Anh Thơ, Nguyễn Bính vẫn liên tiếp cho đăng báo những bài đề tặng "Tao Đàn Sông Thương", biện bạch giúp mình để Anh Thơ chấp nối lại tình xưa, nhưng rồi lại "tán tỉnh" cả Thanh Ngà. Sau khi đọc bài "Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường" thì Anh Thơ mất hết tin tưởng vào mối "chung tình" của Nguyễn Bính và nhận xét: "Nguyễn Bính chỉ mượn cớ thất tình để làm thơ gợi lòng thương cảm của những cô gái mơ mộng, thơ ngây nhiều hơn là đau khổ vì thất tình" (5).

Tô Hoài chứng nhận có lần lên Bắc Giang thăm Bàng Bá Lân, thuộc nhóm "Tao Đàn Sông Thương", cùng với Nguyễn Bính và Vũ Hoàng Chương đã được nghe một bên Nguyễn Bính ngâm "Ngày Xưa Vua Nước Bướm" và một bên Vũ Hoàng Chương gật gù "Tố Của Hoàng Ơi". Tô Hoài còn cho biết thêm ngày xưa đi đâu Nguyễn Bính cũng kè kè ôm theo một hộp bích-qui màu đỏ lựu trong đựng bản thảo thơ mình và những lá thư tình màu trắng, màu xanh cũ nát của các nàng gửi cho. Họa sĩ Nguyệt Hồ cũng nhìn nhận Nguyễn Bính không bao giờ rời những lá thư tình ấy, chỉ khác là sau này hộp bích-qui màu đỏ đã được thay thế bằng bao ni lông.

Tóm lại, Nguyễn Bính không chỉ riêng yêu Anh Thơ mà cùng mộ t lúc có thể yêu nhiều người khác. "nàng" trong thơ Nguyễn Bính không nhất định trỏ riêng vào một đối tượng, có khi cùng một bài thơ mà ""nàng" mang hình ảnh của nhiều người khác nhau như bài "Vẩn Vơ" tặng Anh Thơ thực ra Nguyễn Bính đã "ngậm miệng" vì thất tình với người khác từ trước khi quen Anh Thơ. Bài cũng nói rõ:

Mơ có năm năm đã vội tàn *(Vẩn Vơ)*

Còn mối tình giữa hai người, có lẽ, chưa đầy ba năm, quen nhau từ năm 1938 ("truyện Cổ Tích") và đến 1940 đã thấy xuất hiện bài "Rượu Xuân" trong *Lỡ Bước Sang Ngang*, than trách Anh Thơ đi lấy chồng.

Vì "nàng" có thể mang hình ảnh của nhiều người, "nàng" biến hóa tùy hứng nên "nàng" tuy có thật mà không phải thật, "nàng" không thể có tên riêng, "nàng" là "tên chung" để chỉ vào người Nguyễn Bính yêu.

III. Chị Trúc

Trong đời Nguyễn Bính yêu tha thiết hai người, trong thơ chỉ nhắc đến hai người nhiều nhất là "nàng" và "chị Trúc", thường khi nhắc đến người này

lại hay liên tưởng đến người kia:

Ở đây lưu luyến làm gì?
Thương về Hà Nội, nhớ về Hà Đông. (Một Chiều Say)

hay:

Xa nhà, xa chị tuy buồn thực
Cũng cố vui như gái được chồng.
Em sẽ uống say hơn mọi bận
Để hồn về mãi xứ Hà Đông (Xuân Tha Hương)

Vậy chị Trúc là người như thế nào? Theo *Lỡ Bước Sang Ngang* thì chị Trúc là chị ruột tác giả, xinh đẹp như "tiên", lấy chồng từ năm 17 tuổi, nhưng ngày cưới lại chính là ngày chị

Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên (Lỡ Bước Sang Ngang)

Thất tình với ai, Nguyễn Bính không nói rõ, chỉ biết người chồng ghẻ lạnh, không quí chị khiến chị phải đau khổ trong mười năm mãi đến khi gặp "người ấy" mới thấy:

Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng (Lỡ Bước Sang Ngang)

Nhưng chẳng bao lâu "người ấy" lại bỏ đi "gây dựng cơ đồ" để chị Trúc lủi thủi về "nhặt cánh hoa lê cuối mùa".

Nếu ta đem so sánh bài thơ *Lỡ Bước Sang Ngang* với *Bao nhiêu đau khổ của trần gian, Trời đã dành riêng để tặng nàng* ta sẽ thấy tình duyên của chị Trúc giống hệt cuộc đời lỡ làng của "nàng":

(Những câu thơ bên trái của bài LBSN, bên phải của bài BNĐK...)

Lỡ Bước Sang Ngang | **Bao nhiêu đau khổ của trần gian Trời đã dành riêng để tặng nàng**

Cả hai người cùng "đẹp như tiên":

- Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang

- Ai đẹp hay là tiên lạc lối
Không, nàng!... Nàng đẹp đấy mà thôi.

Cả hai cùng lấy chồng không vừa ý:

- Mười năm gối mộng bên giường,
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.

Trước tài sắc ấy người chồng ấy,
Không cảm, không thương, chẳng hiểu gì!

Đời cả hai người cùng sóng gió:

- Chị từ lỡ bước sang ngang
Giời dông bão giữa tràng giang lật thuyền.

Năm ấy sang sông lỡ chuyến đò
Đò đầy gió lớn với sóng to

Cả hai đều may mắn có dịp chắp nối tình duyên:

- Nhưng em ơi, một đêm hè
Hoa xoan nở, xác con ve hoàn hồn...
... Chị nay lòng ấm lại rồi
Mối tình trước đã có người hồi sinh

- Bỗng một ngày hè hoa phượng thắm
Nở đầy trong lá phượng xanh tươi
Giải dài thảm đỏ con đường trắng
Nàng thấy đi trên thảm một người...

Nhưng không bao lâu "người ấy" lại ra đi:

- Người đi gây dựng cơ đồ...
Người đi khoác áo phong trần...
- Rồi đêm kia lệ dòng dòng
Tiễn đưa người ấy sang sông chị về.
Tháng ngày qua cửa buồng the,
Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa
1939

- Người ấy bụi hồng phong nếp áo,
Đi theo tiếng gọi của vinh quang.
- Tôi tiễn mình đi bến nước này.
... Người ấy đi rồi nàng trở lại,
Buồng hương hoa héo, mùa thu hắt...
Hà Đông, 1938

Vì tình chị cũng dang dở, lận đận như tình em, cho nên Nguyễn Bính làm thơ khóc cho mình thường hay chạnh lòng thương xót, ngậm ngùi cả cho chị nữa:

Khóc chị ngày xưa, giờ lại khóc
Cho mình khi mất một tình yêu.
... Mới nửa đời thôi em phải khóc
Hai lần hai chuyến bước sang ngang.
... Đem thân về ở vườn dâu cũ
Buồn cũng như khi chị lấy chồng *(Khăn Hồng)*

Mối tình Nguyễn Bính thương yêu chị vượt hẳn tình chị em thường. Ngày xưa Đinh Hùng, Bích Khê cũng rất thân với chị, sống chung với chị - Bích Khê còn mở cả trường dạy học chung với Ngọc Sương - nhưng chưa thấy hai nhà thi sĩ này làm một bài thơ nào mà nguồn cảm hứng lại là chị chứ đừng nói đến ca tụng sắc đẹp của chị. Bích Khê không phải không biết chị mình đẹp, vì đã từng gởi tặng Hàn Mạc Tử ảnh chụp chung với chị khi nghĩ Mai Đình không lấp nổi chỗ trống do Mộng Cầm để lại trong tim Hàn Mạc Tử. Khi chết Bích Khê còn trao lại bản thảo và bản quyền cho Ngọc Sương. Ngược lại, Nguyễn Bính chẳng bao giờ nghĩ đến trao bản quyền thơ mình cho chị Trúc nhưng lại làm cả chục bài thơ vì chị: Lỡ Bước Sang Ngang, Khăn Hồng, Một Chiều Say, Xuân Tha Hương, Xây Lại Cuộc Đời, Gió Lạnh, Thư

Cho Chị v.v... Hiếm khi thấy một người em trai đã trưởng thành lại thương tha thiết một người chị gái đã đi lấy chồng sớm như thế, đặc biệt là mỗi khi nhắc đến chị Nguyễn Bính không quên ca ngợi sắc đẹp của chị:

Em đi theo đuổi đời mưa gió
Chị vẫn môi son, má vẫn hồng (*Xuân Tha Hương*)

hay:

Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang (*Lỡ Bước Sang Ngang*)

Ngày xưa Xuân Diệu ngắm cảnh hoàng hôn xuống đã tưởng nhớ đến người yêu:

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm
Anh nhớ em, em hỡi, anh nhớ em. (*Tương Tư Chiều*)

Khi ngắm cảnh hoàng hôn nơi đất khách quê người, đố biết Nguyễn Bính nghĩ tới ai?

Chiều nay ngồi ngắm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao, nhớ lạ lùng (*Xuân Tha Hương*)

Uống rượu say, Nguyễn Bính nhớ ai? - Cũng chị!

Rượu say nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng (*Xuân Tha Hương*)

Trong gia đình, Nguyễn Bính thường yêu chị nhất, chỉ kể đến chị:

Chị có một em, em một chị
Giời làm cách trở mấy con sông...

rồi khẳng định:

Mấy sông, mấy núi mà xa được?
Lòng chị em ta vẫn một lòng! (*Xuân Tha Hương*)

Đọc đến đây người ta hơi ngần ngại vì liên tưởng đến mấy câu ca dao:

Yêu nhau tam, tứ núi cũng trèo
Thất, bát sông cũng lội, tam thập lục đèo anh cũng qua.

Tình yêu trong ca dao dĩ nhiên là tình yêu đôi lứa, đem ra áp dụng vào tình thương yêu chị kể ra khá táo bạo.

Đây không phải là trường hợp độc nhất Nguyễn Bính gây ngộ nhận, trong *Xuân Tha Hương* còn nhiều câu khiến người đọc giật mình nếu đọc một cách lơ đãng:

Vườn ai thấp thoáng hoa đào nở
Chị vẫn môi son vẫn má hồng?
Áo rét ai đan mà ngóng đợi?
Còn vài hôm nữa hết mùa đông.
Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng. (*Xuân Tha Hương*)

Tương tư ai? - Dĩ nhiên tương tư "người đan áo". Khổ một nỗi "người đan áo" có khi cũng là chị Trúc:

Năm xưa chị chưa lấy chồng
Chị đan tấm áo len hồng cho tôi.
Năm nay chị lấy chồng rồi,
Mỗi kỳ gió lạnh ai người đan len? (Gió Lạnh)

Bất luận ngộ nhận hay không, điều nổi bật trong thơ Nguyễn Bính vẫn là mối tình quyến luyến, thiết tha của nhà thơ đối với chị.

Nhưng theo *"Giai Thoại Nguyễn Bính"* thì "chị Trúc" lại không phải chị ruột Nguyễn Bính mà tên là Lê Thị N. Th., người yêu của Trúc Đường, anh ruột Nguyễn Bính. Chồng chị là chủ một hiệu ảnh ở đường Hà Nội - Hà Đông (?) nhưng chị không có hạnh phúc bên chồng. Sau chị gặp Trúc Đường, hai người quyết tâm lấy nhau, đã thuê nhà sống chung nhưng rồi chuyện không thành. Chị rất yêu chiều Nguyễn Bính nên thi sĩ viết *Lỡ Bước Sang Ngang* tặng anh chị gồm 110 câu thơ kỷ niệm hơn ba tháng hai người sống bên nhau. Nguyễn Bính lại lấy chữ đầu của anh đặt tên cho chị. Tác giả *Giai Thoại Nguyễn Bính* còn thêm: "Biết được xuất xứ này ta có thể hiểu khá rõ ràng từng câu trong *Lỡ Bước Sang Ngang*." Tôi lại nghĩ ngược lại. Trước hết, nó vẫn không làm sáng nghĩa câu:

Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên

Người tình đầu tiên của chị Trúc là ai chúng ta vẫn không biết.

Hơn nữa, đọc *Lỡ Bước Sang Ngang* ta có cảm tưởng rõ rệt chị Trúc là chị ruột chứ không phải chị dâu hờ của Nguyễn Bính. Phải là người đã sống dưới mái gia đình thì khi đi lấy chồng Nguyễn Bính mới viết:

Ở nhà em nhớ, mẹ thương
Ba gian nhà trống, một mảnh vườn xác xơ.
Mẹ ngồi bên cửa quay tơ
Thời thường nhắc: "chị mày giờ ra sao?"

Nếu chị không phải con cái trong nhà thì việc gì chị đi lấy chồng em lại "nhớ", nhà lại "trông"? Việc gì mẹ Nguyễn Bính lại ngày ngày nhắc nhở: "Chị mày giờ ra sao?" Làm gì có bà mẹ chồng nào nhớ con dâu tới bậc ấy? và đã là con dâu thì sao lại đi lấy chồng? Ấy là chưa kể chị Trúc chỉ gặp nghệ sĩ Trúc Đường mười năm sau khi cưới thì ngày chị xuất giá đến Trúc Đường còn chưa quen, nói gì đến mẹ và em Trúc Đường?

Rồi chính chị Trúc cũng thốt ra những câu chứng tỏ chị là con của gia đình:

Em ơi, em ở lại nhà
Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương...
... Nhà hương khói lạnh, chị nhờ cậy em.
... Em về thương lấy mẹ già,
Đừng mong ngóng chị nữa mà uổng công... (Lỡ Bước Sang Ngang)

Không riêng trong *Lỡ Bước Sang Ngang* mà trong *Khăn Hồng* chị vẫn tiếp tục cho thấy chị đã từng sống dưới mái gia đình:

Bao giờ... vui nhỉ! về ăn cưới,
Chắc chả như khi chị lấy chồng.

Nếu không thì tại sao lại dùng chữ "về"? Nếu chưa từng sống trong nhà Nguyễn Bính thì chỉ có thể dùng những chữ "đến", "tới" hay bất cứ một chữ gì tương tự nhưng nhất định không thể dùng chữ "về".

Bài "Gió Lạnh" cũng chứng minh Nguyễn Bính quen biết chị từ trước ngày chị xuất giá:

Năm xưa chị chửa lấy chồng,
Chị đan tấm áo len hồng cho tôi...

Rõ ràng nếu chị Trúc không phải là chị ruột thì cũng là chị họ hay chị nuôi nhưng thân thiết chẳng khác ruột thịt và cùng sống chung với gia đình Nguyễn Bính cho đến khi đi lấy chồng. Nhưng dù chị là chị họ hay chị nuôi thì Trúc Đường cũng không thể là người tình thứ nhất của chị vì khi gặp Trúc Đường chị tuyên bố:

Mối tình trước đã có người hồi sinh *(Lỡ Bước Sang Ngang)*

Chị Trúc có là Lê Thị N. Th. hay không thì còn cần kiểm tra lại nhưng nhân vật Trúc Đường, theo *Tuyển Tập Nguyễn Bính*, thì có thật và chính là anh của nhà thơ, tên Nguyễn Mạnh Phác. Nếu quả thế thì phải giải thích làm sao cho xuôi những câu:

Chị có một em, em một chị

hay:

Nhà hương khói lạnh chị nhờ cậy em.

Cho là Nguyễn Bính chỉ thân thiết với chị, không đếm kể đến anh nhưng tại sao chị Trúc lại cất quyền trưởng nam của Trúc Đường và đem viêcf "hương khói" nhờ cậy Nguyễn Bính?

Về phần chị Trúc, ta có thể đưa ra những giả thuyết sau đây:

1. - Chị Trúc không phải Lê Thị N. Th. nhưng người đời gán ghép cho hai người là một vì thấy cuộc đời của Lê Thị N. Th. hơi giống với nhân vật tả trong *Lỡ Bước Sang Ngang*. Trường hợp này không ảnh hưởng gì đến bài Con *Thuyền Buộc Một Mối Tình Nhà.*

2. - Chị Trúc chính là Lê Thị N. Th.. Nếu quả vậy ta cần phải hiểu tại sai Nguyễn Bính lại biến chị dâu hờ thành chị ruột, không riêng trong *Lỡ Bước Sang Ngang* mà cả trong những bài thơ khác? Để tránh tai tiếng cho Lê Thị N. Th.? Nhưng khi dọn ra sống chung với Trúc Đường thì chắc chắn họ Lê đã mang tai tiếng rồi, Nguyễn Bính đem truyện viết thành thơ càng khiến cho họ Lê mang tiếng thêm.

Còn cho rằng thi sĩ có quyền tưởng tượng, vẽ vời, thêm thắt tùy cảm hứng thì cái hứng đó chỉ nhất thời khi viết *Lỡ Bước Sang Ngang*, tại sao trong những bài thơ khác Nguyễn Bính phải dụng công cố tạo cho người đọc cái cảm giác chị Trúc đúng là chị ruột? Chị ruột hay chị dâu hờ có hệ trọng gì

đối với độc giả miễn là thơ hay? Cho tới nay chưa có gì bảo đảm chị Trúc chính là Lê Thị N. Th.

3) Chị Trúc là một nhân vật tưởng tượng, không có thật? Trừ phi có những bằng chứng đích xác, còn dựa vào những chi tiết không cần thiết mà Nguyễn Bính tình cờ tiết lộ trong thơ như:

Viết cho chị cánh thơ này
Một đêm lữ thứ em say rượu cần (*Thư Cho Chị*)

hay:

Chị Trúc giờ đang bận chữa nhà (*Xây Lại Cuộc Đời*)

thì ta có thể kết luận chị Trúc có thật chứ không phải giả.

4) Chị Trúc đúng là chị ruột của thi sĩ, hay một người thân như ruột thịt, đã từng sống chung một nhà. Điều này được chứng minh bằng tình quyến luyến, giọng thơ chân thành của thi sĩ và những chi tiết như "ở lại nhà" hay "về ăn cưới" v.v... Cho tới nay, giả thuyết này thuận lý nhất.

IV. - "Con thuyền buộc một mối tình nhà"?

Tô Hoài viết rằng mặc dầu Nguyễn Bính nhận được nhiều thư tình, cô thì dọa sẽ đi tu, cô thì sẽ uống thuốc phiện, dấm thanh tự tử nếu không lấy được Nguyễn Bính, nhưng suốt thời thanh xuân của Nguyễn Bính vẫn chẳng có cô nào chịu "theo không" vì nhà thơ nghèo. Chính Nguyễn Bính cũng viết:

Tôi là thi sĩ của thương yêu
Lấy đâu xe ngựa ngời hoa trắng,
Và những mâm son phủ nhiễu điều? (*Một Trời Quan Tái*)

và than vãn:

Người ta đi lấy cái giàu sang,
Bỏ cả keo sơn, cả đá vàng... (*Khăn Hồng*)

Sự thực, Anh Thơ không chê Nguyễn Bính vì nghèo, và ở Bắc thời ấy truyền thống người con gái "lấy chồng phải gánh giang sơn nhà chồng" vẫn còn. Tản Đà, Tú Xương chẳng "nghèo rớt mùng tơi" là gì? Vả lại thơ Nguyễn Bính thuộc loại bán rất chạy, có khi được giá còn "đắt hơn vàng" (6), thế thì nhất định còn có những văn nghệ sĩ không "đắt hàng" bằng, tất nhiên nghèo hơn, chẳng lẽ họ đều không vợ hết?

Giai Thoại Nguyễn Bính thì cho vì Nguyễn Bính xấu trai, quê mùa. Nhưng thiếu gì người xấu trai quê mùa vẫn có vợ. Xem ảnh thấy Nguyễn Bính cũng không thuộc loại người ta vừa nhìn thấy mặt phải chạy.

Anh Thơ phân tích cặn kẽ hơn: Thời ấy con nhà nề nếp lại pha chút lãng mạn, lý tưởng hóa, thường đòi hỏi tình yêu tuyệt đối chung thủy và cao siêu. Nguyễn Bính xuề xòa, lại lỗ mãng, ưa một cuộc sống phóng túng và không có nghề nghiệp chắc chắn nên không có nàng nào yêu được lâu vì gặp mặt thường "vỡ mộng" (7). Sự thực, không có nghề nghiệp, chỉ "phất phơ" làm thơ, viết báo, và sống phóng túng là nếp sống của khá nhiều văn nghệ sĩ thời

ấy, không riêng gì Nguyễn Bính.

Cho nên tất cả những lý lẽ viện ra trên đây, nếu có đúng cũng đúng một phần vì chỉ nhìn theo khía cạnh Nguyễn Bính "bị chê". Nhưng đọc thơ Nguyễn Bính thì thấy một phần Nguyễn Bính bị người "chê", song một phần chính Nguyễn Bính từ chối tình yêu. Nguyễn Bính trách Oanh hờ hững, Anh Thơ phụ bạc, nhưng khi tình yêu tìm đến thì Nguyễn Bính lại đi dật lùi:

Em ơi, anh biết không duyên nợ
Thì giả đò đi phụ bạc nhau (*Bạc Tình*)

hay:

Anh biết tình duyên của chúng ta
... chỉ có thế thôi... (*Một Người Phóng Đãng*)

Nguyễn Bính có là nhà tiên tri đâu mà biết trước hết mọi chuyện?

Rồi với người quay lại muốn chắp nối, Nguyễn Bính cũng dẫy ra:

Nàng đến thăm tôi một buổi chiều
Những mong chắp nối lại tình yêu,
Nhưng tôi không dám, tôi không thể,
Chắp nối bao nhiêu, khổ bấy nhiêu.
... Tôi giờ như một người tang tóc
Chả dám cùng ai dệt mộng vàng.
... Ai đi chắp lại cánh hoa rơi?
Bắt bóng chim sa tận cuối trời?
Có lẽ ngày mai đò ngược sớm,
Thôi nàng ở lại để... quên tôi. (*Thôi Nàng Ở Lại*)

Cầu xin tình yêu chẳng được thì than trách, tình yêu đến lại viện lý lẽ viễn vông như "không duyên nợ", "chỉ có thế thôi", "ngắm bóng chim sa tận cuối trời" v.v... và còn yêu cầu cả người yêu quên đi, thì người ta phải đặt câu hỏi: Nguyễn Bính có yêu hay không muốn yêu?

Tâm sự với chị, Nguyễn Bính cũng tiếp tục một giọng:

Thôi em chả dám đa mang nữa
Chả buộc vào chân sợi chỉ hồng.
Nàng bèo bọt quá, em lăn lóc,
Chắp nối nhau hoài cũng uổng công. (*Xuân Tha Hương*)

và không chỉ từ chối tình yêu có một lần:

Mấy lần em tính chị ơi,
Làm quà cho chị một người em dâu,
Nghĩ rằng đã dở dang nhau,
Thì xin để hẹn kiếp sau sẽ thành (*Một Chiều Say*)

Ngay cả trong mộng Nguyễn Bính cũng không muốn tiến xa: sau khi tưởng tượng sẽ kết duyên với "em Nhi", Nguyễn Bính tự thức tỉnh:

Xa rồi vườn cũ, hoa cam rụng,

gặp lại nhau chi, muộn mất rồi (*Hoa Với Rượu*)

Tại sao lại "không dám" và "muộn"? Vì Nguyễn Bính đã bị thất tình nhiều lần nên hoảng sợ như chim đã phải tên? Nhưng nếu thực yêu thì tâm lý con người là "còn nước còn tát", một cử chỉ mơ hồ của người yêu cũng có thể được tán rộng ra theo chiều hướng thuận lợi để cho mình có hy vọng, lẽ nào "cờ đã đến tay" lại đưa ra những lý lẽ lúng túng, loanh quanh để thoái thác?

Hay vì thất tình nhiều lần nên Nguyễn Bính thiếu tự tin, từ chối chỉ là để thử lòng nàng xem có thật yêu mình thì nàng phải năn nỉ? v.v... Nhưng cách thử này hơi nguy hiểm vì nhỡ nàng thật thà bỏ đi một mạch thì sao? Xưa nay thói thường ai cũng nắm dao đằng chuôi chứ ai lại đi nắm dao đằng lưỡi?

Cũng có thể khăng khăng từ chối chỉ là một phản ứng tự nhiên của tiềm thức trước sự thật phủ phàng: vì không được yêu ai nên để bù đắp lại nhà thơ phải tưởng tượng có nhiều người cầu xin mình yêu... để có dịp làm cao, được từ chối cho bõ những lúc chính mình bị hắt hủi?

Mà cũng có thể Nguyễn Bính thật tâm không muốn, những lý lẽ viễn vông viện ra không phải thật, còn có những lý do khác không tiện nêu lên hoặc chính thi nhân cũng chưa ý thức rõ rệt mà chỉ cảm thấy lờ mờ:

Tôi rờn rợn lắm giai nhân ạ,
Đành phụ nhau thôi kẻo đến ngày. (*Giời Mưa Ở Huế*)

hay:

Tôi đi sợ cả lời tôi nói,
Sợ cả gần nàng, sợ cả yêu. (*Người Con Gái Ở Lầu Hoa*)

Cái gì đã khiến Nguyễn Bính "rờn rợn" và "sợ"? Phải chăng là một sức mạnh vô hình trong tiềm thức?

Thơ Nguyễn Bính đặc sắc ở chỗ trong sáng, bình dị, đôi khi bị chê là quá dễ dãi, quá "nôm na", chưa có một nhà phê bình nào liệt thơ Nguyễn Bính vào loại bí ẩn, khó hiểu. Song chúng ta thử đọc *Một Con Sông Lạnh*:

... Ô, nàng chẳng phải là em,
Tôi nghe vó ngựa hoà Phiên rõ ràng.
Đừng em,- quên đấy thôi nàng,
Đất Hồ xa quá, nàng sang sao đành?
Trời ơi Hán đế vô tình
Tôi xin đốt cả kinh thành ấy đi.
... Rưng rưng ánh nến hoen vàng,
Đôi giây nức nở muôn ngàn nhớ thương.
Đôi giây như thể đôi đường...
Em ơi, Hà Nội là phương hướng nào?
... Lạy giời đừng sáng đêm nay,
Đò quên cập bến, tôi say suốt đời,
Chiêu Quân lên ngựa mất rồi... (*Một Con Sông Lạnh*)

Thật là lộn xộn, tối nghĩa, "Nàng" là ai? Dựa vào những chi tiết mà đoán

thì thấy người thích hợp nhất là... chị Trúc! Chị Trúc "chẳng phải là em", lại ở Hà Nội, và lấy một người chồng bất như ý như Chiêu Quân cống Hồ. Có điều khó hiểu nếu là chị Trúc thì tại sao Nguyễn Bính không gọi đích danh chị ra như mọi lần mà lại úp mở khi thì "nàng", khi thì "em", khi thì khẳng định "chẳng phải em"? và tại sao khi chị đi lấy chồng Nguyễn Bính lại muốn "say suốt đời"?

Đọc thơ Nguyễn Bính, tôi chỉ bắt gặp chữ "oan nghiệt" có hai lần. Một lần là đầu đề bài thơ tả mối tình tưởng tượng giữa Nguyễn Bính và con gái, lần thứ nhì trong bài *Bao Nhiêu Đau Khổ...* viết về Chị Trúc:

Bao nhiêu ân ái thế là thôi,
Là bấy nhiêu oan nghiệt hỡi giời *(Bao Nhiêu Đau Khổ...)*

Tại sao Nguyễn Bính lại dùng chữ "oan nghiệt" ở đây? "Dở dang" hay "ngang trái" có phải thích hợp với hoàn cảnh chị Trúc hơn không? Chẳng lẽ Nguyễn Bính cẩu thả, không biết chọn chữ? Hay chính vì tác giả chọn chữ rất khéo léo, mượn một mối tình oan nghiệt trong tưởng tượng để lồng nó vào một mối tình oan nghiệt khác khó mở miệng? Một mối tình bị lễ giáo ngăm cấm, đè nén, không cho tự do bộc lộ nên phải mượn tình giả tưởng để có dịp ngang nhiên đề cậpđến tình oan nghiệt thực mà không sợ ai chê trách, để có dịp nói cho vơi đi những mặc cảm tội lỗi, để tự bào chữa vì mọi sự do Định Mệnh an bài không phải thi nhân cố tình, đã không cố tình tức không có tội. bài thơ cũng là một loại "tự bạch".

Nếu quả thật thế thì chính mối tình oan nghiệt đã ngăn không cho Nguyễn Bính yêu ai được lâu, vì trong vô thức của Nguyễn Bính mỗi người yêu đều ít nhiều mang hình ảnh chị Trúc, mà chị Trúc tượng trưng cho trái cấm. Nguyễn Bính chỉ có thể gần gụi được như Dung vì Dung là kỹ nữ không thể đem so sánh với chị Trúc được. Có lẽ vì thế mà tuy đã có con với Dung, Nguyễn Bính vẫn thấy mình "chung thủy" với người yêu chỉ vì sự dang díu với Dung không đáng kể? Có lẽ vì chính Nguyễn Bính không thể yêu được ai nên dù các nàng không hờ hững hay phụ bạc thì e rằng chính Nguyễn Bính sẽ kiếm cớ thoái thác để lãng tránh tình yêu, bởi vì Nguyễn Bính "sợ" từ trong tiềm thức sợ ra? Chừng nào chưa giải tỏa được mối oan nghiệt này thì chừng đó Nguyễn Bính còn "sợ", còn "không dám".

Họa sĩ Nguyệt Hồ cho biết sau này Nguyễn Bính có ăn ở với một "người vợ" miền Nam sinh được hai con gái, nhưng không quên thêm rằng cả đời Nguyễn Bính "chưa một lần cheo cưới", và với "người vợ" miền Nam thì có lần đã phải "chặt gối chia làm hai" (9).

Mối tình Nguyễn Bính dành cho chị có thực vượt ra ngoài lễ giáo? và nếu quả như thế thì Nguyễn Bính đã ý thức được đến bậc nào? Thật khó mà trả lời dứt khoát. Đọc Nguyễn Bính chúng ta kinh ngạc trước lòng thương yêu chị vượt mức của thi sĩ, trước những câu thơ tối nghĩa của một người "thèm khát yêu đương" v.v... Những điều này đã đủ để chứng minh Nguyễn Bính thực sự mắc vào vòng "oan nghiệt" chưa? Bởi vì thơ thường khác thực, thơ

có thể thêm thắt, vẽ vời tùy hứng, nhà thơ cũng có thể vô tình bộc lộ những tâm sự thầm kín giấu tận đáy lòng, kín đến nỗi chính "đương sự" có khi cũng không minh bạch. Đọc Nguyễn Bính ta có cảm giác thi sĩ nửa như hiểu, nửa như không hiểu hay không dám hiểu.

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Châtenay-Malabry tháng 3, 1993.

Chú thích:

1. Trích trong "Oan Nghiệt", Nguyễn Bính dịch thơ Đường. *Chân Quê, tr. 61.*

2. Câu này có lẽ chép sai. "Đẻ tháng ngày" hầu như vô nghĩa hoặc "văn bất thành cú", còn "đẻ tháng này" cũng phi lý vì Dung đẻ vào cuối tháng bảy (tháng Ngâu, ngày nguyệt tận) lúc ấy Nguyễn Bính đang ở Huế không thể nhận được thư báo tin ngay tháng bảy mà chỉ có thể nhận được vào "tháng sáu" tức tháng tám.

3. "Hương" là bút hiệu của Anh Thơ ký trong những lá thư gởi Nguyễn Bính.

4. Trong hồi ký, Anh Thơ ghi là chỉ ở Hà Đông làm báo từ 1942-43 nhưng lại cho biết khi làm phóng sự đã gặp bà Tản Đà vào đúng lúc cúng 100 ngày Tản Đà, Anh Thơ cũng đã gặp Vũ Trọng Phụng trước khi nhà văn qua đời. Chắc chắn Anh Thơ nhớ lầm vì cả Tản Đà và Vũ Trọng Phụng đều tạ thế năm 1939.

5. *Từ Bến Sông Thương, tr. 267.*

6. Năm 1941, chủ bút một tờ báo đặt Nguyễn Bính một bài thơ nhưng lại hà tiện nên Nguyễn Bính để cho quảng cáo rồi thúc dục mãi mới chịu đưa bài, trong có câu:

Thiên hạ đem thơ đọ với tiền.

Chủ bút phải trả tiền nhuận bút gấp đôi, tức là 80 đồng (trị giá một lạng vàng) Nguyễn Bính mới sửa lại thành:

Thiên hạ bao nhiêu mặt chữ điền?

"Mặt chữ điền" tượng trưng cho người có tâm huyết (*Giai Thoại Nguyễn Bính*, tr. 32-33).

7. *Từ Bến Sông Thương tr 105.*

8. Chính tác giả *Giai Thoại Nguyễn Bính* cũng dè dặt nói trong phần "Tựa" rằng ông chỉ ghi lại những điều đã được nghe thấy.

9. *Giai Thoại Nguyễn Bính* tr. 78.

Sách đọc:

- Anh Thơ, *Từ Bến Sông Thương*, Hà Nội: Văn Học, 1986.
- Nguyễn Bính:
  -*Tâm Hồn Tôi,* Hà Nội: Lê Cường, 1940.
  -*Lỡ Bước Sang Ngang*, Hà Nội: Lê Cường, 1940. Sống Mới tái bản ở Mỹ.
  - *Mười Hai Bến Nước*, Hà Nội: Hương Sơn, 1942.
  - *Chân Quê*, Hà Nội: Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp, 1991.
  -*Tuyển Tập Nguyễn Bính*, Hà Nội: Văn Học, 1986.
- Tôi Hoài: *Tô Hoài Tự Truyện,* Hà Nội: Văn Học, 1978.
- Vũ Nam: *Giai Thoại Nguyễn Bính*, Hà Nội: Lao Động, 1991.



JOHANNES BOBROWSKI
THỦY TRÚC *dịch*

bài thơ tình

Trăng, chiếc bọt biển thấm dầu, ngọn đèn
Trăng - hay cỏ ngoài đồng,
trăng, hãy mờ đi,
trái dưa gang hay trái bầu trang sức
màu xanh, ta muốn
tự mình rọi sáng, một mình ta,
hỡi người bạn gái, tôi muốn
lụi tàn bên trên em,
không cao hơn một lá cỏ
bên trên em - trong một tàng cây
bên trên dòng sông,
khi ban mai tới,
ẩm ướt, tôi nằm đó
và còn thở.

Và tôi xin em,
em người đang nằm bên tôi,
nói với tôi về một vầng trăng,
vầng trăng hôm qua, khi trăng tàn - em
không đáp, một làn sóng
lướt qua đám mây, vang vọng
tiếng em.

Hôm qua -
tôi đã lụi tàn -
hôm nay -
tôi đã nghe tiếng em -
và tôi vẫn còn thở.

JOHANNES BOROWSKI



PHAN QUỐC SƠN

đồ sứ khang hi của thuyền buôn trung quốc đắm tại biển côn đảo nước ta



Ngày 12 tháng 3 năm 1990, một dân chài - vốn là thợ lặn rất giỏi - quê ở Long Hải, tên Nguyễn Văn Đê, cùng các bạn hành nghề gần bờ biển Côn Đảo, bỗng lưới mắc vào vật lạ, anh lặn xuống quan sát và phát hiện được xác một chiếc thuyền chìm có chở theo vô số đồ sứ trắng xanh.

Vị trí thuyền chìm cách Côn Đảo vài dặm, nằm về hướng Đông Nam Vũng Tàu độ 100 dặm, nên sau này người nước ngoài đặt tên là *The Vung Tau Cargo (Chuyến Hàng Vũng Tàu)*; giới khảo cổ Việt Nam gọi: *Con Tàu Tọa Độ X.*

Xác thuyền là kiểu thuyền buôn Trung Quốc tiêu biểu thời xưa, có hầm rộng để chở hàng, kích thước dài khoảng 30m, rộng khoảng 3m. Quan sát sườn gỗ, thấy thuyền bị cháy mất phần nổi trên mặt nước, một phần hầm chứa gãy rời khỏi boong thuyền, chìm vỡ ngổn ngang. Riêng hầm chứa hàng chính còn khá nguyên vẹn, ở độ sâu 40m nước. Về sau, giới chức liên hệ đã tổ chức thăm dò hầm chứa này hai lần và đã xác định được tuổi tác, xuất xứ của chiếc thuyền nhờ một vài tiền đồng hiệu Khang Hi Thông Bảo (1662-1722), và quan trọng nhất là một thỏi mực xạ hình chữ nhật, có chạm nổi niên biểu tính ra dương lịch tương đương với năm 1690.

Đây là thuyền buôn đồ sứ Trung Quốc, loại sứ trắng xanh xuất cảng sang Âu Châu từ những lò sứ nổi danh ở Cảnh Trấn Đức, tỉnh Giang Tây. Dựa

theo niên biểu trên thỏi mực, tuổi của các cổ sứ này được định là năm 1690, đời vua Khang Hi nhà Thanh. Ngoài ra, còn một ít sứ trắng xanh và sứ trắng (Blanc de Chine) chế ở tỉnh Phúc Kiến.

Côn Đảo từ xưa đã có một lịch sử tối quan trọng vì nằm ngay hải đạo chính của nền giao thương hàng hải Á Âu. Theo sách Đông Tây Dương Khảo do Trương Nhiếp soạn năm 1617 dưới đời vua Minh Vạn Lịch, có phân biệt rõ hai tuyến tuyến hải đạo Đông và Tây dương ở biển Nam nước ta. Theo sách này thì sự giao thông Trung Quốc và Đông Nam Á phải theo hai con đường gọi là Đông Dương Châm Lộ đi qua Mollucca, Bornéo (Bột Nê), quần đảo Phi Luật Tân và Đài Loan bây giờ; Một tuyến khác: Tây Dương Châm Lộ đi tới duyên hải Ấn Độ Chi Na, quần đảo Mã Lai, Sumatra và Java. Như vậy, Côn Đảo nước ta nằm trên tuyến Tây Dương Châm Lộ.

Vào thế kỷ XVIII, hải trình từ tô giới Batavia Hòa Lan (thuộc Nam Dương) đến Trung Quốc, Nhật Bản, Phi Luật Tân được sử liệu Tây Phương ghi lại: "Đi từ Batavia hay Java qua Hà Tiên (Can Cao), Côn Sơn (Puolo Condore) rồi tới Hội An (Faifo), từ Hội An qua Canton, để từ đây đến Nhật hoặc qua Mindanao (Phi Luật Tân).

Nhờ vịnh biển thiên nhiên rất thuận lợi, Côn Đảo là trạm bỏ neo để tiếp tế thực phẩm tươi, rau quả, nước uống của biết bao thuyền buôn đi lại suốt từ vịnh Bắc phần của biển Nam, sang bên này vịnh Thái Lan và Tây Bắc quần đảo Nam Dương. Đồ ăn uống chứa trong những cái lu sành, dự trữ cho những chuyến hải hành xa, là loại lu rất phổ biến vào thời đại thương hồ ở Á Châu xưa, ngày nay vẫn thường tìm thấy nơi những xác thuyền. Người ta ước đoán vùng biển Nam nước ta có vô số những xác thuyền đắm, nhất là vùng trung tâm bão đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa được phát hiện trên một cấp độ lớn. Theo ông Colin Sheaf, chuyên gia sứ cổ của nhà Christie's: "Có cả hàng trăm chuyến thuyền chìm trong vùng biển Việt Nam"(1). Đương nhiên xưa nay dân chài lãnh hải nước ta lắm khi vớt được cổ vật mà không có sự ghi nhận chính thức. Nạn đắm tàu thường do nạn hải tặc, bão tố hay hỏa hoạn vì bất cẩn nấu nướng. Riêng chiếc thuyền chở sứ này chìn gần bờ, và người ta không tìm được của cải cá nhân, quí kim hay giấy tờ tư liệu nào. Có lẽ do bị cháy và chìm từ từ nên mọi người đủ thì giờ di tản, bảo toàn được sinh mạng cùng của cải tư trang.

Những gì người dân chài ấy tìm thấy, lần hồi đồn đãi ra dư luận, đến tai nhà cầm quyền. Chính phủ Việt Nam bèn giao cho Bộ Công Chánh Giao Thông hợp tác với một công ty tư nhân Thụy Điển, trụ sở tại Tân Gia Ba, chuyên việc quan sát và dò tìm đáy biển sâu, để trục vớt số cổ vật này. Vì thời tiết xấu cản trở tầm nhìn, nhóm chuyên viên phải mất ba mùa lặn để vớt hết các cổ vật một cách đúng phương pháp theo cách đánh dấu chia ô, và chụp hình quay phim di tích xác thuyền đắm. Việc phát mãi một số cổ vật được giao cho nhà đấu giá Christie's ở Amsterdam, Hòa Lan tổ chức cuộc bán đấu giá cho công chúng trong hai ngày 7 và 8 tháng tư 1992.



Nhóm những lọ và thống bình được đặc chế để trưng bày thành bộ trên bệ cửa, thành lò sưởi theo thời trang trang hoàng nội ốc lối năm 1690 tại Âu châu

Sứ trắng xanh đời Khang Hi vớt ở Côn Đảo vốn không quí hiếm gì vì trước nay tại Âu Châu vẫn còn rải rác lưu lại một số lượng lớn. Chính người viết trong thời gian ở Âu Châu cuối thập niên 70 đã có dịp khảo sát tìm hiểu loại sứ này. Chúng làm ra để xuất cảng (Export porcelain) nên giá trị không sánh bằng loại sứ truyền thống nội địa theo sở thích Đông phương hay loại ngự chế cho triều đình Trung Quốc và các nước liên thuộc. Nhưng, điểm độc đáo là lần đầu tiên, một số lượng sứ nhiều nhất và toàn vẹn nhất ở cùng một nơi tại lãnh hải nước ta đã là một dữ kiện có một không hai trong lãnh vực khảo cổ sử, cung cấp những chứng liệu mới mẻ cho các nhà sưu tập cổ ngoạn, các học giả và các sử gia thế giới, ngõ hầu tái dựng được lịch sử mỹ thuật ở cấp độ chưa từng thấy kể từ thế kỷ XVII đến nay.

Dựa vào những di chứng quí báu này, người viết nỗ lực truy tầm cuộc hành trình xưa của chuyến thuyền bất hạnh, tông tích xuất phát và nơi sẽ đến, đặt nó trở lại thời điểm năm 1690 trong bối cảnh lịch sử xoay quanh giữa Trung Quốc, Hòa lan và Việt Nam, nơi chiếc thuyền này nằm yên nghỉ dưới đáy nước suốc 300 năm qua. Và sau cùng, chúng ta khảo sát khía cạnh thẩm mỹ của chúng cùng ảnh hưởng hỗ tương giữa hai nền mỹ thuật Đông Tây. Đây là giai đoạn đặc sắc nhất khi hai nền mỹ thuật Đông Tây vừa gặp nhau.

Xét vị trí thuyền đắm, người ta đoán chắc có lẽ thuyền sẽ đến Nam Dương, và cập bến hải cảng chính tại Java, thành phố Batavia (ngày nay tên là Jakar-ta). Đây là nơi có thương điếm rất phồn thịnh của người Hòa Lan. Vùng biển

phía Bắc cách đó 10 dặm, còn có thương điếm Bataan của người Anh. Nhờ những vịnh biển thiên nhiên tốt, thời ấy "Bến về Batavia" trở thành tụ điểm chính của các thuyền buôn Âu Châu bỏ neo, trước khi tiếp tục chuyến hải hành dài ba tháng đến Trung Quốc hay Nhật Bản. Suốt mấy thế kỷ, đây là tô giới vững bền của người Hòa Lan, có cơ sở chính của đại công ty hải thương Hòa Lan Vereenigde Dostindische Compagnie (Viết tắt là V.O.C) lừng lẫy một thời là tô giới của Hòa Lan, thành phố này hoàn toàn tự trị về hành chánh và kinh tế. Họ kiếm lời to nhờ buôn bán phát đạt với dân bản địa ngoài tô giới và các thương nhân từ xa đổ về. Những chứng tích cho thấy, chuyến hàng đồ sứ này sẽ bốc dỡ bán lại cho các thuyền buôn lớn hơn của công ty V.O.C, rồi được cất chung với các loại hàng khác, nhổ neo làm một chuyến hải hành dài đăng đẳng quay về bến Amsterdam hay bến bờ nào đó dọc theo duyên hải Hòa Lan.

Khi người Âu Châu bắt đầu lân la đến Á Châu để tìm thị trường mua bán, họ bị kích động trước nguồn sản xuất đồ sành sứ bất tận của Á Đông. Tiếng đồn lan về xôn xao cả Âu Châu. "Những kim tự tháp đồ sứ", "Quả là cả ngọn núi rực rỡ đồ sứ Tàu".

Người Bồ Đào Nha bắt đầu mở thương điếm ở Ma Cao năm 1557, mở màn việc mua bán, làm cho các nước sau theo gót: người Hòa Lan đến Đài Loan; Tây Ban Nha đến Ma Ni La v.v...

Những lò gốm tỉnh lỵ (provincial kilns) dọc theo bờ biển Trung Quốc và những lò nội địa lừng danh Cảnh Đức Trấn chuyên chế tạo loại gốm "để xuất cảng" cả ngàn năm trước khi thuyền buôn này đắm tại Côn Đảo nước ta.

Thuyền buôn xứ Cận Đông, thuyền buôn Trung Quốc đi tận đến bán đảo Ấn Độ, và những đoàn thuyền được phép giao thương từ Ấn Độ đến Trung Quốc để vận tải những chuyến hàng gốm giá rẻ về các vùng biển xa. Rồi đến thời những loại tàu thuyền lớn, vững sóng gió của Âu Châu cập bến còn chở hàng đi xa hơn nữa. Thuyền buồm Tây Ban Nha bốc hàng từ Ma Ni La, vượt Thái Bình Dương đổ bến tận Alcapulco, Mễ Tây Cơ, rồi vượt Đại Tây Dương vời vợi để về bến Tây Ban Nha; thuyền buồm Bồ Đào Nha bốc hàng từ Ma cao, Trung Quốc về tận cửa sông Tegu, cho triều đình Lisbon v.v... Và bọn thương nhân đầy máu mạo hiểm giang hồ của Hòa Lan, Anh, Pháp, Đan Mạch, Thụy Điển vào thế kỷ 17, 18 chở hàng xứ mình đến tô giới thương điếm mình để bán cho người địa phương (2), hầu hết bán theo lối đấu giá tại bến cho những tay thầu sỉ Hoa Kiều, chuyên mua đi bán lại. Các cuộc phát hiện và trục vớt xác thuyền bè đắm trong thời kỳ hải thương này cho thấy sự thịnh vượng của ngành buôn đồ sứ.

Những đồ sứ trắng xanh Khang Hi tương tự như loại sứ ở Côn Đảo do ông H. Adams vớt năm 1853 từ những xác tàu đắm ở vịnh Table, Anh Quốc, đem tặng cho viện bảo tàng Anh. Kiểu sứ này gồm những món dùng để ăn uống như: đĩa, chén, tô, hủ đựng muối, sữa, đường, tách trà...

Vào năm 1976, nhà khảo cổ hải dương Robert Stennit trục vớt chuyến

hàng của thuyền buôn Witte Loeuw (Sư Tử Trắng) của công ty V.O.C Hòa Lan đắm năm 1613 tại vịnh St. Helena trên đường từ Á Châu trở về. Trong các cổ vật tìm được có rất nhiều đồ sứ đời Minh Vạn Lịch (1573-1619). Những món sứ nào còn nguyên được mang ra bán đấu giá tại nhà Sotheby's Luân Đôn. Trong đó có loại sứ theo lối bố cục và hồi văn kiểu Kraak đời Vạn Lịch rất được khách mua tại Hòa Lan ưa chuộng.

Năm 1985, thuyền trưởng Michael Hatcher, một tay chuyên tìm đồ cổ dưới biển, vớt được những cổ vật của thuyền buôn Hòa Lan Geldermalsen chìm ngoài khơi Nam Dương năm 1752. Ngoài những khối vàng, tàu còn chở rất nhiều sứ trắng xanh đời Thanh Càn Long (1735-1795), gồm nhiều món gia dụng. Các cổ vật sứ và vàng này được nhà Christie's bán đấu giá tại Amsterdam Hòa Lan vào tháng 5 năm 1986 được biết tiếng qua The Nanking Cargo (Chuyến Hàng Nam Kinh).

Đến tháng ba năm 1988, một tay săn kho tàng khác, William Mathers, phát hiện được xác thuyền buôn Conception Tây Ban Nha chìm tháng 9 năm 1638 tại bờ Nam đảo Saipan, Thái Bình Dương. Ông vớt được 1300 nữ trang bằng vàng và ngọc quí, 156 lu sành nguyên vẹn và vô số mảnh vỡ sứ trắng xanh đời Minh Sùng Trinh (1628-1644)

Năm 1683 là năm quan trọng trong lịch sử gốm đời Khang Hi (1662-1722). Sứ Khang Hi tìm được ở Vũng Tàu được chế trong trong thập niên tính từ năm 1683 trở đi, là thời điểm các nhà khảo cổ gốm coi là giai đoạn thứ hai của gốm Khang Hi, tức là năm chánh thức tái hoạt động của các lò gốm ở Cảnh Đức Trấn, sau những cuộc binh lửa làm đình trệ việc sản xuất từ năm 1630.

Nhà Thanh thuộc giống Mãn miền Bắc tràn xuống đánh diệt nhà Minh người Hán, khiến vua Minh Sùng Trinh phải di tản về phương Nam, sau bại trận cùng đường tự vận chết, chấm dứt nhà Minh. Vua Thanh lên ngôi lấy hiệu là Thuận Trị. Khi ông mất năm 1661, truyền ngôi cho con mới tám tuổi là Khang Hi. Mãi đến năm 14 tuổi, Khang Hi mới thực sự nhiếp chính. Lên ngôi lúc tuổi còn trẻ, Khang Hi đã chứng tỏ thiên tư là một vì vua lỗi lạc tài ba. Lên ngôi rồi, xã tắc chưa yên, vì năm 1673 xảy ra loạn Tam Phiên do những di thần nhà Minh muốn khôi phục triều đại cũ, nhà vua trẻ nhiều khi phải đích thân cầm quân đánh dẹp. Từ năm 1640 đến năm 1681, loạn lạc triền miên diễn ra suốt mười tám tỉnh gây thiệt hại nhiều cho kinh tế, trong đó có ngành gốm. Năm 1670, thống đốc Giang Tây là Trọng Vĩ Quốc được lệnh tái tổ chức lại lò Cảnh Đức Trấn, nhưng ông bỏ chạy khi miền Bắc Giang Tây bị loạn Tam Phiên tấn đánh. Năm 1675 Cảnh Đức Trấn bị tàn phá, thiệt hại nặng nề. Năm 1677, triều đình bổ ông Trương Tế Trọng làm giám sát lò Cảnh Đức Trấn. Ông này có công hủy bỏ lệ ép công lao động dưới triều Minh. Ông là người chấp hành lệnh cấm ngặt việc đề niên hiệu vua dưới đồ sứ bán ra. Lệnh này được thi hành suốt triều vua còn lại (tuy thỉnh thoảng từ năm 1683 vẫn còn thấy xuất hiện). Từ đấy dưới những món sứ Khang Hi thường vẽ hiệu

hình con ốc, trái đào, chiếc lá, hoa, vòng tròn đôi thế vào niên hiệu triều đại vua.

Loạn Tam Phiên bị dẹp năm 1681. Năm 1683, Cảnh Đức Trấn lần nữa nằm trong vòng kiểm soát của triều đình, cũng trong năm này ông Cảm Ứng Khoáng được bổ chức trông coi lò gốm ngự chế cho triều đình tại đây.

Thế nên theo lịch sử ngành sứ, hai thập niên đầu loạn lạc đời Khang Hi được xếp vào Thời Đại Chuyển Tiếp (Transitional Period). Giai đoạn thứ hai từ năm 1683 đến năm 1722 mới là thời kỳ chính thức, thịnh phát, tiêu biểu những sắc thái tinh hoa sứ đời Khang Hy. Sách Đào Thuyết của Châu Xuyên viết vào năm 1774 khi bàn đến sứ Khang Hi có lời phê: "Sánh với những món quí báu như châu ngọc chế vào triều đại xưa, ngày nay cũng không thua kém gì."

HÒA LAN VÀ VIỆC MUA ĐỒ SỨ TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN VÀ VIỆT NAM VÀO THẾ KỶ XVII

Người Bồ Đào Nha mở thương điếm trước tiên tại Ma Cao năm 1557, bắt đầu mua đồ sứ tải về Âu Châu. Công ty Đông Ấn của Hòa Lan (V.O.C) thành lập năm 1602 mở thương điếm Zeelandia tại Đài Loan, do đó ngành buôn đồ sứ nằm trong tay người Hòa Lan.

Kiểu sứ làm theo ý khách hàng Âu Châu dựa theo mẫu ra sẵn tạc bằng gỗ bắt đầu từ năm 1635, từ thương điếm Hòa Lan tại Đài Loan gửi cho những người Tàu chạy mối trung gian mang về chế tại lò Cảnh Đức Trấn. Những kiểu mẫu mới lạ đối với Á Châu này cũng được chế tại những lò gốm làm sứ cho khách nội địa và Nhật Bản.

Vào thời này, sứ đặt làm theo ý khách dựa theo những mẫu hình dạng làm sẵn bằng gỗ, bắt đầu thịnh hành ở Âu Châu. Hình dạng chúng gồm đủ loại đang thích dụng như: bình rượu, ly tách cao, bình đựng đường sữa, sô-cô-la, bình hai quai, bình một quai, các loại ly chén, ly chân cao (rummers), đế cắm đèn cầy, bình nước... Vốn là những món chế sẵn tại Âu Châu bằng sành, pha lê hay bằng bạc. Loại sứ Khang Hi tìm được ở Côn Đảo hầu hết phản ảnh những hình dạng kiểu mẫu ấy. Thời gian từ lúc đặt hàng đến lúc giao hàng thường là một năm. Cuối triều Minh đời Sùng Trinh, các hình dạng đồ sứ theo kiểu Âu Châu, hình vẽ thì hoàn toàn Tàu, phẩm chất hàng chế khá sa sút. Mãi đến giữa đời Thanh Khang Hi như ta thấy qua loại sứ tìm thấy ở Côn Đảo, kiểu vẽ Âu Châu đã xuất hiện trên sứ Tàu.

Việc du nhập sứ Cảnh Đức Trấn vào Âu Châu gây ảnh hưởng sâu sắc đến các lò gốm Âu Châu như Delft của Hòa Lan, gốm màu Meissen Đức Quốc trong thập niên 1660. Đồng thời, tại Hoà Lan phát khởi phong trào "chưng đồ sứ Tàu", sau lan rộng sang đám quyền quí vương hầu Anh Cát Lợi, cao điểm là lúc đăng quang nữ hoàng Mary II, năm 1689.

Vì cuộc nội chiến đổi thay triều đại, sự tràn lấn binh đội Mãn Thanh từ



Lô 202 đến 206, những bình trà vẽ cảnh sơn thủy. Lối năm 1690

Bắc xuống Nam khiến ngành xuất khẩu phát đạt đời Minh Sùng Trinh gián đoạn. Năm 1637 là năm chót đồ sứ Tàu bán sang Hòa Lan. Khi vua đầu nhà Thanh là Thuận Trị lên ngôi, Hòa Lan bèn xin tái thông thương. Theo hồ sơ tư liệu của công ty Đông Ấn Hòa Lan, năm 1656, hai ông Jacob Kayser và Pieter de Goyer được cử làm đại biểu công ty dẫn một phái bộ đi từ Quảng Đông lên Bắc Kinh, triều kiến vua Thuận Trị để xin nối lại giao thương đã có từ cuối đời Minh. Phái bộ ngoài hai ông còn có các thương nhân, sáu người hầu, một người chiêu đãi, một bác sĩ, hai thông dịch viên, một người thổi kèn, một người đánh trống. Ngày 15 tháng 4 năm ấy phái bộ đến Giao Châu, nổi tiếng làm nghề sứ, 18 dặm về phía Đông nơi có lò sứ. Ông Keyser ghi lại: "Giờ đây chúng tôi hết còn được nghe mà được thấy tận mắt Giao Châu, vô số thuyền bè từ Bắc xuống Nam lên, chiếc thì chở đầy đồ tiếp tế, chiếc thì đầy ắp hàng sành sứ, thường là đĩa bát, và chúng tôi thấy đám quan chức Tàu tháp tùng thuyền chúng tôi không bỏ lỡ cơ hội, tha hồ thu mua các món sành sứ, nhồi nhét tối đa chật cứng khoan thuyền... để chở về Nam Kinh hay các tỉnh khác bán kiếm lời. Chúng tôi chợt nhận ra đây là dịp tốt để đặt làm những món sứ đắc tiền, nhưng chúng tôi không mang theo mẫu sứ khách đã đặt, thật lỡ một dịp đáng tiếc..."

Người chiêu đãi tháp tùng chuyến ấy tên là Joan Nieuhoff, về sau viết du ký đăng tại Amsterdam năm 1665, bài viết vắn tắt nhưng lần đầu tiên có thuật những chi tiết rất hay về việc chế sứ tại Cảnh Đức Trấn. Như vậy, bài du ký

này ra mắt tại Âu Châu rất lâu trước hai bức thư nổi tiếng của giáo sĩ Entrecolles gửi về. Ông là giáo sĩ bổ đến Cảnh Đức Trấn truyền đạo, rất lưu tâm đến nghề làm sứ của người Tàu, thuật lại những gì mắt thấy tai nghe tại chỗ rất rành mạch cho người Âu biết.

Chuyến đi vận động nối lại giao thương giữa Hòa Lan và Trung Quốc không thành, nên qua đến năm 1659, lần đầu tiên những số lượng lớn đồ sứ đặt làm ở Bắc Hà nước ta và Nhật Bản được tải đến thương điếm Batavia Hòa Lan tại Nam Dương. Hòa Lan quay sang mua sứ Nhật và Việt Nam để bù vào nguồn cung cấp Trung Quốc. Khi thương nhân Âu Châu đầu thế kỷ thứ 16 bắt đầu lui tới Á Châu để mua đồ sứ, thì bấy giờ ở nước ta nhà Mạc lên ngôi (1527-1592). Không bỏ lỡ cơ hội, Mạc Đăng Dung chủ trương khuếch trương nền ngoại thương, khuyến khích ngành công nghệ, nhất là nghề gốm được phát triển để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Nhà Mạc xây dựng Dương Đông tại miền bể Kiến An (Hải Phòng) để dễ bề mậu dịch với nước ngoài. Những cổ vật sành sứ Việt Nam hiện còn lưu lại tại Đông Nam Á và Âu Châu, rất nhiều món chế tạo vào thời kỳ này và thế kỷ tiếp theo, đến khoảng năm 1700 (3).

Từ năm 1636 Hòa lan đã được phép mở thương điếm ở đàng trong tại Faifo (Hội An) do Abraham Duijeker làm giám đốc. Năm 1637, đàn ngoài dưới thời vua Lê Thần Tông, chúa Trịnh Tráng, người Hòa Lan cũng được vào buôn bán ở phố Hiến, cùng với người Nhật, Tàu, Xiêm, Anh, Bồ Đào Nha... Tại đây Hòa Lan đặt mua sứ trắng xanh của các lò gốm Bắc Hà. Còn lại sứ màu thì mua của Nhật. Sử liệu cho biết tuy người chế tạo là Việt Nam và Nhật Bản; kẻ mua là khách Âu Châu, nhưng người đứng trung gian lại là Hoa Kiều. Có lẽ do đó, ảnh hưởng mỹ thuật Trung Quốc phản ảnh sâu sắc trong các kiểu sứ trắng xanh Việt Nam và sứ màu Nhật Bản vào thời kỳ này.

Giữa Hòa Lan với Trung Quốc không có sự giao thương chính thức nào mãi đến năm 1681. Năm này công ty Đông Ấn của Hòa Lan nối lại được nguồn cung cấp Trung Quốc. Lúc này miền Nam Trung Quốc đã được bình định vững chãi dưới triều Khang Hi. Sự tái gia nhập của Trung Quốc vào ngành buôn đồ sứ, khiến hàng sứ trắng xanh Việt Nam mất nguồn khách chính về tay Trung Quốc. Đến năm 1700 Hòa Lan chấm dứt hẳn sự buôn bán với Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong. Cùng lúc, sự phát trển loại sứ màu famille verte, famille rose Trung Quốc lấn át loại sứ màu Imari Kiekemon Nhật, nên việc mau bán sứ giữa Hòa Lan và Nhật chấm dứt năm 1750.

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ ĐẢO CÔN LÔN TRONG BỐI CẢNH XỨ NAM HÀ, QUANH THỜI ĐIỂM 1690

Đất Nam Hà, nơi thuyền sứ Khang Hi đấm ở đảo Côn Lôn, lúc bấy giờ tình hình ra sao?

Đàng Trong và Đàng Ngoài xứ ta đang trải qua một thời kỳ thanh bình sau suốt 45 năm (1627-1672) trong cảnh một vua mà hai Chúa đánh nhau cả thảy 7 trận lớn, bất phân thắng bại. Riêng ở Đàng Trong, nhân dân xứ Thuận Hóa yên vui buôn bán làm ăn, ai ai cũng đều giàu có sung túc. bến thuyền Hội An tấp nập việc giai thương với bạn biển nước ngoài. Hàng trăm, hàng ngàn thứ sản vật, thứ gì cũng có.

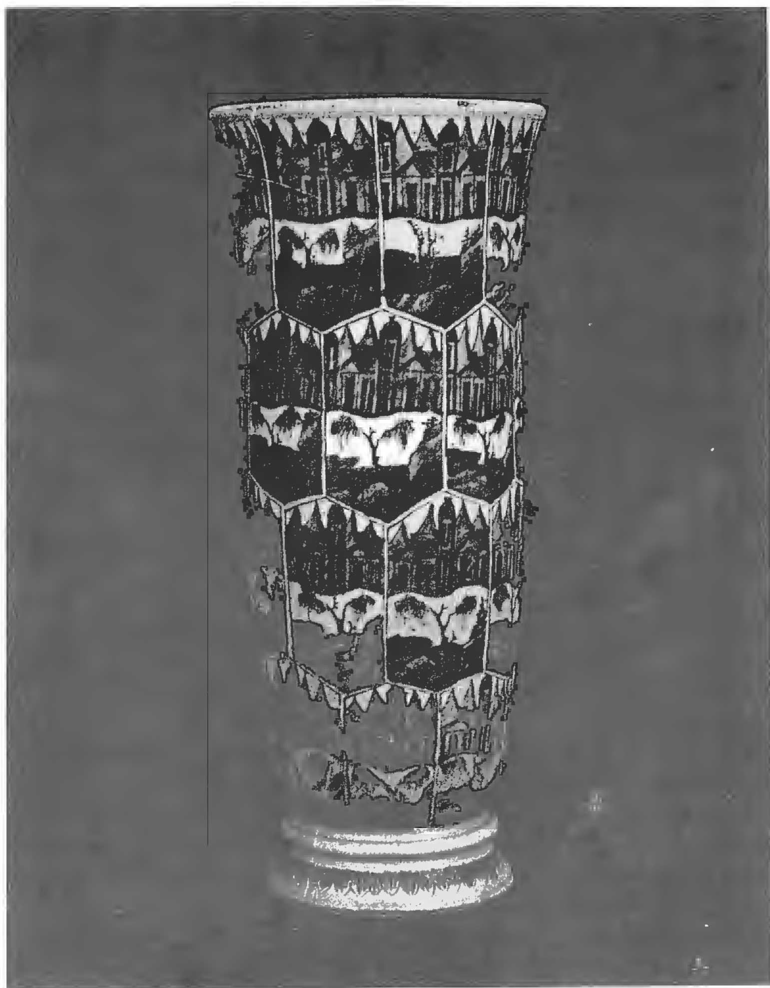
Năm 1692, chúa Nguyễn Phúc Chu sai tướng đi đánh lấy nốt nước còn lại của Chiêm Thành, đổi tên lại là Thuận Thành, rồi Bình Thuận. Từ đấy nước Chiêm Thành bị tiêu diệt vĩnh viễn. Năm 1698, Chúa sai Nguyễn Hữu Kinh vào đánh chiếm lấy phần đất phía Đông Phố của Chân Lạp, lập dinh Trấn Biên (Biên Hòa), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn (Gia Định), đặt quan chức cai trị, lập làng ấp, ấn định thuế khóa. Chúa Nguyễn chiêu mộ người dân có vật lực từ các xứ Quảng Nam, Phủ Điện Bàn, Phủ Quảng Nghĩa, phủ Qui Nhơn di cư vào xứ này khai làng mở đất canh tác. Người còn thưa mà đất đai rộng phì nhiêu. Chẳng mấy lâu, ai cũng sung túc giàu sang, bắt đầu cho một miền Nam hết sức trù mật.

Riêng về biển Nam Hải nước ta xưa, có tên là biển Côn Lôn. Tên này về sau đặt cho quần đảo Poulo Condore, mà người đi biển Đồ Bà (Mã Lai) gọi là đảo Bầu Bí; còn đảo Phú Quốc bấy giờ đặt tên là quần đảo Đại Côn Lôn. Khi chúa Nguyễn Phúc Chu mở dinh Trấn Biên (Biên Hòa) năm 1698, thì đảo Côn Lôn được sát nhập vào dinh này.

Đảo Côn Lôn có một ít thổ dân sống nghề chài lưới, chăn nuôi và trồng hạt, nhất là cau, và từ lâu đã sinh hoạt buôn bán với thuyền bè bạn biển xứ ngoài. Thiết lập chủ quyền chưa được bao lâu, thì một biến cố xảy ra khiến chúa Nguyễn phải ra tay để chứng tỏ quyền làm chủ đảo Côn Lôn. Năm 1702, một đoàn thuyền Anh Cát Lợi gồm 8 chiếc cùng 200 thủy thủ dưới sự chỉ huy của 5 vị trưởng ban tự tiện đổ bộ lên đảo, xây cất kho trại chứa hàng, đặt súng trấn thủ mà không xin phép. Được tin cấp báo, chúa Nguyễn sai trấn thủ Trấn Biên là Trương Phước Phan tìm cách đánh đuổi.

Hơn một năm ở trên đảo, đám người Anh không thấy động tĩnh gì nên lơ là phòng bị. Tháng 10 năm 1703, Phan lập kế tuyển 15 người Java (Mã Lai) giả trà trộn vào xin làm việc, chờ nửa đêm nổi lịnh phóng lửa phòng trại, xông ra chém giết năm người trưởng ban. Kết quả giết được hai người, một bị bắt sống, hai trốn thoát. Phan nghe tin, liền phát binh truyền lệnh ra Côn Lôn tịch thâu hết của cải đem về dâng nạp. Sử liệu Anh quốc cũng thuật chuyện này, và cho biết đó là đoàn thuyền buôn công ty Đông Ấn Anh Quốc do Allen Cachtpole chỉ huy.

Việc khai thác sản vật thuộc chủ quyền bờ cõi, các đời chúa Nguyễn lập ra đội Bắc Hải, đặt dưới quyền đội Trường Sa gồm các thuyền nhỏ để đi đến Côn Đảo, Hà Tiên, Phú Quốc, Hoàng Sa, Trường Sa thu nhặt các hải vật mang về dân nạp. Ngoại trừ Hoàng Sa (4), nơi thường có nạn đắm tàu, ở các nơi khác họ ít khi tìm được các hải vật. Thổ sản Côn Đảo nhiều nhất là cau.



Lô 550, một chiếc bình cao (46.5cm) hiếm, trang trí cảnh

Cau Côn Đảo to lớn vỏ hồng, khí ngọt vị thơm, thường được chở vào Gia Định bán được giá cao vào lúc đầu mùa xuân, khi cau Gia Định chưa kịp kết quả. Đổi lại, Côn Đảo mua thêm lúa gạo ở Gia Định để bổ túc, vì ruộng trồng không đủ. Ngoài ra nhờ địa thế hiểm hóc hẻo lánh, nơi đây còn là sào huyệt và đất dụng võ của hải tặc. Các đời chúa Nguyễn, dân trên đảo kết hợp thành binh đội gọi là tiệp nhất đội, tiệp nhì đội, tiệp tam đội trực thuộc vào đạo Cần Giờ, có đủ khí giới để phòng chống quân cướp xứ Đồ Bà (Mã Lai). Thời chúa

Nguyễn Ánh phục quốc, Côn Đảo là nơi gặp gỡ lén lút giữa chúa Nguyễn và các thuyền buôn Pháp chở theo giáo sĩ để bàn mưu lược đánh nhau với Tây Sơn.

PHONG TRÀO CHUỘNG ĐỒ SỨ VÀ MỸ THUẬT KIẾN TRÚC, TRANG TRÍ NỘI ỐC Ở HÒA LAN CUỐI THẾ KỶ XVII.

Hàng đồ sứ Khang Hi này nếu không đắm ở Côn Đảo khoảng năm 1690, thì sẽ được chở về Hòa Lan đúng vào lúc Âu Châu đang ở thời điểm lịch sử rất phấn khởi. Khắp Âu Châu đang cải cách nền chính sự, thị trường chứng khoán vừa ra đời, ngành hải thương bắt đầu cực thịnh, các ngành nghề kỹ nghệ đang làm giàu... Toàn những ngành nghề nằm trong tay giới tư bản trưởng giả tại các kinh đô Âu Châu vừa chấm dứt chiến tranh và bắt đầu thời kỳ ổn định, phát triển mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, mỹ thuật...

Sứ khang Hi tìm được ở biển Côn Đảo phản ánh rõ rệt vẻ đẹp cổ truyền Đông Phương kết hợp với bản sắc mỹ thuật Baroque nơi hình dạng và kiểu vẽ. Cuối thế kỷ 17 là thời cực thịnh của phong trào Baroque tại Âu Châu. Chữ Baroque có gốc từ chữ Bồ Đào Nha Barroco, tả hình dạng không đều của ngọc trai. Phong trào kéo dài từ 1600 đến 1750, và ảnh hưởng mỹ thuật Baroque lưu lại vô cùng sâu đậm trong mỹ thuật Tây Phương, nhất là hội họa, kiến trúc. Phong trào Baroque triệt tiêu tính chất sùng bái tôn giáo thời Renaissance (Phục Hưng) để thiên về cá nhân và dân tộc tính mỗi xứ ở Âu Châu. Bấy giờ Hòa Lan là quê hương của của những khuôn mặt lẫy lừng của hội họa như Rembrandt, Vermeer, Van Eyeck (học trò của họa sư Reubens người xứ Flanders). Tranh thời Baroque nghiêng về chân dung, phong cảnh, tĩnh vật, những hoạt cảnh tả chân về sinh hoạt con người. Thấp thoáng trong tranh của các họa sĩ Hòa Lan ta còn thấy những món sứ trắng xanh Đông phương như là thứ mỹ thuật phẩm (art object) ngự trị một chỗ đẹp nơi phòng ốc hạng vương giả. Thời này, cung điện Versailles ở Pháp của vua Louis XIV đang xây dựng tại ngoại ô Paris, là một kiệt tác kiến trúc đánh dấu thời vàng son tuyệt đỉnh của mỹ thuật Baroque.

Các kiểu đồ sứ sáng tạo bằng tay nghệ nhân rẻ rúng ở Đông phương xa xôi trở thành những món sưu tập để khoe khoang không thể thiếu của giới quí tộc vương hầu. Chúng được trưng bày ở những cung điện, phòng khách, ngự trị chỗ cao sang nhất, để tô điểm sự lộng lẫy cho khung cảnh tiệc tùng, lúc trà dư tửu hậu. Phong trào lan rộng từ cung điện đến hàng phú gia. Mỹ thuật sứ Đông Phương làm thay đổi ít nhiều quan niệm thưởng ngoạn và kiểu mẫu trang trí ở các lâu đài đến nội ốc gia viên khắp cả Âu Châu từ Lisbon đến St. Peterburg. Hồi thế kỷ thứ 16, những mỹ thuật quí sứ Á Đông thường được chưng trong kệ tủ ngang dọc của nhà quyền quí, sang cuối thế kỷ 17 vẫn

còn giữ lệ cũ, nhưng lúc này phát sinh ra lối chưng từng nhóm, từng lô, từng hàng rập một kiểu như nhau mới đúng là thời trang nhất! Bấy giờ người ta gọi là "cơn sốt mê đồ Tàu" (Chinamania).

Thời trang trang trí sứ sành thành từng nhóm giống nhau tùy mỗi vị trí trong phòng, là sáng kiến mới nhất do một nhà trang trí người Pháp tên Daniel Marot (1661-1752). Ông bỏ xứ sang Hòa Lan để tránh nạn kỳ thị tôn giáo, ông là kiến trúc sư cho triều đình hai vợ chồng William III và Mary II, sau trở thành vua và hoàng hậu nước Anh năm 1689. Ông Marot có tài sáng tạo đủ các kiểu trang trí trong nhà như đồng hồ, bàn ghế, màn treo tường, các chi tiết cấu trúc nội ốc. Mắt mỹ thuật theo lối nhìn Pháp quốc của ông để ý đến mọi chi tiết hài hòa của gian phòng. Lúc ấy cung điện Versailles xây xong, phát minh lối trang trí làm kiểu mẫu cho cả Âu Châu: trưng bày các mỹ thuật phẩm nơi các cấu trúc như bệ lò sưởi, các bệ thếp vàng gắn trên tường. Nhưng chính ông mới chính là người sở trường quảng bá lối trang trí độc đáo này tại Hòa Lan. Về sau lan đến triều đình Hampton ở Anh, rồi tràn lan khắp nơi: Ý, Đức, Pháp... cũng đều say mê sưu tập đồ sứ, và cách chưng bày theo lối ấy, chỉ du di sửa đổi theo sở thích từng dân tộc..

Người có công lớn nhất phát khởi phong trào sưu tập và chưng đồ sứ Á Đông là nữ hoàng Anh Mary II gốc Hòa Lan. Bà say mê sưu tập đồ sứ trắng xanh Tàu và sứ màu của Nhật, bà chết năm 32 tuổi vì bệnh đậu mùa, nhưng tạo ảnh hưởng sâu rộng trong giới chơi mỹ ngoạn. Riêng trong lâu đài vua chúa thì sưu tập biết bao cơ man đồ sứ. Năm 1680, lâu đài Kensington ở Anh chưng đến 800 món sứ; chỗ tiếp tân của lâu đài Đức, có bày hàng ngàn kiểu sứ Đông Phương...

Phong trào chơi đồ sứ dần dần biến thể, người ta vẫn ham chuộng loại sứ trắng xanh có nguồn cung ứng bất tận từ phương Đông. Màu sứ trắng ngà ngọc tương phản với màu xanh quí phái nổi bật trên nền gỗ nâu tủ bàn, nền khăn bàn trắng hay màu màn cửa sặc sỡ, màu tường vôi nhạt, chúng rực rỡ ngang tầm nắt khách thưởng ngoạn, trong ánh nến lung linh hay ánh lò sưởi lúc chiều hôm khách khứa tiệc tùng; chúng phản chiếu vẻ đẹp đài các khi đặt gần tấm gương trên bệ tủ xưa từ thế kỷ 17 còn lại đến nay của nữ hoàng Mary II tại lâu đài Kensington, chứng tỏ óc thẩm mỹ và lòng say mê vẻ đẹp Đông phương của bà hoàng trẻ tuổi từ dạo ấy.

Ngoài lượng sứ trắng xanh đặc chế cho kiểu trang trí từng nhóm theo lối Âu Châu thời ấy, thuyền đắm ở Côn Đảo còn chở theo một ít sứ trắng (Blanc de chine)). Danh sách mua hàng của Âu Châu thời ấy còn lưu lại cho ta biết sứ trắng đặt mua tại bến cảng Amoy tỉnh Phúc Kiến, nơi có làng Đức Hòa nổi tiếng xưa nay về sứ trắng.

MỸ THUẬT SỨ TRẮNG XANH KHANG HI TRONG THUYỀN BUÔN ĐẮM TẠI BIỂN CÔN ĐẢO

Lần đầu tiên, một số lượng sứ cổ lớn nằm im dưới đáy nước lãnh hải xứ ta được vớt lên hầu như toàn vẹn, cho chúng ta biết những thành tựu mỹ thuật độc đáo của thời đại lịch sử mới giao lưu Đông Tây.

Dùng năm 1690 làm thời điểm, tức là bảy tám năm sau năm tái dựng Cảnh Đức Trấn, lúc khởi đầu giai đoạn phát huy thành quả rực rỡ nhất của sứ đời Khang Hi. Đây là những chứng tích dồi dào nhất để tái dựng khá chính xác toàn thể lịch sử mỹ nghệ sành sứ vào thời đại giao thương ấy.

Trong số hơn 60.000 cổ vật trục vớt được, số lượng mang ra bán đấu giá cho thế giới tổng cộng 22.463 cổ vật, được xếp thành từng nhóm kiểu, bán riêng thành 1101 lô. Sự chia lô này phản ánh ý khách đặt làm để chưng bày thành từng nhóm theo cách Âu Châu thời ấy.

HÌNG DÁNG, SẮC MÀU VÀ CÁCH BỐ CỤC làm theo kiểu mẫu Âu Châu, nên hình dạng đa số sứ trắng xanh khác lạ với truyền thống Á Châu. Những hình dạng này phản ánh đường nét mỹ thuật Baroque, dựa theo các món dùng hàng ngày được làm bằng bạc, nhôm, hay thủy tinh, pha lê. Còn nhiều kiểu hình dạng mô phỏng theo chi tiết chân bàn ghế tủ bày trong nhà hoặc kiểu chấn song xây lan can ngoài hàng hiên, rất thịnh hành trong kiến trúc thời ấy.

Hai hình dạng thường thấy nhiều nhất: thống bình có nắp (Baluster vase and cover) và thống bình hình ống (Gu shape). Hai kiểu này được xếp xen kẻ nhau họp thành một nhóm. Tất cả mọi hình dạng chủ ý để trang trí dọc theo bệ cửa, bệ lò sưởi (garniture de cheminée) hoặc riêng từng cái một, đặt trên bệ thếp vàng.

Theo sử liệu, đời Khang Hi chuyên dùng màu xanh (cobalt blue) nội địa để vẽ lên sứ, thay vì nhập cảng như những đời trước. Họ thành công trong thuật tinh lọc được sắc độ xanh tươi đậm đà. Chính sắc độ này đã đưa sứ trắng xanh Khang Hi lên hàng tuyệt đỉnh, được ưa chuộng trân quí nhất trong loại sứ trắng xanh Trung Quốc. Đặc sắc này thể hiện ít nhiều qua loại sứ tìm được ở Côn Đảo. Cách trang hoàng phản ánh sở thích người phương Tây, nên thợ Tàu hình như cố tận dụng màu xanh, vẽ tỉ mỉ rối rắm tràn đầy trên các món sứ lớn nhỏ. Nếu ngắm kỹ, trong cái rối rắm đó có một trật tự sắp xếp rất tài tình bằng tài khéo tay khéo mắt của nghệ nhân Tàu.

Bố cục hình vẽ trong lối chia khung là một đặc sắc khác của loại sứ Khang Hi này. Ngoài hai kiểu khung được thấy nhiều nhất là khung hình tổ ong và khung hình cánh sen, còn nhiều kiểu khung khác như hình chữ S, hình quả trám, chia ngang hình mắc tre v.v... Sau hết lối chia khung hình nan xe theo lối sứ Kraak vẫn còn xuất hiện cho thấy ảnh hưởng loại sứ này vẫn còn kéo dài cho đến ít nữa là năm 1690.



Lô 1, 2, 3: Ba chiếc ly chân cao có nắp, hình dáng lối Âu châu mỹ thuật thời Baroque. Đặc biệt chân và đỉnh nắp có nhiều nấc.

CÁC ĐỀ TÀI HÌNH VẼ

VẼ HOA: Đề tài thấy nhiều nhất trên loại sứ này là hoa, vốn xuất hiện từ thuở đầu trong mỹ thuật sành sứ Trung Quốc. Ngoài mục đích trang trí, hoa với người phương Đông còn tiềm ẩn ý nghĩa tượng trưng. Những loại hoa vẽ trên sứ này gồm có: cúc, mẫu đơn, sen, mai, thược dược, thúy cúc (auster), tử đăng hoa (wisteria), mộc liên (magnolia). Mỗi loài hoa được trình bày theo nhiều kiểu vẽ khác nhau, trong những bộ khung khác nhau, có khi vẽ từng đóa với cành lá, hay mọc trong chậu đặt trên đế có bướm vờn quanh, nằm ở góc vườn, có bờ dậu hình chữ X: một sáng tạo riêng của đời Khang Hi mà Tây phương gọi là Jarcliniers.

Hoa để chỉ sự đài các phước lộc, còn để tả thiên nhiên bốn mùa, mỗi mùa đại diện bằng mỗi loài hoa: mẫu đơn mùa xuân, sen mùa hạ, cúc mùa thu, mai mùa đông.

Đời Khang Hi còn sáng tạo thuật vẽ hoa rất độc đáo đã thấy xuất hiện trên các cổ sứ vừa được trục vớt này: Quanh thân một nhóm bình có nắp (lô 658, 771) vẽ cành hoa mai hay hoa mộc liên theo lối tô màu ngược, hoa và cành chừa trắng, màu xanh tô xung quanh, tạo ấn tượng như tranh.

Hoa tử đăng (wisteria) quấn quít với cành tùng lần đầu tiên thấy vẽ trên các món đồ sứ đủ mọi hình dạng kích thước. Tử đăng hoa sắc tím nhạt, hoa

nở từng chùm trên cành dây leo. Hoa tượng trưng phận má hồng yếu ớt, tùng tượng trưng bậc trượng phu cứng cỏi. Hoa quấn quít bán lấy cành tùng, lấy ý từ câu "núp bóng tùng quân" chỉ lương duyên nam nữ theo nếp cổ Đông phương. Riêng bút pháp đặc biệt dựa theo mẫu in hoa Hòa Lan thời ấy: phác họa nét tổng quát bên ngoài rồi tô ngang dọc nét ca rô, làm nổi lên hình thù cây lá là loại bút pháp chưa hề thấy xưa nay ở Đông phương.

VẼ PHONG CẢNH: Tranh sơn thủy vốn là nền tảng phép họa Trung Quốc. Thừa hưởng truyền thống trước đó vào thời đại chuyển tiếp (transitional period), đời Khang Hi đưa lối vẽ phong cảnh lên tới đỉnh cao, sống động thần tiên như tranh thủy mặc trên giấy, lụa.

Nghệ thuật biết vẽ sắc xanh đậm để tả gành đá, đầu non như hiện trên nền khói sương mờ ảo của sắc xanh nhạt. Có khi ngọn bút vệt ngang phóng túng thành nét sóng sông hồ. Đặc sắc nhất trên các món sứ nhỏ nhắn như bình trà, chén hạt mít... họa nhân biết chụp bắt lấy cái bao la cùng tận của trời đất nước non, thu nhỏ lại thành một cảnh trí tí hon trên nền sứ trắng tinh. Linh hồn vũ trụ của cảnh giới thiên nhiên thu nhỏ ấy, tưởng như còn sống mãi trên từng món sứ nhỏ nhoi, sau ba trăm năm mang từ lòng biển lên, vẫn còn làm ta rung động.

Trên mấy bộ bình trà hình lục giác vuông, lục giác tròn dáng trái bí, và bộ bình trà bầu (lô 216, từ lô 220 đến 222, từ lô 202 đến 208) mỗi cạnh bình là mỗi cảnh sơn thủy khác nhau. Nào là cảnh núi sông hùng vĩ, bầu trời cao với đàn cò bay; bên bờ sông hay trên mõm núi cheo leo có cành liễu rũ; dáng tùng mai lẫn khuất chỗ khe nguồn. Trong cảnh không gian hiu quạnh đó, đôi khi thấp thoáng dấu tích nhân tạo: chiếc cầu bắt ngang bờ bãi xa; túp lều cỏ ẩn hiện trên núi cao; tháp chùa vươn lên trên gềnh đá giữa sông. Và cuối cùng, con người xuất hiện góp mặt để hoàn tất cái trật tự tam tài thiên, địa, nhân: người viễn khách cỡi ngựa bên bãi sông, vị đạo sĩ thong dong ngắm cảnh có chú tiểu đồng lẽo đẽo sau lưng; dưới sông thuyền câu gác mái, ngư ông thả vó (ngư tiều canh độc); trên núi cao, hai tiên ông đang đánh cờ trong lều cỏ (nhị tiên đả kỳ). những cảnh tượng tràn khí vị phong lưu rất Đông phương ấy còn được vẽ lại trên các kiểu bình đựng mù tạt của âu tây (lô 237 đến 239)) hoặc trên bộ độc bình và lọ bày trên kệ tường (lô 622 đến 624).

VÀI KIỂU THUẦN TÚY SỨ KHANG HI: Sáng tạo đặc biệt đời Khang Hi qua hình dạng và kiểu vẽ được thấy qua (lô 251) ba món bị vỡ: một bình ấm hình quả lê có vòi cong và tay cầm, thân bình vẽ hình chim phượng hoàng giương cánh nằm trong vòng tròn, lá cúc tô điểm chung quanh, một nhành cúc vươn lên nở ra đóa hoa được cách điệu hóa thành hình chữ Phúc, đề tài tiềm ẩn ý nghĩa đạo Phật, sự biến tướng luân hồi giũa chim và hoa có tương duyên đối đãi. Trên hai lọ bình cổ cao vẽ đề tài đượm mùi Lão giáo, cảnh ngọn đảo vươn lên trên nền "thủy ba gợn sóng" có cánh hạc bay qua, mô tả

cảnh non bồng nước nhược trên đảo trường sinh trong thần thoại Lão giáo.

Trẻ con cũng là một đề tài khác được đặc biệt khai thác theo thẩm mỹ sứ Khang Hi. Đứa trẻ con cầm hoa sen (liên tử), được các đời Thanh tiếp nối khai thác. Trên những thống bình có nắp, xếp chung với những thống bình ống tre thành lô 343, vẽ hình đứa trẻ ở trần tay cầm hoa sen, theo lối tô màu ngược nền xanh hình trắng. Trẻ con vốn là đề tài có từ đời Tống trở đi, thịnh nhất là sứ đời Minh thường vẽ bầy trẻ con chơi đùa. Người Đông phương quí trọng sự sanh con đẻ cái, tin đó là phúc đức. Sứ đời Khang Hi thường mô tả hình tượng trẻ con để chỉ ý nghĩa Phúc Đức và Hòa Hiệp.

Ngoài ra, một trong những đề tài hình họa (lô 725) tiêu biểu nhất của đời Khang Hi được người Tây phương ưa chuộng là lối vẽ mỹ nhân: hình người nữ trong xiêm áo thướt tha, dáng gầy thanh nhã, tay cầm đóa hoa đứng trong khuôn viên đàng sau có bờ tường. Mỗi mỹ nhân được vẽ trong mỗi khung hình. Người Hòa Lan gọi lối vẽ mỹ nhân này là "Lang Lijsen". Còn một lối vẽ hai mỹ nhân khác đứng chung hai bên một chậu hoa trong một khung hình, không thấy có ở đây, có lẽ xuất hiện ít lâu sau năm 1690.

Một món sứ chế tạo riêng cho thị trường Đông Nam Á và Trung Đông cũng thấy có mặt ở đây là bầu đựng nước thiêng kendi. Bầu kendi dùng để dựng nước rửa tay chân trong các nghi lễ Hồi Giáo. Đây là món luôn luôn được chế tạo trong suốt lịch sử ngành làm đồ sứ Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam trong thời cổ nhưng lại không có công dụng gì với các quốc gia này cả. Thân bầu có khía dọc, miệng vòi hình củ tỏi có núm nhỏ để rót nước. Thân bầu vẽ kín đầy lối trang trí hình họa cúc, trĩ. Quanh miệng cổ vẽ hình cành hoa sen lối cách điệu hóa (từ lô 90 đến lô 97).

ĐỀ TÀI VÀ KIỂU VẼ TÂY PHƯƠNG: Lối chia ô theo mẫu in Hoà Lan lần đầu xuất hiện trên sứ Khang Hi trong ba kiểu vẽ xếp thành ba bộ, mỗi bộ gồm chín món: Bộ thứ nhất (lô 178) trang trí đóa sen trắng trên nền xanh, chia đều trong những ô hồi văn hình quả trám (ta gọi là ô miếng chả). Bộ chia ô ngang như mắc tre (lô 179-180) trong mỗi ô vẽ những đóa mẫu đơn, trên nền điểm những càng lá tua tủa. Ba bộ khác thân nắn nổi từng múi hình chữ S (lô 181-182- 194), trong mỗi múi trang trí uốn éo cành lá hoa thúy cúc (Auster)). Lối trang trí hoa thúy cúc uốn lượn hình chữ S này còn thấy trong bộ ly tách và đĩa kê 10 cạnh (lô 840, 841), mỗi cạnh vẽ mỗi cành hoa, giữa lòng dĩa vẽ ba cành hoa có bướm lượn nằm trong vòng tròn, theo lối rang trí sứ Kraak đời trước.

Đề tài Âu Châu, có lẽ vẽ theo mẫu đặt hàng, thể hiện rõ rệt nhất trong lô 856 gồm 25 cái nắp sứ đậy ly vẽ hình ông hoàng bà chúa Tây phương, tay cầm vương trượng, xung quanh viền chia thành mười ô hồi văn, mỗi ô vẽ một người có dáng dấp Á Châu đang cung kính quì gối, xen kẽ từng ô trang trí cành lá.

Dấu tích rõ rệt và đặc sắc nhất mô tả xứ Hòa Lan là những món vẽ cảnh

phố phường nhà cửa dọc theo kênh đào Hòa Lan thời ấy: trên thân một cái cúp cao tới 46.5cm có đế, bố cục liên tiếp trong những khung hình tổ ong, vẽ hình xóm nhà mái nhọn chen chúc nhau bên kinh đảo, phía bên kia trang trí những chậu hoa trồng cúc, hoa sen, mộc liên; trên cổ bình còn vẽ hình hoa và trái vòng quanh. Ngoài ra cảnh nhà bên kênh đào này còn lập lại trên các bộ bình hình bầu dục và ống tre (lô 531 đến 533). Đặc biệt lối tô nét ngang dọc (criss cross) những tảng đá bên sông đào, còn cho thấy ảnh hưởng lối vẽ Tây phương.

SỨ TRẮNG (BLANC DE CHINE): Ngoài số lượng lớn sứ trắng xanh, trên thuyền còn có một ít sứ trắng chế tại Phúc Kiến. Tỉnh này có làng Đức Hòa, nổi tiếng xưa nay về lối nặn tượng sứ trắng (tiêu biểu nhất đến tận ngày nay là tượng Đức Phật Bà Quan Âm).

Từ lô 422 đến lô 429 là một số tượng Phật Bà Quan Âm cao độ 13.5cm mô tả Phật Bà ngồi trên tòa sen, tay ôm một đồng tử, tay cầm bình cam lồ. Lô 421 là một nhóm gồm các mẫu tượng linh tinh khác như tượng con cua bám trên thành dĩa, tượng một cặp thỏ trắng trên bệ lục giác chạm hoa nổi, một đôi kỳ lân giỡn cầu trên bệ lục giác; các tượng thần tài cầm nén bạc... Ngoài ra còn có các thứ chén bát, muỗng sứ, các loại ve hủ tí hon có nắp đậy, thâm chạm nổi hình hoa. Màu sứ trắng đầm lâu dưới nước mặn, nhiều món đã ngã màu hoen úa.

*

Khi Âu Á tìm ra nhau, bắt đầu giao thương cách đây bốn thế kỷ, việc bán những cổ vật đến từ phương Đông của nhà Christie's Hòa Lan mang ý nghĩa lịch sử bảo tồn truyền thống đó. Đấy là giá trị thực sự của “Chuyến Hàng Vũng Tàu” hay “Con tàu Tọa Độ X”. Sứ xuất cảng đời Khang Hi ngày nay vẫn còn khá nhiều tại Âu Mỹ, tự chúng không phải là thứ cổ vật quá quí hiếm. Đến lúc phát hiện được thuyền sứ Khang Hi tại nước ta, có lẽ do bị hấp dẫn bởi huyền thoại những chuyến hành trình hiểm nghèo ngoài biển khơi ngày xưa, óc tưởng tượng về mối đe dọa của đáy biển đen chôn vùi bao bí mật, người ta mới đặt định cho những cổ vật này những giá trị thiêng liêng đặc biệt.

Nằm im nghỉ dưới đáy nước lãnh hải ta ngót ba trăn năm, cuối cùng rồi chuyến hàng không may cũng được giao về bến bờ phải đến nơi trời Âu xa. Có lẽ đây là một trong những chuyến hải hành dài ngày nhất. “Con Tàu Tọa Độ X” gợi chúng ta nhớ đến huyền thoại “Từ Thức về trần”, mới thoắt mà đã ba trăm năm!

Lake Porest tháng 3, 1993
PHAN QUỐC SƠN

Chú thích:
(1) - *Nam Phong Tạp Chí* trong thập niên 1930 có bài công bố về việc có người

vớt được vàng trong xác thuyền đắm tại vùng bể Sầm Sơn, và cho đây là thuyền vàng của Nguyễn Hữu Chỉnh cướp ở Bắc Hà đắm trên đường tháo chạy vào Nghệ An, khi được tin quân Nguyễn Huệ âm thầm rút lui, bỏ y ở lại Bắc Hà sau cuộc diệt Trịnh phù Lê (chuyện này từng gợi ý cho Thế Lữ viết *Kho Vàng Sầm Sơn*).

Đầu năm 1993 vừa qua, ông Armand Labbé, giám đốc khảo cứu cổ vật của viện bảo tàng The Bowers Museum ở Santa Ana, CA cho chúng tôi biết ông vừa thủ đắc được một tượng của La Mã, do dân chài Thái Lan lưới được tại vùng biển giáp nước ta, và xác nhận xác thuyền chìm từ thời đại La Mã giao thương với Phù Nam.

(2) Thuyền buôn Âu Châu còn mua hàng nước này mang đi bán cho nước nọ trong vùng sinh hoạt thương mãi bản địa. Cuối thế kỷ VXII, ông Williams Dampier trong cuốn A New Voyage Round The World có ghé Việt Nam, thuật chuyện một thương nhân Anh đến thành Thăng Long lựa mua những chén tốt giá rẻ trong số 100.000 cái rồi mang sang bán lại ở vùng Tây đảo Sumatra kiếm một số lời lớn (*trích trong Southeast Asia - The Age of Commerce 1450-1680 - Anthony Reid, Volume I.*)

(3) Ông Sumarah Adhyatman, giám đốc hội sứ cổ Nam Dương đến thăm viếng nước ta sau năm 1975, có viết một bài khảo về sứ cổ Việt Nam, cho biết hiện nay tại Nam Dương còn lưu lại nhiều sứ cổ Việt Nam xuất cảng. Ông giới thiệu một loại bình sứ tí hon VN mà người Nam Dương gọi là "Con Cờ" còn rải rác trong các tiệm đồ cổ và trong sưu tập tư nhân. Ông định tuổi chúng làm ra từ thế kỷ 15. Chúng tôi nhận thấy các món sứ VN này rất tương đồng hình dạng và kiểu trang trí với các kiểu sứ tí hon Khang Hi phát hiện tại Côn Đảo, đặc chế theo lối Âu Châu để chưng nơi bệ cửa, bệ lò sưởi. Như thế chúng tôi tin rằng đây là sứ VN chế đồng thời kỳ: có từ hậu bán thế kỷ 17, thay vì thế kỷ 15 (*Xin xem bài Vietnamese Ceramics in Jakarta của Sumarah Adhyatman - đăng trong Art of Asia _March, April 1986*).

(4) Một tác giả khuyết danh người Pháp, viết khoảng năm 1690 - 1700, đăng trong quyển Lettres Edifiants et Curieuses về Đàng Trong nước ta: "Không nơi nào mà tàu bị đắm được đối xử tử tế như ở Đàng Trong. Người ta cho thuyền ra cứu vớt thủy thủ, bỏ lưới xuống biển thâu nhặt lại hàng hóa và không quản công khó nhọc, lo tu bổ sửa chữa cho chiếc tàu".

Tài Liệu Tham Khảo:

Sách ngoại văn:

- Chinese Ceramics of the Transitional Period 1620-1683, Stephen Little, China Institute of America Inc., 1983.

- Chinese Pottery and Porcelain, R.L. Hobson, Dover Publications, Inc., NY !(&Á.

- The Book of Pottery and Porcelain, Warren E. Cox, 2 volumes Crown Publishers 1944.

- Đại Thanh Sành Sứ Toàn Tập, Hà Chánh Quản và Hứa Thệ Bình, nxb Đài Bắc.

- Marintime Trade and State Development in Early Southeast Asia - Kenneth R. Hall, University of Hawaii Press, Honolulu 1985.

- The Vung Tau Cargo, Chinese Export Porcelain, Christie's Amsterdam B.V. 1992.

- Description of Chinese Pottery and Porcelain, S.W. Bushell, bản dịch từ Hán văn

sách Đào Thuyết của Chu Xuyên, Oxford 1910.

- Porcelain Oriental Continental and British, R.L. Hobson London 1912.
- Chinese Pottery and Porcelain, Li Zhiyan and Cheng Wen, Foreign Languages Press, Beijing, Second Printing 1989.
- Southeast Asia in the Age of Commerce 1450 1680, Anthony Reid - Yale University Press - New Haven and London 1988

Tạp Chí Ngoại Văn:

Far Eatern Economic Review - Đặc phái viên James Bartholomen viết từ London, May 1992.

- Art of Asia - March, April 1985: Vietnamese Ceramiccs In Jakarta - Sumarah Adhyatman.
- Art of Asia - Jan - Feb. 1992: Queen Mary II and the Porcelain Collection at Kensington Palace - Joanna Marchner.
- National Geographic - Sept 1990: Nuestra Senõra de la Conception, by William M. Mathers.

Sách Việt Ngữ:

- Cảnh Đức Trấn Đào Lục - Vương Hồng Sển dịch từ bản Pháp văn Histoire et Fabrication de la Porcelain Chinois. Ouvrage Traduit du Chinois par M. Stanilas Julien - 1972, nxb Xuân Thu (tái bản hải ngoại)
- Gia Định Thành Thông Chí - Trịnh Hoài Đức, dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, tập thượng I & II, phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hoá xuất bản. Sài gòn 1972.
- Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, dịch giả Lê Xuân Giáo, tập II quyển 4,5,6 (trọn bộ). Phủ QVKĐTVH xuất bản, Sài gòn 1973.
- Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777, Phan Khoang, nxb Xuân Thu (tái bản hải ngoại)
- Đặc San Về Hoàng Sa Và Trường Sa, nxb Văn Nghệ & Khai Trí 1992 (tái bản hải ngoại)



NGUYỄN DUY

nợ nhuận bút

Trời xúi kẻ làm thơ đi làm báo
Cũng trâu bò, cũng láo nháo, cũng lăng xăng
Cũng tí tách những tấm hình đen trắng
Xoay trở nồi cơm nhuận bút nhì nhằng

Lếch thếch một xâu tàu há mồm lóc nhóc
Nuôi báo cô ấm ớ thơ tình tang
Bài viết vặt đôi khi là "chữa cháy"
Tồn tại lai rai và mơ tưởng làng nhàng

Tóc rối đầu bù, loay hoay toét mắt
Thời gian vù chong chóng tít mù quay
Tiêu cực này chống tiêu cực nọ
Lắm lúc ngồi đừ xây xẩm cả mặt mày

Thơ cứ rắc làm mưa sương tình tứ
Mưa thật mưa ngập ngụa cả con đường
Đồng nhuận bút phập phèo bong bóng nước
Mẹ Đốp đi làm bì bọp lội mà thương

Áo mưa vợ dương cánh buồm giữa phố
Chồng với con mấp mé một thuyền đời
Năm tháng bão giông sang sông lũ đổ
Một tay em chèo chống ngày, ngày, ngày...

Con chữ vụn rụng rời tơi tả hết
Ngoảnh lại còn ta con nít đến già
Rồi một ngày mẹ Đốp cười móm mém
Em vẫn nguồn nhuận bút suốt đời ta !

NGUYỄN DUY (Tháng 6/1992.)
(Trong nước)



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

côn sơn núi cũ



Hoàng Phủ Ngọc Tường bởi Đinh Cường

Núi Côn Sơn trên đất huyện Chí Linh (Hải Hưng), trong suốt gần 150 năm từ khi Trần Nhân Tông khai sáng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử (1299) cho đến khi Nguyễn Trãi lìa trần (1442), đã là một trung tâm tư tưởng Việt Nam đối diện với trung tâm Thăng Long, cả hai gắn liền nhau trong đạo xuất xử của Người Hiền thời xưa. Nếu kinh đô Thăng Long là trung tâm quyền lực giải quyết yêu cầu - hành động - dấn thân của kẻ sĩ, thì Côn Sơn là nơi họ tìm về căn nhà vũ trụ để thể hiện cuộc sống tâm linh trong bản giao hưởng của Trời Đất. Chẳng những Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Trần Nguyên Đán, Chu Văn An, Nguyễn Trãi... đã tìm về đấy để sống đạo suốt phần cuối cuộc hành trình trần thế, mà nhiều trí thức Trần Lê dù đang phải gánh vác triều đình cũng thỉnh thoảng lén về Côn Sơn để *Ăn trộm cái nhàn trong nửa ngày*, theo cách nói của Nguyễn Phi Khanh.

Côn Sơn nhìn nghiêng giống hình một con kỳ lân ngắm nhìn về rặng Yên Tử ở phía Bắc. Vâng, chính là con kỳ lân tâm linh của châu Á từ cao nguyên Tây Tạng đi về phương Nam, về nằm trầm tư giữa châu thổ sông Hồng. Chân núi có ngôi chùa cổ với mấy tấm bia đá đề năm Thiệu Phong đời Trần. Tên dân gian gọi là chùa Hun, vì từ xa xưa lâu đời, nơi đây vẫn là rừng sâu hoang rậm, Côn Sơn quanh năm chìm trong màu khói xanh của những người thợ rừng đốt than. Thời lỡ vận, người anh hùng đánh Nguyên Trần Khánh Giư cũng từng lên đây đốt than, truyền thuyết còn lưu lại bài thơ *Bán Than* nổi

tiếng: *"Ở với lửa hương cho vẹn kiếp - Thử xem vàng đá có bền gan"*. Từ đầu thế kỷ XIV, chùa Côn Sơn là một trung tâm của Thiền học Việt Nam. Thời Lê chùa mở rộng đến 83 gian, nay còn lại ngôi Thượng Diện thờ Phật Di Đà, và ngôi Tổ Đình, ở đó có tượng thờ Trúc Lâm Tam Tổ (Giác Hoàng Điều Ngự tức Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) và Trần Nguyên Đáng. Thời Pháp bắn phá nhà Tổ, có hai pho tượng bị đạn loang lổ, sư chùa Côn Sơn đem giải hạ xuống giếng, đất tan ra, thấy nổi lên hai giải Yểm Tâm, đọc mới biết đó là tượng Nguyễn Trã và bà Châu phu nhân. (Ấy là bởi sau thời tru di, người ta không thể đưa tượng Nguyễn Trãi ra công khai, nên dấu tên tuổi vào trong).

Chùa Côn Sơn đây, cùng với khu Thiền Viện Kỳ Lân ở trên đỉnh núi, là nơi các vị tổ Trúc Lâm mở những cuộc giảng luận về triết học cho tăng đồ và quý tộc, đồng thời là một trung tâm giao lưu quốc tế của Phật Giáo thời Trần, với sự đi lại thường xuyên của nhiều thiền sư Trung Hoa, Ấn Độ, Trung Á và Mông Cổ, đóng góp nhiều cho sự phát triển của tư tưởng Thiền Việt Nam. Dù là người anh hùng chiến thắng, các vua Trần và kẻ sĩ như muốn cho qua đi thật nhanh những ký ức máu lửa và xem việc quay về tu dưỡng cái thiện tâm là lẽ sống cấp bách. Trần Nhân Tông đã hô dặn đệ tử trước khi viên tịch: "*Các người hãy xuống núi lo tu hành, đừng coi sinh tử là việc nhàn*". Tổ thứ hai Pháp Loa, là người có công xây dựng và lãnh đạo một giáo hội Việt Nam hùng mạnh thời đó, chiếc am Bạch Vân của ông nay vẫn còn vết móng trên núi. Còn tổ thứ ba là sư Huyền Quang, vốn thi đỗ Trạng Nguyên, phong cách nhiều chất thi sĩ thương đời hơn là thiền sư. Trong bài thơ *Ai Phù Lỗ* (thương tù binh) ông cảm thương cảnh ngộ của người tù sau chiến tranh vẫn chưa được về gặp lại vợ con ở bên kia phương trời: "*Bao nhà ngắm nguyệt đêm nay nhỉ - Hai chốn cách vời một nỗi đau*". Tôi về đăm chiêu rất lâu trước ngôi tháp mộ Huyền Quang dưới chân núi, đọc trên đá rêu mờ nỗi khát vọng hòa bình - nhân ái của dân tộc một thời đã từng làm nên chiến công oanh liệt. Lưng chừng núi là khu di tích của động Thanh Hư, cạnh suối Côn Sơn. Tiến sĩ Trần Nguyên Đáng, nhà thiên văn và lịch pháp ưu tú của thế kỷ thứ 14, vì buồn việc nước, nghĩ rằng "*Tự sát để được tiếng khen như Khuất Nguyên là sai*", bèn về núi dựng khu trang viên này. Nguyễn Phi Khanh tả động Thanh Hư qui mô rộng lớn, cảnh quang rực rỡ, "*thơm đến muốn nuốt, xinh đến muốn ăn*". Nay lác đác ven sườn núi, dấu vết đá ong của những nền nhà cũ, nơi Trần Nguyên Đáng viết sách dạy học; và người học trò vỡ lòng của ông ở Côn Sơn cũng chính là cháu ngoại ông, chính là Nguyễn Trãi. Nay vẫn còn tấm bia đá lớn, đề ba chữ "Thanh Hư Động", bút tích của vua Trần Nghệ Tông, cùng với bài minh của nhà vua ca ngợi tấm lòng mãi lo nước thương nhân của Trần Nguyên Đáng dù đã lui về núi: "*Nương dưới bóng cây là muốn mở rộng sức che chở cho dân - Tựa vào khóm trúc là muốn đến với nhiều người hiền*".

Suối Côn Sơn mùa xuân nước vẫn đầy, cạnh suối còn những dấu đại bác thời Pháp. Ven suối dưới chân động Thanh Hư có bãi đá bằng phẳng gọi là

Thạch Bàn. "*Côn Sơn có đá - Mưa xối rêu xanh đậm - Ta lấy làm chiếu thảm*"... Đúng như trong thơ ông, Thạch Bàn là nơi Nguyễn Trãi thường ngồi lặng lẽ ngắm bầu trời. Có lẽ những tháng ngày hội nhập vào cuộc sống lớn lao của một “công dân vũ trụ” (*thiên dân*, ý niệm của Mạnh Tử) đã nuôi dưỡng sâu bền thêm trong tâm hồn Nguyễn Trãi nỗi khát khao lẽ công bằng và tự do cho con người, vốn là bản chất dân chủ nhất quán trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi: "*Lồng lộng trời tư chút đâu - Nào ai chẳng đội ở trên đầu*"... Ngày tôi về, rêu Thạch Bàn ở Côn Sơn vẫn sáng lên một màu lục tươi mới mẻ lạ lùng, tưởng như Người Hiền vừa mới đứng dậy khỏi nơi này, đang lửng thửng một mình đâu đó trong rừng thông.

Con đường núi ghép bằng những bậc đá tiếp tục dẫn lên đến đỉnh núi, nơi đó trải rộng một nền nhà cũ với dấu tích còn rõ của am Bạch Vân, xưa kia tổ Pháp Loa vẫn ngồi thiền định trong mây. Hình như đỉnh Côn Sơn này nằm trên đường bay của mây từ Hạ Long vào châu thổ. Bây giờ quanh tôi, mây vẫn mịt mùng, vùn vụt kéo đi, và trong mây tôi nghe tiếng thét và tiếng múa gậy của thiền sư Trần Nhân Tông khi truyền đạt chân lý.

Nền am Bạch Vân này là cái trán của con kỳ lân Côn Sơn, khi tạnh mây đứng đây tưởng nhìn thấy hết sông núi. Cạnh Côn Sơn là núi Phượng Hoàng, nơi vào thời thoái trào của nhà Trần, tiến sĩ Chu Văn An đã về lập vườn ở ẩn, sau khi dâng *Thất Trảm Sớ* xin chém đầu bảy kẻ nịnh thần nhưng không được vua Trần Dụ Tông chấp thuận (người sau khen rằng *Thất Trảm Sớ* nghĩa động tới trời đất, tiếc rằng sử sách không cho biết bảy tên gian thần đáng tội chém đầu đó là ai). Thơ Chu Văn An thời kỳ này cho thấy một khuôn mặt khác của Côn Sơn so với thời Trúc Lâm Tam Tổ; ấy là sự lựa chọn của kẻ sĩ bất lực trước cái xấu đang lấn áp ở triều đình Thăng Long: "*Sông Kinh đục, sông Vị trong, vốn không chảy cùng dòng*".

Cũng ngay cạnh Côn Sơn, có cái núi cao trơ trụi, trên đỉnh đặt mộ của Nguyễn Phi Khanh. Tương truyền rằng tướng Minh Hoàng Phúc, nhớ ơn tha chết nên đem hài cốt Phi Khanh trả về cho Nguyễn Trãi, an táng tại núi này. Nguyễn Thiện Thuật hồi khởi nghĩa từng hành quân qua đây, tìm về mộ tổ để bái yết, nhưng núi quá cao, việc quân gấp không lên được, nên đứng dưới núi mà lạy; từ đó có tên là núi Bái Vọng. Từ Côn Sơn nhìn sang, thấy rõ một con đường mòn dốc đứng nổi lên trên mặt đất khô cằn dẫn tới mộ Phi Khanh. Có lẽ đó là con đường khổ ải mà thân phụ Nguyễn Trãi đã đi suốt cuộc đời, con đường không đạt mệnh nhưng không bao giờ dẫn đến nỗi xấu hổ, như ông nói: "*Bình sinh tự hào đi trên tơ trắng*". Sườn núi vùng Côn Sơn ngoằn ngoèo những con đường mòn khô cằn sỏi đá, tôi nghĩ, đó cũng là con đường *tơ trắng* của kẻ sĩ qua nhiều thời đại.

Từ đỉnh Côn Sơn quay mặt cung nhìn từ Bắc sang Đông trong ngày đẹp trời, ta nhìn thấy dòng sáng của sáu con sông nhóm Lục Đầu tỏa khắp miền châu thổ. Trên từng bến bãi của mỗi dòng sông còn dậy lên những chiến công nghìn năm, và gần như ngay dưới chân Côn Sơn, con sông Thương vỗ sóng

trắng ngần trước đền Kiếp Bạc. Đâu đó trong trang ấp xưa của Trần Hưng Đạo, có quả núi Dược Sơn, nơi đức Thánh Trần trồng cây thuốc để chữa bệnh cho dân lúc ông lui về trí sĩ. Đất phong Vương của Trần Hưng Đạo nơi đây cũng đồng thời là phên dậu giữ nước; song binh thư của Trần Hưng Đạo chỉ ra rằng giữ nước chính là Lòng Người: "*Bậc thánh võ trị đời, đánh ở chỗ không có thành, công ở chỗ không có lũy, chiến ở chỗ không có trận, nhẹ nhàng như hoa rơi trên sông, dựng nên cuộc đời vô sự*".

Những gì còn lại ở Côn Sơn, sương khói, thông ngàn, gió núi, vết đá ong và cỏ dại, tất cả đều mang dấu ấn tâm linh của Nguyễn Trãi. Chẳng phải sao, chính tiếng hát miên trường của rừng thông đã dội vào khát vọng nhân nghĩa của tâm hồn Nguyễn Trải để hình thành quan niệm của ông về âm nhạc mà ông giải bày với nhà vua sau ngày dân tộc chiến thắng: "*Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc... Xin bệ hạ thương yêu nuôi dưỡng nhân dân, sao cho nơi thôn cùng xóm vắng không còn tiếng hờn giận oán sầu. Như thế mới không làm mất cái gốc của nhạc vậy.*"

Tôi về Côn Sơn vào dịp mười sáu tháng tám, là ngày hội giỗ Nguyễn Trãi hàng năm ở chùa Hun. Trời chốc nắng chốc mưa, cơn mưa thưa và qua mau, không đủ ướt áo. Sau mỗi lúc mưa, rừng thông lại sáng bừng lên, lá thông chói nắng óng mượt như ướt đẫm chất dầu, để rồi huyền ảo trở lại trong một thứ ánh sáng dịu dàng như ánh trăng. Vừa đến lưng chừng núi, chỗ rừng thông mọc dày, tôi chợt bắt gặp một cơn *gió lạ*. Một tiếng hú bát ngát cất lên đâu từ phía rặng Yên Tử, chuyền rất nhanh đến sườn núi Ngũ Nhạc và tràn qua ngàn thông trên đầu tôi, hoàn toàn giống tiếng biển gầm nghe từ trên đỉnh đèo ngang. Chỉ khoảnh khắc thế thôi, cơn gió ùa qua núi và rẽ đi đâu mất dạng dưới cánh đồng Tiêu Sơn, lạ lùng đến nỗi người bạn đến sau tôi một chốc đã không hề biết gì về một cơn gió như vậy. Hóa ra rừng thông có một khả năng cộng hưởng rất nhạy đối với ánh sáng, gió, và sai đó, với sự im lặng. Với cả *cái động và cái tĩnh*. Cùng với bản lĩnh hành động đã tôi luyện trong chiến đấu, những tháng năm Côn Sơn đã cung cấp chất liệu vũ trụ để viên thành con người minh triết của Nguyễn Trãi. Ông gọi cả lịch sử và thiên nhiên là thầy, "*Động tĩnh nào ai chẳng có thầy*".

Huế, tiết Hàn Lộ 1991
HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG



TRẦN MỘNG TÚ

giữa bình minh

Buổi sáng giơ tay kéo
Mặt trời ngã trên ngực
Em căng sợi bình minh
Giữa hai đầu hạnh phúc

Em uốn cong hơi thở
Trán cúi hôn bàn chân
Những ngón chân không khéo
Nhận hụt bao nhiêu lần

Duỗi thẳng rồi xoay ngang
Chân buông tay nới lỏng
Thở nhẹ như làm thơ
Giữa bình minh lồng lộng

Lưng áp sát mặt đất
Đầu gối co lên mình.
Hai tay nâng sức nặng
Nghe âm dương tỏ tình

Nắng nhảy múa trên vai
Máu hồng dồn lên mặt
Em uống cạn bình minh
Vào đáy hồn chất ngất

Thể dục và làm thơ
Giữa bình minh trong suốt
Thân bóng chập vào nhau
Tưởng hai mà hóa một

TRẦN MỘNG TÚ



CAO CHIẾN PHONG

Truyện một người lính gương mẫu



LTS: *Đã hệ lụy với văn chương trên ba thập niên, đã là tác giả của bảy tác phẩmđược xuất bản trước và sau1975 tại quốc nội cũng như hải ngoại, nhà văn Hoang Khởi Phong hẳn không xa lạ gì với độc giả Việt Nam. Nhưng sở dĩ truyện ngắn dưới đây được ký qua một bút hiệu khác, không phải vì tác giả sợ tai bay vạ gió khi đứng chung với "bọn HL", nên phải "ngụy trang" (Ngay từ số ra mắt, nhà văn Hoàng Khởi Phong đã nằm trong ban biên tập HL). Chỉ vì truyện của ông thường mượn từ những chất liệu trong đời sống. Đa số đều gắn với "người thật việc thật". Đó là lý do, độc giả sẽ hiểu, tại sao lại có thêm một bút hiệu nữa: Cao Chiến Phong, trong sự nghiệp văn chương của ông.*

Hợp Lưu

*

Trong ví ta này, một tờ chứng chỉ.
Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu.
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười giờ gia hạn ở nơi đâu?...

Cao Tần.

1- Có một loại văn chương tôi rất ghét, đó là loại...tán. Xin thưa đây không phải là tán gái, mặc dù đã là đàn ông thì ai cũng qua cái cầu ..tán này cả chục lần trước khi cuộc đời đâu vào đấy. Và khi đời đã đâu vào đấy rồi thì

khôn hồn nên có mồm thì cắp, có nắp thì đậy kẻo không rất là phiền. Cái loại văn chương...tán đây đôi khi còn gọi là văn chương...suy luận và diễn giải.

Đó là những cái truyện ngắn, tùy bút hay đoản văn cứ độ một hai trang là phải có trích một câu thơ, một câu hát, hay một câu danh ngôn. Tất nhiên những câu thơ đó phải là của các thi sĩ nổi danh, trong những bài thơ tuyệt tác. Nhạc cũng vậy, không ai dại gì mà trích những câu trong các bài nhạc sến kiểu tiền lính tính liền. Tất nhiên về danh ngôn không ai trích lời..phó Kỳ. Đó là những cái truyện hay những đoản văn hệt như một cái áo vá chằng vá đụp, mảnh nọ chồng lên mảnh kia, bất kể mầu sắc, bất kể nguyên liệu. Những cái truyện này nếu cắt bỏ hết những câu trích và phần bình luận hay gợi ý liên quan đến phần trích thì tác giả không còn gì ngoài cái tên và những hàng chữ đầu Ngô mình Sở. Loại văn chương này tuy nhiên gây rất nhiều phấn khởi cho không ít những người đang cần một cái gì đó bên cạnh những cái nhà rất to, rất đẹp và những cái xe rất chiến.

Thế mà hôm nay tôi phải nắm vạt áo của một ông bạn văn là nhà văn Lê Tất Điều đồng thời là thi sĩ Cao Tần, mượn đỡ ông bốn câu thơ để dẫn vào cái truyện ngắn viết về một ông bạn khác của tôi. Bởi vì suốt hai mươi năm văn học miền Nam, đặc biệt là văn nghệ..quân đội không có một ông thi sĩ nào lại bỏ phí thì giờ viết vài chữ về một anh...Quân Cảnh. Thiếu gì những người lính anh hùng mũ xanh, mũ đỏ, mũ nâu, mũ đen để mà ca tụng. Ai lại đi làm thơ về một anh chuyên môn thổi tu huýt bắt bớ người khác, mất cả vui.

Phải đợi đến khi tan hàng mà không có cơ hội...cố gắng, trong một chiều lang thang nơi xứ người mới có một thi sĩ nghĩ về quá khứ, lục ví thấy một cái căn cước, giấy chứng chỉ tại ngũ, hay là giấy phép gì đó để mà nhớ tới cái nơi phải đến để gia hạn. Cái nơi gia hạn đó chính là cái đồn Quân Cảnh, chỗ của ông bạn tôi, nhân vật chính trong truyện này.

Tôi cũng xin cẩn thận mà thưa rằng tôi cũng là Quân Cảnh, nhưng dứt khoát tôi chưa bao giờ là một người lính gương mẫu, tôi bị phạt nhòe cả người ra, và theo lời Chiến tôi là một thằng rã ngũ, kể từ nay không nên nói về...quân đội, nó kỳ...Do đó truyện ngắn này dứt khoát không phải là hồi ký của tôi. Nhưng nhân vật thì có thật. Tôi có cả hình chụp ông ta và nếu có ai không tin, xin liên lạc với tôi để tôi cung cấp số điện thọai. Bạn tôi tên là Chiến...Mới sang Mỹ trong chương trình H.O

Phải đợi tới khi không còn Quân Đội nữa, trong một lúc buồn tình ông Cao Tần mới nhớ tới những hoạt động của binh chủng chúng tôi, và có lẽ đây là những câu thơ duy nhất có liên hệ tới một anh...Quân Cảnh thì còn đợi gì mà không nắm cái vạt áo của ông mà đi vào câu truyện cho bảnh.

2- Năm 1966 Chiến hai mươi lăm tuổi, được thăng trung úy cũng y hệt mọi người sau khi đã mang thiếu uý hai năm. Anh làm Quyền Đại Đội Trưởng Đại Đội D2 Quân Cảnh, đóng ở Ban Mê Thuột. Thời đó là thời chiến,

Ban Mê Thuột lại là một vùng đất nhiều giao tranh cho nên tứ thời bát tiết mọi người đều mặc quân phục tác chiến, nói cho gọn là đồ trận. Nhưng trong tủ của Chiến lúc nào cũng có một bộ đồ vàng để đi phép, nếp ủi thẳng như dao cạo, mũ casquette bỏ trong một cái bao ni-lông vì sợ bụi bặm. Bên cạnh bộ quân phục đi phép này là một bộ đồ hành sự của Quân Cảnh gồm đủ lệ bộ từ dây còi, dây danh dự, dây biểu chương, dây chiến thắng, băng Quân Cảnh hành sự, nịt da đánh si-ra bóng loáng, và một cái mũ nhựa có sơn hai chữ Q.C mà lính tráng hay gọi đùa là nón cá lóc. Lính tráng cũng hay đọc hai chữ Q.C là quỷ chùa hay là quýnh cẳng. Thú thật là tôi chưa bao giờ mặc đầy đủ bộ đồ...vía này vì tôi quê, nhưng Chiến thì thỉnh thoảng anh mặc một cách trịnh trọng những khi cần phải làm gương cho lính.

Mỗi sáng thứ hai trung úy Chiến đại đội trưởng đi duyệt đại đội nơi sân cờ. Chào cờ xong bao giờ anh cũng bỏ mười, mười lăm phút để khen ngợi những người lính tốt, la rầy mấy cậu ba gai.

Mậu Thân khi Cộng Sản tấn công và đã xâm nhập vào được thị xã Ban Mê Thuột, đơn vị của Chiến vì nằm hẳn ở ngoài Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, nên phải chiến đấu đơn độc để giữ vững được vị trí. Anh giữ vững được doanh trại của anh sau vài lần bị pháo kích, đột kích cũng như tấn công. Trong ba ngày đó đại đội D2 Quân Cảnh bị chết năm người lính, trung úy Chiến đại đội trưởng bị thương. Anh là một trong số rất hiếm sĩ quan Quân Cảnh được tưởng thưởng anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc, được tuyên dương công trạng trước Sư Đoàn và cũng được cả chiến thương bội tinh trong dịp này. Nằm bệnh viện hai tháng xong anh được thăng cấp đại úy và thuyên chuyển đi đơn vị khác.

Chiến và tôi hồi nhỏ cùng học một trường, một lớp đến khi lớn đi lính cùng một khóa, rồi đến cùng ngành. Ra trường thì mỗi người một tiểu đoàn, mãi cho tới năm Mậu Thân Chiến mới đổi về cùng một đơn vị với tôi. Nói cho đúng ra thì đây là đơn vị thứ sáu của tôi, còn Chiến thì mới là đơn vị thứ hai sau năm năm rời khỏi quân trường Thủ Đức. Gặp lại nhau tay bắt mặt mừng, sau những thăm hỏi thường tình, tôi vẫn mày tao với Chiến thì anh nghiêm mặt lại nói:

- Hết giờ làm việc thì tao với mày là bạn, nhưng khi nào trong giờ làm việc và trong lúc tôi mặc quân phục yêu cầu trung úy gọi tôi bằng cấp bậc.

Xém chút nữa thì tôi cho Chiến ăn một tá những của không ngon. Tôi đã từng có khá nhiều ngày phạt về tội vô lễ với các cấp chỉ huy còn lớn lon hơn Chiến và Chiến biết điều này hơn ai hết. Trong binh chủng của tôi có khá nhiều anh thượng đội hạ đạp, tôi đã từng cho một anh thiếu tá hắc ám nhất trong ngành của tôi tức đến độ nghẹt thở mà không làm gì được tôi hơn là thuyên chuyển tôi đi nơi khác. Thế là trúng kế của tôi rồi. Tôi coi quân đội là chỗ để đi giang hồ. Chưa đầy năm năm đã đủ bốn vùng chiến thuật thì cái tiếng ba gai chắc là phải ăn trùm. Tôi biết rõ Chiến thế nào thì ngược lại Chiến cũng biết rõ về tôi y hệt như chỉ trong bàn tay vậy. Đợi cho tôi thở xong

vài cái Chiến búa thêm một câu:

- Trung úy đừng quên là tôi với trung úy chơi với nhau đến nay là hai chục năm. Hỗn với tôi bây giờ là tôi tặng cho vài ngày trong quyền hạn phạt của tôi, rồi hết giờ làm việc nếu trung úy muốn dợt đánh bốc thì tôi cũng hầu trung úy được vài hiệp. Nhân tiện cũng thông báo cho trung úy biết trong mấy năm xa nhau, trung úy chỉ lo dê gái với làm..thơ, còn phần tôi thì tôi đã có cái đai đen Thái cực đạo.

Tôi tức câu sau hơn là câu đầu vì nó nói lên hết tất cả những cái gì tôi thua Chiến. Học thì cả hai thằng như nhau, nhưng đá banh, bơi lội, bóng bàn, nhu đạo cái gì Chiến cũng bảnh hơn tôi. Cuối năm 68, tôi cũng chó ngáp phải ruồi lên đại úy nhờ đã tình nguyện ra Phú Quốc làm việc, lại giữ hai chức vụ có cấp số thiếu tá nên mới được thăng cấp đặc biệt. Tôi gửi cho Chiến một cái thư báo cho Chiến biết tôi cũng đã là ..đại úy như Chiến. Tôi nhận được thư trả lời là như thế nào được, tôi vẫn phải chào trước vì Chiến thâm niên hơn tôi những chín tháng và...mười ngày lẻ.

Nhận được thư trả lời của Chiến xong, sẵn giấy ngay trên bàn lại không phải dán tem tôi gửi cho Chiến đúng một giòng gồm năm chữ C, kế đó là câu nếu không đoán được gọi điện thoại cho tôi. Chiến cũng chẳng thèm gọi thành thử tôi cũng không có dịp giải thích cho Chiến biết năm chữ C đó là:" Chào Cái Con Củ C.." Bẵng đi vài năm tôi và Chiến lại đụng nhau trong một khóa tham mưu trung cấp ở Đà Lạt. Nhận nơi ăn chốn ở xong Chiến mời tôi và hai sĩ quan Quân Cảnh khác đi uống cà phê ở cà phê Tùng. Anh nói với chúng tôi:

- Có tới cả trăm sĩ quan các quân binh chủng đi học khóa này, tôi yêu cầu các bạn nên giữ mầu cờ sắc áo binh chủng chúng ta cho cẩn thận. Chiến chỉ vào mặt tôi và tiếp-Tôi chỉ ớn có một mình ông bạn cố tri này thôi. Tôi nói có hai ông này làm chứng hễ mà đổ đốn ra là tôi kiếm cớ tôi khện, khện xong rồi tôi còn về tôi mách ông cụ. Ông đừng quên là nhà tôi với nhà ông liên hệ với nhau tới mấy đời.

Thế là suốt khóa đó tôi cũng mon men được liệt vào hạng những sĩ quan siêng năng chăm chỉ. Khi mãn khóa Chiến lại đỗ đầu, phần tôi đứng thứ năm trên tổng số một trăm sĩ quan thụ huấn thì cũng đáng kể là một thành tích.

Phải đợi tới dịp thụ huấn ở Đà Lạt đó tôi mới thực sự hiểu rõ về Chiến, người bạn thiếu thời thuở xưa. Trước đó chúng tôi cùng ăn, cùng học, cùng chơi thành thử có bao giờ tôi nghĩ tới tìm hiểu người bạn làm gì. Tôi với Chiến đâu có phải là cái lối bạn kiểu người ta hay nói bạn nhà binh, tình nhà thổ đâu. Chúng tôi là cùng lớn lên, cùng đi học, cùng chơi đùa xém chút nữa thì cùng tán một mợ nhỏ học Trưng Vương song ít có dịp trao đổi với nhau những ý nghĩ về đời sống, về quân đội, về chiến tranh cũng như về tình cảm trai gái. Một lần ngồi ngay Thủy Tạ chỉ có tôi và Chiến, anh đã nói với tôi:

- Thế là tôi với ông đã toi mất mười năm tuổi trẻ. Cái chính nghĩa thì cứ mỗi ngày mỗi teo lại. Mười năm nữa không biết tôi và ông đang làm gì, đang

ở đâu? Càng lúc tôi càng cảm thấy cuộc chiến tranh này vô ích. Bên nào thắng cũng vô ích vì thật sự đây không phải là cuộc chiến cần thiết cho cả hai miền Nam và Bắc vì không phe nào có đủ chính nghĩa dân tộc.

Tôi nhìn lại Chiến thật kỹ. Tôi thấy anh có dáng mệt mỏi, đó là điều chưa bao giờ xẩy đến với Chiến, anh không bao giờ có giọng bi phẫn như thế. Anh là người lạc quan, anh là người không bao giờ đòi hỏi, thắc mắc. Anh chấp nhận mọi may rủi đến với anh trong cuộc đời. Tôi nói với anh:

- Ông thắc mắc làm gì. Mới lấy vợ, mới có con mà sao thở ra những lời không phấn khởi như thế. Kệ mẹ đời tới đâu hay tới đó, thắc mắc chi cho mệt.

- Tôi thèm được vô tư như ông, riêng khoản ba gai thì tôi nhường ông hết.

- Tại ông ham được lên thiếu tá nên mới phải gìn giữ cái sổ quân bạ cho nó sạch sẽ, còn tôi đâu có muốn ở lính. Giờ này mà cho giải ngũ và cho lên thiếu tá ông chọn cái nào.

- Tôi không thích cái lối nói chuyện bằng ví dụ. Mình sẽ chẳng bao giờ được chọn lựa, nếu mà được chọn thì cả tôi và ông đâu có đi lính. Ông còn nhớ ngày mãn khóa ở Thủ Đức không? Rồi còn nhớ ngày chọn đơn vị và binh chủng không? Tôi cũng chẳng hiểu sao tôi với ông lại cùng về Quân Cảnh. Nhưng nếu bây giờ mình là Nhẩy Dù hay Thủy Quân Lục Chiến thì có lẽ một là xanh cỏ hai là đỏ ngực rồi. Khoá mình đi Biệt Động Quân mười lăm người bây giờ chẳng còn được bao nhiêu. Đã có nhiều lúc tôi cho là mình may mắn, nhưng vài năm nay tôi nghĩ khác. Nếu bây giờ mình phải đi Thủ Đức lại khi ra trường tôi sẽ chọn tác chiến.

- Tại sao?

- Mấy năm nay ông ham chơi bời tới độ lú lẫn rồi, ông không thấy những gì đang xẩy ra chung quanh chúng ta sao? Một bầu không khí vẩn đục bao trùm từ trên xuống dưới, từ quân đội sang tới hành chánh. Ở đâu đâu cũng là chỗ mua quan bán tước, còn tệ hơn là thời Lê mạt, còn tệ hơn là thời Nguyễn Sơ.

- Thế thì ăn nhậu gì đến cái vụ phải xin đi tác chiến?

- Ăn nhậu chứ sao không. Cứ tình hình chính trị cái kiểu độc diễn với lại dân biểu gia nô này trong vài năm nữa chết không có chỗ mà chôn. Đi tác chiến để giữ thêm được ngày nào hay ngày ấy. Mai kia mốt nọ thời thế xoay vần may ra miền Nam có được một cấp lãnh đạo đúng nghĩa thì mới có thể lèo lái con thuyền quốc gia ra khỏi cơn ba đào này.

- Mẹ kiếp ông là học trò cụ Ưu Thiên Bùi Kỷ hồi nào vậy? Chưa tới cái thứ đại úy, thiếu tá như ông lo chuyện trời sập. Đúng là hết khôn dồn đến dại. Đừng có hóa khùng mà xin ra mặt trận đó nghe cha nội.

- Trễ rồi, bệnh đã vô tới gan ruột rồi, thuốc tiên cũng vô ích mà thôi.

3- Mãn khóa tham mưu trung cấp xong ai về đơn vị nấy. Đầu năm 73, sau năm năm mang lon đại úy Chiến được đề nghị thăng cấp thiếu tá. Anh làm

phó cho một trung tá có tiếng là vừa ngu, vừa dốt, mà lại còn hèn. Nhưng được cái ông ta rất nể Chiến. Có gì mà không nể vì công việc đổ hết lên đầu Chiến còn ông xếp thì cứ tha hồ mà phè cùng với bắt áp phe.

Tháng tư năm 75 ập tới. Chiến giữ đơn vị tới phút chót trong khi ông xếp đã lén lút xuống tầu hải quân của một ông bạn từ cả tuần lễ trước. Rồi cũng như mọi người sĩ quan khác của QLVNCH, anh đi trình diện học tập và bị giam tất cả mười hai năm. Trong mười hai năm đó anh bị chuyển trại sáu bẩy chỗ, có lần bị giam giữ ở Phú Quốc, nơi anh đã từng có thời gian phục vụ với chức vụ tiểu đoàn phó một tiểu đoàn Quân Cảnh canh gác tù binh Cộng Sản ở đây vào năm 1970.

4- Tôi may mắn hơn Chiến vào năm 75, lê được cái thân tàn ma dại sang Mỹ. Đôi lần nghĩ về những năm tháng cũ bao giờ trí óc tôi cũng bị ám ảnh về người bạn thưở thiếu thời.

Theo những người sang sau, đã từng cùng đi cải tạo với Chiến thì vào trong trại anh vẫn giữ nguyên vẹn con người cũ. Anh ngẩng mặt lên sống một cách thản nhiên trước những chà đạp về tinh thần cũng như thể xác của các cán bộ quản giáo. Anh không bao giờ xun xoe, khúm núm. Anh cũng không bao giờ tham dự những ngày kỷ niệm được tổ chức lén lút trong tù. Anh không bao giờ tỏ thái độ chống lại như những người đã từng chết anh hùng. Anh hùng thật sự thì trăm phần có đến chín mươi chín phần chết. Anh chỉ kiên nhẫn sống và kiên nhẫn giữ nhân cách một sĩ quan cấp tá của mình. Thỉnh thoảng có dịp nói với vài người bạn thân trong tù anh cho họ biết anh chưa làm người hùng nhưng không bao giờ anh hèn. Vả lại theo anh làm anh hùng đôi khi cũng dễ thôi, chẳng qua mười người anh hùng thì hết chín người do những tình cờ may mắn của số mạng. Tất nhiên cũng phải có sẵn cái chất người hùng, chứ còn trong người chỉ chẩy toàn là máu hèn thì khi may mắn cũng chỉ là một thằng hèn được thời.

Ngoài cái chất anh hùng hay hèn hạ ai cũng phải có, con người còn có những tiêu chuẩn khác để dựng lên nhân cách của mình. Do đó mà có những người hết sức anh hùng mà vẫn hết sức tởm, và có những người hết sức hèn yếu nhưng lại là một người có chút xíu lòng tốt. Chiến còn nói là trong thời gian ở tù đó anh mới tạm hiểu thế nào là những con người. Do sự thanh liêm của anh nên trong nhà chẳng có cái gì quý giá khi anh đi học tập, vợ anh phải vất vả nuôi hai con, chống đỡ cho những khó khăn của thời sau 75 nên có khi cả hai ba năm cũng không đi thăm nuôi một lần. Nhưng không vì thế mà Chiến tỏ ra cầu cạnh những người nhờ xưa kia có cơ hội tham nhũng, mua quan bán tước, nhà lầu xe hơi để bây giờ có thừa tiền bạc, đồng hồ, máy ảnh hối lộ cho bọn quản giáo, thăm nuôi, tiếp tế. Anh cũng không bao giờ vì một miếng cơm cháy mà phải đánh nhau, vì một miếng thịt lợn mà có thể lên lớp những người bạn tù khác trong khi phê và tự phê mỗi buổi tối.

Anh kiên nhẫn sống, gìn giữ từng hơi thở, từng cử động, từng lời nói để quản giáo không có cơ hội xúc phạm đến nhân cách của anh. Nhưng đâu có phải ai ở trong tù cũng cố gắng tu thân kiểu đó. Ngoài những người anh hùng thật sự chứ không phải những anh hùng qua những lời đồn đại. Người ta mánh mung, ăng ten, nịnh bợ, ăn cắp của nhau, người ta tính toán hơn thiệt to nhỏ từng miếng đường, từng quả ớt, từng câu nói, từng cử chỉ. Chiến cặm cụi sống, tuyệt không bao giờ nói tới truyện kỷ niệm ngày thành lập binh chủng Quân Cảnh ở trong tù, không tham dự ngày quân lực, bởi vì chính anh đã từng nói với tôi trong một lần cả hai phải soạn kế hoạch điều hòa lưu thông cho ngày lễ này vào năm 68 ở vùng hai. Anh cho rằng cái ngày xứng đáng để gọi là ngày quân lực phải được chọn lại. Nó có thể là kỷ niệm trận Đống Đa, trận Bạch Đằng, trận Vạn Kiếp, trận Chi Lăng hay là một trận lừng danh nào đó trong lịch sử giữ nước, chứ không phải là một ngày binh biến có tính chất nội bộ của miền Nam như hiện tại. Đã suy nghĩ như thế tất nhiên trong tù anh tránh tham gia vào những việc tổ chức các ngày kỷ niệm này.

Chiến hiểu rõ hơn ai hết người Cộng Sản sẽ chỉ thực sự kiềm chế được tinh thần của miền Nam, khi nào họ đánh vỡ được cái phong cách tiểu tư sản của những người đang nằm trong tay của họ. Ngày nào mà còn những người bo bo lo cho cái nhân cách của mình thì ngày đó Cộng Sản còn chưa thể xoa tay tự mãn. Những hành vi anh hùng tất nhiên là đáng khâm phục, nhưng kiểu anh hùng bốc đồng chỉ là những cái cớ cho bọn quản giáo hành hạ, chà đạp toàn thể anh em trong trại.

Tất nhiên cùng là bạn tù Chiến không hề chỉ trích bất cứ ai. Tuy nhiên anh bình tâm chiêm nghiệm về hành vi của mình cũng như của những người khác. Anh nghiệm được một điều con người ta thật là phức tạp, cũng một con người sao có lúc anh hùng đủ điều, mà chỉ vài ngày sau lại có thể trái ngược như nước với lửa. Phần anh, anh tự xoay trở để sống với những tháo vát của một người hướng đạo sinh, của một người lính có được huấn luyện. Anh chú tâm vào để sống, sống như một con người. Nếu những người đang giam giữ anh muốn đồng hóa anh xuống như là một con vật, thì những hành vi anh hùng cũng tốt, nhưng có một cách chống trả hữu hiệu hơn, cao cả hơn là thản nhiên mà sống như một con người, âm thầm và bền bỉ sống như một con người, chính những điều đó đã làm cho người Cộng Sản đau đòn hơn bởi vì họ hiểu được một điều là cho dù bạo tàn tới đâu con người cũng vẫn là con người.

Anh chỉ làm một điều giản dị trong mười hai năm tù đó là sống như một con người cho tới khi giam giữ mãi rồi thì cũng phải thả. Anh đến Mỹ chậm hơn tôi mười sáu năm, nhưng vẫn là người bạn thiếu thời của tôi không một chút thay đổi, không hờn oán, không trách cứ, không buồn phiền và cũng không hề gào lên là đã từng có thành tích trong trại cải tạo. Anh âm thầm đi làm những công việc nặng nhọc để cho con anh có thể có thêm những học cụ cần thiết nơi trường ốc mới.

5- Ngày Chiến đặt chân lên đất Mỹ tất nhiên tôi phải đi đón. Anh không hề mất đi một chút nào con người cũ, có một điều thay đổi duy nhất là hai mươi năm đã qua, anh già đi. Bắt tay xong, anh đẩy người tôi ra xa một chút để có khoảng cách nhìn toàn bộ con người tôi, rồi mới kéo lại với một cái ôm thân ái. Chiến nói:

- Mày cũng vẫn không có gì thay đổi nhiều. Tao có được đọc mấy cái thư mày viết về nhà, hồi ông, bà cụ mày còn sống đó. Mày cũng vẫn là cái thằng ruột để ngoài da, ghét ai thì để lộ ra mặt. Tất nhiên văn chương mày có đỡ thối hơn hồi trước, ít nhất thì cũng phải thế. Cái nền văn nghệ...quân đội đó thì cũng nên thôi đi. Cái nền văn chương...Chống Cộng đó cũng nên rà lại. Tất nhiên là phải chống Cộng, chống thế nào thì tao chưa biết. Nhưng cái kiểu chống Đ.M mày Cộng Sản đó không hữu hiệu.

Chiến vẫn có lối nói như vậy, thản nhiên và đi thẳng vào vấn đề, không quanh co, úp mở. Vì qua chậm nên Chiến phải chạy nước rút. Anh đi học Anh Văn buổi tối, cái gì cũng tự làm, hỏi nếu không biết và không bao giờ ỷ vào những giúp đỡ của các bạn cũ. Đi thi bằng lái xe, đi bác sĩ, đi học, đi làm cái gì anh cũng tự túc. Anh tập cho ba đứa con anh một điều là tự tin, chớ có tự ti. Tự ti là con đường ngắn nhất để chôn mình ngay khi còn sống. Một năm liền anh không hề đến đám đông, không hội họp, không đoàn thể, không ái hữu, không cựu này cựu nọ. Một năm sau, đúng một năm sau ngày tới Mỹ anh mời tôi tới nhà ăn cơm. Ăn cơm xong anh nói với tôi từ bây giờ trở đi anh có thể tham dự một số những sinh hoạt .

Năm ngoái anh đi dự ngày 30-4 về, anh gọi điện thoại mời tôi đến nhà anh uống cà phê. Đang uống anh gằn ly cà phê xuống bàn một cái chát. Anh hỏi tôi năm 75 mày đi hồi nào. Tôi trả lời là tôi đi sau khi ông Mẫu lên đài phát thanh đuổi người Mỹ ra khỏi miền Nam, tôi vô Biệt Khu Thủ Đô không thấy một xếp nào cả, đứng lớ ngớ mãi không có ai chỉ huy tôi về thì hôm sau ông Minh hạ lệnh buông súng. Tôi ra bến tầu rồi nhẩy đại lên một cái tầu sắp nhổ neo.

Chiến cười khà khà rồi nói thế là mày còn khá, mày không phải là thằng đào ngũ, mày cũng chưa được ai ký giấy giải ngũ thì trong bao nhiêu năm nay trong những lần hội họp mày coi mày là loại nào?

Tôi trả lời Chiến là tôi đâu có thích hội họp. Tôi lè phè khoái mấy chỗ có không khí tươi mát chứ không thích những chỗ cứ vài phút là phải có những khẩu hiệu được gào lên. Nhất là những anh hay gào đó quay đi quay lại là y như rằng chỉ một thời gian sau là điều ong tiếng ve mù trời đất. Tôi khoái làm thật, đánh thật, nếu có vụ đó thì tôi nhào vô thật. Cái kiểu đánh võ mồm, khuynh đảo lẫn nhau, chụp mũ lẫn cho nhau, ném bùn vào mặt nhau là không có tôi.

- Nhưng mà mày cũng phải tự cho mày là một thành phần nào đó chứ?

Tất nhiên tôi tự cho tôi là đã làm đủ bổn phận với quân đội nói chung và với binh sĩ của tôi nói riêng. Tôi không có gì để thẹn với mình, nên tôi cũng có quyền tránh xa cái chỗ nào tôi không thích. Tôi vặn lại Chiến:

- Thế mày cho mày thuộc loại nào?

Chiến trả lời ngay lập tức:

- Tao là một người lính bình thường, không anh hùng mà cũng không hèn. Tao không đào ngũ cũng không rã ngũ như...cái anh trung tá nào đó đăng đàn phát biểu ngày hôm nay. Mẹ kiếp tao nghe rồi mà về nhà tới bây giờ còn lùng bùng lỗ tai.

- Đó là lý do tại sao tao không thích lại những chỗ hội họp. Những chỗ đó mày sẽ còn gặp nhiều kỳ nhân dị sĩ. Cỡ cái anh trung tá...rã ngũ đó chỉ mới vừa phải thôi. Có những nhân vật hồi xưa khi không bị...cụt ngón tay trỏ của bàn tay phải, nghĩa là không bắn được súng, không thể đi lính bây giờ thích nói truyện đi kháng chiến. Cũng được đi lòng căm thù Cộng Sản làm cho ngón tay.. mọc được ra. Cái anh mới mọc ngón tay này hô hào, mắng mỏ người khác quá mức. Có điều anh đó chỉ hô hào người khác đóng góp tiền của và nếu cần xương máu, còn anh ta thì chỉ nói xuông thôi.

- Mấy năm nay tao nghe nói mày cũng viết lách ghê gớm lắm phải không? Chữ nghĩa của mày thì tao biết từ ngày còn đi học. Sao mày không viết về những kỳ nhân dị sĩ của mày.

- Viết không xuể, tao chỉ có một mình với hai tay mà kỳ nhân dị sĩ không một ngàn thì cũng tới tám trăm. Giả dụ có viết chăm thì mỗi tuần cũng chỉ viết được cho một vị. Đó là viết vội, tám trăm tuần lễ là mười sáu năm. Tao già rồi để tao sống thoải mái đi, viết về những anh đó thì dù muốn hay không cũng bị những thứ không thơm đó ám vào người.

- Có cách nào làm bớt được những con người dối trá, giả hình đó không?

- Theo tao thì cứ để đó rồi thì mọi chuyện cũng qua đi. Vả lại chính các dị nhân đó cũng khiền nhau kỹ lắm, trắng đen cũng chỉ một thời gian ngắn là lộ ra liền, mày bận tâm làm gì.

- Thú thật với mày trong thời gian tao bị đi tù. Học tập cải tạo cái mẹ gì. Tù thì gọi là tù. Có lần một tên quản giáo ngồi thuyết tụi tao. Nó mắng như tát nước vào mặt. Trong một trăm câu nó chửi thì cũng có mười câu nó chửi đúng. Vả lại cái lối chửi khơi khơi đó thì ai chửi mà không được. Mọi người cúi gằm mặt xuống vì thẹn, vì buồn, vì nhục, vì ức.

Mày biết tính tao khi nói truyện cũng như nghe truyện tao luôn nhìn thẳng vào mắt người đang nói. Chẳng hiểu khi ánh mắt giao nhau tao không nhớ là tao có cười mỉa không mà tên quản giáo gầm lên là tao không nghiêm chỉnh khi nghe quản giáo dậy dỗ. Nó bắt tao đi biệt giam, cùm chân tao trong vài ngày rồi thả. Khi thả ra vài ngày sau tao cũng bị nhốt lại vì quen tính nhìn thẳng. Trước sau năm lần khi thì vài ba ngày, khi thì năm mười ngày. Lạ lắm mày ạ khi nói thì gian dối tới đâu mày cứ chú mục nhìn thẳng vào mắt hoài là có lúc nó ngượng, và khi nó ngượng là mời cậu đưa cái chân đây. Mấy hồi

này tao thỉnh thoảng có đi sinh hoạt vớ vẩn cho vui, đôi khi mình buồn thì cũng nên đi cho giãn gân cốt thôi. Tao đã nhìn thẳng vào mặt nhiều nhân vật ở hải ngoại này. Nói thật mày nghe sao có nhiều lúc tao thấy khá nhiều cha nội ở hải ngoại này phong thái giống hệt cái mặt thằng quản giáo ngày trước quá. Có điều khác là cái ngôn ngữ ở chiều ngược lại mà thôi

- Tao thì không biết mặt ngang mũi dọc những thằng quản giáo của mày, nhưng mấy cha nội này thì tao kính nhi viễn chi. Hễ mà sợ bị người ta chửi cái gì là cứ y như rằng tìm một người khác gán cho cái tội đó, rồi gầm lên. Bọn mày bị tù bị tra tấn cả tâm hồn lẫn thể xác, nên có những người bước ngang trong khi cả hàng quân đi dọc thì cũng là chuyện dễ hiểu. Nhưng ở đây thì nhiều khi chỉ là một cái danh hão, một mối lợi nhỏ, thậm chí có khi chỉ là một vụ ái tình lẩm cẩm mà người ta cũng có thể hạ đòn độc trí mạng, đến độ không thể nhìn mặt nhau được nữa. Mấy năm đầu xa nhà, lại cô quạnh thỉnh thoảng tao cũng có đi sinh hoạt, riết rồi tao thôi, quay về viết lách vớ vẩn vui hơn. Ngay cả việc viết ở đây cũng có những khi phải lách y hệt như ngày xưa có cái phòng kiểm duyệt của Bộ Thông Tin vậy.

6- Một hôm vợ Chiến gọi điện thoại cho tôi. Trong lúc nói chuyện chị cứ ấp úng. Tôi cảm thấy có cái gì lạ nên hỏi bâng quơ:

- Ông Chiến hồi này làm gì mà bặt tăm vậy?

Vợ Chiến đột nhiên đổi giọng, từ ấp úng đến nghiêm trọng trong một chớp mắt. Chị khẩn khoản nói tôi tới nhà ngay, chị muốn chỉ cho tôi những cái kỳ cục của Chiến đang làm khổ vợ con. Chị mong tôi trong tư cách bạn thân khuyên bảo Chiến đôi điều. Tôi nghĩ thầm là chắc lại ghen tuông vớ vẩn đây. Chả là trước khi lấy vợ Chiến có một cô bạn gái, bây giờ cô bạn đó sang Mỹ đã lâu, đã ly dị và sống với hai đứa con. Từ khi biết Chiến sang cô đó hay liên lạc điện thoại. Có lần cô đó tới thăm vợ chồng Chiến. Nghĩ vậy tôi chạy lại liền, bụng bảo dạ đã mấy chục năm nay Chiến cứ đóng vai đạo mạo đứng đắn mãi. Chỉ làm bộ.

Tới nơi Chiến không có nhà. Bà vợ Chiến dẫn tôi vào phòng trong, mở một cái cánh cửa tủ sắt chỉ cho tôi một bộ đồ vàng, lon lá cẩn thận, mũ casquette đen đúng tiêu chuẩn, bảng tên nơi ngực đúng kiểu Phước Hùng. Chỉ thiếu mấy cái cuống huy chương nữa là đủ lệ bộ của một sĩ quan đi du học hồi trước 75. Vợ Chiến nói với tôi là hồi này anh hay la cà nơi chợ trời với lại những tiệm bán đồ cũ quân đội rước về những của nợ này. Người ta ác ôn tham nhũng chỉ bị đi có ba bốn năm, là sĩ quan gương mẫu làm chi để phải đi tới mười hai năm. Sang tới đây ai cũng lo quên chuyện cũ, làm ăn, mua nhà, mua xe. Rước chi mấy bộ đồ trận đã cũ có ngày mắc bệnh truyền nhiễm. Hai đứa con Chiến thì cứ thỉnh thoảng lại bịt miệng cười mỗi khi mẹ nói về cái gàn dở của bố.

Thú thật tôi không hiểu nổi Chiến muốn gì. Ở đây nhiều người không có

một ngày lính, hay là lính kiểng nhưng đã mặc đồ lính thì người ta hay mặc đồ bông cho oai, kiếm được mấy cái nón thì phải là thứ có mầu xanh, đỏ, nâu. Có nhiều người tự động thăng hai ba cấp, có người chơi bạo trung sĩ xưng là trung tá. Tất nhiên có rất nhiều khiêm tốn trốn luôn, đại tá, trung tá xưng là hạ sĩ cho nó đỡ lôi thôi phiền phức. Ai lại thẳng ruột ngựa như ông bạn tôi. Sắm đồ thì cũng phải có lúc mặc chứ. Tôi còn đang phân vân trước bộ đồ vía của Chiến thì có tiếng Chiến đã về. Cả hai ra ngồi phòng khách, tôi nhìn lại bạn tôi thấy anh hoàn toàn không có gì là bị tâm trí, đúng là bạn tôi con người uy vũ bất năng khuất của hai mươi năm trước. Đột nhiên tôi nói thẳng như hồi nhỏ chúng tôi vẫn nói thẳng với nhau:

- Ông rước mấy của nợ đó về nhà làm gì?

- Của nợ nào?

- Thì mấy bộ quân phục lon lá cẩn thận đó, bộ ông muốn nát người ta à?

- Hà hà, cái gì cũng có nguyên nhân của nó. Tôi đâu có mù mà không thấy bà vợ tôi với lũ nhỏ cho là tôi khùng. Đã bao lâu nay tôi luôn tự nhủ hãy sống cho thực với những gì mình có, bởi vì tất cả những gì giả trá đều không sớm thì muộn sẽ lộ mặt thật, cho dù mình có dấu được tất cả mọi người thì mình cũng không dấu được chính mình. Mấy hồi này tôi hay đi sinh hoạt thấy người ta sống với những điều giả trá quá nhiều. Tôi định nhắc những người nào tôi biết là tôi là thiếu tá...Quân Cảnh..

- Biết ông là thiếu tá Quân Cảnh rồi ông làm gì người ta? Bộ ăn thịt người ta chắc? Bộ ông bắt người ta đem nhốt được như ngày xưa hả?

- Chính là chỗ đó. Mấy người nào hay nói là chưa giải ngũ, hay chửi mắng người khác là đào ngũ hay là rã ngũ gì đó thì tao lễ phép tới hỏi chứng chỉ tại ngũ. Mấy anh chào kính không đúng điệu nhà binh là tao cũng xin phép được sửa lại một chút cơ bản thao diễn. Mấy anh trong giờ sinh hoạt hay làm ồn, mắng mỏ người khác thì tao đề nghị để cho tao giữ trật tự. Mấy anh không phải là lính mà cứ mặc đồ lính thì tao năn nỉ về thay đồ, có đẹp gì cho cam cái bộ đồ mình không có quyền mặc mà cứ mặc. Mấy anh anh hùng không gian lả lướt trên trời cao thì tao nhã nhặn nhắc các anh ấy là mình đang ở dưới đất. Mấy anh họp bàn chuyện quan trọng, chuyện cứu nước thì tao xin phép đứng gác cửa phòng gian bảo mật là nghề cũ an ninh trung tâm hành quân của bọn mình phải không? Nói tóm lại tao chỉ làm cái việc cũ của chúng ta ngày trước. Tao không có tham vọng chính trị. Tao chỉ muốn tất cả chúng ta gọi mọi việc bằng đúng cái tên của nó. Chỉ đơn giản thế thôi.

- Mày đừng có phá đám chỗ người khác đang tập dượt, có ngày mày bị người ta vu oan giá họa rồi bị chửi mục mả ra. Đừng có đốc chứng ra khổ lây tới vợ con.

- Tao nghĩ kỹ rồi, muốn vu cho tao cũng đâu có dễ. Tao học tập cải tạo mười hai năm, nếu muốn kiểm chứng thì nhân chứng còn ối ra đó. Tao đã không coi những năm tù đó là thành tích để làm chính trị. Tao chỉ coi nó là thành tích đủ cho phép tao xin một cái chức khiêm tốn là gác an ninh cho

mấy anh đó làm việc lớn. Nói cho cùng tao chỉ mặc quân phục thật đàng hoàng rồi tao ngồi nhìn thật thẳng vào mắt các anh ấy. Giống như hồi xưa đi học tao hay nhìn thật thẳng vào các ông thầy.

Nhìn thật thẳng vào lòng con người ta là một nghệ thuật vì chính lòng mình cũng phải thật thẳng, chớ có cong queo. Cứ nhìn như thế sớm muộn mày cũng biết được ai thật ai giả. Bây giờ ai cũng có thể chửi người khác được thì chỉ có một cách đó để tìm người thật của thật. Tao chỉ muốn nhìn, nhìn, nhìn thật kỹ những con người của ngày mai. Chẳng lẽ vì thế mà người ta cũng có thể mang tao ra mà thóa mạ được sao? Vả lại nghe chửi thì ăn thua gì. Chửi đâu có chết ai được đâu. Phần tao, tao đã từng cách cái chết có một sợi tóc thôi. Mấy câu chửi đó ai chửi nấy nghe.

7- Cái truyện ngắn này tôi không ký bút hiệu của tôi mà ký tên là Cao Chiến Phong. Cao là Cao Tần, tên một thi sĩ mà tôi đã mượn bốn câu thơ để dẫn tới người bạn cũ tên là Chiến. Phong là tên tôi. Nội cái tên bất ngờ này cũng cho mọi người thấy là tôi thua ông bạn cũ của tôi keo nữa. Nghĩa là gọi sự việc bằng đúng cái tên của nó.

Đối với nhiều người đây có thể là những truyện ấm ớ của một anh khật khùng nào đó. Nhưng nếu chẳng may nó lọt vào mắt xanh của một đàn anh chủ báo nào đăng lại, tôi chỉ yêu cầu một điều nhỏ là bạn tôi không được bình thường. Những năm lao tù đã làm cho bạn tôi mất đi phần nào cái tính an nhiên tự tại.

Ngày Quân Lực năm nay nếu qúy vị có gặp một người mặc quân phục rất đàng hoàng, lại có vẻ ngang ngang xin quý vị đừng để ý. Đó là con người lúc nào cũng có vẻ trật đường rầy. Anh ta hiền và vô hại với quý vị. Anh ta chỉ muốn nhìn ngắm quý vị, và thỉnh thoảng nhắc quý vị một chút nếu có những sơ sót dù nhỏ nhặt tới đâu trong phạm vi nghề nghiệp của anh ta. Mới đây chị Chiến còn cho tôi biết là anh đang đi làm và để dành tiền để mua đấu giá một chiếc xe Jeep nhà binh cũ. Anh còn đe là sẽ thực hiện một chiếc xe Quân Cảnh thật sự để dùng trong những dịp đại lễ.

Năm nay thì chắc chắn là anh ta không kịp mang xe jeep đi dự ngày Quân Lực, nhưng với con người kiên nhẫn và bền bỉ sống trong trại tù mười hai năm, mà lúc nào cũng giữ được nhân cách của mình đó không sớm thì muộn anh cũng sắm được xe đấu giá. Xin đọc cái truyện ngắn này như là một lời xin lỗi trước trong trường hợp bạn tôi mạo phạm tới qúy vị.

Riêng phần tôi, ngoài cái truyện ngắn ký bằng cái tên chắp vá này, tôi mong rằng tôi không bao giờ phải nắm vạt áo của một nhà thơ, nhà văn nào khác để đẻ ra những cái tên lạ hoắc nữa cho các truyện sắp tới. Tôi không thích điều này, còn Chiến người bạn mà tôi không bao giờ theo kịp đó bao giờ cũng muốn gọi mọi sự kiện bằng đúng cái tên của nó.

CAO CHIẾN PHONG



KHẾ IÊM

nghi hoặc

Nước mắt
Hừng đông
(Và hừng đông nước mắt)

Không gian hát
Gió ngực đồi trụy
Ký ức đắng

Cãi cọ với trăm năm về nỗi hẩm hiu
Dốc ngược tiếng nói, búp lá khóc
Nhè nhẹ hơi trái tim quen ngoài đồng bằng
Giữa mái rơm lửa mưa, nụ hôn trăng

Dĩ vãng tắm
Nghe tóc sương thì thầm bên kia bờ môi là dòng sông
Có hoang phế trôi

Ngồi dã thú
Hong khô lam lũ
Gậm nhấm lời kết án từ nguồn cội

Trong hầm giam thời gian
Thấy bão rung vỡ, chiều rỗng
Bước vội vòng quay khốn quẫn

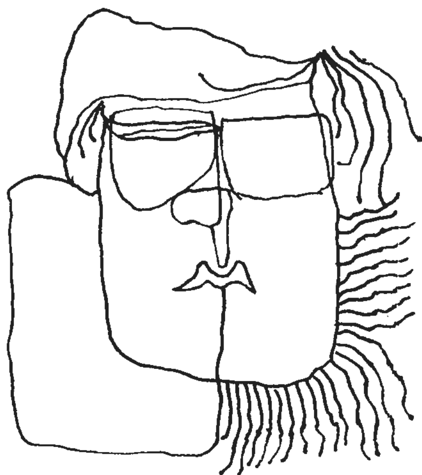
Hoài cảm mãi ngày
Tỏ tình
Giấc rừng sẫm.

KHẾ IÊM



HIỀN PHƯƠNG

câu nói dối đầu tiên



Đã lâu lắm rồi, tôi mới có dịp trở về Hà Nội. Hà Nội chuẩn bị vào xuân. Những cánh hoa đào đã ửng đỏ. Hôm nay, tôi chờ Minh, một người bạn gái cũ để đi Nhật Tân. Tôi mơ màng nghĩ đến mùi hương thanh khiết của khu vườn còn đẫm sương đêm. Thật thú vị khi được ngửa cổ nhìn lại vòm trời Hà Nội cao vòi vọi qua những đốm hoa đỏ lung linh của mỗi nhánh đào mảnh mai.

Sau một tiếng gõ cửa, Minh hiện ra, mặt đỏ ửng vì lạnh. Minh sung sướng móc trong túi hai mảnh giấy trắng hươ hươ trước mặt tôi.

- Kim ơi, gác đi Nhật Tân lại nhé. Chúng mình đi thư viện đi.

- Để làm gì?

- Hôm nay ở đó có buổi nói chuyện về nhà văn Aimatốp "Một hiện tượng đặc sắc của văn học Xô Viết" đấy.

- Thế à. - Tôi trả lời một cách bình thản, y như đã biết trước sẽ có buổi nói chuyện này.

- Kim không thích à? Ngày xưa Kim thích Aimatốp lắm mà...

- Vẫn thích chứ! - Tôi mỉm cười buồn bã.

Thật ra tôi vẫn khoái đi Nhật Tân hơn chui vào cái phòng họp chật hẹp sặc sụa khói thuốc. Giá như có ai đó nói về ai chăng nữa thì cũng chẳng mảy may khiến tôi chú ý. Nhưng đấy lại là Aimatốp... Tôi lặng lẽ gật đầu.

Mười lăm phút sau, chúng tôi đã có mặt ở thư viện Quốc Gia. Minh ngạc

nhiên thấy tôi chọn hàng ghế gần phía trên, điều trái ngược với thói quen hàng ngày của tôi.

Phòng họp đã chật ních. Một tràng vỗ tay vang râm ran. Tai tôi ù lên khi nghe giới thiệu tên diễn giả: Nguyễn Mạnh Trung. Chính người ấy bước ra. Chính là anh...

Tôi biết anh ấy đã hơn mười năm rồi còn gì. Thời gian đó đủ để một con người sinh ra và trưởng thành, đủ để tuổi trẻ bước qua tuổi già, đủ để tư duy chín lại. Vậy mà trông anh vẫn như xưa. Vẫn bằng điệu bộ gọn gàng và đẹp mắt của một diễn viên hơn là một học giả, anh cúi chào mọi người, vẫn dáng cao khỏe đầy tự tin, hơi chớm chút ung dung bệ vệ; vẫn giọng nói trẻ trung đầy sức gợi cảm; vẫn đôi bàn tay đẹp biết nói. Dường như năm tháng chưa đủ uy lực để đem lại bất kỳ một chút đổi thay nào trên con người ấy. Ngoài mái tóc hơi đổi màu, vài nếp nhăn bé tí không đáng kể ở đuôi mắt, mặt dù tôi đã hoài công soi tìm, cũng không bắt gặp được một nét tàn tạ nào trên khuôn mặt ưa nhìn của anh.

Anh đưa mắt lướt nhanh qua phòng họp. Cái nhìn không dừng lại chỗ nào. Anh nói về những sáng tác đầu tiên của Aimatốp bắt đầu bằng truyện "Giamylia".

Phòng họp im phăng phắc. Riêng tôi, trong đôi tai và cái nhìn hồi tưởng, một điệu nhạc quen thuộc trỗi lên, như ngọn gió hoang vắng miền núi đồi xa xôi nào thổi tới. Thảo nguyên bạt ngàn hiện lên lặng lẽ mà dữ dội.

"Núi Đồi Và Thảo Nguyên" của Aimatốp là mảnh đất ươm hạt tình yêu của tôi qua từng trang sách. Giọng nói thao thao của anh cứ gõ đều vào cánh cửa của hồi ức đã khép kín từ lâu.

Và tự dưng, cánh cửa buồn đau của quá khứ không còn gì để bảo vệ bỗng mở toang ra trước một mùa xuân trung du lộng lẫy, tràn ngập hương rừng và tiếng chim. Lúc đó, dọc theo các triền đồi, những cây sở, cây trẩu đã nở hoa trắng muốt. Ngay đến những gốc mỡ già nua cũng trở lại tuổi xuân của nó, e lệ như một cô dâu trùm khăn voan trắng, còn tôi là một cô bé, với hai bím tóc nặng lủng lẳng trên vai. Tôi học lớp mười, lớp cao nhất của hệ phổ thông lúc bấy giờ. Mùa xuân này, cả trường tôi sung sướng đón đoàn giáo sinh thực tập của trường đại học Sư phạm Hà Nội đến. Không gì thích bằng trường mình có giáo viên thực tập. Phụ trách đoàn là thầy Trung. Thầy của các giáo sinh.

Không hiểu vì sớm yêu văn thơ hay vì tò mò tinh nghịch trẻ con mà mỗi khi thầy lên lớp các giáo sinh là tôi lẻn ngay ra sau bức vách. Tôi lén nhìn thầy và dỏng tai nghe lỏm những điều thầy nói. Cái thói quen ấy không biết có tự bao giờ, mỗi lần gặp người lạ, lẽ ra phải nhìn vào khuôn mặt, đôi mắt, cái mũi của người ấy, thì tôi lại chỉ chú ý đến hai bàn tay. Những bàn tay của các cô giáo trẻ thật là đẹp. Chúng trắng, thanh mảnh, mềm mại và chính xác, nhất là khi cô giáo cầm phấn viết lên bảng. Những lúc đó, bất giác tôi nhìn xuống bàn tay đen đúa của mình.

Qua song cửa sổ của lớp học, tôi nhìn bàn tay đẹp của thầy Trung, một

bàn tay đầy đặn với những ngón thon dài. Tôi phát hiện ra điều ấy và có lúc quên mất là mình đang nghe trộm. Những bài giảng của thầy giúp tôi làm quen với bao nhiêu điều kỳ lạ, với tên các tác phẩm, tác giả. Nhưng đặc biệt, sao tôi thấy nó quá gần gũi với ý nghĩ của mình. Không hiểu sau đó thầy Trung có biết một người đã nghe trộm những giờ giảng bài của mình không?

Thế rồi một buổi tan học về, tôi gặp thầy. Nghe tiếng bước chân đi gấp phía sau vượt lên, tôi cảm thấy một niềm xúc động chạy khắp người, khiến trái tim tôi run rẩy. Dưới chân tôi, hoa sứ trắng muốt. Hình như hai bên đường, những thân cây chằng chịt quấn quít nhiều dây leo và hoa dại. Thầy hỏi tôi nhiều điều, cả nguyện vọng của tôi. Tôi đã trả lời một cách không rành mạch. Đoạn đường dài như ngắn lại. Lúc chia tay, thầy nói với tôi:

- Em ạ, những điều mình thiết tha mong ước thì rồi sẽ đến. Thầy nghĩ như vậy.

"Những điều em mong ước đã đến đâu". Tôi thầm đáp lại, và rồi bỗng cảm thấy biết ơn thầy vô hạn. Tôi nghĩ, tâm hồn thầy nhân hậu biết bao, khi nhìn lên những vòm cây cao vút, những cánh chin chao động sợ hãi vì bóng người, những sắc hoa vàng lẫn trong cái vàng mênh mông của trời chiều.

Cuộc đời tôi bỗng dưng thay đổi hẳn khi biết thầy. Thầy Trung đã cho tôi mượn rất nhiều sách. Và tôi đọc nghiến ngấu. Những cuốn sách ấy tôi nâng niu quý trọng như bảo vật vô giá. Thầy dạy cho tôi cách đọc sách. Lúc đó tôi chưa hiểu là bao. Có những điều phải nhiều năm sau tôi mới hiểu được. Nhưng rồi, những cánh rừng, những chân ruộng bực thanh xanh mướt, tiếng đập cánh của một con bọ dừa sắc hung nâu kỳ lạ, tiếng hát của một bông hoa dại ven đường như hiện ra. Những nhân vật trong sách như đứng trước mặt tôi, trò chuyện với tôi và sống cùng tôi.

Một lần, thầy Trung đưa cho tôi cuốn sách đã cũ nhan đề *Chuyện Núi Đồi Và Thảo Nguyên* và nói "Em đọc đi". Đêm xuân ấy rất lạnh. Cả đêm, gió lồng lộn ngoài cánh đồng, gào thét trong những lùm cây, vặn vẹo những khóm tre sau nhà òa thốc đập vào khung cửa. Hình như đó là những ngọn gió xa xôi từ một miền thảo nguyên hoang vắng nào thổi tới. Tôi cảm thấy trái tim mình đang lồng lên theo gió thảo nguyên bay về những vùng trời khát vọng bao la khoáng đạt không có chân mây. Một niềm say mê kỳ lạ choán cả tâm hồn tôi và bất giác, nước mắt dâng trào đầy trong mắt. Những giọt nước mắt biết ơn, không hiểu cho người viết sách hay người cho mượn sách.

- Hầu như truyện nào em cũng thích thầy ạ. Nhất là truyện "Giamylia" và đặc biệt là truyện "Người Thầy Đầu Tiên".

Tôi đã thú nhận với thầy bằng một giọng không dấu nổi xúc động, rằng những trang sách đó làm tôi thao thức mãi trong nhiều đêm; rằng tâm hồn tôi bị khuấy đảo không yên, những nỗi đau không đâu chợt đến; rằng có điều gì đấy cứ dằn vặt bắt tôi phải suy tư. Nhưng có điều tôi không dám thú nhận ngay cả với mình là cũng từ hôm ấy, mặt trời dường như rực rỡ hơn, những ngọn gió cũng trở nên xa vắng hơn và màu sắc thiên nhiên bỗng đẹp rộ đến

khác lạ. Yêu thương trong lòng tôi như mở rộng cửa, thương từ lối đi, ngọn lá đến mỗi chấm cỏ hoa...

Thầy Trung im lặng nghe tôi nói, mái đầu bồng gật gật trầm tư. Giây lâu, lâu lắm thầy mới nói: "Núi Đồi Và Thảo Nguyên" là một niềm tự hào của văn học Xô Viết. Những con người trong đó dám sống chân thật hơn cuộc đời. Nó khác hẳn với những con rối bằng giấy bồi hiện đang nhan nhản trong các tiểu thuyết của ta". Tôi không nhớ hết những từ đẹp đẽ thầy dùng để ca ngợi tác phẩm. Nhưng tôi lại chú ý những lời sau cùng: "- Nếu quả em thích, thầy sẽ tặng em cuốn sách này. Mong em biết sống, biết yêu như những nhân vật của Aimatốp".

Rồi tháng ba đến. Cây lan xan nở đầy những lá xanh bên lối đi yên lặng. Từng chiếc lá như những ngôi sao xanh tung ra trên bầu trời.

- Đẹp không. Mùa xuân của nó đấy! - Tôi reo lên.

- Cây gì vậy?

- Cây lan xan.

- Sao lại gọi "lan xan"?

- Vâng. Thưa thầy. Cây lan xan đấy. Thầy nhắm mắt lại mà nghe.

Thầy Trung khẽ nhắm mắt lắng nghe. Từng chiếc lá rung lên trong gió "lan xan, lan xan", không biết thầy có nghe thấy như tôi, tiếng lá lan xan đang truyền đi, lan xa, lan mãi vào tậm trái tim người, tiếng nói thầm thì kín đáo đượm bâng khuâng mà ý nghĩa chỉ mình nó biết. Một phút, lần đầu thầy cầm lấy tay tôi, bàn tay run rẩy như cánh chim non:

- Năm nay em thi vào đại học sư phạm nhé!

- Thưa thầy vâng. - Tôi lí nhí đáp.

- Mùa thu này nhé. Tôi chờ em đấy.

Thầy nhấn mạnh bốn chữ "Tôi chờ em đấy" như một lời hò hẹn.

Mùa xuân tuyệt vời năm ấy đã qua với những trang sách kỳ ảo ánh lên một ý nghĩa mới và những bầu trời xa lạ, nơi có những vì sao nháy mắt thầm thì, có những cánh hoa mọc lên trong mộng. Cũng làm sao quên được cái mùa thu huy hoàng và cô đơn năm ấy, khi tôi từ biệt những thảm cỏ đã phai màu, những cánh rừng đã chuyển sắc nâu vàng, về Hà Nội trở thành học trò của anh. ở đấy, anh đã dắt tôi đi làm quen với với những mặt nước lấp lánh sao đêm, những vòm cây như đọng lại ven hồ, những con đường vào sâu hun hút ngoại thành. Ở đấy tình yêu mới nhen nhóm của hai chúng tôi được che chở và sống trong ánh đèn đường hấp háy dưới bóng lá sậm đen ướt át. - Anh như là thần ái tình Erốt ấy - Có lần tôi đã nói với anh khi tôi ngẩng mặt nhìn lên những vòm lá cây bối rối trong đêm trăng thu bàng bạc. Anh ngả đầu xuống vai tôi, từ từ nhắm mắt lại.

- Vì sao thế?

- Vì anh chỉ sống được ban đêm thôi. Còn ban ngày anh biến đi và trở thành người khác.

Thật vậy, ban ngày ở trường anh gọi tôi bằng "cô", tôi vẫn gọi anh bằng

"thầy" và gặp nhau bao giờ anh cũng tìm cách lảng tránh tôi. Anh trở nên đạo mạo, nghiêm nghị, xa vời, lạnh nhạt đến nỗi có lần tôi phải dụi mắt tự hỏi, "Có đúng không? Có đúng đó là con người mà tối qua còn ôm hôn mình không?"

- Thế ban ngày anh trông như thế nào?

- Như người mang mặt nạ ấy! Lần đầu tôi nói với anh một câu hơi quá đáng.

Không ngờ anh phá lên cười: "Càng hay. Bây giờ các ông bạn đồng nghiệp thường hay tìm cách đấm vào mặt nhau. Rủi mình có bị họ đấm thì chỉ vỡ cái mặt nạ bên ngoài thôi".

Nhưng tôi vẫn chưa chịu buông tha: "Tại sao chúng mình cứ phải lén lút thế này?" - Tôi cố lấy giọng dịu dàng như một lời than thở.

Anh hôn lên tóc tôi: "Anh chưa báo cáo tổ chức em ạ". Đọc thấy dấu hỏi trong mắt tôi, anh từ tốn giải thích: "Em biết không, anh sắp được kết nạp Đảng. Báo cáo bây giờ thì họ sẽ kéo dài thời gian để thẩm tra lý lịch bên em. Không khéo thời cơ sẽ mất... Có bao nhiêu kẻ xấu bụng độc mồm... Phải nghĩ đến những gì to lớn hơn... Phải biết hy sinh và chờ đợi!"

Tôi chỉ biết cúi đầu ngoan ngoãn vâng theo. Tình yêu trinh trắng chính đáng của hai người tự dưng trở thành ám muội lén lút.

Tôi tự nhủ ai bảo mình đi nghe trộm anh ấy giảng bài nên tình yêu của mình cũng chịu chung số phận vụng trộm. Thế là mỗi buổi chiều thứ bảy, anh không đến đón tôi ở cổng trường mà ở một nơi xa lắc, nơi không gặp một ai quen biết, nơi chỉ có bóng lá và bóng đèn đường, nơi không gợi một nỗi lo âu phập phồng, chúng tôi mới là của nhau, mới thật là mình. Anh luôn luôn đổi chỗ hẹn, và chúng tôi đã để lại dấu chân trên khắp các nẻo đường hiu quạnh. Có lúc, đi tìm anh, tôi lạc lối giữa những dãy phố quen thuộc, xuyên qua những hàng sấu đang thay lá giữa mùa xuân, để rồi sung sướng nhận ra B.Đ. hiện lên trong ánh sáng huy hoàng tuyệt đẹp và tự an ủi, "Không bao giờ người ta có thể đi đến tình yêu thực sự bằng con đường tắt ngắn nhất".

Mối tình trong bóng tối đã biến dần tôi thành một cô gái có ý tứ hơn; biết vùi kín những hòn than tình cháy rực trong lòng mình, biết phả hơi sương lên những tiếng ong ve, đánh lạc hướng những lời xoi mói bóng gió, biết nói dối trơn tru không đỏ mặt với mọi người. Nhưng riêng với anh, tôi rất thành thật, thật hết mình. Để bảo vệ tình yêu, tôi càng thu mình lại khi tôi cảm nhận được ở chung quanh cái sức mạnh đáng sợ và vô cùng độc địa của miệng đời. Trong những năm ấy, anh đã dạy tôi môn học mới - môn học không bao giờ có trong giáo trình của mọi trường đại học, nhưng ai thiếu nó thì dù tài giỏi bằng trời cũng khó lòng thành đạt trên đường đời - Đó là môn xã giao mà ông bà ta xưa thường nói, "cách đối nhân xử thế", còn anh thì gọi là "sự thích nghi với môi trường sống". Anh nghiêm khắc uốn nắn tôi từng tí, từ điệu bộ cử chỉ đến lời ăn tiếng nói, và đến cả mức cư xử phải đạo với chung quanh. Không hiểu tôi đã mang được chiếc mặt nạ vào chưa, nhưng trên mặt tôi bắt buộc luôn phải

giữ một nụ cười mỉm, tuy tôi biết rằng, một con người mà trên môi thường trực nụ cười thì chẳng ai tin được. Rồi dần dà anh "chỉ đạo sát sao" sự giao du bè bạn của tôi. Chẳng mất bao lăm thời gian, tôi đã sớm nhận ra rằng cái "thích nghi môi trường sống" của anh thực chất là sự thỏa hiệp với những con người mình không ưa, với những cái xấu làm mình phẫn nộ, nghĩa là tôi phải biết làm lành với mọi sự bất ưng. Có thể tôi sẽ trở thành một con chiên ngoan đạo của người tôi yêu mến nếu tôi không phạm phải một điều cấm kỵ. Tôi đã chơi thân với Vân, cô bạn gái cùng học với tôi mà anh xếp vào loại thành phần bất hảo của lớp. Sao mà tôi thích Vân đến thế. Có lẽ tôi thích cái ánh sáng thông minh tỏa ra từ khuôn mặt sáng sủa ấy với đường mũi thẳng, vành môi đỏ sắc nét và đôi mắt to phảng phất một ánh cười diễu cợt dưới vầng trán rộng hơi dô ra, một cách bướng bỉnh. Với người chung quanh khuôn mặt đẹp trí tuệ ấy giữ một vẻ bất cần đến kiêu hãnh. Song ở Vân, giống như chất nước ngọt lịm nằm trong lần vỏ bên ngoài của quả dừa, là một sự dịu hiền trìu mến mà chỉ những người thật yêu quý Vân mới nhìn thấy.

Vân thường đùa cợt một số người trong lớp là "bọn vẹt giáo trình". Theo Vân, một người biết học bao giờ cũng là chủ thể của học tập chứ không phải là đối tượng thụ động của sự giảng dạy. Những kẻ học kiểu ấy chỉ biết vận dụng trí nhớ còn để ngủ yên mọi hoạt động tư duy khác. Vân gọi họ là bọn ăn giáo trình, nghĩ theo giáo trình, nói theo giáo trình, sống theo giáo trình. Nhưng điều có hại nhất cho Vân là cô dám ngang nhiên phê phán bài viết của các thầy trên các tạp chí, cho là ý lặp, lời mòn. Vân đã mắc tội phạm thượng báng bổ những thần tượng của trường học. Có lần anh trách mắng tôi: "Em không nghe lời tôi, cứ giao du với cô Vân. Nếu không nể tôi, thì đạo đức của em sẽ bị họ đánh tụt xuống loại C đấy".

Tôi co rúm mình như một con sâu chiếu. Sao lúc này tôi thèm có một chút sức mạnh của Vân đến thế. Nhưng tôi mềm yếu quá và cảm thấy ánh mắt anh đã tước hết mọi bản năng tự vệ của mình.

Mọi việc sẽ qua đi, nếu Vân không rơi vào một "sai lầm" khác to lớn hơn nhiều. Vân đã yêu Toàn, người bạn học cùng lớp, tình yêu ấy được họ giữ kín như bưng. Chính tôi cũng tiếp tay che chở cho họ. Giờ học, cờ đỏ đi kiểm tra, tôi vội bày sách vở lên chiếc va li kê trên đầu giường Vân, chỗ dùng làm bàn học, bật đèn lên. Hết giờ lúc Vân phởi đi chơi với người yêu, tôi lại mắc màn rồi buông xuống cho Vân. Mãi đến lúc - theo lời bác gác cổng - có người rình thấy tận mắt hai người dẫn nhau vào cái chòi canh ở giữa đồng, nơi chỉ có bầu trời sao và gió để... "làm chuyện bậy bạ", ban giám hiệu nhà trường đã được báo cáo và tin ấy nổ tung ra như một quả bom giữa không khí vốn nền nếp đoan trang của trường sư phạm.

Tôi hốt hoảng chạy đi tìm anh: "Anh cứu họ với!..."

- Cứu một mình em, anh cũng mệt lắm rồi - Em không hiểu bản chất nghề nghiệp của ta là mô phạm ư?

- Nhưng họ yêu nhau thật sự, rồi họ sẽ cưới nhau mà. - Tôi cố vật nài -

Anh là giáo viên chủ nhiệm, chỉ có anh mới có thể cứu được họ.

- Cưới hay không cũng vậy thôi! - Giọng anh bỗng đanh lại. Trong khoảnh khắc, con ngươi trong mắt anh ánh lên những tia đỏ đục - Họ đã chà đạp lên kỷ luật của nhà trường, "trên bộc trong dâu", đi ngang về tắt...

Tôi sững sờ. Một thoáng rùng mình lan đi khắp cơ thể. Anh nói ai đấy nhỉ? Tôi chợt nhớ những tia đỏ đục man dại ánh lên trong mắt anh dáo dác, bắn ra chung quanh khi anh ôm hôn tôi. Phải chăng con người này có thể làm được mọi điều miễn là không ai biết ai hay. Phạm tội trong bóng tối nghĩa là không phạm tội.

Tình thương bạn như tiếp sức trong tôi: "Nhưng tại sao mọi người cứ phải tra hỏi cặn kẽ họ những câu đến bẩn thỉu đại loại như: việc ấy xảy ra từ bao giờ? Ở đâu? Như thế nào? Thấy ra sao?... "Ôi, thật ghê tởm!" - Tôi nói, trong lòng nhức nhối đau xót và vô cùng hổ thẹn.

- Em lại không hiểu rằng, nếu không nói hết thì làm sao biết được quá trình. Mà đã không biết quá trình dẫn đến khuyết điểm thì làm sao thấy hết được khuyết điểm? - Anh vẫn ung dung buông câu trả lời lạnh như ánh thép của lý trí.

Thế rồi sau những buổi kiểm điểm liên miên, bí thư chi bộ, chi đoàn và giáo viên chủ nhiệm nhất trí kiến nghị nhà trường buộc hai người thôi học.

Tôi thì buồn rã rượi mà Vân thì vẫn tươi tỉnh ôm lấy tôi:

- - Đừng buồn Kim ạ! Mọi việc đều phải trả giá, Kim biết không, lâu nay bọn họ lượn lờ quanh mình như đàn ruồi nhặng, chưa vợ, có vợ rồi cũng có. Họ tán tỉnh mình bằng những câu tỏ tình cũ rích trong sách vở. Mình đã cười vào mũi, vào mặt họ. Bây giờ là dịp họ trả thù mình. Đừng buồn gì cho mình Kim nhé! Mình rất yêu nghề cô giáo. Mà kẻ nào tha thiết yêu cuộc sống thì sẽ được cuộc sống đền bù. Mình không phải người xấu. Kim hiểu chứ?

- Mình hiểu... Tôi trả lời và có cảm giác rằng mình không hiểu gì hết. Quả thật tôi không hiểu vì sao, những con người mà Vân gọi là "bọn họ", những kẻ kiên quyết đòi Vân bị đuổi học lại có thể nhỏ nước mắt khi biết đến Phăngtin của Huy-gô, đã biết cả đêm trăng ở Otrátxnoiê cái đêm con người như mọc cánh bay lên với các vì tinh tú, biết đến cái hữu hạn và vô hạn của đời sống khi Anđrây Bonconxki chầm chậm bước vào khoảng không bao la vĩnh hằng của vũ trụ với một vẻ bình thản, cô đơn và cao quí.

Tôi bỗng hoài nghi tác dụng của những cuốn sách hay đối với con người. Những tuyệt tác ấy giống như tiếng gọi đò đơn côi trong lúc ông lão lái đò bên kia sông còn vùi say trong giấc ngủ...

Nhưng rồi những ngày thi tốt nghiệp cũng sắp đến. Anh đã củng cố uy tín và sự vị nể để có thể cho tình yêu của chúng tôi công khai ra ánh sáng mặt trời. Nhiều bạn bè đến với tôi, vừa thèm muốn, vừa ghen tị, vui vẻ chúc mừng hạnh phúc sắp đến của chúng tôi. Riêng tôi, chẳng bao lâu đã buồn rầu nhận ra gần như sự bất hạnh của đời mình. Trước đây, tuy phải giữ kín trong bóng tối, tình yêu của chúng tôi vẫn lấp lánh chút ánh sáng mơ màng của những

con đom đóm. Song khi ra ánh sáng ban ngày, những cánh hoa đêm bỗng biến thành những con sâu đêm xấu xí.

Anh bận họp hành, bận nghiên cứu phê bình, bận mở rộng giao du. Anh chỉ còn dành cho tôi những cuộc gặp gỡ thảng thốt, những buổi sai hẹn liên miên, phải chờ đợi đến ê ẩm người. Nhưng bao giờ anh cũng biết thuyết phục tôi với đôi mắt đang cầm tù tôi trong một ánh nhìn bí ẩn.

Tôi nhớ rõ một buổi tối, anh đến rất muộn với một bộ mặt tươi hơn hớn. Anh mỉm cười, "Em có biết, anh thường lỡ hẹn em là vì "ông ấy" không? "Ông ấy" cứ giữ rịt anh lại, gỡ không ra."

- Ông ấy là ai thế?

Anh nói ra một cái tên và lập tức tôi đã biết nhân vật cực kỳ quan trọng này là ai rồi.

- Ông ấy khen hết lời những bài viết của anh. Lúc tiễn anh ra cửa ông ấy bắt tay và còn giữ tay anh lại rất lâu...

Đôi bàn tay đẹp của anh là niềm xúc động ban đầu của tôi. Tôi chợt nhớ có lần tôi đã chứng kiến anh bắt tay một vị bộ trưởng. Những ngón tay thon dài quấn quít của anh biết nói lên niềm mến mộ thật lọng cọng với một sự cung kính hơi quá đáng. Bây giờ lại...

- Sao, em không thích à?

- Em chỉ thích một khẩu bánh đậu xanh, hay một que kem Bờ Hồ - Và tôi bỗng thấy đang thèm thật sự cái vị kem mát lạnh tê tê ở đầu lưỡi.

- Em vẫn tính trẻ con - Anh nói - Ông ấy bảo anh là một nhà phê bình văn học, cần có cái nhìn với con mắt trung ương....

- Ôi, em chỉ cần ở anh một cái nhìn âu yếm của người yêu thôi.

- Có nghe anh nói không nào.

- Thế ông ấy cần anh làm gì?

- Cần anh viết bài chống lại những khuynh hướng xấu trong văn học hiện nay. Chúng ta phải nhổ sạch những nấm độc đủ màu sắc sặc sỡ đang mọc trên khúc gỗ mục của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Nhưng em có biết cuốn sách cần phải lên bàn mổ đầu tiên là của nhà văn nào không? Thử đoán xem nào... Aimatốp!

- *Núi Đồi Và Thảo Nguyên*?

- Đúng. Truyện *Núi Đồi và Thảo Nguyên.*

Tôi choáng cả người: "Sao lại thế được nhỉ? Anh không biết những trang sách ấy đối với lịch sử tình yêu của chúng mình như thế nào ư?"

- Em hãy quên những cái "ấu trĩ" ấy đi. Em ạ, cứ mỗi lần bước qua một giai kỳ cách mạng mới, mỗi người chúng ta phải thiết kế lại tâm hồn, xốc lại tư duy.

Chẳng hiểu sao câu nói này lại làm lòng tôi thấy yên tĩnh. Tôi rụt rè hỏi: "Nghe nói một số cán bộ trí thức không ưa ông ấy, điều đó anh có biết không?"

- Biết chứ! - Giọng anh bỗng đổi thành nghiêm lạnh - Anh nói cho em biết

dù họ có phê phán ông ấy trăm nghìn lần cũng không mảy may đụng được cái lông chân ông ấy. Nhưng nếu một kẻ nào trong bọn họ bị ông ta phê, một lần thôi cũng đủ để đời anh ta vĩnh viễn vùi dưới đất đen.

Cặp mắt nhớn nhác nhìn quanh bắn ra những tia đỏ đục, giọng nói truyền cảm âm vang của anh có sức lây sang trong tôi một nỗi sợ hãi vô hình. Tưởng đâu như có một sức mạnh nào chụp bóng đen xuống xung quanh chúng tôi rồi dần dần thu hẹp lại cho đến lúc cái điểm sáng hạnh phúc bé nhỏ của chúng tôi trở thành mờ mịt...

Cũng thời gian này, ở trường, người ta đua nhau nói nhiều đến những độc tố trong cuốn *Núi Đồi Và Thảo Nguyên.* Vốn đã quen biết dấu những thầm kín của mình, thế mà chẳng hiểu sao khi nghe những lời mạt sát Aimatốp, tôi ngứa mồm bất giác lên tiếng: "Chưa chắc đúng đâu. Tôi vẫn thấy cuốn sách ấy rất hay, rất thích. Đó là một nhà văn trung thực với những nhân vật trung thực..." Vừa buộc miệng, lập tức tôi đã biết ngay là mình dại. Nhưng lời nói như bát nước đầy, đổ ra đất không sao hốt lại được.

Buổi tối hôm ấy, anh hầm hầm bước vào phòng tôi, ném vào tôi một cái nhìn sắc tựa lưỡi mác như muốn bổ dọc tôi ra! "Cô đã phản lại tôi. Cô đã làm hại tôi. Cô có ngu đâu mà không hiểu rằng cô là người yêu tôi, là học trò giỏi của tôi. Cô nói nghĩa là tôi nói. Trời ơi... nếu cô không biết "phản tỉnh!" - Anh đưa tay chém mạnh vào không khí như muốn chặt đứt một sợi dây kiên cố vô hình rồi quay lưng bước ra sau khi đã đóng sầm cánh cửa lại.

Cánh cửa còn run bần bật như trái tim tôi run lên trong lồng ngực. Trong một phút, tôi thấy rõ tác hại đổ vỡ do sự ngu ngốc, nông nổi của tôi gây nên. Tôi tự trách mình đã coi thường mọi sự cấm kỵ, đã làm hại đến uy tín tiền đồ và sự nghiệp của anh. Tình yêu là vun đắp mà tôi lại đi phá hoại. Chính tôi đã đánh hỏng cuộc đời tôi. Chính tôi... và tôi phải làm gì đây... làm gì? Tôi chạy ra ngoài, miệng lẩm bẩm như một người mất trí. Có con ma nào đang đuổi theo đàng sau lưng tôi, đẩy chân tôi đến cửa phòng anh. Tôi đập cửa, lao vào ôm lấy anh, khóc lên rưng rức: "Tha thứ cho em. Em phải làm gì đây? Phải làm gì để chuộc lại lỗi lầm này?"

Anh dịu dàng vuốt tóc tôi, an ủi tôi, tỏ ra hết sức thông cảm đối với tôi. Sau một lúc suy nghĩ, anh dìu tôi vào ghế, ấn cán bút vào tay tôi, đặt xấp giấy lên bàn và nói: "Em viết đi".

Truyện Núi Đồi Và Thảo Nguyên *là một tác phẩm có hại. Nó trực tiếp đánh lừa người đọc một cách kín đáo. Truyện "Cây Phong Non Trùm Khăn Đỏ", tác giả đã phê phán giả tạo các nhân vật của mình. Thực chất toàn bộ câu chuyện tuyên truyền cho lối sống vô tổ chức, vô kỷ luật trong lao động, cho những tình yêu "trống mái" trụy lạc. "Mắt Lạc Đà" đã xuyên tạc, bóp méo những người đang lao động dũng cảm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân vật Abakin - một tên vô lại được tác giả miêu tả như một điển hình của giai cấp công nhân Xô Viết. "Người Thầy Đầu Tiên" lại nguy hiểm hơn. Nó đi vào lý thuyết của những người theo chủ nghĩa xét lại hiện đại, phủ định cả một thời*

đại cách mạng vĩ đại...

Qua tác phẩm này, chúng ta cũng rút ra một bài học mới về phương pháp cảm thụ và lĩnh hội một tác phẩm văn học. Nhận thức của chúng ta chỉ có thể đúng đắn khi ta đứng vững trên nguyên tắc văn nghệ Mác-Lênin, đồng thời không ngừng nâng cao nhiệt tình cách mạng và ý thức cách mạng..."

- Chiều mai, anh sẽ tổ chức một buổi hội thảo về Aimatốp vì em đấy. Em phải trình bày hai mươi phút. Em đem bài này về đọc kỹ cho thuộc. Làm sao cho người nghe thấy đó là điều em nghĩ, em đã viết ra, và nói như vậy.

Tôi làm đúng y như lệnh truyền. Không hiểu hai mươi phút đó đã trôi qua như thế nào, chỉ thnấy rằng sau những câu mạt sát thậm tệ kết thúc, tôi nghe những tiếng vỗ tay rồm rộp vang lên. Chưa bao giờ tôi ghét cay ghét đắng những tiếng vỗ tay như thế. Nó y như tiếng đàn cừu chen lấn nhau, lộp độp đi vào cánh cổng gỗ.

Buổi họp tan, anh đến khen tôi: "Em nói hay lắm. Trong tương lai em có thể trở thành giảng viên xuất sắc đấy. Và... sau khi tốt nghiệp, em sẽ ở lại trường, chúng ta sẽ làm lễ cưới".

Hình như lúc ấy tôi chẳng hiểu anh đang nói gì. Tôi cũng không cảm thấy cả việc anh nắm tay tôi và hôn tôi. Tôi chợt tỉnh khi nghe tiếng anh hốt hoảng: "Trời ơi! Sao người em lạnh thế? Chết, em ốm rồi!"...

Cứ những tưởng làm theo anh, tôi sẽ trả được món nợ lỡ lầm, tâm hồn tôi sẽ nhẹ nhõm thanh thản hơn. Song ngược lại, tâm tư tôi càng trở nên nặng nề u ám. Tôi cảm nhận đầy đủ nỗi khổ đau dằn vặt của con người khi mình thấy không bằng lòng mình mà chưa rõ nguyên nhân phải trái ở đâu. Cứ như có khói hun đầy ngực và bùn đen lợn cợn lầy lụa trong cổ họng. Tôi lại cố mở trang "sách cấm" ra để tìm xem tôi bị ngộ độc ở đoạn nào. Ngọn gió thảo nguyên lại suốt đêm thổi lồng qua cơ thể tôi. Thảo nguyên bạt ngàn hiền hậu, thảo nguyên khoáng đạt điên cuồng, thảo nguyên nóng nảy, trung thực và dũng cảm... Ôi, chất độc hại ấy sao mà dịu ngọt và quyến rũ đến thế. Nếu lúc ấy gặp Aimatốp, tôi sẽ khóc òa lên trước mặt ông và nói: "Ông ơi! Sao ông ác độc đến thế? Sao nỡ bỏ bả chuột vào mật ong rừng để tôi chết lịm trong sự ngọt ngào ấy". Cái gì lý trí bảo sai thì trái tim lại thầm thì bảo đúng. Con người tôi như bị phân thân ra làm nhiều kẻ khác nhau, bên đánh bên đỡ, giao tranh quyết liệt. Trùm lên bãi chiến địa hoang tàn ấy là một nỗi cô đơn khủng khiếp. Và sau một cơn đau cào xé như bị lột xác, nỗi sợ hãi xâm chiếm cả tâm hồn và thể xác tôi. Sợ hãi cái gì? Sợ hãi ai? Tôi không rõ. Hình như có sự nguy hiểm nào đang rình rập đe dọa quanh tôi. Không phải mối nguy hiểm có sừng, có vuốt dễ nhìn thấy mà là một sự nguy hiểm mơ hồ êm ái như được bọc bằng nhung. Phải chăng đó là nỗi sợ hãi khi thấy ra mình đã phản bội lại chính mình, hay đó là sự đánh động của bản năng tự vệ. Tôi chỉ biết có một tiếng nói mạnh mẽ không thể cưỡng lại của một linh cảm nào đấy giục dã tôi: Phải di ngay, thoát khỏi nơi này, phải xa anh, thoát khỏi anh ngay.

Thi tốt nghiệp xong, tôi để lại cho anh một mảnh giấy nhỏ, không nhớ

mình đã viết những gì trong ấy, rồi lặng lẽ xách va li lầm lũi ra ga. Nhoi đầu ra ngoài cửa toa, qua dòng nước mắt xối xả, tôi cố nhìn, cố nhìn, và hình như tôi trông thấy bóng ai, giống như anh, đang đứng trên sân ga, hốt hoảng dớn dác nhìn quanh, cho đến lúc bóng anh nhòa đi biến vào màu đất xám xịt trải dài vun vút ở hai bên đường tàu.

Tôi trở về vùng núi đồi thân yêu đang nồng nàn mùi hoa dẻ. Trung du vẫn hồn hậu bao dung. Mỗi cơn gió, con đường, đọt cây, cánh bướm đều nhận ra tôi và nhắc nhở đến những rung cảm đầu tiên của mối tình yêu trong trắng. Tôi đắm mình vào chiếc lồng quá khứ, trong đó còn vang vọng những tiếng chim hót thanh tao ngọt ngào của những ngày vui đã mất.

Chắc hẳn vì giận tôi hay vì bận rộn công việc mà sau đó anh không nhắc gì đến tôi và có lẽ đã quên tôi rồi. Nhưng tôi vẫn nhớ anh, vẫn phân vân không biết mình còn yêu anh hay không, và hành động chạy trốn của mình là sai hay đúng. Dù sao, tôi vẫn giữ lòng biết ơn đối với anh - người đã mở cho tôi lần đầu tiên thấy vẻ đẹp vô tận của tri thức. Ở xa, tôi vẫn theo dõi bước đường danh vọng của anh. Anh lên như diều. Anh xách cặp ra nước ngoài xoành xoạch, đi về như đi chợ. Anh được phong giáo sư và là một cán bộ cao cấp của ngành đại học. Anh được mời đi nói chuyện ở nhiều nơi. Anh cưới một cô vợ nghiên cứu sinh học ở Tây về, con gái của một vị thứ trưởng nào đấy. Nhưng... nghe nói họ sống với nhau không hạnh phúc lắm.

Song, có một điều tôi vẫn đinh ninh là không bao giờ anh có đủ can đảm để nhìn lại mặt sách của Aimatốp. Ấy vậy mà giờ đây trước mắt tôi, anh đang hùng hồn ca ngợi từ "Giamylia" đến "Đoạn Đầu Đài". Tiếng vỗ tay rào rào lấn át cả tiếng nói của diễn giả. Nhưng ngồi ở hàng đầu, tôi còn kịp nghe vọng câu nói cuối cùng: "... Nhà văn Aimatốp với toàn bộ tác phẩm của ông, đã mở ra một thời đại mới, thời đại tiền phục hưng của nền văn học Xô Viết vĩ đại..."

Anh từ tốn bước xuống bục đến bắt tay một vị lãnh đạo. Qua cách bắt tay của anh, tôi đoán đó là một ông lớn. Vẫn những ngón tay dài quấn quít nói lên lòng mến mộ và sự kính trọng hơi quá đáng, chỉ khác là bây giờ có pha thêm chút gì suồng sã. Bất chợt, thấy tôi, anh kêu lên một tiếng: "Kim!" - Nét mặt anh rạng rỡ - "Anh muốn gặp em". Cái nhìn của anh lại làm tôi xao xuyến, bủn rủn chân tay. Tôi líu ríu đi theo anh vào phòng khách thư viện. Để thoát khỏi sự đờ đẫn ban đầu, tôi độp một câu hơi bỗ bã:

- Anh còn nhớ Vân, Toàn không? - Anh lắc đầu - Vân và Toàn cùng học lớp với em đấy. Chúng nó bây giờ là kỹ sư hóa chất, cùng làm việc ở thành phố HCM. Có hai con và hạnh phúc lắm.

Dường như anh cố moi óc mà không sao nhớ được. Không biết anh giả vờ quên hay đối với anh quên đã trở thành một thói quen để khỏi phải tìm hiểu rầy rà, tránh khỏi đỏ mặt, khỏi mình đối diện với bản thân mình.

- Sao anh mau quên thế?

- Anh quên tất. Duy có điều anh vẫn nhớ. Cho đến bây giờ anh cũng không

hiểu, vì sao lúc ấy em lại bỏ đi. Anh có điều gì không tốt với em chăng?

- Không... Không hẳn đã thế. Tôi lúng túng trả lời. Vì sao ư? Lúc đó anh không hiểu, mà tôi cũng không hiểu gì hơn anh. Lúc ấy tôi chỉ cảm thấy một mối nguy hiểm mơ hồ và tôi hoảng sợ. Nhưng ánh sáng của thời gian đã dần dần giúp tôi nhìn rõ điều bí ẩn ấy. Đó là nỗi sợ hãi phải sống chung với anh. Cuộc sống chung này sẽ chỉ là một chuỗi dài thỏa hiệp. Nó mài nhẵn mọi bản sắc cá tính của tôi, biến tôi thành một thực thể không có dạng hình. Tôi sẽ giống như cái cây bố tôi trồng trong chậu cảnh. Cây cứ mọc lên một khúc, ông lại cắt ngọn, cành lá lại đâm ngang, rồi lại cắt lại đâm ngang, rồi lại cắt... Mỗi nhát cắt "cưỡng bức thỏa hiệp" ấy dẫn đi xa dần cái bản chất tự nhiên của loài thảo mộc, cuối cùng đem lại một hình thù kỳ dị của loài quái vật thời tiền sử. Tôi không muốn nói ra điều ấy và chỉ đáp lại một câu đãi bôi: "Lúc ấy em sợ... em sẽ làm hại bước đường công danh của anh..."

Anh cười khoái chí. Vẻ tự mãn như làm khuôn mặt anh thêm đầy đặn: "Sao em lại nghĩ thế? Danh vọng chẳng qua cũng chỉ là một thứ phù du. Quả em chưa thật hiểu anh."

- Đúng. Em chưa hiểu. Và ngay bây giờ em cũng không hiểu nổi. Tại sao trước kia anh đả kích dữ dội *Núi Đồi Và Thảo Nguyên* đến thế, mà giờ đây...

- Hãy quên những cái ấu trĩ ấy đi... - Anh thản nhiên cắt lời tôi.

(Ấu trĩ! lại ấu trĩ. Có điều mỉa mai là chắc anh không nhận thấy chính nhờ những cái ấu trĩ ấy mà anh dễ dàng bước lên từng bậc thang danh vọng).

- ... Vả lại, anh đã đổi mới tư duy...

(Tôi thầm nghĩ anh đổi mới tư duy, nhưng chắc đâu đã đổi mới được quan hệ tình cảm giữa những trái tim người.)

- ... Em ạ, qua mỗi giai đoạn, chúng ta phải biết đổi mới tư duy...

- Và thiết kế lại tâm hồn!

- Đúng quá! - Anh đáp như reo lên.

Nhìn vẻ mặt chân thành của anh tôi biết anh đã quên câu anh nói trước kia mà tôi cố tình nhại lại.

- Điều em vừa nói đúng quá. Đúng đến mức chính em cũng không thấy hết cái đúng của nó. Nếu tâm hồn không biến chuyển thì sự đổi mới tư duy chỉ là hình thức. Mà muốn đổi mới, bản thân tư duy cũng cần phải mềm dẻo. Em nên nhớ Lênin hoan hô sự mềm dẻo của tư duy...

- Và Lênin đả đảo sự mềm dẻo của cái lưng.

Nói xong, tôi chợt cảm thấy ăn năn xấu hổ tự hỏi sao mình trở thành cay độc và phạm thượng đối với con người trước đây mình đã từng thương yêu tôn sùng như thần tượng. Song đồng thời câu nói ấy lại rọi một tia sáng bất ngờ đem lại cho tôi một phát hiện mới. Phải chăng trong anh, sự mềm dẻo của cái lưng đã đưa đến sự mềm dẻo của tư duy? Tôi chờ đợi phản ứng của anh, nhưng tôi kinh ngạc đến sững sờ khi nghe một tiếng cười thích thú dễ lây đáp lại. Một vẻ sảng khoái hồn nhiên hiện rõ trên gương mặt anh. Tôi thấy ngay những lời châm chọc của mình bỗng hóa thành những mũi tên

bằng sáp.

- Trời ơi! sao ý nghĩ của em hợp với anh đến thế? - Anh trút một hơi thở dài - Em ạ, phải sống với một người mà mình không hợp, mình không yêu... thật khủng khiếp. Kim ạ, ai đã thực sự yêu một lần rồi, khó có thể yêu được những lần sau...

- Anh còn nhớ à?

- Anh vẫn nhớ... vẫn muốn sống lại như ngày nào...

- Lại cũng giở những trang sách của Aimatốp... lại cũng lặp lại chuyện cũ?

- Vâng. Lặp lại... nhưng trên bình diện mới Kim ạ, anh vừa ly hôn xong.

Cái tin đột ngột này làm tôi bàng hoàng rạo rực. Nó chạm khẽ vào chỗ mềm yếu nhất trong trái tim tôi. Một niềm hy vọng tràn trề lóe lên rực sáng phía chân trời mới. Một tiếng nói nội tâm cất lên dõng dạc: "Anh ấy đã ly dị vợ rồi. Còn chần chờ gì nữa. Hảy ngẩng mặt nhìn xung quanh thử so sánh xem. Mình tốt hơn ai, và anh ấy xấu hơn ai. Phải thật công bằng với anh ấy. Trông bó đũa hãy chọn lấy cột cờ. Đừng để cục kiêu hãnh của mình cao hơn đầu mình. Rồi đến làm cô gái già thôi."

Anh nghiêng người lại gần tôi:

- Kim ạ. Hãy quên những cái gì ấu trĩ đã qua. Bây giờ, anh đã là người tự do. Còn em, cũng chưa có gì ràng buộc cả...

- Rất tiếc. Em đã có người yêu và hứa hôn rồi.

Tại sao tôi lại nói thế nhỉ. Tôi nói ra mà cũng chẳng biết mình đã nói gì. Cứ như có bàn tay ai đó ấn mạnh vào thanh đới tôi và bắt mồm tôi phải vọt ra câu đó. Trong khoảng khắc, tôi nhìn thấy nét mặt anh như đờ ra và bất động. Trong mối quan hệ lâu nay giữa hai người, đây là câu nói dối đầu tiên tôi nói với anh. Nhưng nghiệm kỹ lại, tôi nhận ra rằng chính câu nói dối ấy đã cứu thoát tôi khỏi một sự dối trá còn nặng nề hơn, triền miên hơn, dai dẳng suốt một đời người.

HIỀN PHƯƠNG
(Trong nước)



BẠT XỨ

gần nguyên vẹn trái tim anh

Ướt chùng lòng anh
Thềm mưa bụi
Con tàu lầm lũi vùng quên lãng
Đi vào đi vào sương, hoa muồng vàng mù tối
Đắng khói hai hàng cây nuôi dưỡng tình đầu
Chảy mãi đi
Dòng sâu ngầu xiết
Tràn nước lũ bèo bọt ngày xưa hay hôm nay
Ấm nồng cuộc đời
Rưng rưng chiều đông không trôi
Còn nguyên vẹn thế sao em?
Nhịp tim non đôi má sốt bừng anh ấp ủ
Chiến tranh đi qua hai bàn tay che lấp mặt
Khe lũy chiến hào hằn lên thân anh hằn lên tâm tưởng tuổi thơ lìa cuống
Đêm, vầng sáng chân trời xa không đâu nữa
Ướt chùng lòng anh chiều nay thơ
Lại bùng chiến tranh khốc liệt anh ca ngợi tình yêu
Không muốn chép thành lời
Cứu chuộc cho con người ngoài bi kịch và vô tận
Đi mãi về xa không khói hoàng hôn con tàu không vật vã
Dáng em vầng trăng xanh lửa trên núi đồi
Chẳng cần gần gũi em đâu em trái tim anh đau yếu
Gửi nguyên vẹn trái tim anh dù những đêm vào sâu súng bom mộng dữ
Vẫn nhiều lắm em
Rung động chiều nay
Mưa.

BẠT XỨ



TRẦN THỊ NGỰ

CỎ



Trời rựng sáng bên ngoài cửa sổ, đỉnh núi tuyết nhọn hoắc phía xa. Freeway như một dãi vải xám vắt qua những ngọn đồi thấp bắt đầu nhộn nhịp xe cộ. Không có tiếng động nào vọng đến đây. Buổi sáng yên tỉnh và sạch. Một chiếc xe màu đỏ chói loáng thoáng qua những vòm cây xanh đang trôi xuống chân đồi. Chiếc xe của người đàn ông láng giềng. Anh ta hẳn vừa rời nhà để đến sở làm.

Tôi nằm yên bên cạnh Phục, hai mắt ráo hoảnh. Suốt đêm chỉ ngủ được vài tiếng nhưng tôi vẫn cảm thấy tỉnh táo. Ba tháng rồi tôi không gặp Phục. Ba tháng rồi Phục không ghé đây. Anh vẫn thế, có khi bám riết lấy tôi như bóng với hình, để rồi vào lúc không ngờ nhất, anh biến mất, không dấu hiệu báo trước, không thư từ, không điện thoại, không lời nhắn hỏi. Lúc Phục xuất hiện trở lại, để đáp trả thái độ giận dữ của tôi, anh chỉ cười. Và rồi, như bao nhiêu lần trước đó, tôi lại bị anh quyến dụ, mê hoặc. Nói cách khác tôi thua anh, thua đau đớn, thua tức tưởi, thua trắng. Tôi giận tôi lắm. Càng giận càng thua, càng thua càng yêu, càng yêu càng giận. Cái vòng tròn không khởi điểm, chẳng đích đến. Cái vòng tròn oan khiên đã trói gô nghị lực và lòng tự trọng của tôi, biến tôi thành một người đàn bà mất hẳn bản ngã. Tôi không có bản ngã? Có phải Phục đã nghĩ như thế? Hay tôi tự đẩy suy luận đi quá xa? Làm sao truy tìm ý nghĩ thật sự đang có trong đầu Phục, về tôi. Chỉ biết ý nghĩ quái ác này đã khiến tôi khổ tâm quá lắm. Nhiều lần tôi muốn nói với Phục anh biết không em yêu anh

hơn tất cả mọi thứ trên đời? Nhưng nói để làm gì, có cứu vãn được gì đâu? Gã đàn ông này đi qua cuộc đời tôi bằng những bước chân chập chờn giữa thực và mộng.

Còn tôi? Cái kẻ tỉnh táo một cách mê muội phải chăng cũng đang đu bay trên sợi dây giăng ngang giữa hai bờ thực, mộng?

Chuông đồng hồ điểm giờ ngân nga.

Tôi lay Phục, *dậy thôi cưng.* Anh ậm ừ xoay nghiêng tiếp tục thở đều. Tôi lay nữa, gần như nhấc hẳn đầu Phục ra khỏi gối anh mới chịu mở mắt. *Mấy giờ rồi? / Chín giờ rưỡi.* Tôi nói, và mỉm cười nhìn Phục bước xuống giường vươn vai làm mấy động tác thư giản gân cốt. *Lẽ ra em nên đánh thức anh sớm hơn.* Tôi bỏ chân xuống thảm, mặt thảm ẩm lạnh: *Thấy anh ngủ ngon không nỡ gọi / Mình sẽ đến X rất trễ. / Thì đã sao? / Em không thấy chuyến đi này quan trọng ư? / Em cảm thấy bất an. / Đừng thiếu tự tin chứ.*

Phục vơ chiếc áo ngủ bước vào phòng tắm. Tiếng nước phun một nhịp đều.

Tôi đến ngồi trước bàn trang điểm, nhìn khuôn mặt không son phấn trong tấm gương lớn, đưa tay lướt trên những dấu hiệu già nua đã xuất hiện ở đuôi mắt, hai bên khóe miệng. Bỗng dưng tôi tủi thân. Lẽ ra tôi nên thực tế hơn. Lẽ ra tôi phải hiểu câu chuyện không phải sẽ được giải quyết êm thấm, dễ dàng như Phục đã nói. Lẽ ra tôi còn đủ thời gian để tìm cho mình một lối thoát trước khi mọi điều trở nên quá trễ.

Tiếng nước tắt. Tiếng Phục, *Cái khăn bẩn em đã bỏ vào sọt giặt, đưa anh cái mới. / Ồ, tối qua em định thay nhưng quên mất.*

Tôi đứng dậy đến tủ tìm khăn mang vào cho anh. Người Phục sũng nước, những bắp thịt bóng nhẫy ánh đèn. Tôi đứng ngây người nhìn anh, vẻ đẹp vạm vỡ vừa được tắm gội mới tươi mát làm sao. Tôi kiễng chân vít đầu Phục xuống, hôn nhẹ trên vầng trán ẩm hơi nước.

Phục nói, *Em tắm đi, trễ lắm rồi đấy. / Anh nhất định đưa em đến X? / Hỏi lạ nhỉ, bộ em không muốn sao?*

Tôi thở dài buông anh ra. Phục nâng hai trái vú của tôi trong lòng bàn tay, xoa nắn nhè nhẹ, *Chả việc gì phải lo lắng, tin anh đi, mọi chuyện sẽ được giải quyết ổn thỏa.*

Đôi bàn tay Phục như có điện. Tôi rùng mình ép sát thân thể vào anh, khứu giác tôi đầy ngập mùi thơm xà phòng toát ra từ người Phục. Bỗng nhiên tôi muốn được ân ái cùng Phục thêm lần nữa. Hình như tôi chỉ cảm thấy tự tin khi cái phần sinh động biểu hiện nam tính ấy nằm sâu trong tôi và được tôi bảo bọc, ôm cuốn.

Tôi nói nhỏ bên tai Phục, *Yêu em đi / Chúng ta sẽ đến X rất trễ / Yêu em đi mà, đã trễ, cho trễ luôn.*

Phục mỉm cười bế tôi đặt trên bàn rửa mặt.

Đêm qua chúng tôi yêu nhau nhiều lần, nhưng có lẽ lần này tôi mới thực sự rũ liệt trong vòng tay anh. Tôi phát hiện chính những lúc tâm hồn hoang

mang, giao động nhất, lại là những lúc thể xác bung mở trọn vẹn nhất.

Phục đã ra khỏi phòng tắm. Tiếng ly muỗng chạm nhau lanh canh. Anh đang pha cà phê trong bếp. Tôi đứng lặng trước gương một lúc lâu. Da thịt tôi vẫn còn hừng hực. Nếu không phải theo Phục đến nơi đó, tôi sẽ trở về phòng nằm duỗi dài cuộn chăn nhấm nháp niềm khoái lạc còn đọng trong thân xác.

Phục hỏi vọng từ bên ngoài, *Em chưa tắm à? / Em tắm đây.*

Tôi thở dài bước vào bồn, điều chỉnh độ ấm của nước, ngửa mặt đón trận mưa đầu ngày. Mong sao trận mưa sẽ giúp tôi lấy lại được sự bình tĩnh cần thiết. Tỉnh X. Cuộc hẹn. Những điều Phục đã nói, sẽ nói. Và tương lai tôi. Tôi muốn tất cả những phiền toái này sẽ theo dòng nước trôi đi, trôi đi.

Trôi đi, trôi đi... Tôi có cảm tưởng chiếc xe như con thuyền giữa dòng sông chảy xiết. Mưa lớn. Bầu trời xám đục một màu chì bẩn. *Cô không lạnh chứ? / Đỡ rồi thưa ông / Mùa này thường có những cơn mưa bất ngờ. / Vâng, bất ngờ thật* - và cười - *tôi sẽ khóc mất nếu không gặp ông / Cô dễ khóc lắm ư? / Không dễ đâu, nhưng trong trường hợp này có thể lắm. / Tại sao? / Đứng rục chân bên lề đường, đưa tay xin quá giang mà chẳng ai thèm nhìn, thấy tủi dễ sợ. / Cô nhạy cảm vậy à?*

Tôi định trả lời ông lầm, nhưng khi liếc nhìn, nhận ra khóe môi người đàn ông hơi nhếch như sắp biểu lộ một nụ cười. Ừ thì cứ để ông ta nghĩ tôi là một người yếu đuối, *Vâng, đàn bà ai chả nhạy cảm.*

Mặt kiếng xối mưa mù đục. Cánh đồng trắng xóa trong màn nước dày. Hai que quạt chuyển động nhanh. Trước mắt chúng tôi lờ mờ con lộ xám mịt mù. *Chúng ta sẽ không về đến thị trấn trước khi trời tối hẳn, mưa thế này khó mà chạy nhanh. / Ông có việc gấp à? / Không, tôi nói là nói thế. Cô về đâu? / Cho tôi về đồi Z.*

Chiếc xe ôm nửa vòng cua để lên xa lộ. Những đôi mắt tròn sáng nhập nhòa bên kia vách xi măng thấp và đỏ cạch phía trước mặt. Tiếng bánh xe quay trên mặt đường rào rào. Trời tối dần. Mưa vẫn còn tiếp tục lúc người đàn ông đưa tôi về đến nhà. Ông ta tấp xe vào lề, bước xuống kéo nhanh cái áo vét lên che đầu rồi đi vòng qua phía tôi mở cửa. *Cảm ơn ông, nếu không có ông...* Tôi định nói tiếp nếu không có anh tôi đã chết rét trên xa lộ, nhưng chợt nhớ đã từng bày tỏ ý nghĩ này ngay phút đầu gặp gỡ, nên mỉm cười khẽ gật đầu chào rồi quay người chạy nhanh qua khoảng sân xi măng bước lên những bậc thềm sũng nước. Khi chiếc xe vòng lại, sắp đổ xuống đồi tôi mới chợt nhớ ra mình đã quên hỏi tên ông ta.

Nhưng tên tuổi mà làm gì. Tôi linh cảm thế nào cũng sẽ gặp lại người đàn ông ở một nơi nào đó.

Tôi mở cửa bước vào căn nhà lạnh lẽo. Căn nhà quá rộng so với một người

độc thân. Đến bên cửa sổ, tôi kéo rộng tấm màn dày màu mỡ gà. Từ chỗ đứng này tôi có thể nhìn thấy chiếc xe của người đàn ông bò chậm xuống chân đồi, trước khi khuất vào rặng cây rậm để lên xa lộ. Tôi không ngạc nhiên tí nào khi khám phá người đàn ông vừa để lại trong tôi một ấn tượng đậm nét. Ấn tượng phát xuất từ khuôn mặt chừng như khá thân quen, khuôn mặt được cấu tạo bằng những đường nét hài hòa nhưng mạnh mẽ, khuôn mặt từng ám ảnh tôi suốt thời theo ngành art tại một đại học trong vùng. David.

David. Không phải nguyên tác đá cẩm thạch của Michelangelo. Cũng không phải những bản sao sản xuất hàng loạt. Tôi lại nhìn thấy ông ta. Đúng ông ta, không thể nhầm, dù căn phòng rộng chật kín, dù người đàn ông chỉ thoáng qua thị trường, và chìm ngay vào rừng người nhấp nhô chuyển động.

Những vũng bóng tối thỉnh thoảng lóe sáng bởi các tia đèn màu quét chậm. Tiếng nhạc lướt thướt. Giọng ca sĩ trầm bổng lê thê. Đêm, những đêm cuối tuần, hết tuần này qua tuần khác, tôi đến đây không phải vì mê đắm không khí vũ trường. Đến, như một thói quen. Đến, bởi chả còn nơi nào để tiêu phí hết thời gian còn lại của một ngày biết chắc sáng mai không tới sở. Thói quen nhàm chán, vô vị. Một nhu cầu thừa trong sinh hoạt nhưng không thể dứt bỏ.

Người đi rồi tôi như tấm gương / Thỏi son nào tô môi trong đó / Người đi rồi tôi như chiếc xe / Không hành khách ngủ vùi trong bến / Người đi rồi tôi như nỗi buồn / Không cách gì làm tăng thêm nữa.

Những câu thơ của ai đó, đọc vào cái thời còn ngồi ở ghế trung học đã lột tả trọn vẹn tâm trạng tôi. Chỉ khác, chưa có ai "đến", để "đi" trong cuộc đời tôi. Nhưng tâm trạng buồn nản đến "không cách gì làm tăng thêm nữa" thì rõ ràng gã thi sĩ thất tình kia gần gủi với tôi quá lắm. Hãy thử tưởng tượng một người đàn bà quá thì nào đó, mỗi sáng thức dậy, ngồi lặng lẽ trước khung gương lớn, ơ hờ cầm thỏi son tô lại vòng môi nhợt nhạt, đắp thêm lớp kem trên những luống cày ở đuôi mắt, khóe miệng, và nghe vang trong đầu bước đi dững dưng của thời gian. Hãy thử tưởng một buổi chiều mùa đông nào đó, bầu trời xám đục. Mưa. Phố xá im ỉm cửa đóng. Chiếc xe đò già nua tróc lở màu sơn đậu cô đơn trong bến vắng, giữa rác rưởi và những vũng nước tù. Hãy thử tưởng tượng, vẫn mưa, mưa lê thê, rả rích, âm ỉ. Rồi chiều tắt, đêm lên, từ khung cửa sổ lầu cao nhìn ra, mắt chạm phải những sợi mưa bay nghiêng dưới ánh sáng đèm đường vàng bủng, tai dội âmtiếng ếch nhái oềnh oang vọng đến từ cánh đồng ngoại ô trắng xóa một màu nước bạc...

Tôi gọi người bồi, lục túi xách tìm tấm bussines card, lật phía sau viết vài chữ đưa cho anh ta: *Nhờ anh chuyển cho người đàn ông ngồi ở góc kia / Có phải cái ông có ria mép? / Đúng rồi.* Người bồi gật đầu quay gót. Từ chỗ ngồi, tôi thấy người đàn ông cầm tấm card. Đọc. Và ngước hỏi gì đó, người bồi đưa tay chỉ . Bóng tối. Những cặp trai gái nhấp nhô chuyển động. Có lẽ người đàn

ông không nhận ra tôi nhưng cũng đứng lên.

Không cần có tài tiên tri, từ phút người đàn ông rời ghế ngồi, tôi biết ngay điều gì sẽ xảy ra, tiếp theo.

Điều gì sẽ xảy ra , tiếp theo, ở cái thị trấn nhỏ bé đó trong vài giờ đồng hồ nữa? Càng lúc tôi càng hoang mang. Bình tỉnh, tự tin, mọi chuyện sẽ được Phục giải quyết êm thắm. Chả phải tôi không tin tưởng Phục, nhưng mà nỗi hoang mang có vẻ không đến từ lẽ thắng bại. Nó đến, hình như từ duyên cớ khác. Duyên cớ nào? Tôi không biết. Thật tình tôi không biết.

Chiếc xe giữ đều tốc độ. Tôi nói, *chậm lại anh, nguy hiểm*. Rặng cây như một bức tường thẩm xanh phía bên phải cao và rậm. *Từ cửa sổ nhà mình nhìn xuống, em thấy chỗ này tai nạn thường xuyên*. Phục bật đèn hiệu xin nhập vào tuyến đường của xa lộ mới. *Lẽ ra những lùm cây kia nên chặt bỏ*. Phục nói đúng, những lùm cây cao quá tầm mắt chắn dọc giữa hai nhánh xa lộ sắp nhập một khiến những tài xế bất cẩn không cách nào tránh kịp lúc vừa nhìn thấy nhau. *Anh nghĩ mình sẽ đến X lúc mấy giờ? / Chắc chắn không sớm hơn 9 giờ tối. / Trễ thế kia à? / Chứ sao, gần năm trăm dặm kia mà.*

Phục tăng tốc độ khi xe ra khỏi thị trấn. Giờ làmviệc đường sá tương đối vắng. Tôi ngã đầu ra sau, duỗi dài chân. Lúc ở nhà tôi tỉnh táo, bây giờ mới cảm thấy mệt. *Em ngủ một chút nhé? / Ngủ đi.*

Ngủ đi. Tôi nhắm mắt, nhưng đồng thời cũng hiểu sẽ không thực hiện được điều này cách dễ dàng. Tỉnh X, cuộc hẹn. Phải xử sự thế nào đây? Hình như rất ít khi tôi thiếu tự tin như bây giờ. Năm tôi mười bảy tuổi mẹ tái giá. Tôi không bằng lòng. Mẹ nói *Mười năm rồi, con thông cảm cho mẹ. Vả, ông ấy hiền lành, mẫu mực, xứng đáng là một người cha tốt. / Dĩ nhiên con tôn trọng quyền chọn lựa của mẹ, nhưng con cũng có quyền của con, con không chấp nhận bất cứ một người nào khác trong đời mẹ, trừ phi con biết chắc bố đã chết. / Bạn bè bố nói... / Nhưng họ không cho chúng ta một bằng chứng nào cụ thể. Chỉ là lời đồn. Những người đưa tin cũng chỉ nghe đồn / Mười năm, con không thấy điều đó quá sức mẹ ư? / Con thấy, và hiểu quyết định của mẹ hợp lý, bởi thế mẹ hãy chọn sự hợp lý của mẹ. Con, con chọn điều hợp lý của con.* Trước ngày người đàn ông chính thức sống chung với mẹ, tôi rời gia đình. Mẹ khóc, tôi khóc, tuy nhiên cả hai đều hiểu mọi chuyện không thể cứu vãn. Ừ thì mẹ hợp lý, nhưng tôi không hợp lý sao? Qua thời trung học, rồi đại học, tôi vẫn tiếp tục sống một mình. Dĩ nhiên khá vất vả. Mẹ và dượng bao lần đề nghị chu cấp, nhưng tôi từ chối quyết liệt. Vừa học, vừa làm, rốt cuộc tôi cũng ra trường. Một năm sau gia đình mẹ dọn đến tiểu bang khác. Từ đó chúng tôi ít liên lạc với nhau. Mẹ đã có bao nhiêu lo toan mới cho những đứa em cùng mẹ khác cha với tôi. Phần tôi, đã quen với cuộc sống tự lập, tình mẫu tử phần nào nhạt đi. Nhiều năm kể từ lúc bước chân ra khỏi nhà, theo nghĩa nào đó, tôi tứ cố vô thân. Chính sự phấn đấu để tồn tại, để vươn lên, đơn độc, đã tạo

cho tôi một cá tính sắt đá, và có lẽ vì vậy tất cả mọi người đàn ông từng đến với tôi, ngoài quan hệ hiển nhiên giữa hai sinh vật khác phái tính, trái tim tôi chưa một lần thực sự rung động. Hơn ai hết, tôi hiểu sẽ là bất hạnh lớn đối với một người đàn bà nếu dưới mắt cô ta bọn đàn ông chỉ thuần là những sinh vật giống đực biết di động. Đàn bà, trong cái nghĩa bình thường nhất, chẳng bao giờ là những đỉnh núi vòi vọi trơ gan cùng mưa nắng cuộc đời.

Thế mà tôi lại yêu Phục, gã đàn ông cũng chẳng có gì đặc biệt ngoài vóc dáng rất đàn ông, khiến mỗi lần nhìn anh, tôi không thể không liên tưởng đến công trình nghệ thuật tuyệt vời của Michelangelo. Phải chăng do méo mó nghề nghiệp? Phải chăng nhiều năm dài phấn đấu đơn độc đã hình thành trong tôi một mẫu mực điển hình để hoàn thiện bản ngã? Mười năm. Những tưởng mình là đại thụ, bỗng một ngày rạp mình như cỏ.

Cỏ. A, cỏ.

Qua khung kính cửa xe, không gian mở ra bát ngát. Mùa xuân, đồng cỏ mênh mông ngút tầm mắt. Lần thứ hai tôi nhận thấy vẻ đẹp bình thường, dung dị, tràn lan của cỏ.

Cỏ. Cỏ mềm dưới chân. Cỏ xanh non mơn mởn. Cỏ như sóng nhấp nhô trong màu nắng hanh vàng. Cỏ làm dịu đi nỗi nhọc mệt của một ngày di chuyển không ngừng.

Chúng tôi vừa rời quốc lộ, bắt đầu đi xuyên qua đồng cỏ. Theo lời mẹ đây là con đường tắt ngắn nhất để về nhà.

Dừng chân trên ngọn đồi thấp, mẹ hỏi, *Con mệt không? / Không, nhưng con mỏi chân lắm. Mình nghỉ một chút đi mẹ. / Ừ, chẳng còn bao xa nữa, chúng ta sẽ về đến nhà trước khi trời tối.* Mẹ quì xuống lục giỏ cói lấy tấm nilông trải trên mặt cỏ. *Chắc con đói rồi phải không? Mình vừa nghỉ vừa ăn nhé?* Trong lúc mẹ loay hoay dọn bữa thì tôi mải mê nhìn không chán cái màu xanh ngun ngút phủ ngợp từ chỗ chúng tôi ngồi đến tận cõi xa, nơi không còn phân biệt được đâu là bầu trời, đâu là mặt đất. *Mẹ ơi, cỏ sao nhiều thế. / Ừ, cỏ bao giờ cũng nhiều hơn tất cả mọi thứ. / Cỏ đẹp quá hả mẹ?* Mẹ cười, *Hãy cứ sống ở thôn quê khắc biết, con sẽ khổ vì nó. Không có thứ gì mạnh bằng cỏ, làm vừa xong khoảnh vườn hôm nay, đã thấy góc vườn tuần trước xanh um. / Nhưng không có cỏ, đất đai sẽ cỗi cằn. / Đúng rồi, đó là qui luật của hủy diệt và tái sinh. / Mẹ nói gì con không hiểu? / Đất sinh ra cỏ, cỏ chết đi tạo phân cho đất, nhờ phân, cỏ tiếp tục nẩy sinh... Cứ thế, chết đi để sinh ra. sinh ra để chết đi... Mà thôi, chuyện này rắc rối lắm đối với tuổi con. Lớn lên, con sẽ hiểu.*

Bây giờ thì tôi hiểu. Chính những thứ tầm thường, dung dị, tràn lan như cỏ giúp cho mặt đất này mãi mãi màu mỡ, tốt tươi.

Chúng tôi đến X, đúng như Phục nói, gần chín giờ tối. *Em nghĩ mình nên*

đến nhà anh ngay hay đi ăn cái gì trước? / Em đói, đi ăn cái gì trước đã.

Sự thật tôi không cảm thấy đói. Chỉ là cái cớ để hoản binh, để kéo dài thêm thời gian. Quả thật tôi đang hoang mang khủng khiếp. Chả lẽ tôi bảo Phục thôi hãy trở về Y?

Không, trò chơi sắp đến lúc kết thúc. Ai thắng, ai bại? Bỗng nhiên tôi chợt hiểu chẳng ai thắng cả. Tất cả đều thua.

Rất nhanh, tôi quyết định: *Ăn xong mình trở lại Y. / Em vừa nói gì? / Em nói, ăn xong mình trở lại Y. / Em có điên không?*

Tôi đặt tay lên đùi Phục, nhỏ nhẹ, *Chưa bao giờ em tỉnh như bây giờ. Thôi anh à, chúng ta đã đi quá đà rồi. Hẳn anh nhận thấy điều này rõ hơn ai hết kia mà. / Đừng nói nhảm, chuyện quan trọng thế này sao em cứ coi như trò đùa. / Chính vì nó quan trọng nên chúng ta phải trở lại Y. / Em điên rồi, anh chả hiểu gì hết. / Lúc nãy khi xe băng ngang đồng cỏ em chợt hiểu chính cái tầm thường, dung dị, tràn lan của cỏ đã giúp cho mặt đất này mãi mãi xanh tươi. Từ bao lâu nay chúng ta đã làm đảo lộn tất cả mọi sự. Điều này thật trái với lẽ tự nhiên. Mẹ em ngày xưa có nói: cỏ là biểu hiện cụ thể nhất của qui luật hủy diệt và biến sinh. Thuở đó em còn quá nhỏ để hiểu ra chân lý tầm thường này. Lớn lên, mãi lo toan sinh tồn, em không có dịp nhớ đến lời mẹ. Ra đời, âm thầm tự hào về sự mạnh mẽ của của mình, em lại coi thường cái chân lý có vẻ như vỡ lòng kia. Nay thì em biết mình đã đánh giá sai mọi giá trị. / Trời ạ, em điên thật rồi. Anh quả không hiểu một tí gì.*

Tôi nhìn Phục, lòng quặn đau. Anh không hiểu, cũng phải. Sẽ chẳng bao giờ anh hiểu cái sức mạnh phi thường nằm trong những cái tầm thường.

Ăn xong, mình trở lại Y.

Tôi lặp lại câu nói với Phục. Đồng thời tôi cũng đã quyết định: trở lại Y, tôi sẽ lập tức mua vé phi cơ lên thăm mẹ.

Tôi sẽ gặp mẹ, và sẽ nói với bà về cái màu xanh ngun ngút chúng tôi đã thấy cách đây gần hai mươi năm, ngày tôi cùng mẹ đi thăm ba trở về.

Còn Phục. Tôi cũng sẽ trả Phục về với người đàn bà đang là vợ, là mẹ của ba đứa con nhỏ. Người đàn bà lẽ ra tôi sẽ gặp lát nữa đây, để nghe Phục tuyên bố về chuyện ly dị, để giành Phục trong tay bà ta. Ngực tôi đau nhói. Tôi biết sẽ còn lâu lắm mới quên được Phục. Có thể sẽ chẳng bao giờ tôi quên được Phục. Nhưng mà... nhưng mà... sớm muộn tôi rồi tôi cũng thua, cho dẫu tôi có chiếm được Phục trong tay người đàn bà kia. Người đàn bà kia, tấm nhan sắc đã bị thời gian và sinh nở dập vùi tàn nhẫn, đang trở nên tầm thường. Như cỏ.

TRẦN THỊ NGỰ



LUÂN HOÁN

nghe kinh ngắm phật ở làng cây phong

Tặng anh Trần Văn Khê

1.
Quì chân lắng nghe tụng kinh
hoàn toàn không hiểu nhưng hình như mê
mơ theo chuông vọng bốn bề
mang hồn lãnh đãng bay về tây phương
tây phương là cõi cùng đường
giật mình rớt trúng cái buồn ngủ tôi

2.
Qùi chân thiếp giữa thiền đường
lơ mơ gặp Phật như tuồng rất thân
bàn tay Phật nhẹ nhàng nâng
tôi lên lưng ngọn bạch vân bay hoài
chẳng gặp ai, chẳng thấy ai
chỉ nghe thoảng tiếng thở dài của tôi

3.
Phật ngồi trên đóa hoa sen
còn tôi quì giữa bóng trăng ngắm người
ngẫm ra Phật có khác tôi
vì tôi vẫn sống làm người thế gian

LUÂN HOÁN (93)



NGUYỄN QUANG LẬP

những giấc mơ phải gió



Có hơn chín ngàn đêm tôi mơ thấy nàng. Khi nàng chỉ thoáng qua trong một giấc mơ phù phiếm nào đó. Khi nàng là nhân vật chính trong một giấc mơ thật ly kỳ hấp dẫn giật gân kiểu truyện trinh thám An-Nam chẳng may tôi đọc được, hoặc một giấc mơ khác thật ai oán đầm đìa nước mắt kiểu các vở cải lương nhà quê ở những đoạn xuống xề. Biết làm sao. Tôi vẫn yêu nàng, vẫn nhớ nàng, vẫn thấy nàng, luôn luôn thấy nàng. Tôi thấy nàng ngã nhào trước mũi một chiếc xe tải rách. Trong khi thằng chó đẻ ấy (tức là chồng nàng) đứng đực ra, mặt như ngỗng ỉa thì tôi lao tới đấm vào mặt thằng lái xe. Quả đấm mạnh đến nỗi quai hàm thằng lái xe vỡ ra, hắn gục xuống mặt đường nhựa. Tôi bế xốc nàng dậy, chửi vung lên với những ai muốn dính tới nàng. Với bộ ngực đẫm máu nàng, với cái đầu ngẩng cao, tôi chạy. Tôi thấy tôi là con đà điểu khổng lồ mang trước ngực con chim non rã cánh, chạy bời bời giữa mênh mông cát trắng, mênh mông rừng rậm... Với một tốc độ phi thường, tôi lao tới bệnh viện. Toàn thân đầm đìa máu của nàng và mồ hôi của tôi, ngồi thu lu ngoài phòng hồi sức, tôi thè lưỡi liếm từng giọt mặn, mắt vẫn dán vào tấm kính mờ, hồi hộp đếm từng giây. Không có ai kêu gọi hiến máu, tôi đã chờ đợi hàng giờ vẫn không có ai kêu gọi. Các bác sĩ và y tá với bộ mặt nghiêm trọng vẫn qua lại trước mặt tôi. Gặp phải quá nhiều lần câu hỏi của tôi về sức khỏe của nàng, họ trở nên cau có, giận dữ. Bỗng dưng tôi muốn đấm vào những bộ mặt kiêu ngạo kia.

Đúng lúc có ý nghĩ ấy, tôi chợt nhớ ra vai trò của mình. Đám bác sĩ, y tá này đều thuộc quyền quản lý của tôi, chí ít cũng ở mức gián tiếp. Thời buổi "khắc xuất khắc nhập" này, kiếm được một chức vụ trọng yếu trong thị xã cũng chẳng lấy gì làm vẻ vang cho lắm. Nhưng bây giờ tôi có thể sử dụng nó

để cứu nàng. "Nhưng cô ta là gì với anh mà anh làm ồn lên thế?". Nữ y tá chẳng những không sợ hãi, thị còn tỏ ra khiêu khích. Tôi muốn cho thị một cái tát, tất nhiên việc ấy đã không xảy ra. Tôi thở hắt vào mặt thị: "Cô không biết tôi sao?". Nữ y tá nhếch mép cười, cái kiểu cười đến Phật cũng nổi dóa: "Thưa, tôi biết rồi. Thị xã nhỏ bằng cái nia, làm gì tôi không biết ông là ai! Có điều ông vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi: "Cô ấy là gì với ông?" Tôi dí ngón tay vào trán thị: "Là vợ tôi, hiểu chưa?". Kỳ lạ thay, vào đúng thời điểm quỷ tha ma bắt ấy, tôi thấy ngón trỏ của tôi đang dí vào trán vợ tôi. Mặt vợ tôi đằng đằng sát khí. Tôi trợ mắt, ú ớ và bừng dậy. Mệt hơn vừa chơi xong một trận đánh cù. Tôi thở dốc, trừng trừng nhìn sang vợ tôi. Dưới ánh sáng màu tím nhạt của ngọn đèn ngủ, vợ tôi ngang nhiên phơi bày những vũ khí cần thiết cho các cuộc thi đấu hạnh phúc. Thị mở mắt, hỏi: "Anh ú ớ cái gì thế?" - "À không, lại chiêm bao một chuyện chẳng ra gì" - Tôi mỉm cười, nhắm mắt. Thị dịch lại, đặt cánh tay trần, mập tròn lên ngực tôi. Tôi biết thị đang muốn cái điều tôi đang chán. Tôi ngủ. Thị cũng ngủ. Thị vốn vậy, chưa bao giờ tỏ ra thích thú điều gì nhưng bất cứ điều gì có thể tốt cho mình, thị đều sẵn sàng đón nhận: những đồng tiền tôi kiếm được bằng xảo thuật, những vị trí tôi kiếm được bằng sự khéo léo, và dĩ nhiên cả khả năng quyết chiến quyết thắng bẩm sinh của tôi trong các cuộc thi đấu hạnh phúc. Tôi không hề ân hận việc tôi đã cưới thị làm vợ. Bởi vì đó là kết quả một cuộc tình không đến nỗi tồi lắm giữa thị và tôi, cũng ai oán đầm đìa nước mắt, cũng ly kỳ hấp dẫn giật gân. Vả lại, thị thường hoàn thành khá xuất sắc trong phận sự một đồng chí vợ. Thị đã có với tôi hai mặt con. Đứa con gái đầu xinh đẹp quá mức tưởng tượng của thị và có một giọng ca đặc biệt ai oán, có tính bảo tồn văn hóa dân tộc. Vì vậy chúng tôi vẫn thấy nó liên tục xuất hiện trên ti-vi với vai công chúa, lúc này là con của ông vua này, lúc khác là con của hoàng đế nọ. Bất kỳ một vở kịch nào, nó cũng yêu một thằng đói rách lầm than trong khi cha nó ép nó lấy một thằng giàu sang nhưng khốn nạn. Loanh quanh hơn một tiếng đồng hồ, rốt cuộc thằng khốn nạn hoặc chết chém hoặc đi đày, thằng đói rách cưới nó và lên ngôi hoàng đế. Thế là tạm ổn. Dù lương bổng chẳng ra sao nhưng đã có hơn một tá mạnh thường quân luôn sẵn sàng tặng hoa và dắt nó đi nhà hàng.

Thằng thứ hai đáng ngại hơn. Nó làm ngành y, khổ thay lại có thiên hướng văn chương. Vợ tôi vẫn nỉ non với tôi, thị không thể tưởng tượng nổi chuyện gì sẽ xảy ra khi nó đang cầm dao rạch bụng người, bỗng trong cái đầu rất hạn chế của nó thi hứng dâng trào, hàng hàng những câu thơ thống thiết về tình yêu đực cái xuất hiện! Đặc biệt nó ăn nói rất phản động. Thường trong các bữa cơm, nó công khai miệt thị các chính khách thời thượng nước nhà. Có lần nó gõ đũa xuống mâm nói với vợ tôi: "Nếu con được làm vương nước này, con sẽ học tập đồng chí Hồ Quý Ly kính mến, cải quốc hiệu nước ta thành nước Đại Ngu!" Vợ tôi xanh mặt, nó ngồi cười nghiêng ngửa. Dẫu sao tôi vẫn yên tâm. Nó chỉ lộng ngôn ở nhà, ở đám đông hoặc công sở nó đã gắng công

rèn luyện tính điếm, đến nay khả năng điếm của nó đã bộc lộ khá hoàn hảo. Đã là điếm thì bị người đời khinh bỉ là chắc chắn nhưng ấm no theo đó mà chắc chắn hơn. Tôi không có ý định kê khai lý lịch, sở dĩ phải dài dòng như vậy để bạn đọc yên tâm xác định ngay tôi là một thằng chẳng ra gì. Dù vậy cũng có một thời tâm hồn tôi chưa hề bị cảm cúm vì phải gió trong những giấc mơ gặp nàng. Theo cách nói hiện đang rộn ràng khắp thế giới, một thời tâm hồn tôi chưa bị ô nhiễm môi trường. Thời đó tôi yêu nàng.

Đó là một buổi chiều năm 1972 ở một thung lũng hẹp thuộc Đông Trường Sơn, tôi thấy nàng cõng một cô gái, mệt nhọc lê từng bước dọc theo suối cạn, cách chỗ tôi nằm hơn một mét. Cô gái đã chết cứng, có lẽ đã hơn ba tiếng đồng hồ. Tôi bị thương ở mông, do máu ra quá nhiều nên kiệt sức, không thể lết thêm được nữa, đành nằm chờ chết giữa đám lá mục và muỗi rừng. Hình như lúc đó tôi cố nói gì đó với nàng. Nàng đứng sững một lúc rồi đặt cô gái xuống, lẳng lặng bẻ lá cây đắp kín thân cô gái, lẳng lặng bế xốc tôi lên. Tôi lịm dần trên vai nàng. Khi tỉnh táo hoàn toàn và đi lại được, một y sĩ ở trạm phẩu thuật mới hỏi tôi: "Cái em Thu xinh đẹp cõng ông về trạm là bồ của ông à?" - "Đâu có! - tôi ngớ ra - tại sao ông lại hỏi thế?" Hắn cười: "À, tôi nghĩ chắc những người cùng nhóm máu thường dễ yêu nhau." - "Cô ấy cho tôi máu?" Hắn gật đầu: "Một chai sáu lăm đầy hự. Cho xong rồi khóc và đi ngay." Sau này tôi gặp nàng, quen nàng, được nàng rủ lòng yêu thương, tôi mới biết nàng khóc vì thương người bạn gái cùng quê vừa vào trận đã chết và nàng phải quay lại ngay, nếu không thú rừng sẽ làm thịt cô gái. Vậy là nhờ rủi ro tôi đã có nàng.

Cách nhau mười tám cây số đường rừng đầy mìn claymo, chúng tôi vẫn cố sức gặp nhau. Dù chỉ bên nhau đúng năm phút, chúng tôi vẫn cố sức tìm mọi cơ hội ghì chặt vào nhau. Tôi hôn nàng, muôn vàn cái hôn của tôi đã dính mồ hôi khắp thân thể nàng. Mỗi lần tôi ngập vào nàng, chiến tranh chết đứng, chỉ còn tiếng nàng rên rỉ: "Đừng có con anh nhé! Đừng có con. Em xin..." Lúc đầu tôi nghĩ nàng sợ bị kỷ luật. Không! Một lần nàng áp mặt vào ngực tôi, nức nở khóc: "Em thích có con với anh quá đi mất. Nhưng em sợ em chết, con nó khổ!" Tôi rùng mình. Trong suốt cuộc chiến tranh tôi trải qua, chưa lần nào tôi rùng mình, chỉ trừ có lần ấy. Bây giờ mỗi lần tôi mơ thấy nàng ở cái lúc nàng rên rỉ như vậy, tôi lại rùng mình, đầm đìa mồ hôi. Chiến tranh đã đi qua, không đúng, tôi tạm biệt chiến tranh, mò về hòa bình, đã ăn nằm với hàng tá đàn bà với nhiều lý do khác nhau nhưng tôi chỉ mơ thấy nàng.

Có chín ngàn đêm như thế. Khi nàng chỉ thoáng qua trong một giấc mơ phù phiếm nào đó. Khi nàng là nhân vật chính trong một giấc mơ thật ly kỳ hấp dẫn kiểu truyện trinh thám An-Nam chẳng may tôi đọc phải, hoặc một giấc mơ khác thật ai oán đầm đìa nước mắt kiểu các vở cải lương nhà quê ở những đoạn xuống xề. Sở dĩ một lần nữa tôi buộc phải dài dòng để bạn đọc hoàn toàn yên tâm tôi là một thằng chẳng ra gì. Hay học theo lối viết đầy văn hóa của một nữ văn sĩ trẻ, sớm nổi tiếng thế giới, vẫn thường dùng văn mình

để nhạo những kẻ đã từng ngủ với mình, có lẽ tôi là sự dính kết vô duyên giữa một trang bất kỳ trong sách *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử với một trang bất kỳ trong sách *Quan Điểm Không Hiện Thời* của Nietzche.

Ôi, tôi ơi! Làm sao tôi có thể tin được có đêm tôi đã nhìn thấy tôi lần mò đến nhà nàng. Hơn một tên trộm cấp quốc gia, tôi chui xuống gầm giường, nơi nàng đang ngủ với thằng chó đẻ ấy (tức là chồng nàng). Nàng đánh mông thật chuyên nghiệp và rên rỉ với hắn: “Đừng có con anh nhé. Đừng có con! Em xin...” Như một con chó sắp chết, từ dưới gầm giường tôi tru lên. Nàng kinh hoàng nhìn tôi. Mồ hôi của nàng, những giọt mồ hôi dính đầy những chiếc hôn của tôi, chảy ướt một đám chiếu. Tôi lừ lừ tiến tới nàng, bất ngờ nhổ nước bọt lia lịa vào mặt nàng rồi bỏ chạy. Và bừng tỉnh. Mặt vợ tôi dính đầy nước bọt. Thị gắt: “Anh làm cái gì thế?” Tôi ngồi dậy, vội vã lấy khăn lau mặt cho thị: “Anh vừa chiêm bao một chuyện thật gớm chết đi được”. Thị chồm dậy: “Chuyện gì thế?” - “À không, một chuyện tầmphào”. Thị nhìn tôi hồi lâu, bất chợt thở dài: “Dạo này anh chiêm bao, mê sảng luôn luôn”. Tôi cười nhạt, nằm xuống cạnh thị: “Họp hành kinh quá, thần kinh căng thẳng, thành ra thế”. Thị lắc đầu: “Anh nên cẩn thận, tìm cách nào chứ nếu không thì nguy lắm. Chuyện ấy không đơn giản đâu.” - “Chuyện gì?” - “Chuyện gì!... Anh biết quá rồi còn hỏi!” À, vụ án một ngàn nấm mộ giả, cả nước ai chả biết. Thị lo lắng là phải. Nếu nàng là thị, chắc nàng cũng lo lắng cho tôi như thị thôi. Tôi dám chắc thị yêu chính bản thân tôi nhiều hơn những gì tôi có và sẽ đem về cho thị, dù thị đương nhiên là một ả tham lam. Thị lo lắng và thị biết rõ đây là chuyện hệ trọng không dễ gì lấp liếm được. Hệ trọng không phải chỉ vì nhà nước đã mất đi một món tiền khổng lồ cho việc qui tập mộ liệt sĩ, cái chính là bao nhiêu năm nay, cứ đến ngày lễ tết, hàng chục ngàn người đã thắp hương quì lạy, kính cẩn nghiêng mình trước những nấm mồ chứa đầy xương động vật. Biết thị đang khóc, tôi nhắm mắt ngủ liều. Đàn bà thường giải quyết những chuyện hệ trọng bằng nước mắt, không việc gì phải dỗ dành. Tôi cố ngủ.

Hình như tôi đếm đến tám ngàn chín trăm hai mươi sáu thì thiếp đi. Hình như tôi có nói mớ: "Lụt thì lút cả làng!” Và thị có la lối gì đó trong đêm. Tôi không biết. Khi không còn cách gì để biết thì tốt nhất không cần biết nữa. Tôi cố gắng bận rộn với những giấc mơ gặp nàng. Tâm hồn dễ cảm cúm của tôi thường vẫn gặp may. Tôi gặp nàng ở chân đồi 214. Lần đó nàng “đang bị” nên tôi chỉ gục mặt vào ngực nàng. Nàng vò nát tóc tôi, hỏi đi hỏi lại hoài ai đã cho tôi cái lược đuya-ra giắt ở túi. Tôi nói là tôi lấy vỏ pháo sáng tự hí hoáy làm lấy tặng nàng. Nàng tin rồi không tin. Tôi cố gắng dùng lưỡi để chứng minh với ngực nàng. Nàng run lên. Và khóc. Tôi biết nàng thương tôi đã rủi ro gặp nàng vào lúc nàng “đang bị”. Đến cao điểm hưng phấn không được giải tỏa, tôi đã cắn đứt sáu chiếc cúc áo của nàng. Những chiếc cúc áo màu đỏ, nhỏ xíu như những hạt dưa. “Ôi chết! Anh làm thế... làm sao em trở về đơn vị?” Nàng kêu lên và mắng tôi sa sả. Tôi ngẩn người, nghĩ mãi vẫn không

tìm được cách nào khâu lại những chiếc cúc áo cho nàng. Thế là nàng cười, cười hoài, dí ngón trỏ vào trán tôi: "Đồ ngốc! Chiến tranh có nghìn cách nói dối! Cầm lấy một chiếc cúc của em làm kỷ niệm, em đổi lấy chiếc lược của anh đấy. Cầm lấy đi, biết đâu không được gặp nhau nữa!..." Tôi trợn mắt: "Em nói gở cái gì thế?" Nàng bần thần hồi lâu, run run sà vào ngực tôi: "Em xin lỗi. Em lỡ lời. Tha cho em..." Nàng ra về với một đống dây rừng chằng chịt quanh người. Tôi để chiếc cúc áo của nàng dưới đáy túi, đinh ninh đấy là kỷ vật tuyệt vời nhất của tôi trong cuộc chiến.

Ba ngày sau tôi đánh mất chiếc cúc trong một trận pháo bầy. Tôi bị thương nặng. Cũng từ đó tôi không còn gặp nàng nữa, không bao giờ nữa. Tuy vậy tôi vẫn gặp nàng trong chín ngàn cơn mộng mị, còn chiếc cúc áo đã vĩnh viễn mất. Thế mà không! "A! Thu ơi! Thu ơi! Nó đây rồi! Đây rồi! Chiếc cúc áo đây rồi!" Tôi thay áo, rút giấy tờ ra khỏi túi, chiếc cúc bỗng hiện ra trước mặt tôi. Kỳ lạ quá. "Thu ơi! Trời ơi! Thu ơi! Nó đây rồi! A ha ha ha!" Tôi cười lớn và bừng dậy. Không phải, tôi đã ngồi dậy từ lúc nào, đang nhìn chằm chằm vào giọt trinh tiết của cô gái mười sáu tuổi, món hàng qua đêm thằng Bốn mua tặng tôi trong khách sạn Hoàng Mai. Cô gái hốt hoảng la lên: "Anh làm gì mà hú hét ghê thế? Anh không sợ cảnh sát người ta vào tóm cổ à?" Tôi gườm gườm nhìn cô gái, rồi hất hàm: "Cô đi đi!" - "Sao thế?" - "Tôi bảo cô đi đi, đi ngay!" - "Anh đuổi em thật à?" - "Đi ngay!" Tôi quát lớn. Cô gái sợ hãi mở cửa đi ra, để lại mình tôi với giọt trinh tiết.

Thằng Bốn từ phòng bên nhào sang: "Hai giờ sáng rồi, anh còn kêu ai ầm ĩ lên thế?" Tôi dụi mắt: "À, chiêm bao gặp bạn cũ". Thằng Bốn không nói gì, hắn xốc ấm pha trà: "Anh uống nước. Có lẽ anh lo lắng quá nên tâm thần bất ổn. Đừng sợ, cứ để đấy em lo". Nghe cái giọng véo von của hắn, tôi nghiến răng: "Sợ cái con cặc!" Hắn im lặng. Tôi cũng im. Chưa bao giờ tôi văng tục với hắn. Hắn là đệ tử ruột, đệ tử xanh cỏ đỏ ngực, đệ tử trăm phần trăm, đệ tử chùm khế ngọt của tôi. Vậy mà hắn đã hại tôi cái việc chết người. Hắn tổ chức ăn cắp hai trăm nấm mồ liệt sĩ ở một nghĩa trang, chia mỗi mộ thành năm bảy gói, nhét xuống một ngàn mộ súc vật kia. Thằng chó chết, làm xong mới báo, buộc tôi phải im lặng. Tôi muốn đấm vào mặt hắn cho tan thành năm bảy mảnh, tôi đấm nát mặt hết một trăm hai chục đứa đã cùng hắn làm cái vụ chết người kia. Tôi nhìn hắn, hắn nhìn tôi. Tôi trợn mắt, hắn trợn mắt. Tôi nghiến răng, hắn nghiến răng. A! Thằng này láo! Tôi tung người cho hắn một quả đấm. Choang! Tấm kính cửa tủ hai buồng vỡ tan. Tay tôi nát nhừ, đỏ máu. Thằng Bốn giật nẩy người, hắn lao đến đỡ tôi: "Anh tự sát hay sao?"

Thì ra tôi đấm tôi. Chà, máu ra nhiều quá. Tôi thiếp đi trong tay thằng Bốn, ngủ như chết, không nhìn thấy nàng một lần nào nữa. Ba ngày sau tôi từ SàiGòn trở về, đúng chín giờ đêm tôi bị bắt. Rủi ro quá đi mất. Tôi bị bắt đúng lúc thằng con trai thứ hai của tôi vừa đọc xong bài thơ tỏ tình với cô gái nó vừa giải phẩu thành công, cả nhà đang xem đoạn kết vở kịch gì đó tôi không nhớ tên nữa, chỉ nhớ đến đoạn thằng đói rách đã cưới con gái của tôi

và chuẩn bị lên ngôi hoàng đế. Tôi bị đẩy lên xe bít bùng. Vợ tôi hét lên một tiếng rợn người, trước khi ngã gục dưới chân mấy viên cảnh sát. Tôi ôm mặt cúi đầu, cố gắng không nói gì, không làm gì, không nghĩ gì.

Xe chạy. Tiếng xốc nẩy trầm và đục. Không cách gì không nghĩ được. Có thể án chung thân, có thể tử hình. Thế là hết. Ối! Tôi ơi! Giá như tôi được chết ba ngày sau khi cắn đứt sáu chiếc cúc áo của nàng. Sao tôi không chết mà chỉ bị thương thôi nhỉ? Chết lúc đó thật tuyệt vời, bởi vì một tháng sau nàng cũng chết vì một trận bom khác cách suối Mil, chỗ tôi ở, mười tám cây số đường rừng. Thật ra tất cả những giấc mơ tôi gặp nàng đều phù phiếm, kể từ đây có thể tôi được gặp nàng thật. Chỉ sợ linh hồn những cái chết khác thời sẽ không được gặp nhau. Thằng Bốn bỗng hiện trước mắt tôi. Hắn báo cáo đã xử lý thành công tốt đẹp việc chia hai trăm xác liệt sĩ cho một ngàn mộ giả. "Chỉ có một liệt sĩ gái thôi anh ạ! - "Sao biết?" - "À, một chiếc lược đuya-ra và năm chiếc cúc màu đỏ. Con gái mới xài cúc màu ỏn ẻn vậy thôi". Tôi túm cổ áo hắn, xốc ngược: "Mộ ấy hiện ở đâu?" Hắn cười sằng sặc: "Chia chác tùm lum, biết chỗ nào nữa!" Tôi há hốc mồm. Thế là hết. Không còn cách gì có thể gặp nàng nữa. Nàng đã bị chia năm xẻ bảy, linh hồn nàng bị đày đi ba chốn bốn nơi. Cái mặt thằng Bốn lớn như cái mâm vẫn nhăn nhở cười. "Đồ chó đẻ!" Tôi gầm lên và sực tỉnh. Viên trung sĩ cảnh sát hơi ngạc nhiên: "Anh chửi ai thế?" Tôi bíu vào thành xe, gắng nói thật bình tĩnh: "À, tôi chửi tôi". Viên trung sĩ cảnh sát mời tôi một điếu thuốc, y tự tay châm lửa cho tôi: "Hút một điếu cho tĩnh tâm" Đợi tôi rít vài hơi, y tiếp: "Anh nói chơi vậy chớ từ cổ chí kim đã thấy có ai chó đẻ ra đâu".

Ngày thầy thuốc 1993
NGUYỄN QUANG LẬP



BÙI GIÁNG

tặng q. thắng đại ka

Bỗng nhiên tao ngộ bao giờ
Quảng Nam cố quận bây giờ là đây
Nghiêng vai chúc tụng thiên tài
Trăm năm dâu bể một ngày tái sinh

BÙI GIÁNG
(Trong nước)



NGUYỄN HOÀNG NAM

tình cũ

1.
và người cũ vỡ tan vài hạnh phúc
một ngày đẹp trời nổi hứng gọi tôi
giọng nói ngồ ngộ trên điện thoại

ờ mới mấy năm thôi
ừ đã mấy năm trời

hên hên đúng lúc
tôi cũng đang cần có một người

2.
và tình cũ dây thiều đã đứt
đứa bé ngẩn ngơ mân mê hoài chiếc xe hơi
đã lỡ tham lam vặn nhiều vòng quá trớn
món đồ chơi vô tội

đã hư rồi

3.
giờ phải đẩy không thôi

4.
ngồi đây, miệng nói môi cười
con người quanh quẩn dấu lời đau đau

đau đầu có phải vì nhau
mà vì đời hết những màu sắc xưa

ngồi đây, ngày chết giữa trưa
dư thừa tuổi trẻ dây dưa quá phiền
mỗi người đã mỗi già riêng
trong đầu: ngáp ngủ
trong tim: cằn cằn

5.
yêu sang: mướn bóng đèn trăng
một phông lá đổ, một dàn trời sao
yêu xoàng xoàng: mướn quỳnh dao
và traci lords kem dâu mứt gừng
(chơi đồ mướn nó chắc ăn
không nên hao tổn nội công quá nhiều

6.
ủi an bên mé đìu hiu
ba làng bên mé đìu hiu đỡ buồn:
"dạo này anh vẫn lương ương?"
"còn em? vẫn khúc... mộng thường ru chăng?"

7.
và tình cũ dây thiều đã đứt
đứa bé ngồi mân mê hoài món đồ chơi
mân mê đã rồi cười cười...

NGUYỄN HOÀNG NAM



TRẦN NGỌC TUẤN

chuyện ở khu tập thể



Đến tòa soạn thăm tôi, thằng Kiến bảo: — *Mày ăn ngủ tại cơ quan như con chó hoang, "thiền" ngay trên bàn làm việc, trông ngán quá. tháng tới tao đi nghiên cứu sinh, về nhà tao ở trông nhà cho tao luôn.*

Thằng Kiến, cái thằng học cùng với tôi hồi ở quê, bây giờ được đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài, khá thật (tôi nghĩ thầm mừng cho nó thì ít, mà cho tôi thì nhiều vì sắp có chỗ chui ra chui vào).

Làng Mực, nơi tôi và thằng Kiến sinh ra, có lẽ là cái làng nghèo khó nhất ở làng quê nước Việt. Ngay tên làng nghe cũng đã khiếp, nó gợi lên sự tăm tối, tù mù, được truyền hết đời này sang đời khác. Tôi nhớ mãi mẹ thằng Kiến, tên gọi của bà nghe cũng đã khổ: bà Thèm. "Tên làm sao của chiêm bao làm vậy". Chắc chắn một điều mẹ thằng Kiến thèm đủ thứ, từ chiếc áo mới cho con, từ hạt gạo, thếp giấy cho thằng Kiến đến trường, ngoài ra bà còn thèm khát một người đàn ông để ôm ấp, bởi lẽ bố thằng Kiến đã chết năm 1968 ở chiến trường Tây Nguyên. Bà nuôi con bằng số tiền phụ cấp gia đình liệt sỹ ít ỏi, bà lang thang cần mẫn suốt ngày ở các bãi tha ma, nhặt nhạnh những mẩu gỗ quan tài, khi người ta bốc mả còn rơi rớt lại đem về đốt lấy than bán cho các bà hàng bún chả trên phố huyện. Chỉ

như thế, bà đã nuôi thằng Kiến ăn học nên người cho đến khi thằng Kiến thi đỗ vào đại học, bà mới chịu nằm xuống qua đời.

*

Nhà thằng Kiến ở cuối dẫy nhà tập thể, sát đầu nhà là bể nước công cộng. Suốt ngày tôi nghe đủ thứ chuyện, bà Bích (vợ ông giáo sư Hán Nôm) nói với con gái lớn: *— Học ngoại ngữ đi đêm về hôm phải cẩn thận, hôm trước cô Ngọc đi khuya về, mấy thằng mất dạy đáng tuổi con cháu chặn xe lại bóp vú, song rồi nó còn chửi.."Tưởng gái tơ, té ra bà già vú nhẽo như qủa thị nát". Cô Ngọc được một phen hú vía, cô ấy lo nhất tụi nó trấn lột mất cái túi, trong đó có phiếu chất đốt qúy một, mất thì cả nhà ăn gạo sống.*

Chồng bà Bích là một giáo sư dậy Hán Nôm (giờ đã về hưu), hiện tại, ông chỉ còn cái thú chơi cây cảnh. Cứ chiều đến, ông lại mặc bộ đồ pyrama, tay chống chiếc can mầu dái ngựa đi thong thả. Ông hay sang tôi trò chuyện. Có lần ông nói: *— Các cụ ngày xưa biết thưởng thức lắm, này nhé, lựa viên đá cuội trắng, rửa sạch cuốn kẹo mạch nha, uống chè Tàu, ngồi bình thơ ngắm hoa quỳnh nở, thanh cao thoát tục. Nghĩ lại bây giờ chẳng đâu xa, ngay tại viện tôi, họ chỉ thích thịt chó, nhắm rượu với thịt chó, say rồi, từ trưởng phòng, phó giáo sư, giáo sư ngồi phán xét lịch sử, không biết họ dẫn ở đâu ra mà lập luận: Trần Hưng Đạo, Quang Trung.. rất thích thịt chó, nhất là hai viên tinh hoàn để tăng sức dục ngủ với các cung tần mỹ nữ, thậm trí có một ngài còn có ý định trình bầy trước hội đồng của viện về đề tài này với cái tên khá kêu "Tình Dục Của Các Vị Anh Hùng Dân Tộc Từ Thế Kỷ 13 Đến Thế Kỷ ..". Tôi phản biện lại là phi khoa học, họ cười và nói:"Ông ơi! ông đánh mất tinh thần kẻ sĩ Bắc Hà rồi, ông sợ, ông lo phạm huý chút gì".*

Phải công nhận ông giáo sư Hán Nôm có một kiến thức sâu rộng về mọi vấn đề, khi thấy tôi hay hỏi ông, nhờ ông cắt nghĩa những từ Hán Việt rối rắm, hoặc các Totem của các sắc tộc vùng cao, ông tỏ ra linh hoạt hẳn, cắt nghĩa rõ ràng, khúc chiết từng vấn đề. Ông kể đi kể lại hàng chục lần về chiếc can mầu dái ngựa (vật bất ly thân của ông):

— Tôi còn khỏe, chẳng cần phải chống gậy đâu, chiếc can này tôi qúy lắm, nó theo tôi suốt từ ngày kháng chiến đến giờ, nó được làm bằng loại gỗ cực hiếm, do một ông già người Thái Trắng tặng tôi. Đó là loại gỗ có tên Thiết Mộc Thượng Sơn, và phải chặt cành cây nào mọc thẳng, đúng vào tuần trăng, hay ở chỗ đi đêm thú dữ, rắn rết đều lánh xa vì sợ mùi gỗ tỏa ra, đó là thứ hương liệu mà khứu giác người thường không thể biết. Còn nữa, nó có một thần lực huyền bí giúp tôi tai qua nạn khỏi nhiều lần, cậu xem , cải cách ruộng đất bố mẹ tôi thoát khỏi đấu tố, bản thân tôi thoát chết nhiều lần, con cái tôi học hành đến nơi đến chốn..

Đứa con gái của ông tên Bạch, sinh viên năm thứ tư trường Kinh Tế Kế Hoạch, ít nói, hay cười, thuộc nhiều thơ Tago, Lý Bạch và Đỗ Phủ, cô ấy nói

với tôi: — *Anh và anh Kiến khác nhau thế mà thân nhau được cũng lạ.* Tôi hỏi: — *khác ở chỗ nào? chi tiết, hay tổng thể?* Bạch nói: — *Anh Kiến đi toàn cúi mặt, với lại từ ngày em vào học năm thứ nhất, tới năm thứ tư em thấy anh ấy chỉ ra bể nước giặt quần áo có ba lần.* Tôi bảo: — *Thế là nhiều đấy, ở cơ quan anh có một cậu hai năm mới giặt một lần, cậu ấy nói: Giặt làm gì ra ngoài đường lại bẩn ngay, bụi nhiều lắm. Cậu ta giặt sạch tâm hồn lẫn thể xác bằng cách học Yoga ở nhà ông Tâm trước làm đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ, nhưng mà, Bạch có biết không? thơ tình cậu ta làm rất hay, đọc lên nhiều khi anh lại muốn khóc..* Bạch tiếp: *Thơ tình à! em thích thơ tình lắm, buồn mà đẹp, đau mà không khổ, hạnh phúc lúc nào cũng cứ bàng bạc như tơ, còn ngoài đời em sợ mọi cái, mẹ em đẻ em vào 12 giờ trưa nên em nhát, mỗi lần nhìn thấy anh Nhân cởi trần, xăm xanh lè khắp mình em thấy khiếp qúa.*

Nhân — con ông Vinh bà Linh, ông bà là dân Bình Định sinh được hai người con. Nhân là con đầu, Hòa con thứ hai hiện đang học đại học ở Liên Xô. Hơn 30 tuổi đầu, học dở dang trung học, Nhân học ở trường thì ít học ở nơi chợ búa thì nhiều, khét tiếng năm cửa ô là dân anh chị, đi tù suốt từ năm 16 tuổi, ra tù ở nhà nhiều nhất là hai tháng rồi lại vào tù. Ông Vinh nói cho tôi nghe: *Tại tôi và má nó, truyền nghề cho nó mà không truyền đức, học gì cũng vậy, riêng nghề võ cái tâm quan trọng lắm, tâm pháp quyết định hết thảy. Quê tôi nổi tiếng vì những lò võ lâu đời. Và dòng võ nhà tôi, theo gia phả để lại có từ thời Tây Sơn, cụ tổ mấy đời từng làm quan võ huấn luyện cho đội vệ sỹ của vua Quang Trung... Thế mà, hậu duệ nhà này là thằng Nhân làm mạt hết.*

Nhân ở tù ra đầu tháng mười, gặp tôi Nhân chào rõ to: — *Chào đại ca, nhìn cặp kính cận là em thấy nể rồi, em chỉ qúy ai hiểu biết.* Tôi trả lời ấp úng: *Mình đần lắm, nào có hiểu gì mấy,* Nhân cười: *Anh lại hạ mình rồi, việc chó gì phải thế, sợ gì bố con thằng nào.* Cao hứng lên tối hôm đó Nhân mang rượu qua phòng mời tôi uống (rượu Nhân đem qua mang tên một vị hoàng đế nước Pháp mà tôi chỉ nhìn thấy chứ chưa bao giờ được uống), Nhân kể lể: — *Đời em thế mà hay, viết thành sách được anh ạ! Em ở tù nhiều, quen đi, về nhà thấy lạ lẫm, khó chịu, đi đâu cũng phải lên công an phường trình báo, thế còn khổ hơn đi tù. Ở tù, em thuộc loại "Đầu Gấu", quản giáo cũng phải nể, vì em sống có khí phách, hơn hẳn những kẻ ngoài tù, mà mấy ông quản giáo hèn qúa con sên, mua dễ lắm.* Tôi tò mò: — *Mua bằng gì?* Nhân cười khùng khục: — *Bằng thuốc lào.* Tôi trợn mắt:— *Thuốc lào*, Nhân: *Vâng! thuốc lào ở trong tù có giá lắm, hơn cả nhân cách nữa, anh tính một vê thuốc 5000 đồng, thằng tù mười đứa thì chín đứa nghiện, mùa đông rét mướt cơn nghiện được nhân lên. Quản giáo biết được điều đó, em mách cửa làm ăn cho họ, đồng hồ, nhẫn vàng của tù đem đổi thuốc lào hết, khổ nỗi người nhà mang thuốc lên, họ thu lại rồi bán cho tù nhân. Riêng em thì họ nể, vì em biết võ, em lại chỉ cho họ cách làm ăn, thuốc bà già em gửi thách thằng nào dám tịch thu, em mà liều lên chỉ cần điểm huyệt một phát là có thằng chết, sau đó mấy ngày, và chỉ có em là giải

huyệt được. Tôi thốt lên: *Võ gì mà khiếp thế, bày cho mình để tự vệ*. Nhân bảo: *Anh học làm gì, anh có sức mạnh hơn một nghìn lần em.* Tôi lắc đầu: *Mình có biết gì đâu. — Không phải*, Nhân bảo: *Anh là trí thức, sức mạnh đầu óc thuyết phục ghê lắm, anh hơn em về chữ nghĩa. Hồi tù ở Cao Bằng, có anh Tính thầy giáo dạy văn chuyển từ trại tù Ấm Thượng lên trại em. Anh ấy bị đi tù vì tội hiếp học trò chưa đến tuổi thành niên. Anh Tính nói: "Tớ và cô ấy yêu nhau, ngủ với nhau, học sinh lớp mười lớn lắm rồi, cô nào cũng có kinh cả, chúng tớ ngủ với nhau tự nguyện, có cưỡng hiếp đâu..." Vào tù anh Tính đứng hàng Vua, em hàng Thái Giám. Anh Tính tốt, kể chuyện kim cô đông tây cho tụi em nghe không bao giờ hết chuyện, có những điều anh ấy nói em không hiểu, ví dụ: "...Dân tộc Việt cả tin với người ngoài song lại hay nghi ngờ với người cùng huyết thống, và quỵ lụy trước kẻ nhiều tiền.." Anh cắt nghĩa dùm em với.* Tôi đánh trống lảng: *Để lúc khác được không? rượu ngon qúa!* Nhân nhìn tôi rồi nói tiếp: *Thằng em tâm sự chân thành, anh vào tù thì sướng lắm, vì dân lưu manh tụi em qúy trí thức hơn cả ở cơ quan và xã hội nhiều.* Tôi tròn mắt:— *Tại sao cậu lại nói thế?* Nhân bảo:—*Anh đừng tưởng là em không biết, chồng bà Bích cạnh phòng anh, giáo sư giỏi, có tiếng cả nước, về hưu tiền lương không đủ hút thuốc cuốn. Ngay ở nhà em, ba má là bác sỹ cả tháng mới được ăn thịt một lần.* Tôi hỏi Nhân: — *Tại sao Nhân không tìm một việc gì đó để kiếm sống như mọi người?* Nhân trả lời: — *Làm gì hở anh, em chán tất cả, vả lại nửa đời người rồi, bây giờ em kiếm tiền bằng cách đi đòi nợ thuê cho các công ty...*

*

Sáng thứ sáu trước ngày Thiên Chúa giáng sinh, gặp tôi bà Bích bảo: — *Tối nay cậu có bận gì không? nếu không bận qua nhà tôi, nhờ cậu việc này.* Tối hôm đó, qua nhà bà Bích, Bạch đi vắng, nhà chỉ có hai ông bà, ngồi xuống ghế, uống chưa được một tuần trà bà Bích vào đề: — *Tôi và ông nhà qúy cậu dù cậu mới về đây, cứ qua cậu Kiến mà suy ra cậu, bạn nào bè ấy, có việc này tôi và ông nhà muốn nhờ cậu.* Không đợi tôi hỏi, bà Bích tiếp luôn: *Cái Bạch nhà tôi hay sang nhà cậu, nhờ cậu lựa lời xem thế nào dạo này nó hay đi đêm về hôm, là mẹ tôi biết con gái thời nay không như tôi hồi xưa, khổ qúa cậu ạ!* Tôi dè dặt: *Vì việc gì hở bác?* Chồng bà Bích đưa tôi cuốn sổ và nói: — *Đây cậu xem, mang về nhà mà xem sẽ hiểu hết. Tôi lấy trộm nhật ký của nó, cả đời sống trong sạch giờ phải lấy trộm tình cảm của con cái để đọc, qủa là nhục nhưng không còn cách nào khác. Xem xong cậu đưa lại cho tôi ngay, để tôi cho vào tủ nó, kẻo nó nghi.*

(Trích nhật ký của Bạch)

...." *Thật là chán chường kinh khủng, vị ngọt ngào thánh thiện của tình yêu lại như thế đó ư? V (viết tắt). bước vào trái tim em, khiến em ngỡ ngàng, run*

rẩy. V nói: Hãy tha thứ cho anh, thật là ngốc V ạ! trái tim em không còn chỗ cho lòng tha thứ nữa. Điều gì đã khiến anh từ bỏ tất cả để ra đi? Trước khi đi anh bảo, mảnh đất này không có chỗ cho anh sống, anh làm việc, anh là sự lố bịch của cuộc đời. Nếu em cùng ra đi, anh sẽ được hạnh phúc ngàn lần. V, anh làm sao hiểu nổi, em không đủ sức từ bỏ bố mẹ, mảnh đất nơi em sinh ra và lớn lên, không thể xa sự nghèo khó. Anh từng nói với em, có em anh sẽ làm được tất cả, bây giờ có em rồi anh lại còn muốn thêm gì nữa? chẳng lẽ anh bắt đầu làm lại từ con số không, và khởi đầu của cuộc hành trình như Uylixơ trên đại dương thăm thẳm? anh dằn vặt, anh chua chát ngay cả khi có em bên cạnh, anh nặng nề với em (mà em có lỗi gì đâu) khi anh bảo: Em thật đáng thương, may mà em còn biết mơ mộng. Ôi! em làm sao hiểu nổi khi anh đang nói với em về sơ đồ toán học của Péc, anh đột ngột hỏi em: Em học cái này để làm gì? vớ vẩn, ai cho em hành.. Anh đã xa em, xa vĩnh viễn, em cũng được an ủi phần nào vì trong bụng em hạt máu của anh đang từng ngày, từng giờ hình thành, em sẽ giữ nó coi như bia mộ tình yêu mà không hề nối tiếc.."

Sáng hôm sau, tôi trả lại cho bà Bích cuốn nhật ký của Bạch, bà Bích nói ngay với tôi: — *Cậu thấy và hiểu không? thanh niên bây giờ..* Bà lấp lửng, qua một đêm gương mặt của bà già thêm mấy tuổi. Không thấy chồng bà ở nhà, mà chiếc can (vật bất ly thân của ông) dựng ở cạnh tủ. Tôi hỏi: *Bác trai đi đâu mà chiếc can lại để ở kia?* bà Bích trả lời: — *Ông ấy tới chỗ người quen, hỏi xem đêm hôm qua sao cái Bạch không về nhà, ông ấy bảo bây giờ không cần can nữa.. Thôi! cậu như con cháu trong nhà, thử tìm hiểu, và khuyên nhủ cái Bạch hộ vợ chồng tôi với..* — Nhưng theo ý bác thì khuyên thế nào đây? tôi hỏi bà Bích — *Cậu bảo nó phá mẹ cái thai ấy đi, không nhục cho tôi và ông nhà lắm.* Phá thai — (tôi thầm nghĩ), rồi sực nhớ đến cô bạn làm ở khoa sản bệnh viện Việt Nam Thụy Điển, cô ấy kể tỷ lệ phá thai ngày càng cao. Có trường hợp thai qúa tháng phải dùng phương pháp đẻ nhân tạo, đứa bé đưa ra còn khóc oe oe, khiến cho cô ta nhiều khi phải khấn thầm.."*Bé ơi! đừng oán gì các cô, vì mẹ không muốn nuôi bé, nên cô bất đắc phải làm thế này."* Sau đó các bác sỹ trong khoa góp tiền mua hương hoa để chôn cất cho thai nhi bất hạnh....

*

Đạp xe tới cơ quan, mãi nghĩ chuyện về những người ở trong khu tập thể, tôi đâm sầm vào một cô gái mặc quần bò Levis, áo phông đỏ. Chưa kịp xin lỗi, giọng Teno của cô đã vút lên: Mắt có kính cận rồi, mà nhìn đời ngắn thế, trí thức rởm, không nhìn rõ hay sao? kính thật hay là kính đểu?

Vâng! tôi đã hiểu vì sao chồng bà Bích không xách can ra đường, chiếc can mầu dái ngựa từ thời trên chiến khu Việt Bắc mà ông vẫn tự hào.."Đó là thứ hương liệu mà khứu giác người thường không thể biết.."

TRẦN NGỌC TUẤN

(Tiệp Khắc — Praha, những ngày cuối đông.)



LƯU QUANG VŨ

bầy ong trong đêm sâu

Tâm hồn anh dằn vặt cuộc đời anh
thắp một ngọn đèn hồng như ánh lửa
đêm thao thức, đêm nào có ngủ
chỉ có con người đến ngủ với đêm thôi

Nào có ngủ đâu, người ta đợi mặt trời
đợi lâu qúa! để cơn mơ đợi vậy
trong cơn mơ là cuộc đời thức dậy
con ong vàng bé nhỏ đến tìm em

Con ong xanh có đôi mắt mầu đen
con ong trắng bơ vơ trong tổ vắng
con ong đỏ là con ong thơ thẩn
bầy ong bay đi tìm hương nhụy mất từ lâu

Đã chết rồi ơi! chú ong nâu
để lá rụng mùa thu thương nhớ bạn
anh là con ong bay giữa đời lận đận
suốt đêm dài trời chẳng thắp một vì sao

Em ở nơi nao, em ngủ nơi nào?
môi em thở điều gì khe khẽ?
em ở gần hay ở xa thế nhỉ?
đến bất ngờ lóe sáng giữa lòng đau

Anh chỉ buồn thôi nào ai biết đâu?
tóc em dài sau một ngày mệt mỏi
em chờ chi anh, em đợi chi anh?
không đợi chờ anh, em không đợi sao đành!

Đêm như biển khổng lồ và bóng tối thẳm sâu
đời như biển kia anh lại giống con thuyền
cứ đi mãi đi hoài trên biển vắng
mong gặp lại một bóng hình bè bạn...

...Đến hôm nay anh mới gặp tầu em
anh mở gió tâm hồn cho buồm thắm kéo lên
nào ngờ đâu tầu em lại là tầu cướp biển
em cướp hết thuyền anh, em cướp hết...
rồi trói anh vào cột buồm tình yêu...

Bão tố nổi lên chớp giật tầu xiêu
em đứng đó hãi hùng ngơ ngác
anh thương em suốt đời trên sóng nước
cướp được thuyền anh, em tưởng có bạc vàng
nào đâu ngờ chỉ ván nát với thuyền tan
chỉ trơ lại hồn thơ, tai ác qúa!

..Nhưng thôi em ơi! đó chỉ là lời ru trong giấc ngủ
anh thương em anh lại êm đềm
lại làm con ong vàng đến ủ mái tóc em

Con ong xanh có đôi mắt mầu đen
con ong trắng bơ vơ trong tổ vắng
con ong đỏ là con ong thơ thẩn
và hạnh phúc cuối cùng: Tiếng hát chú ong nâu.

LƯU QUANG VŨ
(Tác giả đã mất trong nước)



NGUYỄN DẬU

những linh hồn trắng



LTS: *Đoạn truyện dưới đây được trích từ tiểu thuyết NHỮNG LINH HỒN TRẮNG của Nguyễn Dậu, một tác giả gốc miền Bắc, gởi ra từ trong nước dưới dạng bản thảo chép tay, với mong ước được in ở hải ngoại. Hợp Lưu sẽ không giới thiệu dài dòng về tác phẩm này, vì qua những trang chữ độc giả sắp đọc, tự nó, đã là lời giới thiệu hùng hồn nhất cho nội dung tác phẩm, cũng như để trả lời gián tiếp câu hỏi: tại sao NHỮNG LINH HỒN TRẮNG sẽ không thể nào ra đời được tại nội địa.*

Hợp Lưu

*

Thịnh vào buồng và về chỗ mình.

Ngay lập tức cả bốn người kia đều xúm lại cung anh, tíu tít hỏi mọi điều quanh tình hình lấy khẩu cung. Thịnh chưa trả lời vội. Anh rút cá khô và thuốc lá ở hai bên túi ra đặt ngay trước mặt mọi người.

- Chúng ta cùng hưởng chung tất cả.

Kiên Cường cùng vồ lấy, nhưng Quyết đã trợn mắt quát:

- Đ. mẹ hai cái thằng mất mả này, làm cái trò gì thế?

- Chú ấy vừa nói cho hưởng chung ạ.

- Thì cũng phải có phép tắc chứ. Bây giờ đốt một ít thuốc, đến bữa sẽ chia mỗi người một miếng cá. Ăn dần dần chứ chúng mày định tắc lẻm một cái cho nhẫn nhụi đi à? Thằng Cường đem tất cả để vào góc tường kia, hay là

treo lên cho khỏi kiến. Mà này, tao cảnh cáo trước, không thằng nào được sà sẻo đem giấu đi, dù chỉ bằng tí móng tay, tao cũng sẽ bóp cổ đấy.

- Đại ca đa nghi Tào Tháo!

- Không oan ức gì chúng mày đâu.

- Tình nghĩa *vợ chồng* với nhau, đại ca muối mặt quá.

- Thôi đi! Này tao nghe có tiếng chim sẻ kêu ríu rít ở cái cây to mé ngoài đấy. Chúng mày vồ chim đi. Có khi là gặp may, hôm nay chiêu đãi lại anh Thịnh!

- Rõ. Nhưng... cho chúng em rít thuốc đã ạ.

Thế là chúng xé bao thuốc đầu tiên của Thịnh. Nhân lúc chúng cặm cụi xẹt lửa mồi thuốc, Thịnh hỏi khẽ ông Trung:

- Các cậu ấy vừa nói "tình nghĩa vợ chồng". Điều ấy nên hiểu thế nào? Chả lẽ...

Ông già hấp háy mí mắt, tủm tỉm cười:

- Nếu ban đêm anh mở mắt tỉnh ngủ một chút anh sẽ thấy rõ hết. Cái trò này từ Châu Âu truyền sang ta. Anh là người Pa-ri-diêng chính hiệu, anh còn ngỡ ngàng chuyện ấy à?

- Đồng tính dâm dục?

- Vậy đấy.

Thịnh thốt ra một câu tiếng Pháp:

- Terrible!*

Ông già hỏi:

- Việc lấy cung thế nào? Sao nhanh vậy?

Thịnh ngắc ngứ. Lúc nãy Hoàng Quân dặn anh rồi, nhưng anh không thể nói dối, nhất lại không nỡ dối một người như ông Phạm Trung. Anh buồn rầu thuật lại chuyện anh bị tịch thu đồ nghề, và việc vợ anh bị "mời nghỉ" ở cơ quan âm nhạc.

- Tôi không hiểu rồi vợ con tôi sẽ sống như thế nào đây. Bố mẹ vợ thì trông cậy vào ông anh vợ, còn vợ tôi lại không thể nhờ cậy vào anh ấy được. Đằng nội bên tôi thì độc trần mình tôi một mống, chẳng còn ai mà nương tựa. Vả chăng, thời buổi tình thế này, người ta nuôi thân còn chẳng xong, làm sao cáng đáng được người khác?

Nói xong Thịnh bần thần, rơm rớm nước mắt. Một cảm giác thương vợ nhớ con xộc đến, bùng bùng như lửa cháy, tưởng chừng ngay lúc này, anh sẵn sàng cùng Quyết phá nhà giam trốn đi bằng mọi giá, dù có bị bắn bỏ cũng được. Tốt thôi! Bắn đi! Nhanh lên! Cho ta được giải thoát! Anh căm uất một cái gì đó, rất lớn, cuối cùng là căm hận bản thân - "Thằng xuẩn ngốc! Tại sao mày không ở lại Pháp? Mày vâng theo những ý thích nhất thời một cách mù quáng và tin nhảm, bây giờ mày làm khổ thêm một đời người con gái, và làm khổ những đứa con do người con gái đó sinh hạ ra cho mày. Mày định liều lĩnh để tìm cái chết à? Dễ lắm! Và hèn lắm! Phải sống còn, phải băng qua hết. Có thế thôi!"

Thịnh miên man suy nghĩ, chỉ sực tỉnh khi ông già Phạm Trung lên tiếng:

- Tôi không muốn có ai nữa mang số phận của tôi. Nhưng tôi cần nói thẳng với chú rằng: sẽ không có hỏi cung chú đâu!

Đoàn Thịnh căng thẳng nét mặt hỏi:

- Tại sao bác biết chắc vậy?

- Tôi biết chắc như vậy. Bởi vì, nếu như lời của chú chuẩn xác nói rằng con mụ thủ trưởng cơ quan nó giăng bẫy. Lúc nãy cán bộ Quân lại nói cùng chú rằng "dường như có một bàn tay khá mãnh mẽ, muốn túm gáy anh, ném anh xuống vực thẳm..." Thế đủ rõ rồi! Người ta có thể tha thứ những tội ác ghê gớm mà chú mắc phải. Nhưng không bao giờ người ta tha thứ những tội ác mà người ta cố tình gán buộc cho chú. Điều này đã xảy ra từ ngàn xưa. Biết bao hiền nhân quân tử đã bị chu di tam tộc, bị xé xác, rơi đầu chỉ vì những tội lỗi người ta gán buộc cho.

- Bác cũng ở trong tình trạng như vậy chứ?

- Không! Tội của tôi rất rõ ràng. Tôi đã dám kiến nghị, dám phản đối, dám góp ý. Người ta tìm thấy trong tôi sự thù địch, nhưng tôi cãi rằng tôi chỉ yêu nước thôi. Về sau thì tôi im lặng. Bởi vì nói với lũ tiểu nhân cũng ngu như ta "đua bơi với giải" vậy.

- Nếu quả thực tôi cũng "không có ngày về" như bác thì liệu chúng ta có bị giam ở đây lâu không. Họ sẽ đưa đi nơi khác chứ?

- Chắc chắn là phải đưa lên một trại nào đó ở miền núi, vì chúng ta là "tù văn hóa chính trị". Nhưng bởi Mỹ nó leo thang chiến tranh, nó ném bom lung tung, việc sắp đặt nơi giam cầm phạm nhân gặp nhiều khó khăn. Trại giam ở ngoại vi Hà Nội này là trại giam tạm mà thôi!

Có tiếng chim sẻ kêu quen quét hòa trong tiếng cười ha hả của Quyết-Hùm-Xám. Mải trò chuyện riêng cùng ông Trung, Thịnh không rõ họ bắt được chim ở bên ngoài nhà giam như thế nào. Anh tò mò đến gần hỏi han, và thực sự khâm phục khi rõ chuyện.

Bên ngoài tường có một lùm cây gì đó, chim sẻ đậu rất nhiều, và kêu gọi nhau rầm rĩ suốt ngày. Con Hùm-Xám một hôm đã nghĩ ra được cách bắt chim; Hắn xỏ tay vào hai chiếc bít tất chân. Trên bít tất, có rắc một ít hạt cơm. Sau đó hắn luồng cả hai tay ra ngoài song sắt, giấu hẳn cả người và mặt không cho chim nhìn thấy. Hai bàn tay dính cơm ở cái thế có thể rập vào nhau như hai miệng hến ngậm lại.

Đám chim tinh khôn, cũng bay chuyền chung quanh thăm dò chán chê chứ không xuống ăn ngay. Song, tạo hóa sinh ra muôn loài là cốt để cho thi thố cái khôn và cũng để phơi bày cái dại. Ngạn ngữ nói: "chim khôn chết mệt vì mồi". Trong một đàn mấy trăm con chim sẻ kia, thế nào cũng có vài con bay xuống đậu trên chiếc bít tất mà mổ cơm. Quyết đợi cho hai bên tay đều có chim đậu rồi mới nhanh như chớp ập hai bàn tay vào nhau. Không lần nào Quyết không chộp được hai, ba, thậm chí đến bốn con chim sẻ. Cái kiểu bẫy đó chỉ làm được mỗi ngày một lần thôi. Động rồi, chim biết là nguy hiểm

không xuống mổ cơm nữa. Nó khôn đấy, nhưng hăm bốn tiếng sau, nó lại quên hết, và lại bay xuống đậu vào bít tất.

Lần này may mắn, một cú ập được bốn con. Quyết bóp chặt, khi rụt tay vào, mấy con chim đã chết nghẹt cả. Hai thằng Kiên Cường nhanh nhẹn vặt lông, rồi chúng dùng mảnh thủy tinh rạch mổ bụng chim. Chỉ một thoáng sau trên ngọn lửa của những tờ giấy và túi nhựa PVC, mùi thịt chim nướng tỏa ra thơm nức mũi.

Đoàn Thịnh nhè nhẹ lắc đầu, vừa cười vừa nói:

- Tôi xin “lạy” các bố bằng thánh. Giỏi thật! Cừ thật! Về ngoài đời kể lại chuyện này chẳng ma nào tin đâu, còn cho là phịa nữa ấy chứ.

Quyết cười giòn câng cấc:

- Chưa là cái đinh gì. Nếu ông còn ở đây, sẽ còn được chứng kiến nhiều chuyện mà chỉ có ma só mới làm nổi.

Giờ cơm đã tới. Đây là bữa ăn đầu tiên của Thịnh ở trong nhà giam tập thể. Có thể là điềm lành. Bữa đầu có cá, có chim, và canh rau muống già nấu bằng ít nước muối. Cơm tù tất nhiên chán hơn: gạo hẩm, hôi, đầy trấu sạn, không biết là loại gạo đã tồn kho từ bao năm rồi. Bữa nào cũng vậy, chỉ có hai miệng bát cơm và một vài thìa canh rau muống hoặc rau cải, mặn chát lưỡi và dai nhanh nhách, toàn bã là bã.

Cơm do tù “dịch vụ” đem tới từng phòng. Bọn này thường đểu hơn chó. Có thuốc, có kẹo mời chúng thì chúng vục cho thêm tí cơm tí canh. Mất lòng chúng, chúng khấu hẳn đi gần một nửa định suất. Đôi khi còn ăn cắp luôn cả những bộ quần áo tù phơi ngoài dây trên tường đường ống, ngày mai, anh cần quần áo thay đổi, anh lại phải mua lại bằng tiền, hoặc đổi chác bằng cái gì anh có. Chúng còn đểu gấp chó một ngàn lần nữa: khi chuyển đồ thăm nuôi của gia đình gửi vào cho anh, chúng đã khoắng mất những “át chủ bài”. Ấy là thịt, xà phòng, và tiền bạc giấu nhét trong bánh mỳ. Trong tù dùng tiền bạc làm gì? Thưa rằng, cần hơn ở ngoài đời nữa kia. Có tiền, anh có thể mua cả bọn tù dịch vụ và tù lao động những thứ cần thiết như thuốc lá, kem đánh răng, bút chì, giấy viết, thuốc lào v.v... Quan trọng nhất, anh có thể dùng tiền biếu cán bộ để nhờ nhắn tin về gia đình.

Một điều chẳng biết là vui hay buồn: căn nhà tù này lại nằm quay lưng sát đường cái. Lúc nào cũng có xe ô tô, xe ngựa và những người đi bộ, những em học sinh đi học...

Tường hậu của phòng giam bị người bên ngoài ném gạch ầm ầm. Đôi lúc cả đá tảng, ném rung chuyển cả mặt tường, kèm theo những tiếng gọi vừa vô tư vừa lưu manh:

- Các anh tù ơi! Có khổ không?

- Tù ơi! Có hút thuốc lào không?

- Tù ơi! Có thèm cái bề-hê-hộp không?

Mỗi lần như vậy Quyết-Hùm-Xám lại lồng lên như hổ đói. Hắn nhảy lên cửa sổ bám hai tay vào chấn song sắt, gân hàm bạnh cổ, chửi lại những người

đi ngoài đường bằng những lời lẽ phải một tá các cô phe cũng không thể chửi rủa ngoa ngoắt bằng.

Đã có lần Thịnh cũng nhảy lên bám vào cửa sổ nhìn ra ngoài. Một cánh đồng, một con sông, một con đường đá không rải nhựa. Bên kia sông có một mái nhà. Một người con gái xắn cao ống quần lên quá gối, quẩy hai thùng nước nặng, bước lên từng bậc đá. Hai cẳng chân trắng tròn của cô vàng lóe ánh chiều. Nhìn cảnh ấy, Thịnh thấy đau xé lòng nghĩ đến vợ, đến những ngày tự do với chiếc máy quay phim hoặc máy ảnh trong tay.

Bám mãi mỏi tay, Thịnh đành nhảy xuống. Anh buồn bã quay về chỗ của mình, rồi nằm im, toan ngủ, vì ông Phạm Trung cũng đã ngủ trưa rồi.

Bỗng có tiếng quản giáo gọi ngoài cửa sắt:

- Quyết!

Quyết bật người dậy:

- Cán bộ gọi em?

- Phải. Lên tẩm quất cho trại trưởng.

- Có ngay ạ!

Quản giáo lại nhìn Thịnh và ông Trung, hỏi bằng giọng nhẹ nhàng hơn:

- Hai anh, anh nào giải được những bài toán lý hóa lớp mười? Của con gái tôi đấy mà. Nó khó làm quá.

- Cán bộ cứ cho xem - Thịnh nói.

Quản giáo quắc mắt nhìn ông Phạm Trung:

- Còn anh? Anh làm văn chắc khá. Ăn nói sắc sảo ghê người kia mà? Anh làm giúp tôi bài văn nhé: "Phân tích ý nghĩa cách mạng của bài thơ *Từ Ấy* của Tố Hữu".

- Có lẽ cán bộ nhờ hẳn ông Tố Hữu, ông ấy phân tích chắc hay hơn.

- Này, làm giúp thì làm, đừng có láo. Ông có biết Tố Hữu là ai không?

- Dạ, có ạ. Một phó thủ tướng, một ủy viên bộ chính trị, và là nhà thơ xuất sắt nhất Việt Nam, chắc cán bộ nghĩ vậy chứ?

- Đúng đấy! Còn ai hơn ông ấy về thơ nữa?

- Còn tôi, tôi nghĩ rằng có đến hàng chục người làm thơ giỏi hơn ông Tố Hữu.

Người cán bộ đỏ gay mặt, quật nắm đấm vào cánh cửa sắt làm cánh cửa kêu sầm sầm. Y trợn mắt, quát to như lệnh vỡ:

- Đồ phản động! Được, ai giỏi hơn Tố Hữu về thơ? Nếu anh không chứng minh được, ta sẽ cho anh vào biệt giam. Đồ láo. Dám xúc phạm một ủy viên bộ chính trị. Nào, ai giỏi hơn? Anh định nói tới bọn "Nhân Văn Giai Phẩm" phải không?

- Thưa cán bộ không ạ. Tôi nói đến những người cao cấp hơn ông Tố Hữu nhưng làm thơ còn giỏi hơn nhiều.

Người quản giáo càng tức bực, y hậm hực, nghiến răng lại:

- Ai? Nói mau!

- Cán bộ biết ông Lê Đức Thọ chứ ạ?

- Ai mà không biết.

- Vâng, chính thế. Theo tôi thơ ông Lê Đức Thọ là rất sâu sắc. Thế cán bộ có biết ông Sóng Hồng không ạ?

- Không! Ai vậy?

- Thưa cán bộ, đó là bút danh của ông Trường Chinh ạ. Ông Sóng Hồng mới in hai tập thơ cực kỳ nổi tiếng ạ.

Quản giáo biết là mắc lỡm. Mười hai đời tổ tiên anh cũng không dám chê thơ của ông Trường Chinh và ông Lê Đức Thọ. Anh ta im lặng, song tia mắt thì sầm tối. Ông già Trung lại bồi thêm một đòn nữa:

- Thưa cán bộ, *Nhật Ký Trong Tù* của Bác nữa. Có ai dám so sánh không? Khắp gầm trời này, ai hơn ạ?

Quản giáo càng uất hận hơn. Hắn mở cửa sắt bằng những cử chỉ giằng giựt loảng xoảng:

- Nào, Quyết! Lên soa bóp cho trại trưởng. Anh Thịnh, tôi nhờ anh mấy bài toán lý hóa. Anh hộ tôi cả bài tập làm văn, tôi không nhờ đồ bá láp nữa.

Ông Trung hơi nhếch mép cười:

- Cán bộ quá lời. Cán bộ bắt buộc tôi phải dẫn chứng. Tôi đã dẫn chứng đúng thì cán bộ lại cho rằng tôi láo lếu, ba láp.

- Này, nói cho anh biết: tôi còn đẻ ra những cách thâm thúy ấy nhé. Anh tưởng tôi ngu lắm phỏng?

- Dạ, tôi không có ý ấy. Nhưng lẽ nào cán bộ lại không công nhận là tôi đã dẫn chứng đúng?

- Đúng à? Đúng cái con củ cặt. Anh tưởng ngày xưa anh làm viện trưởng là oai lắm phỏng? Vào đây, đều là thằng tù hết. Đợi đấy! Sẽ có lúc được vào biệt giam, rõ chứ?

Thịnh vuốt giận quản giáo:

- Thưa cán bộ, tôi không sành về văn, nhưng tôi xin cố gắng. Cán bộ đừng bực bội nữa. Ông ấy đang nhức đầu, thành thử trái ý cán bộ. Xin cán bộ rộng lòng...

Quyết cũng dồn thêm:

- Em đã sẵn sàng, xin cán bộ đưa em đi ngay cho!

Người quản giáo bèn giao mấy quyển vở cho Thịnh rồi đóng cửa đánh rầm một cái, đưa Quyết đi khuất.

Thịnh hỏi ông Trung:

- Bác từng khuyên em phải tỉnh táo. Sao bác lại chọc tức hắn vậy?

- Tôi nói toàn sự thực. Có cái là hắn quen cái lối mọi người đều răm rắp tuân thoe lời hắn, nên nhất đán bị cãi lại, thế là giở cái mặt của những con chó sói độc tài phát xít ra. Nó biết tôi đấy. Ở ngoài đời bố nó vẫn gọi tôi bằng anh xưng em, còn nó thì gọi tôi bằng bác xưng cháu. Bây giờ nó láo lếu và lên mặt thế đấy - Đoạn ông thở dài, tiếp - Nghĩ cho cùng thì mình chưa đạt đến mức huyền vi của chữ "Thiền". Lần sau, nó nói xuôi thành ngược, nói ngược thành xuôi cũng kệ thây chúng nó.

Thằng Kiên lên tiếng:

- Kệ cha chúng nó chú Thịnh ạ. "Quen mui thấy mùi chén mãi". Cái thằng ấy từ xưa đến giờ toàn mang bài vở của con vào bắt anh em tù làm hộ. Bóc lột chất xám. Nhưng mà bác Trung ơi, cháu biết tính thằng này. Nó đã thù là thù dai lắm đấy. Nó không tha bác đâu.

Ông Trung điềm đạm nói:

- Để xem xem! Mười năm nay trong tù, tôi đã bị hăm dọa, nào biệt giam, nào còng tay cùm chân, nào bắn giết, có tới hàng trăm lần rồi. Tôi đã quen với những kiểu làm oai làm phách của họ.

Tất cả đi ngủ trưa. Hai thằng Kiên Cường, không chút liêm sỉ và xấu hổ, chúng công khai "súc lọ" nhau một lúc rồi cùng ôm nhau, ngáy khò khò.

Đoàn Thịnh có nhiều cơn xoáy vật vã trong lòng, không chợp mắt được. Ông già Trung, có thể có điều chi trong óc, cũng có thể ít ngủ là bệnh của người già, nên cũng chỉ ngồi bó gối, lưng tựa tường, mắt nhìn vào khoảng không, y hệt nhà hiền triết Ấn Độ đang suy ngẫm về hai tiếng "Bồ Đề"** cho chúng sinh.

NGUYỄN DẬU
(Trong nước)

---

* Terrible!: Khiếp quá!

** Bồ Đề: Nghĩa của kinh Phật là *Giác Ngộ*.



NGUYỄN THỤY KHA

lời nghe lỏm bên bờ biển

Tôi ngồi dưới gốc cây ngồi lẫn vào đêm họ cũng đến bên gốc cây ngồi
xuống cỏ nơi họ loang đến tôi lay động yêu đương thời này hiện đại..
ăn liền

Nhưng không phải yêu đương.. một chuyện khác hoàn toàn văng vẳng tai
tôi thương thương giọng cô gái: .. anh làm nhanh dùm... sắp đến giờ con bú
vắng em là nó khóc đứt hơi

Tôi đã hiểu dẫu chỉ nghe lỏm thôi cái lời ấy chính tim tôi rớm máu cái lời
ấy hình như biển vẫn còn đang muốn dấu cứ ì ầm át sóng bên tai

Biển lớn lao sao vô vị thế này không rửa sạch từng kiếp người lấm láp cứ
ồn ào làm nhiễu không nghe được nỗi niềm ai đang gắng thốt với đời.

NGUYỄN THỤY KHA *(trong nước).*



ĐỖ KH.

tôi rất thích đĩ

Thật ra thì
Tôi rất thích Đĩ

Vớ đùi xộc xệch
Ngồi vắt chân chéo
Mớ xập xình
Đằng sau khung kính
Những căn phòng
Ngủ - Cửa hiệu
Không phải

Gót cao khập khễnh
Những vỉa hè loang lổ
Đèn xanh đỏ
Chớp nháy
Sex
Sex
Sex
Ngực rung rinh
Chảy
Không phải

Quấn khăn lông
Trong nhà tắm
Hơi

Quần lót trắng lòi
Thẫn thờ coi
Truyền hình
Không phải

Ôm chai bia
Cười méo miệng
Hây du cơm hia
Tún tởn
Tỉu
Fắc mi
Please
Rốn ngoáy
Đít ngọ ngoạy
Không phải

Ghế bố đồ bộ
Áo lông nệm da
Ipanéma
Chuồng chó ngã ba
Ermita
(Klang
Soapland)
Klong
Patpong
...)
Không phải

Tôi thích đĩ

Đĩ ngựa đĩ mẹ
Đĩ cha mày

Mụ nội
Khốn kiếp mày
Đĩ rạc đĩ rời
Đồ đĩ cái
Không
Không phải
Lại càng không thích

Tôi thích đĩ tôi không cần trả tiền
Tôi thích đĩ thương tôi cả đời
Chìm thuyền
Nàng tự động nhảy xuống biển
"Anh phải sống!"
Ở tù thì lội suối
Yêu
Trèo đèo nàng đi thăm nuôi
Tôi thích đĩ mê tôi đẹp trai
Tôi thích đĩ mê tôi đầy tài
Tôi thích đĩ cho tôi đầy tiền
Tôi thích đĩ
Miễn phí
Tôi thích đĩ theo tôi làm mọi
(Nhổ nước miếng
Nàng cũng quỳ liếm)
Tôi thích đĩ tôi đòi
Nàng tiên
Tôi thích đĩ như là vợ hiền

Nào
Em chổng mông lên.

ĐỖ KH.



SÔNG PHỐ

niềm riêng



Chị Tư bịnh như giả đò. Ở Việt Nam về lại đây hôm trước, hômsau nằm vùi luôn. Chống tay ngồi dậy,chị kêu đau buốt cả vùng lưng. Chúng tôi cười, chị Tư để trái tim ở lại Việt Nam rồi. Má tôi quở:

- Con nhỏ này yếu sìu như cọng bún. Chỉ đổi giờ, đổi giấc chút đỉnh đã nằm mẹp. Tụi bây mà chửa đẻ như tao, đến tuổi này chắc không cựa quậy nổi.

Chị Tư không yếu như má nghĩ. Tôi nhớ những lần cùng về thăm nhà với chị. Có bao giờ chị bịnh đâu. Lúc nào cũng bận rộn. Khi đi thăm bạn, lúc tiếp bạn đến thăm. Có khi cả ngày, không đặt lưng nằm xuống. Chị ngồi trên những xe hàng chật chội, về thăm cả những vùng quê hẻo lánh, thiếu tiện nghi. Ngồi hằng giờ trên yên Honda, qua những con đường đá sỏi, gập ghềnh không thấy mỏi. Sáng sáng chị dậy sớm đi chợ, tối tối chị ngồi xem ca kịch ngoài trời đến tận khuya. Cả tháng như thế. Tôi từng chặt lưỡi, lắc đầu trước sự dẻo dai của chị.

Bây giờ thì chị Tư nằm bịnh cả tuần rồi. Chị bảo có cảm tưởng như có hàng nghìn con sâu róm đang bò lúc nhúc dưới da. Chúng đua nhau cắn xé từng tế bào của chị.

Chúng tôi thầm lo. Má hoảng hốt ra mặt. Bà hối thúc chị đi khám bác sĩ. Mỗi tối bà ngồi ở góc phòng, đầu cúi xuống trên mấy trang kinh, lần mò đọc những dòng chữ nhỏ rứt, lạ lẫm. Lâm râm đọc như trẻ tập đánh vần.

Đi khám, bác sĩ bảo phải chạy *chemo* (hóa trị) cho chị mỗi tuần. Bịnh ung thư xương lại tái xuất hiện. Nghe cái tin đó chị Tư chỉ hơi biến sắc, rồi bình tĩnh lại ngay. Chị cúi đầu xuống, một nụ cười buồn thoáng lướt qua môi. Vẻ cam chịu như một đứa trẻ lêu lổng biết lỗi cúi đầu chấp nhận hình phạt nghiêm khắc của mẹ cha, không một lời than van, xin xỏ.

Nhưng chị Tư không phải là đứa trẻ hư hỏng. Trong cuộc đời, chị đã là

đứa trẻ toàn bích. Hình như sinh ra chỉ để nhận chịu mọi thua thiệt. Mười lăm tuổi nghỉ học để mới đầu chỉ phụ má trông em, sau, đàn em cứ tiếp tục tăng số, chị cáng đáng luôn cả nấu nướng, giặt giủ. Chị hạnh phúc làm mẹ ở cái tuổi mười tám, hai mươi. Và hạnh phúc riêng của mình khẽ khàng lắng xuống với thời gian...

Bốn năm trước đây, lần đầu tiên biết chị bị ung thư. Cả gia đình tôi đã khóc lóc như đưa đám. Tôi còn nhớ, má ngồi ở một góc sô-pha, lưng gập lại, đầu cúi xuống. Một dúm tóc bạc lòa xòa phủ trước trán. Chị ngồi ở bàn ăn gần đấy, đôi mắt đỏ hoe, tuyệt vọng nhìn má, nhìn bảy anh chị em còn lại ngồi rải rác ở chung quanh. Tôi liên tưởng đến cảnh một bầy thú đi kiếm ăn trong cánh rừng lạ. Một con trong đàng bỗng hụt chân, sa bẫy. Bàn chân gài giữa những miếng sắt nhọn quạch miệng bấu xiết. Tuyệt vọng. Buồn thảm. Trong khi bầy thú cùng đàn lồng lộng vờn quanh, vật vã vì sự bất lực của mình. Những kẻ chịu thua số phận...

Nhưng khoa học đã đem lại cho chúng tôi nhiều ảo vọng và lòng thờ ơ, chóng quên lãng. Lần đó sau khi mổ, chị Tư bình phục lại. Chúng tôi trả lễ các đấng linh thiêng về phép lạ của họ, nhưng lại quên đi những điều tự hứa với chính mình. Lời hứa sẽ cố gắng bù đắp cho chị những mất mát, thiếu sót trong cuộc đời. Chúng tôi quên lời hứa như chị đã quên căn bịnh hiểm nghèo của mình. Bầy thú khi kiếm ăn được, chúng cấu xé, giành giựt nhau từng con mồi. Và chúng tôi khi bình thường cũng nạnh hẹ, hơn thiệt nhau từng lời nói, việc làm. Tôi nhớ sau đó tôi vẫn bắt lỗi, bắt phải chị về đôi lời nói không ưng ý. Khi bất đồng ý kiến với chị về điều gì đó,tôi vẫn phải cãi cho ra lẽ. Tôi vẫn để chị đứng nấu ăn hàng giờ trong bếp. Vẫn quen để chị đi lượm quần áo dơ của tôi giặt hàng tuần. Những tủn mủn, nhỏ mọn của cuộc đời thường dễ dàng lập lại. Như trước đó, như trước đó nữa...

Lần nầy khi con thú lại sa bẫy, chị Ba bảo Trời kêu ai nấy dạ. Tôi không hiểu tại sao Trời phải kêu một người nhiều lần đến vậy. Thứ ân sủng oái oăm? Hay sự thử thách của lòng kiên trì?

Và cuộc đọ sức giữa người và số mệnh bắt đầu.

Mỗi sáng thứ hai tôi chở chị Tư đi chích trước khi đến sở. Lần nào tôi cũng theo chị vào tận phòng khám. Có hai cái ghế. Một ở góc phòng dành cho thân nhân người bịnh. Tôi ngồi vào chỗ của người vô sự. Chị ngồi ở ghế có những sợi dây giăng mắc, đan chéo qua lại, nối đến mấy bịch nước màu trắng, nối đến cây kim, ống thuốc. Nối đến sự đớn đau.

Những buổi ngồi chờ đợi chị, tôi vẫn thầm nghĩ về sự lạ lùng của số phận. Cùng có mặt trong căn phòng nầy, chỗ ngồi chỉ cách nhau dăm ba bước, nhưng số phận của hai chị em lại quá cách xa. Sao tôi lại là người vô sự? Sao chị lại phải lãnh nhận hết mọi đớn đau, bất hạnh trong cuộc đời? Giá như tình thế đổi ngược lại, tôi có thể vừa chìa cánh tay nát nhừ vết kim đâm, vừa tươi cười nói “Good morning!” với bà y tá, vẫn để ý khen mái tóc mới cắt của bà đẹp không?

Giá như tình thế đổi ngược lại, tôi có còn giữ được lòng tin với cuộc đời đến giờ phút nầy được chăng? Tôi không dám nghĩ tới nữa. Chỉ tưởng tượng thôi đến sự mất mát của một phần cơ thể. Chỉ tưởng tượng thôi đến những cơn đau thể xác, tôi đã thấy mình đuối sức. Như người đứng trên bờ, tôi nhìn chị bơi từ bờ nầy sang bờ kia mà đuối sức giùm vậy.

Chi Tư kéo tay áo lên. Màu da trắng dã. Những dấu kim tím đen cả một vùng da thịt. Hơn cả tay dân chích xì ke... Chị nói đùa, khi bà y tá có khuôn mặt phúc hậu, vỗ vỗ lên cánh tay chị, tìm kiếm lằn gân đã lẫn trốn dưới da. Từ cánh tay đó, bà rút ra những ống máu đen kịt, rồi lặng lẽ mang chúng ra khỏi phòng. Tất cả đã thành thói quen. Nhắm mắt lại tôi vẫn hình dung được những điều tiếp diễn: dăm phút nữa, bà y tá sẽ trở lại gõ gõ vào cánh cửa gỗ báo hiệu bác sĩ sẽ đến.Có nghĩa là hôm nay máu chị có đủ hồng huyết cầu. Những giọt thuốc trắng như nước lã sẽ nhỏ giọt, nhỏ giọt vào mạch máu của chị. Chúng giết những tế bào ung thư, nhưng chúng cũng ăn lần hồi những mạch hồng của đời sống. Chúng làm nám màu da con gái của chị. Chúng làm rụng rã những mảng tóc đen...

Có khi bà y tá bảo về, tuần sau trở lại. Có nghĩa là chị không đủ sức chịu trận. Cuộc điều trị phải hoãn lại. Đáng lý phải lo, chị Tư vui vẻ ra mặt. Kệ nó nghĩ một tuần cho khỏe. Rồi ra sao thì ra. Tôi biết chị sợ những trận mửa gập người sau mỗi lần điều trị. Mửa lộn mật xanh.

Ông Singer, bác sĩ chữa bịnh cho chị, còn rất trẻ, khoảng ngoài ba mươi. Thân hình cao lớn. Mỗi lần bước vào phòng, ông vội vã ngồi xuống ghế như sợ chính cái dáng cao lớn của mình. Ông ít nói đến độ cộc cằn. Tôi có cảm tưởng như ông sẽ *charge* (tính tiền) nếu ông phải chào hỏi xã giao, nên ông bỏ qua cho chúng tôi điều đó. Tôi đành chẩn bịnh chị qua những trao đổi ngắn ngủi như mệnh lệnh của ông với Marie, bà y tá.

Bà Marie, trái ngược với bác sĩ Singer, là người vui tính quá sức. Bà luôn tìm cách giễu cợt, pha trò để làm chị Tư vui. Trước khi chích, bà thường vào phòng ăn bên cạnh, đến bên cánh cửa tủ lạnh bấm nút làm cho chị một ly đầy đá bào. Rồi lắc lắc mấy chai si-rô trong tay, bà hỏi lớn như rao hàng:

- Tư, bữa nay em muốn si-rô màu gì? Xanh hay đỏ?

Xanh hay đỏ? Tốt hay xấu? Số phận nào hả Tư? Giá mà Thượng đế cũng cho con người lựa chọn số phận của mình như thế!

Bà Marie bảo đá bào có thể chận được nôn mửa do thuốc gây ra. Nên tôi luôn chực sẵn trong tay ly đá bào với sirô, chờ bà vừa rút mũi kim ra, tay còn dí qua, dí lại trên miếng bông gòn tẩm alcohol đè trên chỗ chích, để đút liền cho chị mấy muỗng. Đôi khi bà Marie đúng. Nhưng thường khi chị vẫn xô tay tôi ra, luống cuống, hối hả tìm cái bịch ny-lông vẫn mang theo mình để đút mặt vào đó nôn thốc, nôn tháo.

Tuần rồi được tin một cô bạn học cũ mất. Ung thư đường ruột. Chỉ mới bịnh vài tháng. Tôi đến thăm chị Tư, buột miệng báo cái tin vẫn còn làm mình bàng hoàng cả tuần lễ nay.

Bịnh lâu mau vậy, chị hỏi. Rồi không đợi tôi trả lời, chị giở quần, giở áo cho tôi xem. Những mảng da đã trở màu xám ngắt. Như bị ai đánh bầm. Mấy nốt mụn nhỏ rướm máu dưới da.

- Thuốc kỳ nầy mạnh dữ. Chắc sẽ công hiệu nhanh. Tôi vụng về an ủi. Tôi biết chị buồn. Tôi biết chị cố giấu nỗi sợ hãi vào lòng. Và tôi, tôi muốn xua đuổi những câu hỏi quái gở cứ lởn vởn trong đầu. Số phận chị tôi sẽ ra sao? Sáu năm với căn bịnh hiểm nghèo. Chị như người tù với bản án tử treo lơ lững trên đầu. Bao giờ thì sợi dây căng số mệnh sẽ đứt? Làm sao linh cảm được? Khi cận kề với cái Chết người ta sẽ cảm thấy thế nào nhỉ? Có hoảng hốt, đau buốt như giẫm phải lửa? Hay bình thản như giọt mưa rơi xuống mặt nước hồ?

Khi tôi yêu cầu bác sĩ Singer cho biết tình trạng sức khỏe của chị Tư, ông trả lời như đã đoán được câu hỏi trên nét mặt hai chị em tôi mấy tuần nay. Còn 25% hy vọng. Sự mau mắn đó làm tôi phát bực, tôi muốn hỏi sao ông biết rõ như vậy. Ông đã đo lường hy vọng bằng thứ thước đo nào? Tôi đo hy vọng bằng tín hiệu của con tim. Và nó bảo với tôi rằng chị tôi sẽ vượt qua tất cả. Chị tôi sẽ khỏi.

Nhưng tôi chưa kịp hỏi, ông Singer đã ngồi xuống kê toa. Ông nhắc nhở chúng tôi cẩn trọng về liều lượng của morphine.

Morphine. Mort. Sự chết phải không? Trước khi tôi biết, tôi đã la lên phản đối:

- Không. Không được đâu,bác sĩ. Chị tôi sẽ nghiện mất!

- Nghiện cái gì? Bây giờ lo nghiện hay lo đau? Muốn chết vì đau phải không? Ông nổi quạu bất ngờ. Tôi chợt nghe điều ông muốn nói. Chị chợt hiểu cái gì đang chờ đợi mình ở phiá trước. Hai chị em nhìn nhau, nước mắt ở đâu bỗng trào ra không kiềm giữ được.

Hình như không phải chỉ chị Tư bịnh, mà tôi cũng là người đau. Tôi sợ bước chân vào căn phòng này. Căn phòng có những máy móc to lớn như mấy con khủng long sắt đang quơ quơ cánh tay khẳng khiu, dài sọc đùa giỡn với con mồi đã cùng đường, mệt lữ, phủ phục dưới chân. Tôi sợ mũi kim nhọn cắm phụp sâu vào mạch máu. Tôi sợ những viên thuốc trắng, xanh, vàng, đỏ... chị vẫn ngửa cổ nuốt ngày này qua tháng khác. Tôi sợ những cơn đau gập người, không tự chủ. Tôi sợ cái cơ thể vẫn còn là của tôi, đồng thời cũng là của hàng triệu con vi trùng nhung nhúc, nhung nhúc ăn lần, lấn chiếm sự sống của tôi.

Tôi sợ tương lai ở đằng trước mặt.

Hai tháng hóa trị dài tưởng như bất tận. Tuần lễ cuối, bác sĩ Singer gửi chị lại nơi này rọi xương, chỗ khác soi ruột. Hôm nay tái khám, chị âu lo như kẻ tử tội trước giờ tuyên án.

Chưa bao giờ chúng tôi phải chờ bác sĩ lâu đến vậy. Tôi đã xem qua hết mấy cuốn tạp chí để trong phòng. Hình ảnh các cô gái Tây phương với những bộ ngực lồ lộ, răng trắng, mắt to, sâu hun hút, da mặt mịn hồng, môi vẩu ra

hờn dỗi, khêu gợi... nhảy loạn cuồng trước mắt tôi. Hình như họ không phải thật. Họ là ảnh mộng của bao nhiêu cô gái khác. Họ không thuộc vào thế giới này. Thế giới ở chung quanh tôi trong lúc này là những bộ mặt tái nám, ngực lép kẹp, tóc loe hoe vì bịnh, vì thuốc, vì quang tuyến... Những đôi mắt mở to, mệt mỏi như một dấu hỏi về cuộc đời.

Cuối cùng rồi bác sĩ Singer cũng đến. Ông bảo chị Tư hít vô, thở ra rồi nắn nắn mấy chỗ phình to ở hai bên sườn chị. Mỗi lần những ngón tay của ông ấn xuống da thịt, chị nẩy người kêu đau. Ông Singer dừng tay lại, nhìn chị hồi lâu như dò xét, rồi ra hiệu cho tôi theo ông. Chị ở lại trong phòng.

Phòng bác sĩ Singer tối tăm, ngộp ngạt. Không cửa sổ. Trên trần treo một ngọn đèn nhỏ, tỏa ánh sáng vàng vọt, yếu ớt. Đây có phải là nơi ông vẫn đến để mặc cả với Tạo hóa về số phận của bịnh nhân của mình?

Ông đưa tay ra hiệu cho tôi ngồi, rồi lôi trong ngăn kéo ra một hồ sơ dầy cộm đặt lên mặt bàn giấy. Có lẽ hồ sơ bịnh trạng của chị.Tôi nhìn ông chờ đợi. Cổ khô rát. Căn phòng ngộp ngạt quá. Hãy cho tôi thở. Hãy cho tôi biến mất khỏi nơi này. Nhưng tôi vẫn ngồi đó, tay bấu vào thành ghế.

- Tôi nghĩ chị cô không cần đến đây nữa đâu. Chúng tôi chịu thua, không thể làm gì được nữa cho cô ấy...

- Không làm gì được nữa! Bác sĩ nói thế nghĩa gì?

- Nghĩa là bịnh của chị cô đã đến giai đọan cuối. Bây giờ có làm gì nữa cũng chỉ kéo dài thêm sự đau đớn...Chị cô chắc chỉ còn vài tuần nữa...

- Vài tuần? Mấy tuần trước ông bảo còn 25% hy vọng, bây giờ hết hy vọng? Chị tôi vừa đi xa về, còn mệt, lại dồn dập *chemo*...Ông cho chị tạm ngưng *chemo* vài tuần cho lại sức... Rồi...

Ông Singer không nói gì thêm, chỉ lắc đầu nhè nhẹ, rồi chậm rãi tháo kiếng ra thổi phù phù vào đó. Không có kính đôi mắt ông dài dại như mắt của người vừa tỉnh ngủ. Đôi mắt của những con cá chết. Chúng làm cho ông bác sĩ ngồi trước mặt tôi có vẻ ngờ nghệch và những lời nói của ông hình như từ đâu vọng lại mơ hồ, văng vẳng.

Tôi không khóc. Tôi không thấy sợ hãi. Tôi chỉ thấy bất bình. Hình như ông Singer đã bó tay quá sớm. Hay là cảnh chị tôi bây giờ phải chống gậy đi chữa bịnh, không có lợi cho ông chút nào. Những bịnh nhân mới sẽ nghi ngờ tài nghệ của ông? Những bịnh nhân cũ sẽ ngã lòng sớm hơn? Tôi thấy khinh người y sĩ đã bó tay trước con bịnh.

Ông Singer không hề biết điều đó. Thấy tôi không khóc, ông bình tĩnh nói:

- Bây giờ cô có hai lựa chọn. Một là giữ chị cô ở nhà. Hai là đem cô ấy vô bịnh viện để người ta trông... Dĩ nhiên là sẽ có y tá đến thăm chừng mỗi tuần hai lần, nếu giữ ở nhà. Người này sẽ thông báo với tôi về bịnh tình của chị cô.

- Chúng tôi sẽ giữ chị ấy ở nhà. Tôi không biết tại sao mình quyết định nhanh chóng đến vậy. Như một phản xạ chăng? Hay linh cảm? Hay là cách để cắt ngang sự dây dưa như khó xử của ông Singer?

Ông Singer đứng lên, nói vài lời an ủi cuối cùng. Tôi yêu cầu ông giữ kín

điều vừa tiết lộ với tôi. Tôi muốn ông bảo với chị là ông tạm ngưng *chemo* chờ chị khỏe lại sẽ tiếp tục. Ông gật đầu đi ra.

Ông Singer quả là một tay phù thủy hiểm độc. Lời nguyền của ông ứng nghiệm nhanh hơn tôi tưởng. Chị ngưng đi *chemo* đã hơn tuần rồi, vẫn không có dấu hiệu gì tốt hơn. Trái lại là khác. Chị giống như người đang tuột dốc. Ban đầu còn bấu víu, chống chỏi. Bây giờ thì lăn lông lốc theo đà trượt đến thảm hại. Ban đầu còn làm chủ được cơ thể của mình. Bây giờ mỗi cử động là một cố gắng nẩy người.

Mấy lần chị cầm cây lược đưa tay lên định chải đầu, bỗng khựng lại nhăn mặt. Chị hạ tay xuống, thở như vừa chạy bộ đâu đó về. Rồi lại đưa tay lên. Lần nầy dè dặt hơn, chậm rãi hơn. Nhưng cũng chỉ đến ngang tai, lại hạ lược xuống. Chị nhìn tôi cười bảo: "Bây giờ tệ quá! Chải cái đầu cũng không xong."

Buổi chiều, chị Ba tắm, mặc cho chị chiếc áo trắng có thêu mấy đóa hoa hồng quanh cổ, một người bạn vừa tặng chị. Mặc áo mới, thấy tươi hơn, chúng tôi khen. Chị ngồi ở cái ghế quen thuộc cạnh cửa sổ, đầu hơi ngửa ra đằng sau cho chị Ba chải tóc, miệng hơi nhép cười. Nụ cười hiền lành của đứa trẻ đang hạnh phúc được mẹ chăm sóc vuốt ve. Không phải nụ cười của một người bịnh yếu đuối, bất lực. Vậy mà không hiểu sao tôi không chịu nổi cái cảnh đó. Tôi đứng lên vờ đi rót nước, sợ chị bắt gặp cặp mắt đỏ hoe của mình.

Từ ngày chị Tư trở bịnh nặng. Cả gia đình tôi nhốn nháo như bầy ong vỡ tổ. Mọi sinh hoạt hằng ngày hầu như gián đoạn. Tan sở, chúng tôi không về nhà riêng mà cùng tụ lại chỗ chị. Nhiều khi cũng chẳng làm được gì ngoài việc đứng rón rén ở đầu giường người bịnh, nghe hơi thở nặng nề của chị phủ trùm lên những tiếng thở dài của chúng tôi.

Giữa đời sống riêng tư và mối lo chung này, chúng tôi như người làm xiếc vụng về, lóng ngóng trước những quả cầu bỗng cùng lúc đổ chụp xuống đầu. Chị Tư nằm bịnh nhưng đời sống vẫn không ngưng quay. Vẫn phải ăn, uống, trông con, đi chợ. Những công việc dở dang vẫn nằm chờ tôi trên bàn giấy ở sở làm...

- Tối nay ai thức trông chị thay thằng Tám?
- Anh Hai đi mua thuốc cho chị về chưa?
- Chị Ba còn nghỉ thêm được bao nhiêu ngày không ăn lương nữa?

Lần đầu, tôi thấy cái gia đình tám anh chị em vẫn còn quá ít. Giá má có 11, 12 đứa để không bao giờ bên giường chị có thể thiếu vắng khuôn mặt của người thân.

Tôi có cảm tưởng như mình bội phản chị. Trước mặt chị, tôi nói với Nancy, cô y tá mới:

- Tư khá hơn lắm rồi. Mấy hôm nay, hôm nào chị cũng ăn được chút cháo. Ba bốn miếng táo. Một góc tư cam... Có, uống được nửa ly sữa. Mặt thấy hồng hào chút đỉnh phải không?

Nancy gật gù khen theo.
Tiễn cô ra cửa, tôi thầm thì sợ chị nghe thấy.
- Nancy, tôi có lạc quan lắm không? Chúng tôi có quyền hy vọng không?
Nancy vuốt nhẹ lưng tôi như nâng đỡ một hy vọng quá mong manh. Cô nói:
- Được ngày nào hay ngày ấy thôi. Cố sao đừng làm phiền lòng nhau. Làm sao ai biết được ngày mai. Điều cần là phải có lòng tin. Câu trả lời lòng vòng của cô, tôi cũng có thể tự nói với mình như thế. Lúc chia tay, cô hỏi tôi đã cho chị biết sự thật chưa. Tôi lắc đầu, không lên tiếng.
Cô Nancy nói đúng. Không ai đoán được ngày mai thật. Tình trạng sức khỏe của chị Tư cứ trồi lên, trụt xuống. Hình như có ai đó đang đùa dai với tình cảm của chúng tôi. Cứ treo lơ lửng quả bóng hy vọng trước mắt. Nhưng vừa trong tầm tay nắm bắt, bàn tay vô hình kia đã tinh nghịch giựt phắt lên cao... Cứ thế. Cứ thế. Hy vọng và tuyệt vọng sóng sánh trong cùng một vùng sáng. Niềm vui cứ trộn hòa nước mắt. Sự sống, sự chết cứ quyện chéo nhau. Giáp ranh nhau. Như hai mặt của một đồng tiền... Có lúc chúng tôi không còn tin vào sự sáng suốt của mình nữa. Một giờ trước vừa đồng ý với nhau nên tăng lượng thuốc lên để chị bớt đau. Giờ sau đã cãi vã, trách móc nhau không chịu nổi cảnh chị nằm mê man không ăn, không uống.
Cuối cùng, tôi đã nói được điều đó. Tôi tưởng như tảng đá vẫn đè nặng trên ngực vừa được ai nhẹ tay đẩy xuống. Bây giờ thì chị biết sự thật về số phận mình. Tôi báo cái tin dữ đó khi chị nằm bất lực, nhìn chúng tôi xoay trở lấy thế đỡ chị ngồi dậy mà không chạm vào những chỗ đau. Một đứa đứng ở đầu giường luồn tay đỡ cổ chị. Người ở cuối giường nâng hai chân chị xuống. Người nữa đỡ lưng và bấm nút cho cái giường tự động từ từ nâng chị ngồi lên, dựa vào vai ai đó. Cái việc tầm thường, giản dị đó bây giờ đòi hỏi một sự tập trung tuyệt đối để mọi động tác đều ăn khớp nhau. Một cử động dư thừa, quá trớn hay thiếu sót của chúng tôi đều có thể làm chị cắn răng đau đớn. Chị khóc tủi thân nói:
- Chị phiền rộn anh chị em quá. Cứ kéo dài như thế này mãi. Chẳng lẽ chị Ba cứ nghỉ làm nuôi bịnh chị hoài. Thằng Tám đêm nào cũng vừa nghe động đậy là tốc mền chạy qua thăm chừng... Ai cũng lo lắng vất vả vì chị. Nhất là má... Không giúp được già. Bây giờ già quay ra nuôi trẻ... Không biết bao giờ mới hết cơn bịnh này. Không biết bao giờ những cơn đau sẽ dịu xuống...
- Chắc chị cũng...sắp hết nghiệp rồi. Bác sĩ bảo... Tôi buột miệng. Đang khóc, chị bỗng nín bặt, nhìn tôi như kinh ngạc, nhìn những người thân đang đứng chung quanh như dò hỏi. Và những đôi mắt đỏ hoe đang lẩn tránh tia nhìn của chị đã xác nhận âm thầm lời tôi nói. Chị bảo mệt cần được yên tĩnh một mình.
Trưa đó, khi má ngồi niệm kinh bên cạnh giường, chị quay qua hỏi:
- Con có bề gì... Không biết má ở với ai?
- Con không có chuyện gì đâu. Cố uống thêm tí sâm nữa đi con.

- Má... Thôi má đừng cưỡng ép... Đừng bắt con uống mấy thứ nầy nữa.

Trên ngực tôi hình như một tảng đá khác vừa được đặt lên. Nặng nề hơn. Góc cạnh hơn. Hình như tôi vừa xô cái hy vọng mong manh còn sót lại của chị xuống cái hố tuyệt vọng, thăm thẳm. Hình như tôi vừa chặn cái cửa hang cuối của một người đang bị cuộc đời rượt bắt. Hình như tôi đồng lõa với mấy con vi trùng quái ác đang gặm nhấm sự sống của chị mỗi ngày. Hình như...

Càng ngày, chị Tư càng đi xa chúng tôi.

Mới hôm trước chị còn tỉnh táo nói chuyện. Khi tôi hỏi:

- Nằm một chỗ, chị nhớ điều gì nhất?

- Nhớ những buổi sáng thức dậy, còn nằm trong mùng. Mơ mơ, màng màng nghe tiếng chuông nhà thờ từ dưới trường bà sơ vọng lại. Nhớ hồi nhỏ mấy chị em thức đến một, hai giờ sáng chơi búng hột me, vì ban ngày bận giữ em. Nhớ tiếng gõ lốc cốc rao mì ban đêm của chú Mừng... Những đêm mưa rả rích tiếng gõ nghe buồn và cô đơn vô cùng..

- Chắc chị lại nhớ nhà? Ở đây, im lặng quá phải không? tôi hỏi.

- Thích chạy xe đạp buổi chiều trên mấy bờ ruộng. Gió mát. Gió lồng lộng. Hồi đó chị tưởng cứ đạp xe tới mãi thì đụng đường chân trời. Nhưng đạp hoài, đạp rã cẳng cũng chẳng tới đâu...

- Không thích ra bờ sông ngồi hóng mát, tán dóc như hồi nhỏ sao?

- Thích lắm chứ... Chị gật đầu. Một dòng nước mắt lặng lẽ chảy xuống mặt. Tôi xiết chặt bàn tay nhầy nhụa da như tay người già của chị, hối hận vì vô tình chạm đến vết thương trong lòng chị.

Bữa nay lúc tôi đang xoa dầu cho chị. Chị bỗng hỏi: “Em muốn ăn khoai nấu không?”. Rồi chỉ vào không gian, chị phàn nàn, mối ở đâu bay đầy phòng vậy! Tôi ngửng đầu nhìn lên khoảng không trước mặt gật gù bảo: Đêm qua mưa to lắm. Mưa như bên nhà vậy đó. Dầm dề, không dứt.

Bây giờ mỗi lần nói chuyện, tôi phải cúi sát xuống bên chị mới nghe được những câu thều thào, đứt quãng trong hơi thở mệt nhọc của chị.

Cứ mỗi ngày căn bịnh gặm nhấm lần mòn sự tỉnh táo, linh hoạt. Cái nhìn dại hơn. Sự suy nghĩ chậm chạp hơn. Chị đã bắt đầu nhìn người nọ ra người kia, và thì thào như đang trong một giấc mơ.

Hai tay chị lúc đưa lên chới với như níu kéo sự sống vô hình đang giãn ra từng phút, từng phút... Lúc thả lỏng ở mép giường, như buông xuôi, chấp nhận.

Mọi thứ dường như đã chết.

Đừng di động người chết. Đừng làm đau lòng người chết bằng tiếng than khóc của mình. Mấy điều chỉ dẫn trong cuốn kinh Phật tôi vừa đọc đêm qua. Đêm qua tôi đã biết quỳ gối để cầu xin cho chị một chuyến đi nhẹ nhàng. Chuyến đi cuối. Cuộc hành trình cô độc nhất trong đời sống của mỗi con người.

Yết đế, yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha!

SÔNG PHỐ, 9/92.

NGU YÊN

 người hỡi, xa nhau thật rồi (2)

Nằm dài không thẳng
Nằm sấp không bằng
Nằm trở trăn
Nằm thiếu con tim
Nằm rát tâm tư
Nằm úng đôi môi
Nằm kéo hơi lên mà sầu

Đêm khuya
Tìm người
Mình tôi âu yếm tôi
Bay cao vào mơ ước
Rơi sâu vào hư ảnh
Tôi đi tìm em đến tư tình
Tìm lại em cho nhớ thương với đợi chờ

Chất ngất đôi tay lùa vào trong đắm say
Tìm lại bao ngất ngây
Người tình, em hãy nhanh lên
Tay nồng hương sắc giai nhân
Môi rờn thoi thóp da em
Ta cùng em đến đam mê tình ái

Đêm khuya
Một mình
Tìm em
Âu yếm tôi
Tôi tan vào thương nhớ
Tôi mê vào thân xác
Tôi say vào cảm giác mơ hồ
Một lần mơ bao nhớ thương với đợi chờ

NGU YÊN



NGUYỄN PHÚC THÀNH

vào đời

I



Hồi xa xưa, khi tôi là sinh viên năm đầu trường Tổng hợp, tôi có người yêu tên là Lan, đẹp, da trắng, mắt mơ hồ như hơi hiếng, trông càng duyên, lại có hai lúm đồng tiền nhỏ xíu bên má. Chúng tôi yêu nhau được hai năm. Một tối tôi nhìn thấy một người khác đi xe Pơrô chở nàng vào công viên Thủ Lệ. Tôi con nhà giáo nghèo, có mỗi chiếc xe đạp hai dóng đèo nàng. Đấy là tình yêu đầu đời của tôi, trong trẻo và không hề vụ lợi. Tối đó, tôi về nhà nằm khóc. Mẹ tôi an ủi: "Vội vàng gì. Trai ba mươi tuổi chưa muộn". Tôi cãi. Cha tôi rủa: "Gái ấy là gái hoang. Tiếc làm gì". Em tôi cãi: "Nhưng anh Hương yêu chị ấy lắm". Và cơn đau dạ dày đầu tiên của đời xuất hiện ngay vào đêm hôm đó. Mẹ tôi thương con, bán đi nửa phòng ngoài, đổi nửa bồ thuốc cavét mà bệnh tôi không giảm. Tôi xót xa lắm, nên lao đầu vào học. Năm sau tôi lên đường sang nước bạn học tiếp.

II

Tôi trở về nước. Trong tay có mảnh bằng phó tiến sĩ. Đón tôi tại Nội Bài chỉ có thằng Hưng, em ruột tôi. Nó cao hơn tôi gần một cái đầu, nhưng kém tôi chín tuổi. Nó 22, sinh đúng năm Mậu Thân. "Mẹ mất rồi à?" - Tôi hỏi nó và khóc. Nó gật đầu. Hôm sau, trời mưa tầm tã, nó đèo tôi bằng cái xe đạp cà tàng. Nó dẫn tôi vào nghĩa trang.

- Mẹ nằm đây. Còn đây là cha! - Nó nói và chỉ cho tôi hai nấm đất, một mới một cũ.

- Lấy tiền đâu để làm ma cho mẹ? - Tôi hỏi nó.

- Ăn cắp! - Nó cười.

Tôi thấy khi cười, hai dòng nước mắt nó kéo dài xuống má. Chúng tôi ôm nhau cùng khóc rống lên. Đột nhiên trời ngưng mưa. Tôi lấy từ trong bọc nilon ra một bó hương. Thằng Hưng xòe bật lửa. Tôi run run chụm đầu bó hương đã bén lửa, bốc khói nghi ngút, vẩy vài cái và cắm lên nấm đất mới nơi mẹ tôi nằm. Đất dưới chân tôi nhão nhoẹt. Nấm đất mới gặp mưa, xẹp dí, cỏ đã lún phún mọc. Tôi quì xuống lạy ba lạy rồi đứng lên, đi sang phần mộ cha. Tấm bia gỗ sơ sài đổ gục. Ngay cạnh là những dấu chân trâu. Cỏ mọc um tùm và nham nhở nốt trâu gặm.

- Sao không chăm mộ cho cha? - Tôi trách nó.

- Phú quí sinh lễ nghĩa. Đói. Thời gian còn để lo làm ăn. Vả lại cha mẹ chết vì đói, không cần lễ nghĩa! - Nó nói, vẻ mặt sắt lại.

Tôi lại rút bó hương trong bọc nilon. Thằng Hưng châm lửa. Tôi rẽ cỏ tìm đất, cắm bó hương cháy dở lên mộ cha, lạy ba lạy rồi đứng lên. Kỳ lạ thay, một đám mây vần vũ, đen kịt che kín lấy mặt trời. Cả nghĩa trang lặng gió. "Hương tắt rồi" - Thằng Hưng thì thầm. Tôi quay nhìn mộ cha, lại nhìn mộ mẹ. Cả hai bó hương tắt ngấm từ lâu. Tôi và nó phải châm đi, châm lại đúng ba lần, hương mới cháy hết. Chúng tôi trở ra quán nước, nơi gửi xe đạp.

- Xin năm trăm!

Thằng Hưng, cặp mắt vẫn đỏ hoe, chửi:

- Đ. mẹ đi thăm người chết phải mất tiền gửi xe, hơn cả vào hiệu đặc sản.

Chúng tôi về đến nhà đúng năm giờ chiều. Có hai người mặc thường phục chờ tôi và nó trước cửa. Nhìn thấy họ, thằng Hưng quay ngoắt lại. Song nó đẩy tôi sang bên, đi về phía cửa nhà và chìa hai tay ra trước mặt.

- Khóa tay đi - nó nói - tôi không chạy đâu. Tôi đã chờ các ông đến một tuần nay rồi. Sao chậm trễ vậy?

Tôi kịp hiểu ra. Nó bị bắt vì tội ăn cắp. Nó bảo tôi trước khi họ dẫn đi, hai mắt đã đỏ hoe:

- Tôi đã xong nhiệm vụ với ông bà già. Tôi đi thoải mái lắm rồi! Còn anh, thẻ đảng viên và học vị phó tiến sĩ không cưu mang nổi anh đâu. Cuộc sống cần phải kiếm được tiền. Nhưng đừng ăn cắp như tôi...

Sau khi nó lên quận, tôi hẫng hụt mất một thời gian. Nó đi ăn cắp để chăm nuôi và mai táng mẹ. Còn tôi? Không một thỏi niken nào gửi về ngoài chiếc áo mẹ tôi mặc đã rách và đôi giày gửi cho thằng Hưng. Nó không đi, vẫn còn mới gói trong nilon dưới gầm chiếc giường cũ kỹ.

Một tháng sau, tôi xin được vào thăm nó. Tôi dốc nốt mấy nghìn còn lại, số tiền bán mấy cái áo bay tôi xách về, mua cho nó năm cái bánh mì, một nải chuối, một bao thuốc ngon. Nó gầy và xanh xao, mất đi cái vẻ rắn rỏi hôm đón tôi ngoài sân bay. Tôi đưa túi quà cho nó và chực khóc.

- Anh hèn thế. Anh khóc, tôi sẽ vào ngay - nó bảo - Anh cầm những thứ này về. Chúng cần cho anh hơn tôi. Tôi trong này phục vụ cho thằng Ba Đờm

cũng đủ ăn. Nó là đầu gấu trong buồng. Trong tù, nó có cả thuốc phiện hút. Thế đấy!

Tôi cố ghìm tiếng khóc. Nó nói chặn:

- Đừng khóc. Tôi quay vào đây!

Tôi cầm tay nó kéo lại. Nó đăm chiêu nói:

- Tôi chỉ còn một mối lo duy nhất trong tù. Đó là anh sẽ sống thế nào ngoài đời đây? Không chắc đã đơn giản như trong này đâu!

- Anh bán cái xe đua mới, xe của em và đôi giày nữa, và đã thửa một chiếc xích lô mới. Em không giận anh chứ?

- Giận? - nó bảo - Mẹ đã giữ cái xe đua ba năm rồi, từ hồi anh đem về phép và không cho tôi lấy đi. Tôi đã hưởng lộc tù, xe và giày chẳng đáng là bao. Tôi dồn tất cho anh, coi như vốn liếng của cả nhà. Anh giữ lấy mà làm ăn lương thiện, đừng bao giờ ăn cắp. Nhục lắm! Anh về đi, cầm tất cả về, tôi vào đây –Nói rồi nó quay người, đi vào trong cánh cổng sắt.

- À này.

- Cái gì? - Nó dừng lại.

- Anh đã xin việc khắp nơi. Không đâu người ta nhận cả.

- Thế à?

- Anh là phó tiến sĩ ngôn ngữ học, viết không đến nỗi tồi. Thế mà họ không in.

- Anh viết mà không biết lách. Nước mẹ gì! Rồi nó quay bước vào trong.

Tôi rẽ qua phố Hàng Thuốc, mua chục viên cavét. Cả tuần tôi ăn toàn bánh mì. Người ta bảo đau dạ dày ăn bánh mì rất tốt. Tôi cũng nghiệm thấy thế.

III

Ngày đầu đi làm, tôi dậy sớm. Có gì đâu mà đêm qua thao thức đến vậy? Tôi gói lại cái thẻ đảng và mảnh bằng phó tiến sĩ vào trong túi nilon, hàn kín miệng túi và cất sâu dưới đáy vali đặt cạnh bằng cấp, giấy chứng nhận nghề giáo của cha mẹ. Khóa cửa và đẩy chiếc xe ra khỏi cái ngõ ngoằn ngoèo và lầy lội, tôi nghe đồng hồ của nhà ai điểm năm tiếng. Hôm đó tôi kiếm được cả thảy sáu nghìn, vừa đủ mua được một cân gạo, một bao thuốc loại xoàng, một mớ rau muống, dăm trái sấu và hai quả trứng vịt. Cuộc sống của tôi dần dần ổn định, tuy hơi vất vả. Một hôm tôi gặp thằng Bính, trước cũng là sinh viên, trong lúc tôi đang gò lưng đạp chở bốn đứa trẻ, hai trai, hai gái. Thằng Bính đi xe máy qua, loại xe đời mới, thảnh thơi, chầm chậm.

Tôi gọi:

- Bính! Bính ơi!

Nó vụt đỗ lại. Tôi nói từ xa:

- Bính! Mày là thằng Bính trắng, kính cận phải không? Tao, Hương còm đây, cùng học Tổng hợp với mày đây, cùng học cô Nghĩa, thầy Nhân hồi tám mươi đây. Mày nhận ra chưa?

Mấy đứa trẻ dúi tờ hai nghìn vào tay tôi rồi biến thẳng. Chỉ còn tôi và Bính, vẫn ngồi trên xe, tháo kính lau vào khăn tay, nói:

- Ờ, ờ, lâu quá nên khó nhận ra ngay. Sao ông làm nghề này?

Tôi bảo:

- Đói. Đi học chín năm nước ngoài. Giờ nghiên cứu chính là xích lô. Còn mày?

- Dạy pháp lý. Cố vấn riêng cho một tổng giám đốc. Tôi đang vội quá, địa chỉ đây, lúc nào rỗi qua chơi nhé.

Bính ghi địa chỉ vào mảnh giấy cho tôi. Hôm sau tôi đi tìm nhà nó cả buổi tối không thấy, tôi bèn hỏi một cụ già ở gần đấy.

- Hừ. 96 Lê Duẩn. Tên Bính. Nguyễn Văn Bính. Nhất định thằng này nó lừa đảo anh rồi!

- Không, nó cùng học đại học với tôi. Rất thân đấy. Hiện nó dạy pháp lý, cố vấn riêng cho một Tổng giám đốc Công ty xuất khẩu.

- Ồ. Thế thì nó giàu phải biết. Anh về đi. Vô ích. Nó không có bạn xích lô như anh đâu. Nó lừa anh thật rồi. Bạn bè chó má.

Tối đó, cái dạ dày lại hành hạ tôi. Tôi phải uống liền ba viên cavét. Vài tiếng sau tôi gặp lại thằng Bính trong giấc mơ. Mặt nó chia làm ba phần bằng nhau. Phần đầu khuôn mặt tươi tắn, trắng trẻo như hồi sinh viên, phần hai bị nhuộm chàm đen kịt. Phần ba là khuôn mặt của súc vật: mồm chuột, tai chó, mắt mèo. Gặp tôi nó bảo: "Mày vẫn sống à?" Tôi tỉnh dậy, biết mình chưa chết, tự thấy cô đơn mới khóc hu hu.

Ngày tháng trôi nhanh. Tôi nhận được tin thằng Hưng mắc bệnh lao trong trại, thường vẫn nôn ra máu huyền. Thương nó quá mà chẳng biết làm sao. May mà tôi gặp được chị T.V. Giữa lúc đang chán nản. Chị ba nhăm tuổi, bán thịt lợn ở chợ mãi gần Hà Đông. Tôi chở hàng cho chị vào một buổi sớm. Chị thương tôi ngoài ba mươi chưa vợ, khỏe mạnh, lại đạp được xích lô, và không uống rượu. Từ hôm sau chị về ở hẳn với tôi. Chị bảo: "Chị đã hai con, chồng nghiện ngập rượu chè, đánh đập chị. Chị trả con cho chồng và đi bán thịt lợn kiếm sống". Chị lại bảo: "Mỗi ngày tôi cho cậu hai bữa cơm thịt lợn. Đêm cậu muốn gì tôi thì làm. Bù lại, cậu không được đi với con khác và ngày hai lần chở tôi đi, về."

Tôi xuýt xoa, "Được quá". Lại nói to: "Thật thế nhé. Em sẽ sống với chị suốt đời". Đêm đầu tiên tôi ngủ với chị. Trong lúc ân ái, chị bảo: "Cái này từ giờ còn mơ màng tới con khác thì ăn con phay thái thịt. Hiểu chưa?". Tôi rùng mình, sợ và biết rằng chị sẵn sàng làm. Tôi đã có dịp được thấy cánh tay mập mạp chặt thịt. Eo ôi...

Sáng sớm. Tôi chưa mặc quần áo, cứ thế dậy lấy vali, mở khóa, lấy cho chị xem bằng phó tiến sĩ hạng ưu của tôi. Chị trợn tròn mắt: "Những cái thằng

ngoài ba mươi chưa vợ đều là những thằng hâm. Giá trị thực không bằng hai quả cật lợn". Rồi chị mặc nhanh quần áo: "Tôi không thể ở với cậu được, đành phải phá hợp đồng với một phó tiến sĩ, một thằng hâm hoặc gần hâm". Rồi chị ra đi, để lại trong tôi một khoảng trống, vừa xa lắc xa lơ, vừa thật là đời thường. Tôi đâm ra thù ghét cái học vị phó tiến sĩ của tôi. Trong xã hội này, nó thật sự cản trở tôi, ít nhất cũng một lần như lần này, để cho tôi được trở về với cuộc sống dân dã, về với chị và ngày hai bữa thịt lợn, một đêm vợ chồng.

IV

Tôi tiếp tục sống bải hoải. Tôi quyết định dò tin tức của Lan, người mà ngày xưa, tôi đã trở thành một nốt nhạc trong bản dạo đời nàng. Nhưng những người sống gần nhà nàng cho biết: Sau năm kiểm tra tài sản (1983), gia đình nàng bị tịch thu nhà và đã trốn đi nước ngoài từ lâu rồi. Tôi thật sự thất vọng.

Mấy tháng sau vào một buổi sớm đầu hè, tôi gặp một cô bé khoảng chín mười tuổi đang ôm rổ bánh mì rao bán. Động lòng, tôi dừng xe bảo:

- Lên xe chú chở ra ga mà bán, chú không lấy tiền đâu.

- Thế thì biếu chú cái bánh mì!

- Nhà cháu ở đâu?

- Cháu ở xóm Diều, chú nghe qua chưa?

- Chưa!... Bố mẹ cháu đâu?

- Bố cháu đi lái xe, chết vì tai nạn lúc cháu một tuổi. Cháu ở với mẹ. Mẹ cháu nghiện chích, phải làm điếm để kiếm tiền đó chú ơi!

- Dẫn chú về nhà nhé?

- Chú muốn ngủ với mẹ cháu à?

- Ừ...

Hôm sau, theo hẹn, con bé nói:

- Chú để xích lô ở nhà, ngõ chật, xe không vào được.

Nó dẫn tôi đi bộ vòng vèo các phố, rồi rẽ vào xóm.

- Xóm Diều đấy - Nó bảo.

Vẫn chưa đến. Nó dắt tôi theo những lối mòn vừa một xe đạp đi, hai bên san sát những túp lều tạm bợ, cống rãnh chảy ngoằn ngoèo, hôi hám.

- Nhà cháu đấy. Chú vào đi. Mẹ cháu chờ chú trong ấy.

Nó chỉ vào một túp lều xiêu vẹo và đứng ngoài canh chừng.

Tôi mạnh dạn đẩy hai cánh liếp. Một người đàn bà chạc ba mươi tuổi ngồi trên giường, xây lưng ra ngoài.

- Anh vào đi, khép cửa lại.

Hai bầu vú lấp lửng trong chiếc áo sơ mi đã cởi hết cúc.

"Trời! Em đấy ư? Anh cầu mong em sống hạnh phúc, ngờ đâu em ra nông nổi này!" Nàng! Người đàn bà đó ngờ đâu lại chính là nàng. Duyên kiếp xui

khiến chúng tôi lại gặp nhau trong hoàn cảnh như thế. Nàng gục trên vai tôi. Hai chúng tôi cứ thế, ôm nhau khóc hoài. Đột nhiên từ bên vách nhà, cả cái bàn thờ nhỏ bé rơi đánh rầm xuống đất đúng vào lúc nàng đang dâng hương đam mê cho tôi. Tôi chưa kịp hoàn hồn đã thấy nàng trong tư thế trần truồng, rất sạch sẽ, tinh khiết hơn bao giờ hết, cố ghì siết lấy người tôi mà quằn quại. Nàng lên cơn co giật.

Đúng ba tháng sau, nàng chết. Tôi bán nốt chiếc xích lô để làm ma cho nàng. Tôi mua vài chục mét vải trắng tinh và quấn quanh thi thể nàng, quấn từ cổ trở xuống. Trước khi đặt nàng vào chiếc quan tài màu đỏ, đôi mắt hơi hiếng của nàng vẫn mở trừng trừng. Tôi và cháu bé vuốt mãi song vẫn không thể nhắm lại. Tôi đành đốt một nén hương cắm lên chiếc bàn thờ rơi khi trước nay đã đóng lại. Tôi chấp tay thành tâm cầu xin cho nàng về bên kia suối vàng được toại nguyện. Lại cầu xin cho hai chú cháu tôi được sống một cuộc sống nhàn hơn, no đủ hơn. Và cầu xin cho cả nhân gian này mãi mãi còn mang tấm lòng trắc ẩn. Sao đó tôi bảo cháu bé vuốt mắt cho mẹ. Đôi mắt nàng vĩnh biệt tôi, nhắm lại.

Tôi đưa cháu bé - cái Hương, trùng tên với tôi - về ở với tôi. Ngày sau, nó bảo: "Chú Hùng nhà ở đầu ngõ xem tay cháu sáng nay và bói sau này cháu sẽ theo nghề mẹ. Người đưa cháu vào đời là chú!". Tôi choáng váng trước câu nói vô tư của nó. Tôi chạy thẳng sang nhà thằng kỹ sư điện, thằng Hùng, khi nó đang ăn cơm, giang tay tát vào cái mõm kỹ sư của nó rồi về. Đây là lần đầu tiên tôi đánh người.

Một tháng sau, tôi nhận được tin thằng Hưng chết vì bệnh lao trong trại. Tối đó tôi uống cả chục viên cavét.

NGUYỄN PHÚC THÀNH
(Trong nước)



LƯU HY LẠC

sáng đọc ông pct

Cái bình thường cũng bất thường
cái nhỏ bé cũng lớn dường cái tâm
cái kinh động cái ngậm câm
cái không cũng có khi cầm khơi khơi

xế trưa đọc ông mt

Tuổi quê hỏi bỏ quên nhà
mắt như ám rợn tiếng khà giữa trưa
vốc lên một bụm gió mưa
một chân đầy bụi lấp vừa trước sau

khuya đọc ông ns

chợp mắt mộng bủa khắp giường
thấy chen chật chiếu tỏ tường lao nhao
tiếng chì tiếng bấc nao nao
hương con gái phủ dụ vào giấc mơ

và

Chút ơn, cảm nghĩa ba ông
mỗi khoảng khắc lặng chất chồng thêm cao
chắc gì còn gặp đời sau
thôi, một hai kệ bỏ vào hư vô

LƯU HY LẠC



LÊ THỨ

vài suy nghĩ quanh vấn đề quá trình "nhỏ hóa" trong kinh tế tư bản hiện đại



Tôi đọc quyển "Việt Nam: Khủng Hoảng và Lối Ra" của tác giả Nguyễn Kiến Giang (1) với rất nhiều trân trọng. Phần lớn là do ở khí tiết của tác giả, trước kia cũng như bây giờ. Khí tiết của một người hình như luôn bị thôi thúc bởi tinh thần trách nhiệm cuả một lương dân trót chọn làm sĩ phu. Phần khác là do ở nỗ lực của ông, dù sống trong hoàn cảnh còn khá ngặt nghèo về các điều kiện và phương tiện trao đổi thông tin với thế giới bên ngoài, vẫn luôn tìm kiếm, đón bắt các suy nghĩ, biến chuyển mới của thời đại, để làm cơ sở cho các suy luận và viễn kiến của mình.

Vì lẽ đó, ngoài các phần nhận định, đánh giá lại các vấn đề của *chủ nghiã xã hội hiện thực* mà ông đã viết với tâm huyết của một người "trong chăn" thường phải ray rứt, trăn trở, tôi rất thú vị khi đọc các luận điểm của tác giả liên hệ tới một số chuyển biến lớn trong thế giới tư bản hiện đại. Song, mặc dù tác giả Nguyễn Kiến Giang [NKG] dành khá nhiều trang để nói về một thế giới sắp đến, có thể do chủ đề và khuôn khổ đã chọn, các luận văn của ông vẫn nằm ở mức khái quát, và thường mang màu sắc tư duy triết học hơn là việc khảo sát những chi tiết, sự kiện thể nghiệm qua thực tế cuộc sống đang diễn ra. Chính đặc tính khái quát của các bài viết này, và hoàn cảnh riêng của tác giả NKG, đã khiến tôi thêm mong muốn được đọc nhiều bài do các tác giả, những nhà chuyên môn khác góp ý, bàn bạc, thảo luận thêm với ông, để giúp cho những hiểu biết chung được thêm sáng tỏ.

*

Và tôi đã được đọc bài "Can đảm tự lột xác" của Vương Hữu Bột [VHB](2). Qua bài viết tương đối ngắn này (chưa đến bốn trang báo khổ 7"x11"), tác giả VHB đã đề cập đến một chuỗi những vấn đề bàn đến trong quyển sách của NKG. Ông VHB đã viết để người đọc thấy là ông trân trọng "thái độ trí thức", "khách quan của một người ham học, ham suy nghĩ bàn về các vấn đề chung của dân tộc" của NKG. VHB cũng chỉ ra một số điểm ông coi là nhược điểm cuả quyển sách. Cung cách đối thoại mang vẻ ôn hoà, như ông viết: "Chúng tôi nêu lên các nhược điểm trong cách suy tư của NKG không phải để gây nên một cuộc tranh luận, và nhất là không phải để phủ nhận công trình suy nghĩ của ông".(3)

Và như một cách chứng tỏ "lòng thành thật" đối với tác giả NKG, VHB cũng đã thẳng thắn ghi ra trong phần Chú thích cuối bài vài chi tiết ông không đồng ý với NKG. Ông đã kê ra bốn điểm. Ở đây, tôi chỉ xin nhắc đến điểm số hai trong bốn điểm ấy, vì tôi cho rằng đây là vấn đề tương đối đáng bàn. Ông VHB viết, nguyên văn: "Các tổ chức kinh tế hiện đang nhỏ dần (không chắc, hãy coi các công ty liên quốc)". Nếu tôi hiểu đúng, câu này hàm ý: NKG cho rằng các tổ chức kinh tế tư bản hiện đại đang nhỏ dần, và ông VHB không đồng ý với cách phán đoán ấy, phản chứng ông đưa ra là sự hiện hữu của các công ty liên quốc. Chính ý kiến này của VHB đã làm tôi bất ngờ, và tôi đã phải đọc lại tập sách của NKG lần nữa, để tìm xem luận điểm mà ông VHB không đồng ý ấy đã được NKG diễn đạt trong nội dung nào, mà tôi đã không bắt kịp qua các lần đọc trước.

*

Trước hết, xin trích lại đoạn văn tôi có thể tìm được trong sách, khả dĩ coi được là gần gủi hơn cả tới vấn đề đang bàn (Đoạn này ở cuối trang 50, đầu trang 51 của bài "Đi tìm lời giải của chủ nghĩa xã hội", trong phần NKG viết về "những nước tư bản chủ nghĩa phát triển đang bước vào nền văn minh mới của loài người"):

"Về kinh tế, một số quá trình mới đang diễn ra là tiền đề kinh tế cho hình thái xã hội mới. Hai quá trình nổi bật nhất là: quá trình quốc tế hoá, toàn cầu hoá các quan hệ kinh tế và quá trình "nhỏ hóa", "cá nhân hóa" các quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa. Đó là hai quá trình đi ngược chiều — một quá trình có xu hướng vĩ mô hoá, một quá trình có xu hướng vi mô hóa — nhưng đều nằm trong sự tiến hoá của loài người với tư cách loài (tộc loại) và với tư cách cá thể (cá nhân). Về quá trình thứ nhất, người ta đã biết tới nhiều, nhưng về quá trình thứ hai, người ta chưa biết tới mấy vì nó chỉ mới bắt đầu và vì những định kiến có tính chất hệ tư tưởng".

Đoạn trích dẫn tương đối dài này cho ta thấy ông NKG đã bàn về một sự phát triển hai chiều khá phức tạp, trong đó sự kiện thế giới hóa, hoặc toàn

cầu hóa (globalization), bao gồm sự hiện hữu của các công ty liên quốc gia mà ông VHB quan tâm tới, chỉ là một mặt của sự thay đổi. Đó cũng là mặt khá phổ biến, đã cũ, nhiều người thấy và hiểu được. Còn mặt thứ hai, theo NKG, do chỉ mới bắt đầu, nhiều người chưa biết tới, hoặc vì định kiến nên chưa thừa nhận. Cũng xin lưu ý cách dùng chữ "nhỏ hóa", trong ngoặc kép, cuả tác giả NKG. Tuy không biết chắc tác giả dùng từ này đồng nghĩa với một từ nào trong tiếng Anh (hoặc một tiếng nước ngoài nào khác), tôi thấy chữ dùng này gợi nhớ tới cặp ý niệm đã trở thành phổ biến trong mấy năm sau này: toàn cầu hóa và cục bộ hóa (hay địa phương hoá — localization); thí dụ trong kiểu nói của giới doanh thương và quản lý Mỹ: Nghĩ toàn cầu, hành xử địa phương (think global, act local). Hoặc gần hơn, nó làm ta nghĩ tới một thuật ngữ khác, tương đối thời thượng hơn, là từ "downsizing", mà ta cũng có thể tạm dịch là "nhỏ hoá".

*

Một cách khá hữu hiệu để "bắt mạch" các thay đổi trong thực tế của cơ chế kinh tế là theo dõi sự đổi thay, những điều mới nảy sinh trong lý luận và phương pháp quản lý của chính nền kinh tế ấy. Khi những nhà tương lai học (futurist) nói về xã hội dự báo của họ, có lúc, nếu may mắn lắm ta nắm bắt được cái mầm mống đang manh nha hình thành. Nếu đó là cơn bão lớn sẽ kéo đến, thì nó cũng mới chỉ là đám mây đen đang kết tụ ở cuối chân trời. Thế nhưng, khi các chuyên gia về quản lý bàn về một mô hình quản lý, dù đúng, dù sai, họ thường đặt cơ sở trên thực tế của đời sống, tức là hiện thực họ phải đối mặt. Cũng không hiếm khi họ còn phải hụt hơi đuổi bắt vì thực tế ấy đã qua mặt họ phần nào.

NKG nói tới "quá trình nhỏ hóa, cá nhân hóa các quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa". Riêng với vấn đề "quan hệ sở hữu", thiết tưởng ta có thể trở lại với Peter F. Drucker, một tác giả được nhiều người đọc, khi ông bàn về số vốn kinh doanh khá lớn do các quỹ hưu bổng mang lại (xem P. Drucker, The Unseen Revolution — 1976). Vì chủ nhân đích thực của các quỹ hưu bổng là từng cá nhân, sẽ không có gì là quá đáng để ta nói rằng có quá trình "cá nhân hóa" trong quan hệ sở hữu.

Dĩ nhiên, ta còn có thể bàn thêm về các chương trình phân chia cổ phần cho nhân viên (employee stock ownership program — esop), hoặc việc "mua bán lẻ" cổ phần các đại công ty trên thị trường chứng khoán, v.v... để minh chứng là có một quá trình phân nhỏ quyền sở hữu ở các nước tư bản hiện nay.

Một khía cạnh khác mà chính Drucker cũng bàn đến rất chi tiết trong quyển sách nói về xã hội hậu-tư bản của ông (4), là vốn tri thức (knowledge) của người làm thuê (employee). Theo ông, trong quá trình hình thành và tiến tới một xã hội tri thức, nguồn tài sản quý báu ấy ngày càng thuộc về người làm thuê. Và mặc dù rằng người làm thuê vẫn cần đến cái môi trường (environment) cần thiết — đa số còn thuộc về các công ty — để có thể vận dụng

hữu hiệu tri thức của mình, biến nó thành sản phẩm xã hội, sự kiện người làm thuê ngày càng làm chủ phần tri thức của riêng mình cũng đã đưa tới thay đổi nghiêm trọng trong quan hệ sở hữu của xã hội tư bản hiện đại. Đồng thời, nó cũng đặt ra yêu cầu cho chủ nghĩa tư bản hiện đại phải tìm ra phương cách quản lý phù hợp, nhằm tận dụng nguồn tài nguyên ấy, như trước đây nó đã tận dụng sức lao động "thô sơ" củangười công nhân, hầu tạo ra nhiều lợi nhuận nhất.

Thực ra, hầu như các tác giả sách "phổ thông" quen biết, hay bàn về một xã hội "hậu công nghiệp", hoặc "thời đại thông tin", "xã hội năm 2000" đều vạch ra sự kiện tri thức, tài sản xã hội vô cùng quý báu, ngày càng có chiều hướng trở thành tài sản riêng của từng con người trong xã hội, những người lao động tri thức (knowledge worker).

Trong sách Khủng Hoảng và Lối Ra, ở cùng trang 51, NKG cũng viết: "Giai cấp công nhân công nghiệp sẽ không còn chiếm đa số trong những người lao động nữa, cũng tức là sẽ không còn đóng vai trò quyết định trong sản xuất xã hội, và do đó, trong đời sống xã hội, trong tiến bộ xã hội nữa, mà thay thế vào giai cấp này là đội ngũ những người lao động sáng tạo, quản lý và điều hành (có thể gọi chung là *lao động có chất lượng cao* — travail hautement qualifié)".

Tôi dám đồng tình với đoạn trích dẫn này là nhờ vào các chữ *sẽ* tác giả NKG đã dùng. Vì cho đến giờ này, dù chiều hướng chung tương đối đã khá rõ, các số liệu vẫn chưa cho ta thấy tầng lớp "lao động tri thức" chiếm vai trò chủ đạo về con số, hoặc về tổng giá trị sản phẩm do họ làm ra. Ngay trong các khu vực công nghệ cao cấp (hi-tech), vấn đề phẩm chất tri thức củangười làm thuê đã tương xứng chưa với quy trình lao động tri thức, mà tiến bộ khoa học kỹ thuật cho phép, hiện vẫn còn là một câu hỏi cần trả lời thỏa đáng. Nhịp độ làm mới tri thức của người lao động không phải dễ dàng bắt kịp đà tiến vũ bão của khoa học kỹ thuật và những công nghệ ứng dụng của nó. Và cũng vì lẽ đó, vấn đề tái huấn luyện lực lượng lao động cho phù hợp với hướng tiến của xã hội vẫn là một vấn đề không nhỏ. Thất bại trong nỗ lực này, và trong nỗ lực đào tạo-huấn luyện nói chung, sẽ có nguy cơ mang lại những khủng hoảng mới về sử dụng tài nguyên con người (human resources), và từ đó có thể đưa tới thất bại trong việc xây dựng *xã hội mới*. Nói khác hơn, tìm ra và thực hiện thành công lời giải cho một vấn đề tương đối đã rõ vẫn còn là một thử thách gay go cho các xã hội tư bản tiên tiến. Thực tế cho thấy, trong rất nhiều trường hợp, dưới mắt người làm thuê, thuật ngữ "nhỏ hoá" chỉ có cái nghiã đơn giản là cắt giảm nhân số (head count) của xí nghiệp. Và nếu nội dung cuả quá trình "nhỏ hóa" cũng chỉ nằm gọn trong chừng đó hiện thực thì cái xã hội tương lai đang hiện ra nó sẽ tăm tối đến chừng nào !

*

Cũng xin nói thêm về thuật ngữ "nhỏ hóa". Thực ra hai chiều phát triển

"toàn cầu hóa" và "nhỏ hóa" là hai mặt khá thuận lý cuả một quá trình phát triển. Sau một thời dàn trải theo bề mặt (cả địa lý lẫn khu vực và loại hình kinh doanh) các con bạch tuột liên quốc gia, đa quốc gia, các đại tổ hợp liên ngành của thế giới tư bản đều rút ra bài học mà hầu hết chúng ta đã từng học thủa còn bé: "ai ôm nhiều thì ôm không chặt". Dĩ nhiên, các con bạch tuột sẽ không buông ra, mà sẽ tìm cách khác để ôm chặt con mồi. Và do đó, bài học đã được đúc kết, và sự hiệu chỉnh được đề xuất, để chủ nghĩa tư bản hiện đại thích nghi và tiếp tục phát triển. [Thuật ngữ tư bản hiện đại — được dùng tạm trong bài này để chỉ các nước công nghiệp tiên tiến như Mỹ, Tây Âu, Nhật — có thể không hoàn toàn thỏa đáng đối với một số bạn đọc, rất mong các bạn đọc ấy chấp nhận mà không phải biện luận thêm trong nội dung thật giới hạn ở đây — LT]

Nói chung, mô hình quản lý trong đó xí nghiệp, dù lớn thế nào, vẫn được quản trị như một khối đơn thể (monolithic), có cơ chế cấp bậc hàng dọc (hierarchical), điều hành và kiểm soát theo kiểu tập trung, là không còn dùng được nữa. Người ta đã phải chuyển qua mô hình kết hợp hàng ngang của nhiều loại đơn vị phân bố theo địa lý, chuyên ngành, chức năng,... Các tổ hợp lớn, được thiết kế lại theo kiểu *môđun* (modular design), tổ chức trở thành một kết hợp của nhiều đơn vị nhỏ, mỗi đơn vị mang nhiều tính tự quản hơn.(5) Các đơn vị (hoặc *môđun*) này giao tiếp (interface) với nhau để phối hợp sự vận hành theo những phương án tối ưu cho từng đơn vị. Cách tổ chức này còn nhằm tạo thuận lợi cho việc tận dụng được khả năng tri thức của từng thành viên trong các tập thể nhỏ làm nên toàn bộ xí nghiệp (enterprise). Nói hoa mỹ, đó là quá trình trao quyền lực (empowerment) xuống tận từng nhân viên (kẻ làm thuê) ! Cách tổ chức thành từng đơn vị nhỏ này đã cho phép các đại công ty đáp ứng nhanh nhạy trong cạnh tranh, thích ứng với điều kiện đặc thù của thị trường, loại hình kinh doanh, chủng loại sản phẩm, v.v...

Ta có thể thấy sự "nhỏ hóa" này thể hiện qua trường hợp tái cấu trúc (restructure) cụ thể của một số đại công ty liên quốc gia (hoặc đa quốc gia) như IBM, Xerox, Digital Equipment Corporation, Sun Microsystems,... Cũng cần nói thêm, về đại thể, công việc tái cấu trúc hết sức tốn kém của các công ty này coi như đã xong trên hình thức; nhưng phần thực hiện đi vào chiều sâu, tức là phần nội dung đích thực, tác động đến từng con người, thì có lẽ ta cần nhiều thời gian hơn nữa mới nghiệm chứng được.

*

Công nghệ thông tin (information technology) là công cụ cạnh tranh và quản lý của nền kinh tế hiện đại. Vì thế, theo dõi và phát hiện những thay đổi trong lãnh vực ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một cách để nhận dạng chiều hướng phát triển cuả cơ chế điều hành kinh tế.

Riêng với vấn đề *downsizing*, thuật ngữ này lại rất quen thuộc trong lãnh

vực công nghệ thông tin. Quen thuộc nhưng không có nghĩa mọi người đều hiểu như nhau. Xin dẫn câu trả lời sau đây cuả Thomas E. Furey, Tổng giám đốc đơn vị *Client/Server Computing* của IBM, khi một nhà báo hỏi ông về mối quan hệ của *downsizing* và kiến trúc hệ thống máy tính theo mô hình xử lý phân bố (distributed processing): "*Downsizing* trong một ý nghĩa có lẽ khác hơn cách ông dùng từ này. Nếu ông có ý nói về việc *downsizing* từ máy tính lớn xuống máy vi tính, thì đó không phải là ý của tôi. Tôi nghĩ rằng có một lực *downsizing* trong chính các tổ chức, và chính lực ấy đã thúc đẩy [việc ứng dụng] loại kiến trúc [xử lý phân bố] này." (6)

Cách hiểu hạn hẹp về *downsizing* mà Furey gián tiếp hiệu chỉnh ở trên, bằng cách nhấn mạnh thay đổi về mặt cơ cấu tổ chức thay vì chỉ là vấn đề sử dụng máy tính nhỏ thay cho máy tính lớn, thực ra cũng khá phổ biến. Ngay trong phần Kinh doanh cuả tờ Los Angeles Times, ngày 22-2-1993, nhân nói về khó khăn của các công ty sản xuất máy tính cỡ lớn (mainframes) của Nhật, một ký giả đã viết: "Ngân sách cắt giảm đã đưa tới hiện tượng công nghệ gọi là *downsizing*, từng bắt đầu ở Mỹ gần một thập kỷ nay. *Downsizing* ám chỉ khuynh hướng các công ty sử dụng máy tính dần dần chuyển từ các máy lớn, đắt tiền, tập trung sang các mạng lưới những trạm làm việc (workstation) hoặc máy tính cá nhân giá rẻ hơn và có công năng cao hơn".(7) Tình trạng hơi chênh lệch về định nghĩa này thật ra cũng dễ hiểu, nếu như ta liên hệ hai phạm trù tổ chức xí nghiệp và sử dụng máy tính lại với nhau.

Một phán đoán không mấy chính xác cũng trong bài báo LAT nói trên là việc gắn liền *downsizing* với vấn đề giá cả. Mặc dù rằng từng bộ trạm làm việc hoặc máy tính cá nhân có thể không mấy đắt tiền, nhưng hệ thống mạng lưới máy tính (networks), do độ phức tạp về nhiều mặt của nó, trong nhiều trường hợp có thể sẽ đưa tới một giá thành về thiết kế và điều hành rất cao. Do đó, động lực chính thúc đẩy quá trình *downsizing* thực ra không hẳn là giá cả. Hoặc nếu ta được phép "lý thuyết" một tí: Không nên lấy vấn đề giá cả làm động lực chính trong vấn đề *downsizing*, mà có lẽ ta nên nhận rằng: một công cụ mới mang kiến trúc phân bố nhất định phải được phát triển và đưa vào sử dụng, nhằm thoả mãn những nhu cầu hoàn toàn mới, tương thích với guồng máy cũng vận hành theo lối phân bố.

*

Chiều hướng thay đổi hai mặt "lớn ra — nhỏ lại", mà nhiều người gắn liền với khả năng hình thành một "xã hội tri thức" ở các nước tư bản hiện đại, tương đối đã khá rõ nét. Sự khác biệt trong đánh giá và lý giải các sự kiện thì vẫn còn đầy rẫy. Trước một cuộc thay đổi lớn lao, phức tạp về tầm cỡ và nhanh chóng đến bất ngờ về nhịp độ, mà cho đến nay có lẽ ta chỉ mới thấy được một phần rất nhỏ của nó, rất khó để có thể rút ra những kết luận (lạc quan hoặc bi quan) vào lúc này.

Dù vậy, ta vẫn có thể thấy được rằng: Sự phát triển không đồng đều, trên

mặt toàn cầu cũng như trong từng xã hội, đóng khung bằng địa giới quốc gia, vẫn tiếp tục tạo ra tình trạng kẻ có người không, dù là tài sản sở hữu ở đây là miếng cơm, manh áo hay là tri thức, thông tin.

Ngay tại Hoa Kỳ, vấn đề này ngày càng lộ rõ, và theo một số người, nguy cơ của sự bất bình đẳng này không phải là kém nghiêm trọng. Trong một bức điện thư (electronic mail) gởi tổng thống Clinton, bà Katherine H. Travers, chuyên gia về *média*, Trường Khoa học canh nông, thuộc Viện đại học Maryland Eastern Shore viết: "Khả năng thành thạo thông tin (tạm dịch chưa thoả đáng cụm từ *Information literacy* — LT) hiện chỉ được dạy ở những trường khá giả, và vận dụng ở những cơ sở và doanh nghiệp phát triển cao; nó sẽ xác định sự khác biệt giữa các đấu thủ có khả năng và đấu thủ không có khả năng trong trận đấu kinh tế/xã hội" (8). Ta thấy ngay rằng, khi thông tin và tri thức trở thành tài sản quan trọng, các mưu toan độc quyền chiếm hữu, độc quyền phân phát loại tài sản ấy cũng là một thực tế. Đấu tranh đòi hỏi dân chủ, công bằng trong việc làm chủ và phân phối thông tin cùng tri thức cũng có khả năng trở nên gay gắt và gian nan.

Trong tác phẩm của ông, NKG còn cảnh giác về nguy cơ của những xu hướng đe doạ sự tồn tại và phát triển của con người, thí dụ như "xu hướng kỹ trị, coi sự phát triển kỹ thuật là giá trị cao nhất và là cứu cánh của sự phát triển". (tr. 45)

*

Nói tóm lại, qua một vài dẫn chứng và suy luận như vừa trình bày, thiết tưởng khi NKG viết rằng có một "quá trình nhỏ hóa, cá nhân hóa các quan hệ sở hữu tư bản chủ nghiã", ông cũng chỉ trình bày tổng kết một sự kiện đã được nhiều người, ở nhiều ngành chuyên môn khác nhau, khảo sát và bàn đến.

Một vấn đề khác, cũng không kém thú vị và rất đáng đào sâu hơn, nhưng rất tiếc lại không nằm trong chủ điểm bài viết này, là việc thử đặt vấn đề xem với chiều hướng "nhỏ hóa" về mặt phương thức tổ chức, và quản lý, cũng như trong lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng, thì một nước nghèo, đang phát triển như Việt Nam có thể học và vận dụng được gì ? Điều này biết đâu sẽ có thể ảnh hưởng sâu sắc tới một quan niệm thích hợp hơn về việc xây dựng cấu trúc hạ tầng cho một xã hội vừa muốn bắt kịp với trào lưu thế giới vừa phải bắt đầu bằng điều kiện thực tế còn quá yếu kém cuả mình. Thay vì chỉ biết đào xới đến cùng kiệt những loại tài nguyên thiên nhiên không thể tái sinh.

[Tôi viết những dòng này khi đang chạnh nhớ tới một công trình "lớn" đang rầm rộ xảy ra ở Việt Nam: đường dây dẫn điện cao thế Bắc Nam. Biết đâu cách nghĩ "nhỏ hoá", với đặc tính phân bố để thích nghi với khả năng đầu tư, quản lý cũng như những điều kiện cục bộ, địa phương của nó, sẽ có nhiều hiệu quả tích cực hơn chăng ?]

Lại chạnh nhớ một ý của ai đó như sau: Trong thời đại hiện nay, vốn tri

thức của người dân cũng là một thành phần quan yếu của cấu trúc hạ tầng của một quốc gia. Con người ham học ham hiểu của đất nước ta lại không thiếu. Nguồn tài nguyên ấy đang cần được "giải phóng" hơn bao giờ hết. Vả lại, nếu quyền riêng tư nhất của người dân: quyền được hiểu biết, đồng thời cũng là một yêu cầu hết sức hiện đại về mặt phát triển kinh tế, thì thử hỏi với tâm thức nào mà người ta lại chủ tâm đè nén, làm trì trệ, hoặc xao lãng sự phát triển ấy ? Tôi e rằng cô lập Việt Nam, từ bên trong hoặc bên ngoài, là một trong những cách có thể gây ra loại tác hại lớn lao ấy.

LÊ THƯ (6-93)

---

(1) Nguyễn Kiến Giang, Việt Nam Khủng Hoảng và Lối Ra, nxb Trăm Hoa, 1993

(2) Vương Hữu Bột, Can đảm tự lột xác — Nhân đọc "Việt Nam: Khủng Hoảng và Lối Ra" của NKG, Thế Kỷ 21, 5-1993.

(3) Mặc dù ý vừa được trích dẫn của VHB biểu lộ một thái độ hòa nhã của một người cầm viết với một người cầm viết, tôi lại nghĩ, sẽ không có gì đáng ngại nếu việc thảo luận, và ngay cả tranh luận nếu cần thiết, được diễn ra trong thái độ ngay thật, nghiêm chỉnh, và lương thiện, cốt nhằm vào mục tiêu đi tìm sự thật và lẽ phải. Cùng trong cách suy nghĩ ấy, tôi tin rằng việc phủ nhận hay không phủ nhận công trình suy nghĩ của một người không nhất thiết là một việc dễ làm và dễ xảy ra. Nhất là khi ta chịu bước ra ngoài cái chủ quan của người trong cuộc để thẩm định sự việc một cách tỉnh táo và khiêm tốn. Sự thẩm định này, tự nó là một diễn trình, có thể là dài lâu, dựa trên rất nhiều những giá trị và chân lý phổ biến; và công luận rộng rãi, chứ không ai khác, sẽ là người phán quyết sau cùng.

(4) Peter F. Drucker, Post-Capitalist Society, Harper Business, 1993.

Một từ Drucker hay dùng trong sách này, cũng được nhiều người, thí dụ như Thomas Furey, dùng đến là từ "tổ chức" (organization).

(5) Don Tapscot interviewed by Susan Bryant, "The Paradigm is Shifting", *Uni-Forum Monthly*, 3-1993. Tapscot, phó chủ tịch về công nghệ của DMR Groups Inc., Toronto, đồng tác giả (với Art Caston) quyển *Paradigm Shift — The New Promise of Information Technology* (McGraw Hill, 1993).

(6) Thomas E. Furey interviewed by DBMS, IBM's Client/Server Mission, *DBMS*, March 1993 [DBMS là một tạp chí chuyên môn về hệ quản lý cơ sở dữ liệu — database management systems].

(7) Leslie Helm, "Bubbles Burst on Japan's Top Computer Firms", *LA Times*, 2-22-93.

(8) "Network Users Send Messages for the President", *The CPSR Newsletter*, Vol. 11, No.1, Winter 1993.

CPSR Newsletter, xuất bản ở Palo Alto, California, là báo nội bộ của tổ chức Computer Professionals for Social Responsibility — Những người hành nghề tin học có trách nhiệm xã hội).



THỤY KHUÊ

phạm duy trên đăng trình đến vô cực



ĐẠO CA và THIỀN CA, hai cái tên có tính cách song song nhưng không đồng nhất, được sáng tác trong hai bối cảnh dị biệt, cách nhau hai mươi năm. Với hai Phạm Duy khác nhau.

ĐẠO CA và THIỀN CA gần nhau vì hai tác phẩm cao về giá trị mỹ quan, khó về thẩm thức và lựa chọn thính giả. Cả hai đều đi ra ngoài hành trình âm nhạc đại chúng của Phạm Duy. Không có những yếu tố cận nhân tình như: quê hương, ca dao, dân tộc... ĐẠO CA mở đường và THIỀN CA kết thúc cuộc hành trình *tìm đạo* của một kẻ *ngoại đạo*.

Trong vòng tử sinh của kiếp người trầm luân trong bể khổ, ĐẠO CA cất lên lời huyền diệu thiết tha, đưa ta vào chặng đầu của giáo lý nhà Phật. Nhạc Phạm Duy, thơ Phạm Thiên Thư, giọng hát thiên sứ Thái Thanh hướng dẫn chúng sinh — từ cõi vô minh — lắng nghe số kiếp trầm luân của chính mình mà vượt trùng luân hồi, tìm về bến giác như một cứu cánh:

Xưa em là kiếp chim, chết mục trên đường nhỏ
Anh là cội băng mai, để tang em, chờ mấy thuở...
...
Mai sau chờ nhau nhé, đầu thai vào kiếp hoa
Chốn mây mờ phiêu bạt, chờ đợi chim hót ca...

Nhạc Phạm Duy trong ĐẠO CA thanh thoát và siêu thoát, gần gũi tâm hồn một thiền sư tuy đã gột rửa lòng trần nhưng vẫn còn tha thiết ngoái lại dĩ vãng với luyến tiếc và u hoài. Âm hưởng gieo cho người nghe là âm hưởng tìm thấy trong những bài thánh ca — thanh khiết và từ bi — bên đời cũng như bên đạo. Giọng hát pha lê Thái Thanh cất lên như một nguyện cầu, vút cao, thăm thẳm và thánh thiện chỉ bảo con người cư xử với nhau trong đạo đức và nhân ái :

Thương người như thương mình
Thương người như thương thân.

ĐẠO CA là hình thức giáo lý cơ bản và sơ đẳng tìm thấy trong kinh điển chính thống của đạo Phật. Là Phật pháp hiểu theo nghĩa đại chúng : hành thiện để kiếp sau khá hơn kiếp trước, vì :

Sinh tử vẫn còn đây
Đời này qua đời nọ
Tử sinh vẫn còn kia...

Phạm Duy và Phạm Thiên Thư đã thơ mộng hoá kinh điển nhà Phật : đem tình yêu vào đất thánh. Nhưng hồn của ĐẠO CA mới chỉ là *hồn bướm mơ tiên*, là tình yêu chưa bước vào vườn địa đàng đã thoáng nghe tiếng chầy kình của thiền sư Không Lộ mà giật mình tỉnh ngộ quay về với đạo lý. Tình yêu trong ĐẠO CA là thứ tình *nửa chừng xuân* : tình yêu đã diệt dục. ĐẠO CA thuộc về đạo, là ý thức muốn giác ngộ, đang tìm đường giác ngộ, nhưng mới đi được nửa đường. Bản đạo ca TÂM XUÂN kết thúc cuộc hành hương bên bờ nghi vấn :

Mùa xuân có không? Hay là cõi Tâm?
Mùa xuân có không? hay là cõi Không?

THIỀN CA, hai mươi năm sau, Phạm Duy hoàn toàn phá giới, bước ra ngoài vòng đạo lý, an nhiên trong tự tại, không còn tìm kiếm, vì đã *thấy* chính mình. Phạm Duy trong THIỀN CA xác định nội dung giác ngộ, qua tự giác, bằng chính sự sống. THIỀN CA *thuộc về đời.*THIỀN CA là SINH CA, LÀ TÌNH CA, xa và cao hơn đạo ca trong triết lý. THIỀN CA thể hiện bến giác cho nên THIỀN CA gần người mà cũng rất xa người. Lý luận trừu tượng thì không thể nhưng trên thực tế, chặng đường từ *Đạo* đến *Thiền* của Phạm Duy, gồm thâu hành trình cả cuộc đời hơn bảy mươi năm sống và sáng tạo. THIỀN CA tổng kết hành trình ấy, đồng thời xác định phong cách nghệ sĩ của Phạm Duy, *một phong cách rất Thiền, rất Đạo mà lại phản Thiền, ngoại Đạo.*

Phản Thiền, bởi vì muốn đạt tới trạng thái thượng đỉnh (giác ngộ, niết bàn, Phật tánh...) thì phải sống xa tục lụy, tĩnh tâm, trong tư thế *tham thiên nhập định.* Con đường hành xử để tới Thiền là con đường tịch lặng, xa chốn phồn hoa đô hội. Phong cách *sống với* và *sống vì* quần chúng, hành động sáng tác của Phạm Duy, tự nó, có một nội dung sinh động, một tư chất phản Thiền.

Tuy phản Thiền nhưng lại rất Thiền vì ba đặc trưng khai phóng nhân sinh của Thiền : *trực nhận, vô ngôn* và *vô ngã* luôn luôn hiện diện trong *Phạm Duy,*

con người và tác phẩm.

Nói cho rõ hơn : *Thiền khai phóng phần năng lực nội tại tích lũy trong mọi người*. Nguồn năng lực tự nhiên ấy, trong hoàn cảnh thông thường, vì những gò bó xã hội, gò bó trí thức, gò bó kiến thức, bị dồn ép, vặn tréo đi đến độ không thể nào thoát ra được. Thiền đưa ra phương thức khai phóng nhân sinh, trực tiếp kêu gọi ánh sáng bằng *chứng nghiệm bản thân* thay vì kiến thức sách vở vì Thiền cho rằng chính tri thức ấy tạo ra cho ta đủ thứ vấn đề để không bao giờ giải quyết được, chính nó là nguồn gốc của sự vô minh nên cần dẹp nó ra một bên, nhường chỗ cho một cái gì khác siêu đẳng hơn, cao hơn, minh triết hơn (Suzuki). Nội dung của giác ngộ cần phải *trực nhận*, không qua trung gian của ngôn ngữ và sách vở. Ngôn ngữ là sản phẩm của nhân duyên, bản chất luôn luôn biến đổi theo thị hiếu và thành kiến xã hội. Ngôn ngữ đôi khi phản bội lại con người, phản bội sự thật, cho chúng ta một nhận định hư giả về sự thật. Cho nên muốn thấu triệt một vấn đề, chúng ta phải vận dụng khả năng nội tại. Trước những cực điểm của cuộc đời như khổ đau, khoái lạc, hạnh phúc... con người *không nói* nữa, không *suy nghĩ* nữa, không *phân biệt cái tôi* nữa. Cho nên *trực nhận, vô ngôn, vô ngã* là biện chứng của Thiền trước vô cùng, vô cực. Nói cách khác, Thiền mở cửa cho chúng ta đến vô cực bằng những ngả *trực nhận, vô ngôn, vô ngã.*

Âm nhạc là một nghệ thuật dựa trên hai yếu tố căn bản : *vô ngôn và trực nhận*. Âm nhạc đến hoặc không đến với chúng ta. Chúng ta cảm hoặc không cảm một bản nhạc. Với âm nhạc, không có vấn đề : hiểu hoặc không hiểu. Với âm nhạc không cần lý luận, dẫn giải. Âm nhạc là vô ngôn, là thứ ngôn ngữ thượng từng. Phạm Duy đã tận dụng hai tính chất *trực cảm* và *vô ngôn* của âm nhạc để nói, để sống và để sáng tác trong suốt cuộc đời. Cái học của Phạm Duy đày trường đời hơn trường học. Phạm Duy đạt tới cao độ của nghệ thuật không bằng con đường tri thức, lý luận mà bằng trực cảm : sáng tác chớp nhoáng một bản nhạc trong giây lát, đặt lời cho một bài ca trong vài *sát na*. Phạm Duy chưa từng *khổ công* học nhạc trước khi sáng tạo ra những tuyệt phẩm NẮNG CHIỀU (1947), BÀ MẸ GIO LINH (1948), VỀ MIỀN TRUNG (1948)... Và THIỀN CA là sản phẩm làm trong một đêm để xưng tụng người tình. Bản chất Phạm Duy chống lại và khinh thường cái học hàn lâm, học viện. Về *cái biết* của mình, Phạm Duy thường nói *tôi học lóm.* Đối vói đám học sĩ, Phạm Duy là người *ngoại đạo*. Tư chất coi thường sách vở, sáng tác đột xuất, *thấy* nhanh không qua trung gian của tư tưởng ấy cũng là một tư chất rất Thiền.

Khi Thiền cho rằng tư tưởng là thủ phạm dẫn đến vô minh, một cách gián tiếp, Thiền đã nhìn nhận nội dung của giác ngộ là *sáng tạo*, là *tự do tuyệt đối*, hai yếu tố cơ bản để mở cửa vào vô cực và vĩnh cửu. Mà cuộc đăng trình đến vô cực ấy, trong Thiền gọi là bến giác, Pham Duy đã trực nhận từ thuở thanh niên:

Người đi trên đường gian nan

Thở hơi gió từ ngàn năm
gió lung lay Hoành Sơn
Gió dâng cao Biển Đông
Người đi trong thanh xuân
Sưởi hương nắng như lửa hồng
Máu sôi như sắc trời
Bước nhanh vượt chân đời

.....

Người đi trong không gian
Nhịp xe uốn vòng tử sinh
Bánh xe tang ngoại ô
Chiếc nôi trong vòng hoa
Người đi trong nhân gian

...

Người đi nghe xa xăm
Mà chưa thấy bồn chồn chân
Bước di trong thời gian
Vướng bao nhiêu lòng thương
Người đi trong thiên nhiên
(LỮ HÀNH — 1953)

Sau này Phạm Duy chọn LỮ HÀNH là tín điều (credo) trên con đường *sáng tác cũng dễ hiểu.*

Nhưng động lực nào đã khiến Phạm Duy trực cảm rằng con người có thể đi đến muôn chiều: đi *trên đường gian nan*, đi *trong thanh xuân, đi trong không gian*, đi *trong thiên nhiên...* Nghĩa là đi tới vô tận? Và đi bằng gì?

Ta đi bằng một sợi tơ
(MỘNG DU - 1959)

Vậy động lực đó phải là tình yêu. Hẳn là tình yêu chứ không phải cái gì khác. Ngoài tính chất giăng mắc, mong manh, *tình yêu* là lần đầu tiên *cái tôi* thoạt biết có *cái khác tôi* (người khác). Cái tôi, cho đến bây giờ, tưởng như bất khả phân. Giờ đây, tự chẻ đôi ra: cùng một lúc vừa xác định cái tôi vừa từ bỏ cái tôi để nhập vào người khác (Suzuki). Nhập như thế nào? Nhập bằng hai nẻo: thể xác và tâm linh. Tình yêu làm cho *cái tôi* mất đi (vô ngã) trong đối tượng (người mình yêu) và đồng thời cũng đòi quyền chiếm hữu đối tượng đó. Trước tình yêu, *cái tôi* tỏe ra để rước cái khác vào mình. *cái tôi* tan vào trong *cái khác. Cái khác* kia chính là *tự do* của con người. Tình yêu là bước đầu của *vô ngã*. Tình yêu vừa đưa đến tự do, vừa triệt tiêu tự do vì ta đem tự do của mình cho người khác. Mâu thuẫn đó nằm trong những nghịch lý sâu xa nhất của cuộc đời. Những kẻ đa tình, muốn cho nhiều lần, thường khôn ngoan lũy tiến đối tượng tự do: *cho rồi xin lại tự do* (CHO NHAU -

1957). Nhưng lũy tiến tự do cũng là một hình thức của vĩnh cửu. Cho nên Phạm Duy vừa đa tình vừa chung tình:

Dìu nhau sang bên kia thế giới
Dìu nhau nương thân ven chín suối
Dắt dìu về tới xa vời, đời đời
Dìu nhau đưa nhau vào nghìn thu
(THƯƠNG TÌNH CA - 1956)

Ý thức vĩnh cửu *thiên thu trong lòng này* (LỮ HÀNH) và vô cực *đừng cho không gian đụng thời gian*" (THƯƠNG TÌNH CA) không chỉ thấy trong những bản tình ca mà còn rải rác trong toàn bộ tác phẩm của Phạm Duy: bằng ý nhạc mở rộng tới vô cùng trong CHIỀU VỀ TRTÊN SÔNG (1956), bằng ý nhạc và lời ca lộng biển trời VIỄN DU (1953), MẸ TRÙNG DƯƠNG (1963-64), đến trong thăm thẳm lòng người như TÂM CA (1964-65), đến bằng tình yêu truyền kiếp trong RONG CA (1988).

Ý thức vĩnh cửu tựu trung là sự mở rộng cõi lòng *đêm đêm người mở lòng ra* (MỘNG DU) để *cho nhau cả bốn trùng dương* (CHO NHAU), đã *yêu nhau như lòng đại dương"* (TÌNH HOÀI HƯƠNG): phật gọi là *tâm,* là *Phật,* là *giác ngộ,* và là nội dung của Thiền.

Nhưng bằng cách nào Thiền đã đi vào âm nhạc Phạm Duy ?

*

Tiếng chuông và tiếng kinh, như Phạm Duy kể lại, là những ấn tượng tình cờ đến với nhạc sĩ từ thuở ấu thời :

"Lúc còn nhỏ, vì mẹ tôi là một Phật tử thuần thành cho nên tôi hay được theo mẹ đi tới các nơi lễ bái nổi tiếng như Chùa Thầy, Chùa Hương, Đền Sòng Phố Cát. Tôi biết tụng kinh, thuộc làu Kinh Bát Nhã : Xá lợi tử, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thụ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị. *Thuộc làu kinh kệ nhưng tôi chẳng hiểu gì hết!"*

Chính cái chỗ *chẳng hiểu gì hết* ấy mới là cốt tử và đi vào cõi nhạc Phạm Duy trong suốt cuộc đời. Vì nếu Phạm Duy "hiểu hết" thì không phải là Thiền. Không có THIỀN CA. *Trên đường về thôn xóm buồn teo, xa xa tiếng chuông chuà gieo"* từ huyện Gio Linh 1948, rồi tiếng chuông và người mẹ gắn liền thành tiếng nội tâm *me ơi, me ơi, chuông chùa nào la đà ?* gợi từ lòng NGƯỜI VỀ (1954) khơi sâu đến MẸ TRÙNG DƯƠNG, BIỂN MẸ... sau này. Và những cuộc gặp gỡ đắm say nhất trong đời tình của Phạm Duy cũng nhuộm mầu đạo lý : *Gặp nhau trong kinh cầu một hồi chuông* (TÌM NHAU — 1956), bao dung : *Tình thương nhân thế bao la* (XUÂN THÌ — 1963) và nhân ái: *Thương đời thương lẫn nhau trong chiều* (CHIỀU VỀ TRÊN SÔNG), đôi khi nặng mùi Thiền vị :

Xa xa có tiếng kinh cầu

Chiều trên dương thế mang sầu mênh mông
(XUÂN THÌ)

Vậy cái mà Phạm Duy bảo là "chẳng hiểu gì hết" thực ra là "ý thức về Đạo", về lòng nhân ái, về tình người đã nhập tâm nhạc sĩ từ lúc lọt lòng, qua mẹ, tiềm ẩn trong vô thức, (các hình thức khác : ca dao, dân ca... cũng xâm nhập Phạm Duy một cách tiệm tiến như thế) và mỗi khi có một động lực thúc đẩy, bật ra trong sáng tác : trong Phạm Duy không do tư tưởng mà ra, cũng không do chủ đích hành *Đạo* mà ra. *Đạo* trong Phạm Duy từ *vô tâm* mà ra. Và *vô tâm* là bản chất sâu xa, là nguyên lý của Thiền.

*

Bản chất sống và sáng tác của Phạm Duy, do đó, vừa có chất Thiền vừa phản Thiền. Bản chất đó được hiện thực hoá, âm nhạc hoá trong THIỀN CA.

Cái cõi *thinh không* muôn chiều của Phạm Duy đã trực cảm trong lời ca của bài LỮ HÀNH cách đây 40 năm, phải đến THIỀN CA mới mở ra toàn diện trong ân nhạc. Bước vào THIỀN CA là một *thinh không* vô tận, vang trong thanh âm mà chúng tôi tạm gọi là "gian âm": âm nhạc trong không gian và âm nhạc trong thời gian. Hòa âm của Duy Cường ở đây là một thử nghiệm: "nghiệm âm". Âm nhạc, bình thường, chỉ là nghệ thuật âm thanh dội lên trong một khoảnh khắc thời gian nhất định. Nhưng ở đây, Duy Cường đã tạo được *chiều dày* thứ hai: *chiều dày không gian* rồi từ đó biến tiết, tạo thêm các chiều khác: *dương gian, nhân gian*... khiến cõi *thinh không* của Phạm Duy dày thêm, sâu thêm, biền biệt, trở thành vô cùnhg vô tận...

Cõi *thinh không* ấy, do đó, không chỉ là một không gian thuần túy mà còn là cõi không sinh, động, cõi không *đầy ắp sinh trùng*, những vi bản của đời sống. Giữa không gian sinh động ấy, giọng ca Thái Hiền, xuất thần, cất lên, mê hoặc, quyến rũ người nghe từ lúc nhập Thiền:

Thinh không
Trống trải mênh mông
Rộng rãi vô cùng
Cao thấp vô lường
À a a bổng
Đầy ắp sinh trùng
...

Bản chất Thiền lộ ra rõ hơn khi ý thức "vô ngã" từ từ nhập thinh không âm nhạc: *tất cả là tôi mà cũng là chung.*

Về phần nhạc, Phạm Duy cống hiến cho người nghe một vũ trụ âm thanh mới lạ, khác xa với những tiết điệu mà chúng ta quen nghe từ trước tới giờ.

Phần nghiệm âm của Duy Cường đưa thính giả vào một thế giới giàu âm sắc. cái thinh không *đầy ắp sinh trùng* ấy là vũ trụ hành tinh có hai dòng sữa tình yêu đồng qui ở một điểm tạo ra sự sống. Rồi cái vũ trụ hành tinh ấy cũng chỉ là hư vô, hư ảo:

Nhất nhất trùng trùng
Nhưng cũng là không.

Nguyên lý của cuộc đời tiềm ẩn trong tiếng võng. Tiếng võng đưa nằm trong tiềm thức chúng ta từ thuở ấu thời. Đến tuổi hoàng hôn, người nghệ sĩ tóc trắng gẫm lại, thấy *cõi tử, cõi sinh, cõi tình, cõi hận, núi đợi, vực chờ, niềm vui, nỗi khổ*... (THIỀN CA 2) nằm trong cấu trúc tiếng võng xa xưa: chao đảo giữa đôi bề tương đối. Nhưng chính cái cảm giác *đu đưa* ấy cũng chỉ là ngoại tưởng, cập bến giác rồi thì ở đâu, tâm cũng lặng, tâm không đu đưa: *Ta nằm đó... nằm im mọi chỗ.*

Sự trùng hợp tiếng võng mẹ ru với nguyên lý tương đối là một thực chất hiện sinh trong cuộc sống và hiện diện trong Phạm Duy con người và tác phẩm. Nhạc sĩ linh cảm và sống điều đó từ thuở ấu thời, chìm trong tiềm thức, rồi một chiều nao, nằm trên chiếc võng đưa, trưa hè, tại Thị Trấn Giữa Đàng, Phạm Duy *thấy* tất cả. *Đột xuất* và *trực ngộ*. Thế là Thiền. Không cần giải thích. Những "nhời bàn" ở đây chỉ là một cách se sua, hoa lá cành, cho vui, vậy thôi.

Những yếu tố chính của cuộc đời như: *tình yêu, khổ đau* và *cái đẹp*... đều chênh vênh. Cho nên lúc nào *thấy* hạnh phúc thì *hưởng* ngay hạnh phúc. Đừng chờ đợi, đừng đòi hỏi. Hạnh phúc là *một loài hoa không tên, không sắc không hương, mà như lòng tôi lộng lẫy thơm lừng tỏa ra bốn hướng* (THIỀN CA 3). Nhạc ở đây mời gọi, dịu dàng đắm say, mê hoặc. Nhạc tỏa mùi hương và tiếng hát Thái Hiền đã đem vào thính thị cả *bốn trùng dương* quyến rũ.

Nếu tình yêu đó mở cửa cho Phạm Duy bước vào vô tận từ thuở LỮ HÀNH thì đến THIỀN CA, bản chất vô ngã của tình yêu mới được Phạm Duy trải ra tới nguồn cội. THIỀN CA 5 mang tên *Xuân. Xuân* là *Mùa Xuân, Xuân* cũng có thể là tên một người, nhưng đây *Xuân* là tình yêu. Khi hát câu *người người hunh dữ, trừ tôi*, chớ tưởng: Tôi là Phạm Duy. Không. Tôi đây là *Xuân*, Tôi đây là:

... Xuân con bướm hút nhụy xuân tình
Là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ
là ý thơ nồng trang giấy xuân thư.

Phạm Duy giải thích về nhạc lý: "*nhạc ban ngày, mở đầu là những nét roi, nhát chém của cuộc đời. Rồi là những lời vãn ca. Rồi nhạc trở nên mặn mà, tha thiết*"... Đối với người nghe thì ở đây bản chất vô ngã hay sự tan loãng của con người trong nhau - mất đi trong nhau - đã được cất lên dịu dàng qua giọng hát Thái Hiền băng trinh:

Tôi là tôi, tôi cũng là em

Em là tôi, em cũng là anh.

Và không phải ai cũng thấy được những "mất mát" đó: Phạm Duy xưng tụng tình yêu từ hơn nửa thế kỷ nay, sáng tác những bản tình ca tha thiết nhất cho nhiều thế hệ yêu đương. Nhưng chỉ trong THIỀN CA, Phạm Duy mới *thấy* đến tận cùng bản chất của tình yêu. Sự trực nhận ấy là Thiền, là sức mạnh của sự sống.

THIỀN CA 6 đẩy đưa sức mạnh ấy vào cuộc tình mà ngôn ngữ bình thường gọi là sóng tình. Sóng tình được thể hiện trên một âm điệu trữ tình, âm hao Ả Rập, mang nét dục tính. Sóng tình ở đây không ẩm ướt, cô đọng và mong manh. Chợt đến - đột xuất - và cũng chợt đi như chưa từng hiện hữu: *Ta chưa ôm em thì mất em.*

THIỀN CA 7, Phạm Duy tổng kết đời mình, quan niệm và bản chất yêu đương của chính mình: vừa chung tình, vừa đa tình:

Yêu một vạn người như một người thôi

...

Hai mươi tuổi đời yêu không kịp nói

Bảy mươi tuổi trời yêu cũng vậy thôi.

THIỀN CA 8 mở rộng tình yêu sang tình đời: *ăn, chơi, sống, chết, yêu, ghét, khóc, cười, nhớ, quên...* Những yếu tố bao trùm tất cả "nổi trôi" của kiếp người. Niềm lạc quan của Phạm Duy với cuộc đời được thể hiện qua tiếng nhạc mà Phạm Duy gọi là "nhạc cười". Ở đây mới thật là an nhiên, tự tại. Tiếng nhạc, lời ca đơn giản tới độ tối đa: *Ăn cho vừa, chơi cho thật, sống cho thẳng, chết cho ngay...* Không có triết lý, không cần triết lý. Sống và hát được như vậy đã là đời rồi, là đã đời rồi. Là cõi giác đấy!

Nếu cõi đời là cõi tạm thì dại gì chúng ta không đi chơi cõi khác: Phạm Duy rong ca nơi thiên đàng và địa ngục trong THIỀN CA 9, thì *mới hay thiên đường kia cũng tối om"* và *tưởng địa ngục đen, ngục sáng hơn đèn".* THIỀN CA 9 phá vỡ ảo tưởng: tốt - xấu, trắng-đen, thiên đàng - địa ngục. Vì tất cả chỉ là tương đối. Bản chất con người *đu đưa* giữa hai bờ đen trắng. vậy phân *biệt l*àm chi? Hình ảnh Thượng Đế bên cạnh thiếu nữ khỏa thân có thể cảm nhận thế nào cũng được nhưng nó chứng minh không có Thánh Thần, Thượng Đế chỉ là người với những yêu thương, khát vọng thầm kín nhất.

THIÊN CA NHÂN QUẢ kết thúc cuộc đăng trình bằng một vòng tròn, tròn như viên đạn, tròn như trái đất, tròn vòng vũ trụ, vòng tử sinh, vòng luân hồi, vòng tay ôm ấp, vòng thai bụng mẹ... Nhạc tha nhân:

Tròn như viên đạn đồng đen

Đã khô vết máu quên miền chiến tranh

Tròn như trái đất yên lành

Muôn loài như một cõi sinh vẹn toàn.

Từ viên đạn đồng đen, công cụ của chiến tranh, một thứ tay sai chuyên nghề sản xuất những vũng lầy xương máu, Phạm Duy đã vẽ vết máu bọc đạn

sấy khô những đau thương, cô lại thành hạt bụi. Hạt bụi tái sinh thành trái tim trên một trần gian yên lành, yêu thương , tha thứ.

Tròn anh tim trẻ miên man
Trái tim trăm tuổi mới hoàn cơ duyên.
Tròn em tung tóe cánh tiên
Chim không mỏi cánh triền miên phận mình
Tròn như lời hứa chung tình
Chưa tròn nhân quả tái sinh còn nhiều

Hứa hẹn tái sinh còn nhiều chấp theo ý nhạc và lời thì không phải là cái nghiệp nhân quả thông thường, mà là một thứ thông điệp của hy vọng: tái sinh trong sáng tạo, trong sự trường tồn của con người, vĩnh cửu của nghệ thuật. Toàn bộ tác phẩm của Phạm Duy nói lên niềm lạc quan về con người, về sức sáng tạo và đồng thời sự tiếp cận với vĩnh cửu. THIỀN CA nằm trong toàn bộ ấy. Hơn cả một cuộc đời vần vật trong chiến tranh, Phạm Duy ghi lại một chữ *Quên*: đến viên đạn đồng còn quên được, huống chi con người! Chữ *Quên* đó là cõi *Tâm* của người nghệ sĩ *lặng* trong cõi *Thiền* sâu xa nhất.

*

Sáng tác là động tác phản lại bản thân: là đi tìm cái vĩnh cửu và cái vĩnh cửu chỉ có được sau cái chết. Nhưng bản thân con người sợ chết và chống lại cái chết. vậy sáng tác là nghịch lý của bản thân.

Phạm Duy không thoát khỏi qui luật ấy: THIỀN CA là một tác phẩm tổng hợp những nghịch lý của Phạm Duy trong cuộc đời và tác phẩm.

THỤY KHUÊ
20/6/93



HOÀNG HƯNG

gốc gió

Ngoài thẳm biển
Có cây nghìn lá
Nghìn lá reo nghìn xanh
Nghìn lá reo gốc gió.
Ngoài thẳm biển
Gió làm đứt chân trời
Ùa bão sóng

HOÀNG HƯNG
(Trong nước)



ĐOÀN NHẬT

người đã tới nơi

Mây xám rứt ray tháng tư tới nơi
Doi doi chưa tàn hơi bấc hụt tay với
Dấu nỗi riêng trong búp lá rậm rịt lãng quên
Đằm đằm trái tim ta giữa phố trưa đứng đợi
Trí lòng đã lên trên cột điện trơ khấc rất cao
Lá động mê mê bước chân chưa quen lối
Bỏ quên tháng tư cao lêu nghêu
Rạn vỡ từng mảnh ngày lá xám
Một cánh chim bay đúng tâm hướ ng đã mong
Không ai nhớ nữa ngày ê chề gió bão
Tháng tư cuối đường nắng hanh nỗi mong
Chuyến tàu vượt qua định mệnh yên ắng
Mây xám rứt ray tháng tư người tới nơi...

ĐOÀN NHẬT



NGUYỄN MẠNH TRINH

đọc "cái chết sau quá khứ", tập truyện trần vũ



Mỗi một tác giả biểu hiện đời sống của mình, của thế hệ mình qua một bút pháp, một phong cách, một không khí riêng, để tạo thành văn chương. Thông thường, họ sử dụng vốn liếng từ kinh nghiệm đã trải qua trong cuộc đời cộng với trí tưởng tượng làm chất liệu cấu thành tác phẩm.

Đối với nhà văn tị nạn, kinh nghiệm sống đầy bão táp của mỗi cá nhân hoặc của tập thể Việt Nam lưu vong là trọng điểm mỗi khi họ cầm cây bút. Đó là một đề tài rộng lớn, bao khắp, viết hoài vẫn chưa vơi. Có quá nhiều khía cạnh để quan sát, lột tả. Có cả một khoảng không gian thời gian mênh mông, kéo dài hàng hai chục năm và hàng ngàn dặm cách xa địa lý, với nhan nhản những nhân vật, những cảnh trạng khác thường, những bi kịch lẫn hài kịch. Vì vậy, ở phần đông những người sáng tác Việt Nam kinh nghiệm sống được xem là quá đủ, đầy ắp, khiến họ đôi khi không cần sử dụng đến trí tượng tưởng. Nó cách khác, trí trưởng tượng thường bị cái thiên hình vạn trạng của sự thật trùm lấp, đến độ trong nhiều trường hợp, vì non tay nghề hoặc thiếu tài năng, văn chương trở thành những mẫu minh họa vụng về.

Nhưng không phải không có biệt lệ, Trần Vũ, và các truyện ngắn của ông, là một điển hình. Tuy mới xuất hiện mấy năm trở lại đây ở hải ngoại, với vài ba chục truyện ngắn, Trần Vũ chứng tỏ ông là người cầm bút có trí tưởng tượng phong phú. Qua hai tập truyện: *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* và *Cái Chết Sau Quá Khứ*, ông đã mạnh dạn đi sâu vào những lãnh vực, có lẽ, ở một người tuổi tác chưa đến ba mươi như ông hẳn còn xa lạ (Trần Vũ rời Việt Nam khi ông mới 12, 13 tuổi). Đọc những truyện ngắn ấy, độc giả có cảm tưởng tác giả phải là người đã đi nhiều và sống lắm. Từ những chi tiết về ngôn ngữ của từng thời điểm đến phong thổ của từng địa phương, từ Hà Nội, Huế đến Hội An (những địa danh ông chưa bao giờ đặt chân đến),... đã được sử dụng một cách khá nhuần nhuyễn, chính xác, là một bằng chứng. Trí tưởng tượng phong phú cộng với khổ công học hỏi từ sách vở và kinh nghiệm của người khác đã tạo thành bản sắc riêng cho ông, không thể lẫn lộn với ai khác. Trong các tác phẩm của Trần Vũ, biên cương chữ nghĩa được mở rộng, sáng tác vượt qua nhiều bờ bến quen thuộc, để vươn tới những cảnh đời rất lạ thường. Cái lạ thường làm nên sự đa dạng, phong phú cho văn chương hải ngoại, nói riêng, Việt Nam, nói chung.

Cái Chết Sau Quá Khứ gồm chín truyện ngắn mà trong đó tác giả không không chỉ thuần đóng vai trò người kể. Ông tạo dựng lại khuôn mặt của con-người-muôn-thuở, từ trong lịch sử xa xưa đến cảnh huống lưu vong bây giờ. Chân dung con người ấy, được khắc họa, bằng nỗ lực tìm kiếm những phần trầm tích lắng sâu dưới bề mặt quen thuộc mang tên: yêu, sống, ăn, ngủ, dục tình... Nhân loại, dù ở đâu và trong bất kỳ thời điểm nào, vẫn mãi quẩn quanh với chừng ấy vấn đề. Và trong mỗi cá nhân, cũng như giữa "ta" với "kẻ khác", ở đâu, bất cứ thời điểm nào, cũng là đấu trường quyết liệt giữa hai phạm trù đối nghịch thiện, ác. Xuyên qua các hiện tượng được nêu lên, được phóng chiếu, được soi rọi chi li, tác giả có tham vọng vượt thoát ra ngoài mọi kết luận thông thường (và tầm thường) của lề thói dung tục, vẫn quen được phủ che dưới lớp áo đạo đức, luân lý.

Trong hành trình tìm kiếm sự vượt thoát ấy, Trần Vũ đôi khi mượn một vài nhân vật lịch sử rồi tái tạo lại theo trí tưởng tượng của riêng mình. Như truyện *Mùa Mưa Gai Sắc* vẽ lại hình ảnh Vua Quang Trung, và *Gia Phả* vẽ lại chân dung những nhân vật lịch sử thời Lý Trần: Trần Thủ Độ, Trần Lý, Hồ Quý Ly... Ai cũng hiểu, đối với một nhà văn, lịch sử không phải chỉ được nhìn như những sự việc chết, bất động, và nhà văn không phải là nhà chép sử, nên không nhất thiết phải tôn trọng các chi tiết của chính sử. Dù vậy, vẫn có một vài nhà phê bình cho truyện Trần Vũ có ý thóa mạ tiền nhân, hạ nhục anh hùng dân tộc. Tương tự như những truyện ngắn viết về các nhân vật lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp từng bị phê bình, đả kích trong nước vài năm trước đây. Thực ra, nếu am tường văn chương thế giới, chúng ta sẽ thấy trường hợp Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, chẳng phải là những trường hợp hiếm hoi. Khi Gabriel Garcia Marquez, giải Nobel văn chương 1982, viết truyện dài *The*

General In His Labyrinth (Huyền Thoại Đại Tướng) cũng đã bị phản ứng mãnh liệt và bị cấm phát hành ở nhiều quốc gia Nam Mỹ. Marquez đã dựng lại - bằng cái cách của ông - về những ngày cuối cùng tả tơi của đại tướng Simon Bolivar, một nhân vật được coi là anh hùnh vĩ đại của nhiều quốc gia Châu Mỹ La Tinh. Trong tác phẩm này, ông mô tả Simom Bolivar như một con người "rất người", với đủ mọi thói hư tật xấu. Hình ảnh này tất nhiên đối nghịch hẳn với những điều đã được lịch sử trang trọng phổ biến từ trước.

Cho nên những phản ứng đã có khởi từ các truyện ngắn của Trần Vũ, có lẽ không phải là chuyện đáng ngạc nhiên.

Ở đây, chúng ta tạm lướt qua sự tranh cãi về quyền hư cấu trong tiểu thuyết và sự chuẩn xác của chính sử. Đó là một vấn đề chắc chắn sẽ còn hao tổn khá nhiều giấy mực mà "chân lý" chưa chắc đã thuộc về ai. Chúng tôi chỉ xin giới hạn bài viết này trong một lãnh vực: đó là nội dung tác phẩm và văn chương của Trần Vũ. Chỉ duy lãnh vực này, đã có khá nhiều điều để nói.

Không cần nhọc công, những ai từng đọc Trần Vũ, đều thấy trong hầu hết các sáng tác của ông luôn thấp thoáng những ẩn ức nào đó, rõ ràng nhất là những ẩn ức sinh lý bất bình thường. Không khí truyện luôn u uẩn nặng nề, các nhân vật là những khuôn dáng con người tuy bình thường như chúng ta nếu nhìn mặt ngoài, nhưng lại là đại dương đầy sóng gió, là căn buồng đóng kín với đầy rẫy quái tượng dị hình, nếu đi sâu vào nội tâm. Chúng ta hãy thử đọc một đoạn trong truyện "Mùa Mưa Gai Sắc":

Nhưng Ngọc Hân không muốn bị khuất phục, không muốn Huệ cưỡng chiếm mình như cưỡng chiếm dinh thự, trâu bò của Bắc Hà. Nàng nhìn trừng trừng Huệ, cái nhìn của con thú sắp bị cắt tiết. Cái nhìn của Ngọc Hân có thể làm chùn tay Chỉnh nhưng với Huệ, - uy vũ dũng - cái nhìn chỉ làm cho Huệ đang say bỗng sôi gan. Huệ chụp lấy ngực áo của Ngọc Hân xé toạc. Bằng hành động của con mãnh thú, Huệ xô ngã sấp Ngọc Hân ra giường, tháo dây đai quật xối xả lên tấm lưng mảnh dẻ tưởng như giải lụa bạch đang oằn mình chịu đòn. Huệ quất như thúc voi thúc ngựa, tiếng roi đánh chan chát tóe lửa vun vút cuồng nộ. Rồi không kiềm chế được, như Nguyễn Nhạc ngày xưa mất tự chủ trước da thịt mời gọi của Phú Xuân, Huệ đè ngửa lên biểu tượng trinh trắng của Thăng Long. Những bắp cơ Huệ còn nhớp nháp mồ hôi quấn lấy mình Ngọc Hân đang nghiến răng chịu đựng. Huệ vục gáy xuống ngực Ngọc Hân cắn như xé thịt. Dáng đè của Huệ, hai đùi chống xuống giường, mình trần phủ lên người Ngọc Hận, y như dáng hổ đang ngoạm hoẵng. Đến lúc Huệ bắt Ngọc Hân co hai đầu gối thì nàng quá đau đớn không dằn được, bậc tiếng kêu nấc trong đêm tối. Huệ nghe tiếng nấc, khoái cảm càng tăng lên như những lúc chứng kiến hành quyết...

Truyện *Mùa Mưa Gai Sắc* quả đã tạo ấn tượng mạnh trên cân não người đọc, và từng gây ra tranh luận như chúng tôi vừa trình bày bên trên. Dù đồng ý hay không với tác giả, chúng ta cũng phải công nhận, đó là một truyện ngắn hay. Chỉ một lấn cấn nhỏ, theo chúng tôi, làm người đọc băn khoăn. Đó là

phần "ghi chú" ở cuối truyện (trang 33). Như đã nói, tùy tâm cảm và quan niệm về lịch sử, mỗi người có một cái nhìn, hay nói cách khác, người cầm bút có toàn quyền trong hư cấu. Và đã là hư cấu, đã là sản phẩm của trí tưởng tượng, nhất thiết những câu ghi chú ấy liệu có tạo thêm sức nặng cho tác phẩm hay không? Tự nó, tác phẩm, có tính độc lập. Tự nó, tác phẩm, qua tài năng của tác giả, đã mang trong bản thân một giá trị nào đó. Mọi râu ria mắm muối hình như không cần thiết. Tuy nhiên có thể Trần Vũ có dụng tâm chăng. Trong một lần tiếp xúc, Trần Vũ có bảo hình ảnh Nguyễn Huệ qua cái nhìn của nhà văn Nguyễn Mộng Giác "hiền" quá, và ông không đồng ý với cái nhìn đó. ông muốn mô tả một Nguyễn Huệ khác, theo quan niệm của ông, một Nguyễn Huệ từng đánh Đông dẹp Bắc, tốc chiến tốc thắng, tất nhiên không thể là một nhân vật "cả thẹn", run rẩy, lúng túng trước một nhan sắc.

Trở lại với các truyện ngắn của Trần Vũ, chúng ta có thể khẳng định không sợ nhầm lẫn, ông là một tác giả cực kỳ táo bạo khi tạo dựng cho những nhân vật của mình một đời sống sinh lý bất bình thường. Ông đã mang những đề tài mà tới bây giờ còn bị coi là cấm kỵ với văn chương Việt Nam vào những truyện ngắn với cung cách hết sức độc đáo. Những nhân vật đắm chìm trong không khí hoang đường u uẩn và cuộc đời họ là cuộn chỉ cực độ rối ren với tâm lý bất thường bất định. Họ có thúc ép riêng, đặc biệt về phương diện sinh lý. Hãy thử xem trong những nhân vật của từng truyện để thấy được những bệnh thái tâm lý gần như bịnh hoạn. Từ lão Chu, Ngự, Ngọc Hân, đến nhân vật ở ngôi thứ nhất xưng tôi, đều đẫm dục tính và u uất đen tối. Đôi truyện, ở phần kết cuộc, tác giả bất ngờ cho chúng ta thấy nhân vật của ông là những kẻ lưỡng tính luyến ái (*bisexual*). Đôi truyện khác, nhân vật lại mang bệnh bạo dâm (*sadism*). Điển hình như Loan của truyện ngắn "Phố Cổ Hội An":

Từ lúc đánh con Liên. Loan đã sống trong trạng thái gần như thỏa mãn, cực xúc cảm. Nên chỉ đợi Lữ dìu tới giường là Loan hối hả ghì vít, Loan đạt tới khoái cảm không bằng thể xác của Lữ, mà bằng những đau đớn trông thấy trên mình con ở lúc nãy. Loan gọi, Lữ, Lữ... ú ớ sung sướng lịm người, Loan giúp Lữ cởi áo, hôn, cấu, nhay khoảng thịt sạm nắng ở bả vai, Loan ngậm chắc sợi gân nổi ửng lên dưới cần cổ Lữ như sợ Lữ biến mất bỏ đi...

Mặt khác, không khí truyện của Trần Vũ thường lãng đãng, mơ hồ, tranh tối tranh sáng, phân vân giữa mộng và thực. Mỗi nhân vật dường như là biểu tượng của một ẩn dụ, và phần đông, đều có khuynh hướng biểu lộ cả hai phần phải và trái của một sự kiện. Do đó, biên giới truyện loang rộng đến lãnh vực tâm linh khá kỳ bí. Đọc truyện ngắn *Pháo Thuyền Trên Dòng Yang Tsé* ta thấy hiện tại và quá khứ trộn lẫn vào nhau, cái thơ mộng lãng mạng trộn lẫn với cái nhọa nhầy xác thịt. "Mối tình" của đứa em trai tật nguyền, đui mù dành cho người chị ruột có tính cách vô luân với đủ mọi trò điên rồ xác thịt, cùng với những mộng ước tội nghiệp, khốn khổ nhưng rất trong lành thánh thiện. Quá khứ buồm thảm của chuyến vượt biển mà vết sẹo còn in hằn đau

nhói mỗi ngày đã thành chất nhựa nuôi lớn tình yêu và làm cả hai đối tượng bị tràn ngập trong những dằn vật nội tâm kinh khiếp.

Về mặt văn chương, tuy dữ dội, tàn bạo, sắc lạnh, nhưng văn của Trần Vũ vẫn ăm ắp chất thơ, cũng như chữ nghĩa đã không kém phần bay bướm. Trong hầu hết mọi sáng tác đã được phổ biến, chúng ta tìm thấy không khó những đoạn tả cảnh tả tình rất đẹp, rất chuẩn. Hơn thế nữa, qua đó, nhìn ra được dụng ý của tác giả: ông muốn tạo dựng những hình ảnh và ngôn ngữ cách nào đấy để người đọc dễ dàng liên tưởng tới những ẩn ý và ẩn ngữ lẫn khuất đâu đó trong mạch văn.

Thời thế cũng ghi dấu hằn trong truyện Trần Vũ, nhưng đôi khi chỉ là một cái cớ, để từ các trạng huống ấy, có thể đãi lọc thành những nhân dáng điển hình. Đọc *Benhur Và Messala* chúng ta có cảm giác ấy. Những cuộc đổi đời, những hoàn cảnh nghiệt ngã, nhưng chua cay đắng chát của thực tại... Tất cả nhằm dẫn đến mục đích khắc họa rõ thêm cái nhân dáng đa dạng muôn thuở của con người, mà ở bất cứ thời đại nào cũng có.

Đi sâu hơn nữa vào văn chương Trần Vũ, tôi không thể không có sự liên tưởng và so sánh. Thí dụ, đọc *Cái Chết Sau Quá Khứ*, *Mùa Mưa Gai Sắc* tôi nghĩ đến Nguyễn Huy Thiệp. Hay đọc *Những Bông Cẩm Chướng Dại*, tôi không thể không liên tưởng đến *Khung Rêu; Những Trận Gió Kinh Thiên* của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Chắc chắn không phải vì đề tài giống nhau hay cách tạo dựng các nhân vật hoặc kết cấu tiểu thuyết tương tự. Nhưng, phải thú thực rằng, truyện ngắn Trần Vũ đã như một cánh cửa mở rộng, qua đó, tôi tìm thấy những hình ảnh đặc thù của nhiều tác giả. Nói cách khác, Trần Vũ tạo bản sắc cho riêng mình bằng tổng hợp bản sắc của nhiều người. Điều đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên và đáng nói. Tri thức và trí thức của mỗi cá nhân là tổng hợp mọi kinh nghiệm của nhân loại, qua nhiều thời đại. Đáng nói chăng, bằng tri thức, kiến thức đó, Trần Vũ đã tạo được những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ cao, xuyên qua tài năng của mình, để xác định một chỗ đứng riêng biệt "rất Trần Vũ", trong môi trường chữ nghĩa hôm nay.

Nhưng có một truyện ngắn tôi rất thích vì nó mang đặc sệt tính chất Trần Vũ. Đó là *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô*, mô tả bữa rượu sân si ngất trời của hai người cùng cầm bút và cùng có những u hoài, những suy tưởng về đất nước và thời thế. Các câu đối thoại giữa họ dường như không phải với nhau mà có vẻ muốn gợi ý cho cả thế hệ chúng ta nữa. Qua mẫu đối thoại dưới đây, Trần Vũ đã làm bật lên được nỗi đau đớn của những kẻ "chân đi không chấm đất, cật chẳng đến giời..."

- Thiết tha trăn trở cho bi kịch đất nước, thế sao anh còn qua đây làm gì?

- Qua thì sao? Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh cũng lưu vong mà.

- Các cụ có làm được gì đâu...

Tam im lặng. Biết anh không muốn trả lời, tôi lảng chuyện bằng cách rót thêm rượu vào ly. Tam nạp liên tục như muốn khỏa lấp. Một, hai, ba, rồi bốn năm ly, chẳng mấy chốc anh đổ kềnh ra ghế.

Tam lật rồi tôi mới thấy mình lạc lõng. Khu vườn rộng hẳn, dài mênh mông gấp bội. Một đống vỏ chai, thau bún rỗng, nồi giả cầy cạn, nhưng còn rượu. Giá tôi đừng hỏi điều ấy, chắc bữa rượu hãy còn vui. Lần đầu, tôi trông thấy tận mắt đau khổ của một kiếp người. Tôi khui hết những chai rượu còn sót, uống một mình. Từ năm 78, tôi đã uống hết bao nhiêu chai rồi?

Trần Vũ, như một tay tìm vàng liều lĩnh, ông không ngừng đào xới vào những địa tầng tối tăm của tiềm thức. Công việc chính yếu của ông không phải là kể lại câu chuyện theo từng động tác, sự kiện nối liền nhau. "Cốt truyện", với ông, chỉ là cái cớ để đi vào bề sâu của đời người, nhằm mục đích tìm kiếm, đánh giá lại, bằng quan niệm của riêng ông, cái điều phải lẽ trái mà con người mãi miết tra vấn từ bao lâu nay. Dĩ nhiên, đó là việc khó hoàn tất (có thể nói, không bao giờ hoàn tất). Nhưng, từ quá trình nỗ lực và xây dựng bền bỉ, Trần Vũ đã chứng tỏ với chúng ta rằng ông là một người viết có ý hướng đi tới mạnh mẽ.

*

Nhìn vào thực tế Văn Học Việt Nam hải ngoại, nhiều người nhận xét: người viết và người đọc đều tương đối ở lớp lớn tuổi, nên sự tồn tại của nền văn học ấy khá mong manh. Văn chương có còn hiện hữu không khi người đọc trống vắng và người viết cứ mỗi lúc một hao mòn đi? Kinh nghiệm rút được từ những cộng đồng đã sống lưu lạc lâu đời như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Phi Luật Tân..., đã cho chúng ta thấy rằng từ thế hệ thứ hai, thứ ba trở đi, bản sắc văn hóa cổ truyền của dân tộc bị phai nhạt dần dần, và văn chương viết bằng chữ nước mẹ cũng bị ảnh hưởng không tránh khỏi. Do đó, những người thường ưu tư tới tương lai của văn học Việt Nam ở hải ngoại đều có chung một mong ước là càng ngày càng có nhiều người cầm bút trẻ có bản lãnh tiếp tục công việc sáng tác. Bây giờ, ở hải ngoại, đã có Trần Vũ, và rất nhiều nhà văn cùng lứa với anh được độc giả đón tiếp khá nồng hậu. Sự có mặt của họ như là điều minh chứng rằng sẽ có sự kế thừa và văn chương Việt Nam ở hải ngoại sẽ không bị mai một như những người bi quan thường nghĩ.

Trở lại với Trần Vũ, dù chỉ mới xuất hiện vài ba năm gần đây, nhưng ông đã chứng tỏ là một ngòi viết tài năng, luôn khai phá và không bao giờ bằng lòng với chính mình cùng những con đường, những biên cương vạch sẵn. Có lạc quan không nếu ta hy vọng: Trần Vũ sẽ là nhà văn vượt qua được cái *tôi* tị nạn để đạt đến cái *tôi* nhân bản muôn đời?

NGUYỄN MẠNH TRINH

(Tháng 7/1993)





TRẦN ĐẠO

bên kia bờ ảo vọng
thời gian và thế nhìn trong tiểu thuyết.



Sâu sắc. Thiết tha. Tàn nhẫn. Chân tình. Có những trang tuyệt đẹp. Một truyện tình hay.

Nhưng sao tác giả không giữ trọn sự hứa hẹn đã lôi cuốn tôi thấu đêm, từ trang đầu đến trang cuối *Bên Kia Bờ Ảo Vọng* (BKBAV)?

Có nhà văn đã nhận xét: viết tiểu thuyết là viết về tình yêu. Khốn nỗi, đây là đề tài đáng sợ nhất: không xả thân ắt thất bại.

Yêu là gì? Tại sao phải yêu? Vì sao không yêu? Yêu như thế nào mới là yêu? Làm sao viết xuôi lòng người khác!

Thử nghĩ xem. Người ta có thể chết thay người khác. Ai có thể yêu thay người khác? Người ta có thể chấp nhận người khác chết thay người yêu. Ai chấp nhận người khác yêu thay người yêu mình, người mình yêu?

Người dám yêu là người dám đòi hỏi làm Người qua mắt của một người khác, và dám tin chuyện đó có thể. Đồng thời dám thừa nhận: không ai có thể ép người khác yêu mình. Không có tình cảm, thái độ, hành động nào thể hiện nhân sinh quan của con người một cách toàn diện, sâu sắc, thiết thân và... khó hiểu hơn tình cảm này. Vì vậy, rất ít tiểu thuyết dám lấy tình yêu làm chủ đề, lấy nội dung của tình yêu làm cốt truyện. Người viết chỉ tạo bối cảnh, để độc giả mặc sức mơ màng, thao thức. Vậy là đạt. Đó là sự giả dối quen

thuộc trong nghệ thuật. Nó lôi cuốn người đọc thoát tục, vươn mình tới nhân cách của mình. Mặt nào đó, nó nói lên sự hẹp hòi của người viết văn: không chịu, không thèm, không dám chia sẻ với người đọc vốn sống, quan điểm của mình.

Lấy nội dung tình yêu làm cốt truyện là chấp nhận trao đổi với người đọc về một vấn đề dường như không thể trao đổi được, và bình thường dẫn tới thất bại. Thái độ dũng cảm này, trong nghệ thuật, hiếm. Đối với khán giả của họ, nghệ sĩ thường thích cho, thích nhận, ít ai thích đối thoại.

Phương Linh là một nữ sinh đã hứa hôn với một anh chàng nhà giàu. Cô gặp Nguyên, một thầy giáo trẻ, nhiều kiến thức, thông minh, trong sạch. Kính trọng dẫn đến say mê. Linh sòng phẳng và tự trọng, cắt đứt hứa hôn, thức đêm may áo kiếm tiền trả lại hôn lễ, để lấy chồng nghèo, nhưng có nhân cách.

Vợ đau ốm, Nguyên thương xót, thu mấy đồng còn lại trong nhà đi mua phở cho vợ. Bị gã bán phở coi thường, Nguyên thấy đời tủi nhục rình đón vợ con. Anh đành làm một chuyện phổ biến trong xã hội ta: chiều Thủ trưởng, viết báo láo, hưởng một số ưu đãi, đảm bảo đời sống vật chất cho vợ con.

Người đàn bà biết được, khinh chồng vô tư cách, đoạn tình, ngủ riêng. Một đêm mê sảng, vì thói quen, ôm chồng. Sáng tỉnh dậy, tủi nhục, chị quyết định bỏ chồng con, ở riêng.

Rồi người đàn bà si mê Trần Phương, một nhạc sĩ nổi tiếng, đã bị cách chức. Trần Phương, vì tham vọng, phản bội Linh, nhưng không sao dứt được mối tình. Linh, tuy bị lừa, vẫn ngỡ rằng Trần Phương phụ bạc mình vì hoàn cảnh, nhưng vẫn trung thành với lý tưởng. Linh tha thứ, chịu phần thua thiệt, yêu thờ người nhạc sĩ đạo đức.

Cuối cùng Linh biết sự thật, hiểu Trần Phương kém tư cách hơn người chồng mình hắt hủi. Tất cả — tình yêu, tâm hồn, thể xác, từng ngày từng giờ quằn quại với miếng ăn, nỗi thương con, sự áp bức, sỉ nhục của xã hội phong kiến, đạo đức giả — nàng đã dâng cho một thằng hèn hạ, bịp bợm. Người đàn bà đau đớn hiểu rằng nhân cách của mình không thể trao cho người khác, phải nhìn người đời ngang tầm mắt, bước qua bên kia bờ ảo vọng.

Đó là đề cương của quyển sách. Khác gì đề cương về thời kỳ quá độ, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa? Biết rồi, khổ lắm, nói mãi?

Vậy mà đã đọc vài trang khó buông được quyển sách!

Vì sao thế? Vì đây không phải một tràng lập luận không biết từ đâu tới, ai chịu trách nhiệm. Nó là lời tâm huyết của một con người dám đem tính mạng, hạnh phúc đời mình ra đảm bảo. BKBAV kể chuyện con người ấy, chuyện sự trưởng thành của một con người, xuyên qua tình yêu không nhân nhượng. Nó là ý thức biến thành sự mê si, niềm say đắm phập phồng của tâm hồn, của da thịt, nỗi tủi nhục đắng cay hàng ngày, sự kiêu hãnh cuối cùng của một con người. Vì thế, tuy cấu trúc truyện rất kinh điển, đọc không thấy

chán.

Cũng vì người viết có đôi mắt sắc bén lạ thường và một tấm lòng nhậy cảm khôn tả. Ít ai linh cảm khát vọng yêu đương đến thế.

Chính vì tác giả lấy tình yêu không nhân nhượng làm tấm gương soi mói nhân cách của con người, phẩm chất của xã hội mà tiểu thuyết này sâu sắc. Từ đầu đến cuối cứ vang vọng trong ta cái đêm người đàn bà nói với chồng: tôi không thể yêu một người tôi khinh. Do đó, mỗi hoàn cảnh trở thành một nét mặt của xã hội, mỗi nhân vật biến thành một nét mặt quằn quại của tình yêu, mỗi hành động, mỗi lời nói là sự đáp ứng hay lẩn tránh một câu hỏi không thể thoái thác. Tất cả lại sinh ra, hiện hình, nẩy nở và phôi thai qua những mùa sống của một tâm hồn.

Trong tiểu thuyết Việt Nam, lâu nay, ít có truyện tình thiết tha, tàn nhẫn như truyện này. Vì Phương Linh là một tấm gương! Một tấm gương vô cùng quyến rũ và ác nghiệt cho người đàn ông nhìn rõ nhân cách của mình: Nguyên hèn yếu, Trần Phương đê tiện, bí thư Dụng sợ dư luận hơn yêu lý tưởng... Chính sự đê hèn, tủi nhục đó là bộ mặt chân tình của tình yêu chân thật! Nó đòi hỏi phủ định cuộc sống thiếu nhân cách kia để vươn lên. Nó là hoài bão sâu xa trong lòng người khi dám yêu. Càng bị hắt hủi, Nguyên càng thiết tha vợ. Nguyên mê vợ vì vợ khinh mình! Càng hèn hạ, Trần Phương càng say đắm Linh. Trần Phương yêu Linh vì biết mình không xứng đáng! Cả hai đều hiểu Phương Linh là nhân cách của chính mình.

Linh là người đàn bà mà mỗi người đàn ông thầm kiếm và úy kỵ, mong nhớ khi mơ màng, say sưa và sợ hãi nếu gặp phải. Đó là người đàn bà ta không bao giờ quên được, nhưng khó ôm vào lòng được. Người đàn bà đẹp nhất, tàn nhẫn nhất. Người đàn bà vừa tự do vừa say đắm. Người đàn bà lý tưởng. Vì thế, người đàn ông thoải mái duy nhất trong BKBAV là một chàng họa sĩ vừa đeo đuổi lý tưởng vừa biết lý tưởng không thể "lấy" được: anh tìm Linh để vẽ lý tưởng thành tranh!

Đã lý tưởng thì trừu tượng. Trừu tượng là của chung nhân loại, không còn của riêng ai. Vì vậy truyện tình dễ viết nhất là truyện tình trống rỗng. Lấy tình yêu làm đề tài, lấy nội dung tình yêu làm cốt truyện, là chấp nhận thử thách lớn nhất đối với nhà văn: thể hiện cái chung lạnh lẽo qua cái riêng của nhân vật, thể hiện quan niệm qua cuộc sống, lý tưởng qua con người, con người qua ảo vật... Mà không rơi vào những tràng tuyên ngôn nhạt nhẽo, những cuộc đấu lý khô khan.

Viết làm sao mà biến quan điểm thành tiểu thuyết được? Viết thế nào cũng được, miễn sao giải quyết đẹp vấn đề mấu chốt của tiểu thuyết, vấn đề thời gian: phải là thời gian của người đọc.

Thời gian là yếu tố quan trọng nhất trong nghệ thuật tiểu thuyết. Giữa người viết tiểu thuyết và người đọc luôn luôn có một giao kèo ẩn. Người viết kêu gọi người đọc tái tạo tác phẩm của mình. Mở sách ra, người đọc đã đáp lời một nửa: vươn qua bên kia những nét mực lem nhem, tạo lại một lý trí,

một tâm hồn. Sự kiện này xẩy ra mỗi lần ta đọc sách. Một câu văn, một công thức toán, tự nó chỉ là một mớ dấu hiệu ngoằn ngoèo, không có nghĩa lý gì. Nó bắt đầu có ý nghĩa khi ta trút vốn sống, sự hiểu biết của ta vào nó, cho nó mượn thời gian của ta. Thời gian đó gồm thời gian sống và thời gian chết. Thời gian chết là toàn bộ kiến thức ta đúc kết từ cuộc sống đã qua của ta. Ta thường so sánh nó với kiến thức của người khác, với thời gian chết của người khác.

Thời gian sống là hiện tại, là những ước mơ, hồi hộp, phập phồng của ta trước tương lai hoàn toàn bất định, hoàn toàn tự do: ta phải làm gì? yêu? ghét? tiếp tục? chấm dứt? Không ai quyết định thay ta được. Ta cũng không thể trốn tránh sự lựa chọn. Lúc ta lựa chọn là lúc quá khứ và tương lai hội tụ, lúc ta tái tạo toàn bộ giá trị trên đời: một quãng đời của ta tự nhiên lộ một nét mặt mới, một người yêu đột nhiên thay hình đổi dạng, và cả trời đất bỗng nhiên xấu đẹp, buồn vui...

Thời gian sống đó, ta chỉ có thể cho nhân vật mượn nếu nhân vật cũng như ta, là ta, một con người không có thánh thần phù hộ, chỉ đường dẫn lối, không có tương lai cố định, một con người tự do, sáng tạo, một con người. (1)

Nghệ thuật tiểu thuyết tập trung vào điểm này: khiến độc giả cho mượn cả thời gian chết lẫn thời gian sống của mình, cho mượn hết mình, quá khứ, hiện tại và tương lai, tóm lại, khiến độc giả vận dụng tự do của mình để tái tạo tác phẩm. (2) Vì vậy, tiểu thuyết hay không ai đọc cạn ý được: vốn sống càng dày, kiến thức càng rộng, tương lai càng bao la, phức tạp, và hiện tại càng căng nhựa sống. Vì vậy, đọc tiểu thuyết hay, ta quên giờ quên giấc, đọc đi đọc lại vẫn miên man: hiện tại của ta chỉ chấm dứt khi toàn bộ tương lai của ta đã trút vào quá khứ, khi ta không còn gì để cho ai mượn.

Đoạn văn đẹp nhất trong BKBAV thể hiện cái thời gian đó, đoạn văn tả cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa Nguyên và Linh. (trang 307 đến 315)

Linh đã bắt đầu hiểu Trần Phương không phải con người lý tưởng mình tưởng và chồng mình không tồi như mình đã nghĩ. Gặp lại Nguyên, liếc qua, Linh thấy chồng vẫn thủy chung, say đắm. Linh nhớ lại hạnh phúc xưa, bắt đầu luyến tiếc. Nguyên đã chấp nhận sự hèn yếu của mình và trả giá để xứng với tình yêu của vợ. Nguyên tìm Linh để nối lại mối tình. Về tình, về lý, sự gặp gỡ này phải đi tới sự trùng phùng, tái hợp. Thực tế ngược hẳn, oái oăm. Ngược lòng mình, Linh phũ phàng với Nguyên. Ngược lòng mình, Nguyên đưa tờ giấy ly hôn cho vợ ký. Hai người đều làm chuyện mình không muốn, chuyện hoàn toàn ngược ý nguyện của mình.

Tại sao vậy? Tại hai người đã sống trọn vẹn hiện tại của họ! (ôm cả quá khứ vươn tới tương lai mình tự tạo). Nguyên đã trả giá để làm người có nhân cách, không thể van xin người khác, dù là người yêu. Đó là tình yêu của người có tư cách: tôn trọng tự do của người mình yêu. Phương Linh đã linh cảm sự lầm lẫn của mình nhưng, chưa kiểm nghiệm tới cùng, chưa thể ung dung bước qua bên kia bờ ảo vọng. Đó là tự do có trách nhiệm của người có tư cách:

chưa chắc chắn, chưa kết tội người khác.

Hai con người đó bạc đãi nhau vì họ tôn trọng nhau. Họ bạc đãi nhau vì họ tự do, tự trọng, chân tình. Không ai chấp nhận một mối tình rẻ tiền.

Thế đã là hay.

Nhưng sự chia tay kia không chỉ bất ngờ, đột ngột. Nó còn là sự vĩnh biệt. Thế mới sâu sắc.

Cái hạnh phúc tuyệt đối mà hai người lưu luyến chỉ là sự tuyệt đối của quá khứ: sự thực không thể thay đổi hay phủ nhận được. Nó tuyệt đối như tất cả những gì đã qua, đã chết, tất cả những gì ta luyến tiếc. Nó là ảo ảnh. Tuy đang thiết tha cứu vãn nó, hai người cùng đã biết. Từ tương lai lờ mờ của họ vọng lại một đòi hỏi: đi thêm bước nữa để nên người. Nguyên đã không thể van xin ai nữa, kể cả người yêu, ắt cũng không thể chấp nhận lệ thuộc ai, kể cả Linh. Nguyên phải đoạn tình mới nên người. Bàn tay hạ bút không chỉ ký một tờ ly hôn. Nó đồng thời khai sinh một con người mới. (3) Linh đã không vì yêu chồng mà bỏ qua cho Nguyên hành động yếu hèn, làm sao có thể lợi dụng tình yêu của chồng để xí xóa cho mình? Hạ bút ký, Linh chấp nhận bước tới cùng con đường ảo vọng. (4)

Dù sao, chuyện đã rồi, không gì xóa được, hàn gắn được. Hai người đều luyến tiếc, đều không nói, đều hiểu: phải dứt bỏ ảo vọng cuối cùng, dĩ vãng (5). Hành động của họ hoàn toàn trung thực với nhau, hoàn toàn giả dối với mình. Hành động đó vượt qua sự suy luân tức thời của họ: nó là hành động toàn diện của con người. (6)

Đọc câu:

- Buồn quá phải không Linh. Chúng ta đều đã biến thành những kẻ dối trá.

mà lòng bồn chồn, tê tái.

Thấm thía làm sao! một câu văn...

Hoàn toàn đúng, hoàn toàn sai. Tha thiết (với quá khứ chung), trung thực (với tương lai từng người), chân tình và tàn nhẫn (với nhau trong hiện tại).

Lại hồn nhiên dựa vào lời nói chuyện với một đứa trẻ thơ.

Tuyệt.

Trong tiểu thuyết, hiếm có đoạn văn nào đẹp như vậy. Mỗi lần Nguyên bình tĩnh rít hơi thuốc, ta như trút vào ngực những tháng năm quẫn quại của đời người, nuốt trửng nỗi buồn tủi từ muôn kiếp sống dồn lại. Và từ lời nói điềm đạm thở ra trong khói thuốc, vút lên trong ta niềm tự hào khốn nạn của con người: cuộc đời này đáng gánh, cuộc tình này đáng sống trọn, vì con người kia đáng yêu.

Đọc đoạn văn đó mà ngậm ngùi, thổn thức và... kiêu căng:

Ta hồ! trượng phu đương như thị... (7)

Sự thử thách nói trên dẫn tới một khó khăn đặc biệt. Người viết vừa phải thuyết phục (lý trí) vừa phải quyến rũ (nghệ thuật). Hai đòi hỏi này rất dễ mâu thuẫn trong bút pháp. Đạt được, văn hay như người đàn bà vừa thông minh vừa đẹp, như đôi mắt nâu của Phương Linh. Thông minh làm vẻ đẹp

lộng lẫy, sâu sắc. Vẻ đẹp làm thông minh dịu dàng, trìu mến. Nghe lời nói mà nhớ gương mặt, nhìn gương mặt lại nhớ tâm hồn!

Không giải quyết đẹp mâu thuẫn đó, dòng văn sẽ đứt đoạn. Thí dụ:

Linh nhớ mãi buổi sáng sương mù thời thơ ấu....

- Con gái ơi, ra với bố nào...

Bố cô thường gọi cô như thế, giọng nghẹn ngào, nồng hơi rượu. Chính ông cũng có lỗi với cô. Ông yêu bà nhiều tới nỗi trái tim ông không còn đủ chỗ dành cho đứa con gái và ông đã bỏ cô để đi về cõi đất âm u tìm vợ. Chính ông đã dậy cho cô thế nào là tình yêu. Trí nhớ tản mạn, mong manh của Linh hồi tụ, trở nên sáng rõ dưới mặt trời hiện tại, dưới quyền năng mãnh liệt của mối tình cô đang thờ phụng. Sự nghiệm sinh có sức mạnh vĩ đại hơn chúng ta tưởng, chính vì nó...

Ta vừa thoát xác, trút hồn vào nhân vật, biến những nét mực lem nhem thành con người, thành tình cảm, nghẹn ngào nhớ tới tuổi thơ, mối tình của cha ta đối với mẹ ta, liên tưởng tới người yêu, chợt hiểu một quãng đời mình...

Đùng một cái, tác giả lôi cổ ta ra lý sự: Sự nghiệm sinh có sức mạnh vĩ đại hơn chúng ta tưởng, chính vì nó...

Đã nghe tác giả, ta phải buông nhân vật trôi theo số phận hẩm hiu của nó: một cái xác khô cứng, một mớ chữ ngoằn ngoèo. Người viết văn đâu có quyền khinh nhân vật của mình như vậy, khác gì kết thúc sinh mạng nó, phá bĩnh quá trình tái tạo nó của độc giả!

Chỉ vài dòng sau ta lại bị lôi cuốn:

Còn ông, ông cứ ngồi như cái bóng. Trước đây Linh thấy bố kỳ dị. Giờ, cô hiểu rằng niềm đam mê đã đem lại cho ông dáng vẻ lạ lùng ấy. Giờ đây, cô cũng có thể ngồi vài giờ liền cạnh Trần Phương, nghĩ tới ông triền miên ngày này qua tháng khác, có thể sung sướng nhìn đôi mắt đen u sầu của ông dưới hàng mi rợp, ve vuốt những vết nhăn trên gò má và sau đuôi mắt ông... Tình yêu nào cũng thế, nó gắn cho đối tượng những vòng hào quang...

và lại lãnh đủ một gáo nước lạnh!

Đây là nhược điểm lớn nhất trong bút pháp BKBAV: lý giải không đúng nơi, không đúng chỗ, không thuận tình. Dĩ nhiên, muốn thuyết phục, phải lý giải. Nhưng lý giải bằng văn chương khác lý giải bằng lôgíc! Lý giải bằng văn chương phải... thuận tình. Lý giải không thuận tình giết sự quyến rũ. Khi Phương Linh nói với chồng:

- Em khinh anh, bây giờ em khinh cả chính mình.

câu đó hồn nhiên cay đắng: nó vừa là lý giải vừa là hành động, nó thể hiện một con người, nó là lời nói có máu xương, là sự thật đang hình thành xuyên qua một cuộc sống, là sự thật của ta khi ta chấp nhận đọc sách, trút hồn mình vào nhân vật, tái tạo nó. Khi tác giả phân bua: Tình yêu nào cũng thế, nó..., tác giả báo cáo về một kinh nghiệm của người khác, đã tổng kết từ lâu, ta tiếp thu một khái niệm trừu tượng, lạnh lẽo.

Độc giả bị dồn vào thế lưỡng nan: độc giả không thể vừa sống qua nhân

vật (cho nó mượn cái tôi, tái tạo nhân vật) vừa tranh luận với tác giả (rút cái tôi về để thảo luận với người khác). Đã sống qua nhân vật thì lý giải kia trở thành nhạt nhẽo. Đã thảo luận với tác giả thì nhân vật kia toi mạng.

Có lúc tác giả thẳng thừng tống cổ ta ra ngoài!

Nguyên vừa quyết định bỏ Ngọc Minh. Nguyên đứng nhìn Ngọc Minh nằm trên giường khóc. Anh nhớ những ngày chung sống, tấm lòng tốt, ngây thơ của người đàn bà:

Nguyên định vào nhà, an ủi Minh. Nhưng anh biết điều đó chẳng ích gì. Người đàn ông đứng thêm mười lăm phút nữa rồi lên xe về.

Để biết Nguyên đã đứng 15 phút ta phải nhìn Nguyên từ ngoài, vừa chú ý theo dõi đồng hồ vừa xem xét động tác của hắn, rồi kết luận: hắn đứng đúng 15 phút. Ta đã rời bỏ thế giới của nghệ thuật, đi vào một phòng thí nghiệm khoa học. Đọc hai câu trước ta còn là Nguyên, ta đang mủi lòng, do dự. Đùng một cái, ta biến thành một quan sát viên lạnh lùng, một người ngoài cuộc, ta không còn là độc giả tiểu thuyết nữa!

Vì thời gian trong tiểu thuyết là thời gian của độc giả, thế nhìn của độc giả phải làm kim chỉ nam cho ngòi bút của nhà văn . Nhà văn viết để rủ người khác đọc, rủ người khác tái tạo tác phẩm của mình, không nên áp đặt thế nhìn của mình một cách đơn giản.

Nhu cầu trao đổi với độc giả mãnh liệt tới mức nó tác động tới cả cấu trúc của câu văn:

Bàn tay ai đặt trên trán cô, giống bàn tay mẹ trước khi bà bị cơn sốt thương hàn cướp đi cuộc sống.

Lôgíc đòi hỏi viết như vậy, rõ ràng, đầy đủ. Vẻ đẹp, ngược lại, đòi hỏi một chút mơ hồ. Cơn sốt thương hàn cướp đi chẳng hạn. Vẫn trọn nghĩa nhưng khác hẳn. Một câu lập biên bản một sự kiện khách quan, một câu thổ lộ sự mất mát của một con người.

Khó khăn này, thực chất là mâu thuẫn giữa sống thật và sự thực.

Người làm khoa học có những giây phút rất thơ: đặt câu hỏi, mơ màng sáng tạo giả thuyết, say sưa kiểm nghiệm đúng sai, để rồi thành công hay thất bại. Người đó cũng có lúc lạnh lùng: trình bầy giải đáp đã được chứng minh. Giả thuyết đã trở thành sự thực, thành khái niệm. Sự thực, khái niệm là của chung nhân loại, không còn của riêng ai. Nó không còn nét đậm, chiều sâu của sự sống, màn đêm của con người đeo đuổi nó: nó đã mất hồn, lăn vào thế giới thực.

Quan điểm cũng vậy. Nó là sự thật đã trở thành. Nó là quá khứ đã được phân tích, tổng kết của một cuộc sống. Người đọc có thể tán thành hay chống đối, khó có thể rung động vì nó.

BKBAV, đã đọc, khó buông, đọc xong lại ấm ức, cũng vì vậy: rất nhiều đoạn đẹp, rung cảm, như sự thật đang hình thành (trong ta, qua nhân vật); nhưng thỉnh thoảng lại xen quan điểm của người ngoài cuộc, từ trên trời giáng xuống (tác giả không phải là nhân vật trong truyện), không thiết thân

gì với thời gian ta đang sống. Hình ảnh Phương Linh đẹp nhất không phải đôi mắt trong suốt chân lý. Là hình ảnh cuối cùng: một người đàn bà thẳng người bước qua bên kia bờ ảo vọng. Đọc tới đó mới chợt hiểu, bồi hồi và... muốn lật lại trang đầu. Suốt đêm đeo đuổi những chấm mực lem nhem lún trong giấy nâu xạm. Sáng đến, mắt nát nhàu khép sách lại. Tôi mơ màng, một ngày nao, mở lại BKBAV, thấy giấy trắng lạnh lùng như cuộc sống hôm nay, nét mực sắc sảo như tình yêu muôn thuở, đọc một hơi, hồn cuồn cuộn theo những đoạn văn như:

Những hình ảnh quen thân ấy khua động tình yêu bị vùi lấp trong anh - một tình yêu cuồng si cả óc não cùng thân xác. Tình yêu của một chàng trai hai mươi, của một người đàn ông từng trải và dạn dày nhẫn nhịn, của cả một ông già sáu mươi tám tuổi mai sau... Cái tình yêu ấy gào thét trong anh, sau một quãng thời gian trống vắng, sau nhiều đêm hy vọng mỏi mòn, sau nhiều ngày chờ đợi...

- Tôi căm thù cô.

Tôi sẽ bồi hồi nói với bè bạn: phải đọc ngay BKBAV, truyện tình đẹp nhất.

Phương Linh là người đàn bà chỉ biết cho, không biết nhận. Cho tất cả những gì cao đẹp nhất của con người, nhận tất cả - trừ sự thực khó nhận nhất: con người ngày nay đê hèn. Nguyên là người dám nhận mà không dám cho. Nhận tình yêu, nhận thoả hiệp, nhưng không dám cho cái khó cho nhất ở đời: nỗi tủi nhục.

Ta là người trong tiền sử của nhân loại. Ta chào đời, hai tay đã vấy máu. Có những lúc, tình người, nhân cách chỉ có thể thể hiện bằng cách giết người. Diệt Mỹ chẳng hạn. Những lúc đó, có khi sự dũng cảm, tình người, nhân phẩm chỉ còn ở một điểm: ý thức mình đang giết người. Phải giết. Muốn giết. Trả giá phải trả để nhân loại tiếp tục là hy vọng của con người. Có những lúc, tình thương giữa hai kẻ nô lệ thu gọn trong nỗi căm thù chung người xiềng xích họ. Ngoài ra, nhìn nhau vẫn thấy nguyên hình ảnh, tư cách và hành động hàng ngày nhục nhã của hai cuộc đời nô lệ.

Ta chào đời, tâm hồn đã phủ màn đêm. Độc lập, tự do, hạnh phúc, công bình, bác ái, phẩm tiết, nhân cách, giống nòi, giai cấp, lý lịch... Biết bao giá trị từ muôn đời dồn lại...

Cái gì còn là ta? Cái gì là nanh vuốt của người đã chết, vắt hồn ta để kéo dài sự dẫy dụa?

Và làm sao biết được có gì đằng sau mắt người yêu? Một màn đêm thăm thẳm...

Yêu nhau, có khi chỉ là thời gian ta tặng nhau để tìm một tia nắng.

Ngày nào đó, khi ta còn sống... (8)

Những ngày đó là những ngày của ta. Ta không thể có những ngày khác. Ngày nào đó, khi ta còn sống, ta - những thằng lang thang nơi cạn trời ráo đất - còn khẳng định: cuộc đời ngày nay đáng sống, con người ngày nay đáng

khinh, đáng hận, đáng ghét, đáng yêu. Ta không thể yêu gì khác và, tới ngày toàn biệt, ta vẫn muốn yêu. Ngày đó, hồn ta vẫn khát gọi màu xanh (8), ảo vọng vẫn là lẽ sống, những chuỗi ngày ta gánh đi vẫn là cuộc sống đáng sống nhất, vẫn là nội dung thần thoại của tình yêu, của tình người, vẫn là ta.

Cảm ơn tác giả.

TRẦN ĐẠO

---

(1) Vì vậy văn minh họa lập trường, đường lối, đạo đức... thường máy móc, vô duyên.

(2) Đọc sách khoa học hay triết học ta chỉ cho mượn thời gian chết: vận dụng kiến thức của ta, cố gắng tìm hiểu ý của tác giả; nhưng ta vẫn giữ khoảng cách cần thiết giữa ta và những ý đó để xem xét, phân tích, đánh giá, phê phán. Đọc truyện dở cũng vậy: hồn không bén lửa.

Ngược lại, người đọc tiểu thuyết hay vẫn có thể đọc với thái độ hẹp hòi. Nếu đầu óc rập khuôn, trái tim héo mòn, đọc hàng nghìn trang cũng chỉ thấy chỗ này "đúng", chỗ kia "sai", không bao giờ rung cảm được: mất khả năng sống hiện tại của ngôn ngữ, ngày nay của xã hội.

Buồn, vui, tủi nhục, tự hào, say sưa, ấm ức... chỉ đến với ta khi, đọc sách, ta cho mượn cả tâm hồn. Thưởng thức văn là một nghệ thuật dành riêng cho những tấm lòng rộng mở. Tấm lòng đó, chỉ nhà văn dám tin tưởng, biết tôn trọng độc giả, mới giành được. Vì vậy nhân vật dậy đời, nhà văn giảng đạo luôn luôn có hiệu xuất cao với người mất ngủ!

3) Bản thân Nguyên cũng chưa hiểu, chỉ thể hiện qua thái độ: bình thản thú nhận với Linh mình yêu Linh ngay cả trong giấc mơ mà tay ký không run, lời nói rạch ròi, hành động quả quyết! Ngược lại Linh đã cảm thấy ngay! Linh sững sờ nhìn chồng: Thế là hết... Cô hiểu rằng anh cũng có khả năng dứt bỏ cô...

Thế mới là hiểu người, hiểu đời, hành văn, viết tiểu thuyết.

Linh đã khinh Nguyên và bỏ Nguyên từ lâu, lại không phải loại người nhỏ nhen, tham vặt. Tại sao lại sững sờ? cái gì hết? mà đau đớn vậy?

Bạn đọc hồi tưởng xem, có gì đau đớn hơn sự thật tàn nhẫn này: một người say đắm ta bỗng nhiên cũng có khả năng dứt bỏ ta. Khinh thì khinh, đau vẫn đau. Tính chất tôn giáo, thần thoại của tình yêu thể hiện mãnh liệt trong đoạn văn ngắn này. Đồng thời cũng lộ ra một vấn đề rất thời đại: có thể có một tình yêu ngang tầm người không? phải trả giá nào? để được gì?

Giây phút Linh thực sự mất Nguyên chính là giây phút Nguyên nên người, đáng yêu. Tình yêu của Nguyên trở thành vô giá chính vì Nguyên không lệ thuộc nó nữa. Vì vậy mà sững sờ, đau đớn, xé lòng nhìn nhận: Thế là hết...

(4) Linh cũng chưa hiểu, tưởng vì lòng tự ái. Quả là tự ái, nhưng là một thứ tự ái đặc biệt: phải sống cạn con đường ảo vọng mới có thể công bằng với anh hơn để mãi mãi chia ly vì cô chỉ có thể đi trên con đường của chính cô.

Hai con người này không thể yêu nhau như cũ được vì họ đã và đang trở thành người khác: họ sống động, họ là cuộc sống, là người.

(5) Tuổi thơ của con người cũng giống như tình yêu của họ. Nó là một lâu dài bằng pha lê, khi đã vỡ không bao giờ hàn chắp được. (BKBAV). Rất đúng khi tình yêu đã tan nát, trôi vào dĩ vãng với tuổi thơ. Tuổi thơ cũng như tình yêu, khi đang sống nó, không ai nói được nó là gì. Sống qua rồi nó trở thành cái này, và sẽ trở thành cái nọ, tùy hiện tại.

(6) André Malraux có câu nhận xét nổi tiếng: *L'acte précède la pensée*. Nhưng chưa từng viết một đoạn văn nào đẹp như vậy trong ý đó.

(7) Trượng phu áp dụng cho cả hai người. Thảm thay, ngôn ngữ! Nay xin dịch: *Than ôi! Làm người phải như vậy...*

Thời gian của con người như vậy: cả quá khứ (của mình, của xã hội) dồn vào một hoàn cảnh. Trong hoàn cảnh đó con người tự tạo nhiều khả năng, lựa chọn một tương lai cho quá khứ kia. Sự lựa chọn này hoàn toàn tự do. Phẩm chất của con người do con người sáng tạo xuyên qua sự lựa chọn đó. Trong đoạn văn này cả hai nhân vật đều lựa chọn tương lai đẹp nhất, nhân cách nhất. Nếu hai người khóc sướt mướt, ôm nhau, dắt nhau về nhà, thì độc giả sẽ thở dài, đóng sách lại, trùm chăn, ngủ. Đây là một sự khác biết lớn giữa chính trị và nghệ thuật khiến nhà cầm quyền và nhà thơ có lúc không thể đội trời chung: có thể có đường lối, chính sách, hành động chính trị bất nhân, vô liêm sỉ... thành công (có khi vài chục năm, thậm chí vài thế hệ), nhưng không thể có tác phẩm nghệ thuật bất nhân, vô liêm sỉ. Khán giả, độc giả chỉ ngáp một cái là tan tành! Nhân cách của người đọc là sinh mạng nghệ thuật của nhà văn. Coi thường nó ắt "tự sát".

(8) Một tuyên ngôn của người nghệ sĩ.



MILAN KUNDERA
TRỊNH Y THƯ *chuyển ngữ*

nhẹ kiếp nhân sinh

(Tiếp theo số trước)

Quyển từ điển ngắn về những từ ngữ bị hiểu sai



3.
ĐÀN BÀ

Làm đàn bà là một định mệnh Sabina không có chọn lựa. Cái gì chúng ta không được chọn lựa chúng ta không thể xem đó là công trạng hay thất bại. Sabina tin vào điều cô phải chấp nhận một thái độ đúng đắn về cái định mệnh cô không có chọn lựa đó. Đối với cô, phản kháng hay hãnh diện vì sinh ra làm đàn bà đều mang tính cách ngu xuẩn như nhau.

Trong một lần gặp gỡ khi mới quen, Franz nói với cô, giọng nhấn mạnh một cách hơi bất thường: "Sabina, em là một *người đàn bà*." Cô không hiểu tại sao anh phải nhấn mạnh một sự kiện hiển nhiên với vẻ trang nghiêm long trọng của một Kha Luân Bố khi vừa nhìn thấy đất liền. Mãi về sau cô mới hiểu ra từ ngữ "đàn bà", khi được nhấn mạnh một cách bất bình thường như thế, dưới mắt anh, không phải chỉ dùng để phân biệt hai giới tính của con người; nó mang biểu tượng một *giá trị*. Không phải bất cứ người đàn bà nào cũng được gọi là đàn bà.

Nhưng nếu dưới mắt Franz, Sabina được gọi là *đàn bà*, thì Marie-Claude, vợ anh, là cái gì? Hơn hai mươi năm trước đây, quen nhau được vài tháng,

Marie-Claude đã dọa tự tử nếu Franz không chịu lấy cô. Franz như bị bỏ bùa vì lời đe dọa này. Anh không yêu thương Marie-Claude gì cho lắm, nhưng anh bị xúc động vì tình yêu của cô. Anh thấy mình chẳng đáng gì để được hưởng một tình yêu cao cả như thế, anh cảm thấy thấp kém trước mặt cô.

Anh thấp kém đến độ anh lấy cô làm vợ. Và mặc dù cảm xúc cuồng nhiệt trong người Marie-Claude khi cô dọa tự tử không bao giờ tái hiện, anh vẫn giữ trong tim ấn tượng đó với ý nghĩ không bao giờ được phép làm cô đau khổ và anh phải luôn luôn tôn trọng cái nữ tính trong cô.

Đó là một công thức đặc biệt. Không "tôn trọng Marie-Claude," nhưng "tôn trọng cái nữ tính trong Marie-Claude."

Nhưng nếu Marie-Claude chính thị là một người đàn bà, vậy ai là người đàn bà khác ẩn giấu trong cô? Người mà anh luôn luôn phải tôn trọng? Một người đàn bà theo lý tưởng của Plato, có lẽ?

Không đâu. Đó chính là người mẹ của Franz. Chưa bao giờ anh phải nói anh tôn trọng người đàn bà trong mẹ anh. Anh sùng bái mẹ anh chứ không phải người đàn bà nào trong đó. Bà mẹ anh và mẫu đàn bà lý tưởng của Plato là một.

Năm anh mười hai tuổi, bà bỗng nhiên bơ vơ sau khi cha anh bỏ vợ con ra đi mất biệt. Cậu bé nghi có điều gì nghiêm trọng xảy ra, nhưng bà mẹ đã trấn an cậu bằng những lời lẽ bình thường. Hôm người cha bỏ đi, mẹ Franz dắt cậu xuống phố chơi, và lúc hai mẹ con ra khỏi nhà, Franz để ý thấy mẹ cậu đi hai chiếc giày khác nhau. Cậu thấy bối rối, khó xử hết sức: cậu muốn chỉ cho mẹ thấy sự nhầm lẫn của bà nhưng lại sợ làm bà đau lòng. Thế là, trong suốt hai tiếng đồng hồ dạo phố, cậu dán đôi mắt vào đôi chân bà mẹ. Đó là lần đầu tiên cậu tiếp nhận được ý nghĩa của sự đau khổ là gì.

CHUNG THỦY VÀ PHẢN BỘI

Franz yêu thương mẹ từ khi anh còn là đứa trẻ cho đến ngày anh đưa bà ra nghĩa trang; anh cũng yêu thương bà trong tâm tưởng anh nữa. Tình thương đó khiến anh tin tưởng lòng chung thủy phải có chỗ đứng rất cao trọng trong các đức tính: nhờ có lòng chung thủy, đời sống mới liền lạc thành một mối, nếu không chắc nó sẽ vỡ tan ra thành trăm nghìn mảnh ấn tượng vụt thoáng qua trong tích tắc.

Franz thường kể cho Sabina nghe về mẹ anh, có lẽ với một duyên do bí mật nào đó nằm tận trong vô thức: anh đinh ninh Sabina sẽ thấy đẹp lòng vì anh là người đàn ông chung thủy và nhờ đó anh chiếm được cảm tình của cô.

Nhưng anh không biết Sabina là người đàn bà bị lôi cuốn bởi lòng bội phản nhiều hơn là chung thủy. Từ ngữ "chung thủy" làm cô nhớ lại cha cô, một người đàn ông đạo hạnh, thanh khiết sống nơi tỉnh nhỏ, dùng trọn ngày chủ nhật vẽ vời cảnh chiều tà lên bố vải hay tô điểm hình hoa hồng lên những chiếc bình sứ. Nhờ ông, Sabina bắt đầu biết vẽ khi còn thơ ấu. Năm cô mười

bốn tuổi, cô đem lòng yêu thương một cậu trai cùng trang lứa. Cha cô hãi sợ đến nỗi ông ra lệnh cấm, không cho cô một mình ra khỏi nhà trong suốt một năm trời. Một hôm, ông cho cô xem vài bức phó bản tranh Picasso và nói giễu về chúng. Nếu cô không được phép yêu cậu học trò mười-bốn-tuổi, ít nhất cô có quyền yêu tranh lập thể. Sau khi học xong, cô lên Pra-ha với một cảm giác yêu đời là cuối cùng cô đã quay lưng bội phản lại gia đình cô.

Sự bội phản. Từ tuổi bé thơ non nớt, chúng ta đã được cha ông và thầy cô dậy dỗ, lên án bội phản là một hành vi xúc phạm tàn bạo nhất. Nhưng bội phản là gì? Bội phản là phá vỡ mọi thứ tự và đi về nơi vô định. Đối với Sabina, không có gì tuyệt vời cho bằng cất bước đi về nơi vô định.

Khi còn là sinh viên trường Mỹ Thuật, cô không được phép vẽ như Picasso. Đó là thời kỳ khi cái gọi là hiện thực xã hội được quy định và nhà trường sản xuất những bức chân dung các chính khách Cộng sản. Lòng mong mỏi của Sabina được làm một hành vi bội phản người cha chưa được toại nguyện: Chủ nghĩa Cộng sản là một người cha khác, một người cha khó khăn và kềm kẹp không kém, một người cha cấm cô không được yêu thương (thời của đạo hạnh) và cả Picasso nữa. Và nếu cô lập gia đình với một anh diễn viên hạng nhì, chỉ vì anh ta vang danh là người lập dị và không được cả hai người cha chấp nhận.

Rồi mẹ cô qua đời. Hôm trở lại Pra-ha sau đám tang mẹ, cô nhận được tấm điện báo tin cha cô cũng đã tự sát trong nỗi đau đớn cùng cực của ông.

Đột nhiên cô thấy lương tâm mình quặn xé lên đau đớn: cha cô vẽ bông hồng lên bình lọ và ghét Picasso, điều đó có thực kinh khiếp lắm không? Ông có thực đáng trách khi hãi sợ cô con gái mười bốn tuổi của ông có ngày vác một bụng bầu về nhà? Có thực là điều đáng chê cười khi ông không thể tiếp tục sống trên cõi đời sau khi người vợ mình về bên kia thế giới?

Và một lần nữa, cô lại thấy lòng mình mong muốn làm một hành vi bội phản: bội phản chính sự bội phản của cô. Cô tuyên bố với người chồng cô (người mà giờ đây cô xem như một gã say khó chịu chứ không còn là người lập dị nữa) là cô sẽ giã từ gã.

Vì B. chúng ta bội phản A. rồi lại bội phản B. Điều này không có nghĩa chúng ta sẽ làm lành xoa dịu A. Cuộc sống của một họa sĩ ly dị chồng không chút mảy may giống cuộc sống của cha mẹ cô mà cô đã bội phản. Sự bội phản lần thứ nhất không sao hàn gắn được. Nó tiên khởi cho một chuỗi phản ứng các bội phản khác về sau, mà mỗi lần như thế lại dẫn chúng ta đi xa thêm, ra khỏi cứ điểm của lần bội phản ban đầu.

ÂM NHẠC

Đối với Franz, âm nhạc là nghệ thuật gần gũi nhất với cái đẹp Dionysian trong ý nghĩa của sự say sưa. Không ai có thể thực sự say vì một quyển tiểu thuyết hay một bức họa, nhưng có ai không khỏi say đắm khi nghe khúc Giao

hưởng số chín của Beethoven, khi nghe Sô-na-ta cho hai dương cầm và nhạc cụ gõ của Bartok, hay *White Album* của Beatles. Franz không phân biệt giữa nhạc "cổ điển" và nhạc "thời trang". Đối với anh sự phân loại như vậy vừa lỗi thời vừa trá ngụy. Anh ưa thích nhạc kích động và nhạc Mozart như nhau.

Anh xem âm nhạc có sức mạnh giải phóng: nó giải phóng anh ra khỏi sự cô độc, ra khỏi sự trầm tư nội hướng, ra khỏi bụi bặm của thư viện; nó mở cánh cửa con người anh và cho phép tâm hồn anh bước ra ngoài thế giới tìm kiếm bè bạn, bằng hữu. Anh thích khiêu vũ và cảm thấy tiếc vì Sabina không chia sẻ được với anh nỗi đam mê này.

Hai người ngồi trong một tiệm ăn, và trong lúc đang ăn, tiếng nhạc đinh tai nhức óc cùng nhịp tiết thật mạnh phát ra từ ống loa đặt gần đó.

"Đúng là cái vòng luẩn quẩn," Sabina nói. "Tai người ta bị điếc hết vì nhạc chơi càng ngày càng lớn. Nhưng vì người ta điếc nên nhạc lại càng phải chơi lớn hơn."

"Em không thích âm nhạc à?" Franz hỏi lại.

"Không." Rồi cô nói thêm, "dù là nhạc ở một thời đại khác..." Cô đang nghĩ đến thời đại của Johann Sebastian Bach, khi âm nhạc như đóa hoa hồng nở trên cánh đồng của sự lặng câm, bao la và bao phủ bởi tuyết trắng.

Tiếng ồn giả làm âm nhạc theo đuổi cô từ ngày thơ ấu. Trong suốt mấy năm học ở trường Mỹ thuật, sinh viên bị bắt buộc phải tham dự trại hè suốt mấy tháng hè. Họ ở chung chạ với nhau và cùng công tác thực địa tại một công trường nhà máy thép. Ở đó, tiếng nhạc từ cái loa phát thanh gào lên từ năm giờ sáng đến chín giờ tối. Cô thấy như muốn khóc lên được, nhưng tiếng nhạc chói lói, và không có chỗ nào dùng làm nơi ẩn náu được, không thể chui vào nhà cầu hay rúc dưới đám chăn mền: mọi vật đều nằm trong tầm của những cái loa phát thanh. Tiếng nhạc như một bầy chó săn ùa lên cắn xé cô.

Vào thời điểm đó, cô tưởng thứ nhạc mọi rợ đó chỉ ngự trị trong thế giới Cộng sản. Ra nước ngoài, cô khám phá ra sự biến thể từ âm nhạc qua tiếng ồn là một tiến trình toàn cầu trong đó con người đang đi vào giai đoạn lịch sử của sự xấu xí toàn diện. Đầu tiên là những xú uế trong âm thanh phủ trùm khắp nơi: xe hơi, xe gắn máy, đàn ghi-ta điện, máy khoan, loa phát thanh, còi hụ. Chẳng bao lâu nữa sự xấu xí dưới con mắt nhìn cũng sẽ tràn ngập khắp nơi.

Sau bữa ăn tối, hai người lên phòng và họ làm tình với nhau. Trong lúc đang mơ màng sắp chìm vào giấc điệp, Franz cảm thấy mình mất dần sự mạch lạc trong ý nghĩ. Anh nhớ lại tiếng nhạc ồn ào tại bàn ăn và tự nhủ, "Tiếng ồn có một điểm lợi. Nó lấn át tiếng nói." Và đột nhiên anh nhận thức ra một điều là trọn cuộc đời anh, anh không làm cái gì khác hơn là nói, viết, dạy học, biến chế câu văn, tìm kiếm và tu bổ những công thức để rồi cuối cùng không một từ ngữ nào chuẩn xác nữa, ý nghĩa những dòng chữ bị xóa nhòa đi, nội dung mất hẳn, chúng biến thành rác rưởi, trấu rơm, cát bụi; chúng lưởng vưởng quanh trí óc anh, chúng giằng co, xâu xé trong đầu anh,

chúng là chứng bệnh mất ngủ, là căn bệnh của anh. Và điều anh đang khao khát vào lúc đó, một cách mơ hồ nhưng với tất cả ý chí của anh, là tiếng nhạc vô bờ, là âm thanh tuyệt đối, êm dịu và hạnh phúc ngập tràn, trấn át tiếng ồn ào huyên náo làm rung rinh cánh cửa, một lần và mãi mãi, phủ lấp nỗi đau đớn, sự vô dụng, sự hư phù của chữ nghĩa. Âm nhạc là sự phủ định những câu văn, là phản đề của chữ nghĩa! Anh khao khát được ôm Sabina thật lâu, ước ao không bao giờ phải nói một câu, một chữ nào, để cực độ khoái cảm tình yêu trong anh tràn đầy tiếng nhạc vang lừng, phủ lấp. Và anh đi vào giấc ngủ được vỗ về bởi âm vang chân phúc tưởng tượng đó.

ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI

Đối với Sabina, sống là nhìn thấy. Nhưng thị giác bị giới hạn do hai rào cản: ánh sáng rực rỡ làm mù lòa, và bóng tối đen kịt. Có lẽ đó là điều khiến Sabina ghê sợ tất cả mọi cực đoan chủ nghĩa. Cực đoan có nghĩa là biên giới không có sự sống ở phía bên kia, và nỗi đam mê cực đoan chủ nghĩa, trong nghệ thuật cũng như trong chính trị, chính là sự khát khao cái chết được che giấu mà thôi.

Đối với Franz, từ ngữ "ánh sáng" không gợi nên hình ảnh một cảnh tượng phơi bày dưới ánh sáng dịu nhẹ của ngày; nó gợi chính nguồn ánh sáng: mặt trời, bóng đèn điện, đèn chiếu. Sự liên tưởng của Franz là những ẩn dụ quen thuộc: ánh mặt trời của sự công minh chính trực, ngọn lửa chói sáng của trí tuệ, vân vân.

Bóng tối cũng quyến rũ anh nhiều như ánh sáng. Anh biết ở thời đại này tắt đèn trước khi làm tình là một hành vi tức cười, vì thế anh luôn luôn để một ngọn đèn nhỏ trên đầu giường. Tuy vậy, lúc đi vào Sabina, anh lại nhắm nghiền hai mắt. Khoái cảm tràn trề trong người anh kêu gọi một bóng tối. Bóng tối tinh ròng, toàn vẹn, không ý tưởng, không hình tượng; bóng tối đó không có tận cùng, không có biên cương; bóng tối đó là cái vô tận mà mỗi chúng ta đều mang nó trong người. (Vâng, nếu bạn đang đi tìm kiếm sự vô tận, bạn chỉ việc nhắm hai mắt lại!)

Và đúng lúc anh cảm thấy khoái cảm lan tràn khắp cơ thể, Franz tan biến vào cõi vô tận của bóng tối anh, chính anh trở nên vô tận. Nhưng con người anh càng tăng trưởng trong cái bóng tối bên trong bao nhiêu, phần bên ngoài lại càng thu nhỏ lại bấy nhiêu. Người đàn ông với đôi mắt nhắm lại là người đàn ông phế thải. Rồi, Sabina chán ngấy khi thấy Franz nhắm mắt như vậy, và để khỏi phải nhìn vào mặt anh, cô cũng nhắm hai mắt lại. Nhưng đối với cô, bóng tối không có nghĩa là vô tận; nó là sự bất tán thành với cái gì cô nhìn thấy, nó là sự phủ định cái gì trông thấy, sự từ chối không muốn nhìn.

4.

Có lần Sabina tự cho phép cô đến tham dự một buổi nhóm họp giữa những

người di dân đồng hương của cô. Cũng như những lần khác, họ xào lại cuộc tranh luận nên hay không nên đứng lên võ trang chiến đấu chống lại người Nga. Trong sự an toàn của đời sống di dân, lẽ tự nhiên họ chuộng giải pháp chiến đấu hơn. Sabina lên tiếng: "Thế tại sao các ông không quay về mà chiến đấu đi?"

Thực tình cô chẳng nên phát biểu như thế. Một người đàn ông có mái tóc bạc rợn sóng giơ ngón tay trỏ dài ngoằng chỉ vào mặt cô: "Cô không được quyền ăn nói như vậy. Tại mấy người mà đất nước chịu cảnh như ngày nay. Cả cô nữa. Cô đã đề kháng lại chế độ Cộng sản như thế nào? Hay cô chỉ biết vẽ vời lăng nhăng . . . "

Qui định người dân sống như thế nào, kiểm soát đời sống họ, là nguyên tắc và cũng là sinh hoạt xã hội không bao giờ ngưng đọng trong các quốc gia Cộng sản. Một họa sĩ xin phép được triển lãm tranh, một công dân bình thường xin chiếu khán đi du lịch tại các quốc gia có bờ biển, một cầu thủ bóng đá xin gia nhập đội banh quốc gia, đều phải đi thu nhặt không biết bao nhiêu thư từ đề bạt, báo cáo (từ người giữ cửa, bạn đồng nghiệp, công an, cơ quan địa phương Đảng, nghiệp đoàn liên hệ) để các viên chức đặc biệt lo việc tổng kết, cứu xét và tóm lược. Những bản báo cáo này không hề dính dáng gì đến năng khiếu nghệ thuật, đến khả năng đá bóng, hay bệnh trạng cần tịnh dưỡng nơi có không khí biển; chúng qui chiếu một điểm duy nhất: "Hồ sơ chính trị của người công dân" (nói cách khác, những gì người công dân từng tuyên bố, suy nghĩ; hành vi của hắn ta, hắn ta đứng dậy bỏ ra về trong những buổi họp hay trốn diễn hành trong ngày lễ Lao Động mùng một tháng năm trong trường hợp nào). Bởi vì mọi sinh hoạt (hiện hữu ngày qua ngày, thăng quan tiến chức tại sở làm, ngày nghỉ hè) đều tùy thuộc vào kết quả của việc cứu xét, mọi người (dù hắn ta muốn chơi banh trong đội banh quốc gia, muốn có buổi triển lãm tranh, hay muốn đi nghỉ hè tại bờ biển) ai nấy đều phải sống sao cho phải đạo để có điểm tốt.

Ý nghĩ đó chạy qua óc Sabina trong lúc cô nghe người đàn ông có mái tóc bạc nói. Ông ta không cần biết những người đồng hương của ông là những cầu thủ đá bóng tài giỏi hay họa sĩ tài ba (không một người di dân Tiệp nào tại buổi họp tỏ vẻ quan tâm đến những gì Sabina vẽ); điều duy nhất ông ta quan tâm đến là những người này đã chống Cộng một cách tích cực hay tiêu cực, có thực tâm hay chỉ bề ngoài, từ lúc đầu hay chỉ mới sau này khi đã chạy ra nước ngoài.

Vì là một họa sĩ, cô có con mắt nhìn sự vật rất chi tiết và trí nhớ cô còn ghi nhận rất rõ nhân dáng những người ở Pra-ha, những người có cái đam mê thích qui định đời sống người khác. Tất cả bọn họ đều có ngón tay trỏ dài hơn ngón giữa một chút và lúc nào ngón tay đó cũng giơ ra chỉ vào mặt người đang đối thoại. Tổng thống Novotny, người lãnh đạo đất nước trong suốt mười bốn năm trước 1968, cũng có mái tóc bạc uốn cong như thế và ngón tay trỏ của ông thì dài hơn bất cứ ngón tay người dân nào cư ngụ ở Trung Âu.

Khi nhân vật di tản danh giá nghe từ đôi môi người họa sĩ mà ông ta chưa bao giờ biết tranh vẽ ra sao, rằng ông ta trông giống Tổng thống Novotny của Cộng sản thì mặt ông ta trở nên đỏ gấc, rồi trắng bệch, rồi lại đỏ, rồi lại trắng; ông ta cố gắng thốt ra điều gì đó nhưng không thành lời, rồi im lặng. Mọi người cũng im lặng cho đến khi Sabina đứng dậy bỏ ra về.

Điều đó làm cô buồn rầu hết sức, và khi bước xuống đường cô tự trách mình tại sao cứ phải giữ liên hệ với những người Tiệp này làm gì. Cái gì trói buộc cô vào họ? Cảnh thổ? Nếu mỗi người trong bọn họ được hỏi tên gọi cái phần đất chôn nhau cắt rốn đó gợi nhớ điều gì thì những hình ảnh hiện lên trong trí não họ sẽ khác biệt đến nỗi không còn sự nhất quán nào nữa.

Hay vì văn hóa? Nhưng văn hóa là cái gì? Âm nhạc? Dvorák và Janacek? Vâng. Nhưng nếu một người Tiệp không còn chút cảm thụ nào cho âm nhạc nữa thì sao? Cái yếu tính cốt lõi để thành một người Tiệp đã tan biến vào hư không mất rồi.

Hay vì những vĩ nhân? Jan Hus? Không ai trong căn phòng đó từng đọc một dòng chữ nào của ông. Họ chỉ có thể hiểu được ngọn lửa, niềm vinh quang của ngọn lửa khi ông bị hỏa thiêu, niềm vinh quang của tro tàn, và do đó, đối với họ, yếu tính để thành một người Tiệp chỉ còn là một đám tro tàn và chỉ có thế thôi. Điều duy nhất giữ họ lại với nhau là sự chiến bại và những lời khiển trách lẫn nhau.

Cô bước đi nhanh. Chính những ý nghĩ trong đầu làm cô khổ sở nhiều hơn là sự tách ly khỏi những người di dân lưu vong đồng hương. Cô biết cô không được công bằng cho lắm. Cũng có những người Tiệp khác, những người hoàn toàn khác biệt với gã đàn ông có ngón tay trỏ dài ngoằng. Sự im lặng đầy ngượng ngịu sau bài diễn văn nhỏ của cô không có nghĩa tất cả bọn họ đều chống đối lại cô. Không, có lẽ họ chỉ thấy chưng hửng khi đột nhiên thấy sự thù ghét, sự ngu dốt của mình trong cuộc sống tị nạn. Nhưng tại sao cô không thấy thương xót họ? Tại sao cô không nhìn thấy họ chỉ là những sinh vật bất hạnh và bị ruồng bỏ?

Chúng ta biết tại sao. Sau khi phản bội người cha già, đời sống mở ra trước mắt cô, một con đường dài đầy dẫy những phản trắc, và mỗi lần mỗi hấp dẫn cô như tệ tập và chiến thắng. Cô không chịu đứng vào hàng ngũ! Cô chối từ hàng ngũ – luôn luôn chừng đó con người, chừng đó bài diễn văn! Đó là lý do tại sao cô bị khuấy động bởi sự thiếu công bằng của chính cô. Nhưng không hẳn đó là một cảm giác không vui; ngược lại, Sabina có ấn tượng cô vừa chiến thắng cái gì và có người vô hình nào đó đang vỗ tay tán thưởng cô.

Thốt nhiên, men say bỗng nhường chỗ cho sự phiền não: Con đường phải chấm dứt ở một nơi nào đó! Sớm muộn cô phải chấm dứt những trò phản bội này! Sớm muộn cô phải tự ngừng lại!

Lúc đó trời đã tối và cô đang vội vã bước nhanh vào trạm ga xe lửa. Chuyến tầu đi Amsterdam đang chờ khách. Cô tìm ra toa của mình. Người soát vé niềm nở đưa cô vào tận nơi, cô mở cánh cửa căn buồng toa tầu và thấy

Franz đang ngồi trên băng ghế. Anh đứng dậy đón cô vào, cô choàng hai tay ôm lấy anh và hôn anh đến nghẹt thở.

Cô vô cùng muốn nói với anh, như người đàn bà tầm thường nhất, "Đừng bỏ em, hãy ôm em thật chặt, hãy biến em thành trò chơi của anh, em là nô lệ của anh, hãy mạnh mẽ lên!" Nhưng cô không nói được điều gì cả.

"Anh không biết em vui sướng như thế nào có anh bên cạnh." Cái bản tính khép kín chỉ cho phép cô nói một câu nói nồng nàn nhất như thế.

MILAN KUNDERA

(Còn tiếp)



HADIM HIKMET
BẰNG VIỆT *dịch*

lại nói về tổ quốc

Trên tôi còn có gì đâu
Tổ quốc
Chiếc mũ Người thân thuộc
Đôi giầy xưa in cát bụi của Người

Tất cả hỏng đi rồi
Đến tấm áo cuối cùng
May thứ vải quê nhà không bỏ được
Giờ đã rách thành xơ mướp
Tổ quốc ơi, Tổ quốc
Tổ quốc trong tôi còn có bấy nhiêu thôi

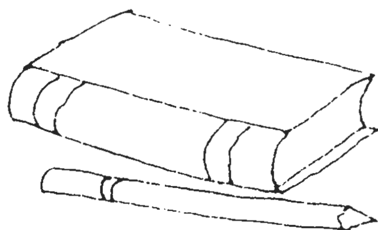
Trên tôi chỉ còn những vết nhăn sâu
Và một vết thương tươi ròng trong ngực
Và cả mái đầu bạc tóc
Tổ quốc ơi, Tổ quốc
Tổ quốc trong tôi còn có bấy nhiêu thôi

HADIM HIKMET
(Nhà thơ lớn Thổ Nhĩ Kỳ))



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 26 tháng 5, 1993

Ngày 22 tháng Năm, 1993 tại San Jose, tác giả Nguyễn Bá Trạc cho ra mắt tác phẩm *Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải* do nhà Văn Nghệ ấn hành. Nhân dịp này một buổi hội luận với chủ đề *Hoàn Cảnh Và Tâm Tình Của Những Người Cầm Bút Hải Ngoại* cũng được mở ra, với sự tham dự của khá đông các nhà văn nhà thơ nhà báo. Mọi người hy vọng đây là cơ hội tốt để tác giả và người đọc có dịp tìm hiểu, cảm thông và gắn bó với nhau hơn. Biết đâu nhờ thế tình hình sách báo ngoài nước sẽ bớt đìu hiu tẻ lạnh như vài năm trở lại đây, mà một trong các nguyên nhân, theo nhận xét của dư luận: người viết mỗi ngày mỗi "nghèo" đi, khiến tác phẩm không còn là món ăn tinh thần khoái khẩu đối với người đọc.

Rất tiếc sự việc không xảy ra như mong muốn. Chương trình "Hội Luận Văn Học" bỗng biến thành một cuộc vấn đáp chính trị (chính trị?!) và hạch sách, bắt lỗi nhau khởi từ những hiềm khích cá nhân, đại loại: sao không mời hội A, hội B, lại đi mời hội C hội D? Hoặc nêu cao tinh thần "người Việt quốc gia" kiểu phát xít: Trong *Mùa Biển Động*, sao ông Nguyễn Mộng Giác lại mô tả một anh lính VNCH cắt tai địch quân làm dây chuyền trang sức? (Làm như sự việc trên chưa bao giờ xảy ra trong quân đội của "ta". Độc giả nào từng sống ở miền Trung, nhất là Hội An, hẳn chẳng lạ gì tên tuổi đại úy TTT. Ông này không chỉ "sưu tập" lỗ tai, còn tỏ ra rất thích dùng tù nhân làm bia để tập phóng dao nữa kia). Hoặc trong *Có Yêu Em Không?* sao ông Khánh Trường dám phỉ nhổ quân đội bằng cách cho một người lính khác làm tình ngay trên gác lửng, trong lúc phía dưới quan tài của đồng đội đang nghi ngút khói hương? (Làm như mỗi quân nhân của "ta" là mỗi nhà chân tu đạo hạnh thâm viễn, chỉ chiến đấu, hy sinh vì dân tộc, cho dân tộc, còn mọi thứ mang chất "người" đều xuất phát từ "địch", của "địch" cả). Và sao buổi ra mắt sách

được bảo trợ bởi một "hội đoàn quốc gia" lại đi mời nhóm Hợp Lưu, một cơ sở báo chí chủ trương giao lưu văn hóa với địch?...

Rất may, ông Khánh Trường cùng số đông anh chị em văn nghệ từ miền Nam Cali lên, sau phần ra mắt *Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải* đã ham vui kéo nhau ra phố cà phê, nhậu nhẹt, nên những câu chất vấn không được giải đáp thỏa đáng!

Tôi vừa nói "rất may", vì với tinh thần chống cộng phơi phới thế kia, nếu ở lại, ông Khánh trường chắc chắn sẽ tả tơi bằng thích.

Tả tơi là cái chắc! Bởi vì phải trả lời làm sao? Giải thích cách nào? Chả lẽ bảo thẳng với quí vị này rằng cái tinh thần chống Cộng của quí vị nó kỳ cục quá, nó kém tự do dân chủ quá, nó độc tài đảng trị quá. Hãy khoan nói đến chuyện văn chương (chuyện văn chương hình như quí vị không mấy thích, và do đó, không mấy am tường.) Chỉ xin nói đến cái mục tiêu mà từ bao năm nay quí vị vẫn ngày đêm tranh đấu, tìm kiếm: đó là tinh thần tự do. Quí vị từng luôn luôn khẳng định như đinh đóng cột: ta hơn CS ở chỗ ta có tự do, nhất là tự do tư tưởng. Nhưng lạ chưa, sao tôi đọc *Nỗi Buồn Chiến Tranh* (Bảo Ninh); *Tiểu Thuyết Vô Đề, Những Thiên Đường Mù* (Dương Thu Hương), *Tướng Về Hưu* (Nguyễn Huy Thiệp), *Ác Mộng* (Ngô Ngọc Bội), *Ly Thân* (Trần Mạnh Hảo) của... địch, tôi lại thấy họ có vẻ... tự do hơn ta gấp nhiều lần? Quí vị không tin ư? Hãy chịu khó ra tiệm sách bê về vài cuốn, đọc thử, quí vị hẳn sẽ ngạc nhiên lắm, vì họ dám mô tả "phe họ" một cách... tàn bạo, khát máu và gian manh hết biết. Thế mà tác phẩm vẫn được cho in, vẫn được bày bán. Khổ nhục kế chăng? Hay từ ngày kinh tế thị trường bột phát, bị tiêm nhiễm bởi tinh thần dân chủ, họ trở nên "tha hóa"?

Tôi băn khoăn quá. Và vì băn khoăn quá, tôi suy nghĩ, dần dần hiểu ra rằng, sở dĩ ta càng ngày càng đi thụt lùi một cách thảm hại, như đã, chỉ vì ta cứ quẩn quanh mãi trong cái ghetto này - ôi, sao tôi ghét chữ ghetto đến thế, mà đành phải dùng, vì chẳng còn chữ nào "đắc" hơn - đâm quẩn trí, nhìn đâu cũng thấy "địch". Trong tâm tư ta, hai chữ ta địch được hiểu theo nghĩa giản dị đến ngây ngô: cái gì của địch cũng xấu xa, cũng hèn hạ, cũng thấp kém, ngược lại cái gì của ta cũng thanh cao, cũng đẹp đẽ, cũng hào hùng. Tâm đắc với khuôn vàng thước ngọc này, ta yên trí đóng cửa, cài then rồi soi gương ngắm nghía, ưởn ẹo, bước tới, giật lui, cung tay, dạng chân, múa may, nhảy nhót... Coi kỹ mà xem, sao ta đáng yêu đến thế. Chỗ nào trên thân thể ta cũng đáng giá nghìn vàng. Cái trán hơi thấp nhưng bù lại đã có đôi mắt lá răm ướt tình. Vòng ngực hơi lép nhưng đi chung với vòng eo thon, rất hợp... Nhìn chung, bù qua sớt lại thì ta quả là tuyệt sắc giai nhân.

Tình trạng tự ái (tự yêu mình) vừa nêu, xét mặt nào đó rất giống với bệnh masturbation ở một số người nhút nhát, cô đơn. Vào lứa tuổi thanh thiếu niên, chứng này không được xem là bệnh, nó là phản ứng sinh lý tất nhiên của thời kỳ dậy thì, sinh lực sung mãn nhưng chưa có chỗ "bài tiết". Chỉ trở thành bệnh khi tuổi tác đã già mà còn lạm dụng thái quá. Hành động tự thỏa lặp đi

lặp lại mãi, đến một lúc trở thành quán tính, không còn cảm thấy thích thú khi quan hệ dục tình bình thường với người khác phái, mà chỉ có thể tìm ra khoái lạc khi nào... "self-serve"! Trong thế giới của những bệnh nhân này, người nữ hoặc người nam nào "ăn nằm" với họ cũng chim sa cá lặn, cũng trượng phu rất mực, duy một điều độc nhất có vẻ không bình thường là các người tình lý tưởng ấy chỉ có... trong tưởng tượng!

Thôi thì cũng được! Tự do mà! Anh chị có quyền yêu người khác, tôi có quyền yêu... chính tôi. Ai cấm? Xét mặt nhân quyền, tinh thần tự do này rất nên hoan hô. Tuy nhiên xét mặt "khỏe vì nước" thì... cũng nên coi lại. Theo y học, chứng masturbation vô độ gây cho bệnh nhân nhiều biến thái nguy hại. Về tinh thần: mất trí nhớ, cau có, bực dọc, nói năng vấp váp, phản xạ thuần cảm tính, hay giật mình hoảng sợ vu vơ, về lâu về dài có thể đi đến điên loạn. Về thể chất: chóng mặt, ù tai, vả mồ hôi, xương cốt rã rời, da xanh tái, đau lưng kinh niên, thích nằm hơn ngồi... Nói chung, nếu cứ "ngoan cố" duy trì thói tật đáng sợ này, bệnh nhân rất có nguy cơ biến thành ngọa triều Lê Long Đĩnh: tàn bạo với người (để giải tỏa mặc cảm yếu đuối, thua bại) nhưng vô cùng hèn nhát với chính bản thân.

Không, có cho kẹo ông Khánh Trường cũng chả đời nào dám "phân trần" kiểu trên. Cho nên tôi mới vừa dùng hai chữ "may mắn". Chẳng những may hắn cho ông KT (nhờ ham vui "chuồn" trước, tránh được các câu chất vấn "nhả chẳng ra nuốt chẳng vào") mà còn may mắn cho các vị đặt câu hỏi (vì không có đối tượng để đối chất, quí vị vẫn giữ được tinh thần chống Cộng kiên cường, ít nhất, cho đến ngày "sạch bóng quân thù"!)

Ngày 28 tháng 5, 1993

Lại nói chuyện ra mắt sách.

Lâu lắm, dễ chừng hơn năm nay, tôi ít có dịp bước chân đến những nơi tụ hội đông đảo. Từ ngày "vấy" với Hợp Lưu, hình như đi đâu, đến đâu cũng bị thiên hạ... "kính nhi viễn chi". Để khỏi gây khó xử cho người, thôi thì cứ cơm nhà quà vợ, xong chuyện.

Vì vậy khi nhận được thiệp mời của nhà văn Nguyễn Bá Trạc, tôi cũng đã tính đến nước bài... chuồn (như đã chuồn, nhiều lần, với nhiều anh em ở mọi nơi). Thế rồi suy đi nghĩ lại, giữa tôi với ông Trạc tuy không thâm tình nhưng dù sao cũng đã... lỡ biết nhau, từng có thời suýt làm chung với nhau ở một tòa báo, nếu tôi không đến, ông ấy... giận, phiền lắm (ở đây xin mở một dấu ngoặc để thanh minh dùm cho ông Giao Chỉ Nguyễn Văn Lộc - xin lỗi, tôi gọi liều họ "Nguyễn", vì không nhớ rõ họ của ông Lộc - đương kim chủ tịch hội đoàn... - lại xin lỗi, tôi cũng không nhớ là hội đoàn gì - rằng, chúng tôi, bọn Hợp Lưu, đến Bắc Cali do lời mời của cá nhân ông Nguyễn Bá Trạc, một bằng hữu của chúng tôi, chứ không phải do ông Giao Chỉ. Từ bao giờ đến bây giờ cả hai bên - chúng tôi và ông Giao Chỉ - hoàn toàn không biết mặt mũi nhau nó tròn méo ra làm sao, xin báo chí Bắc Cali và các hội đoàn trên

ấy hãy thôi đừng tiếp tục "mần thịt" một chiến hữu. Coi chừng có bàn tay lông lá của CS nó gài vào, gây chia rẽ tinh thần đoàn kết, bất khuất của người Việt quốc gia chúng ta). Tôi không sợ đàn bà giận. Đàn bà thường nhẹ dạ, lỡ làm họ giận, chỉ cần xuống vài câu xàng xê mùi mẫm thì chuyện có to bằng quả núi cũng sẽ nhẹ tựa lông hồng. Nhưng đàn ông mà giận e khó có thuốc chữa, trừ phi anh đàn ông này thuộc loại... "chị", nghĩa là cùng loại với các "chị" hiện đang cư ngụ trong khu phố treo cờ phướng hai màu ở San Francisco! (Xin diễn nghĩa để độc giả các quốc gia khác được rõ: chỗ ấy là đất thánh của dân đồng tính luyến ái. Vào đấy mà đi có cặp kiểu đàn ông với đàn bà, con gái với con trai là bị xem như những kẻ bất thường ngay!). Tôi xuất thân võ biền nên hiểu quá các vị đàn ông. Gặp những anh đàn ông cùng loại vai u thịt bắp như tôi, tương đối dễ giải quyết. Khi giận, chúng tôi mặt đối mặt cùng thi thố bắp thịt, sau đó có thể sẽ quàng vai nhau đến quán làm vài "ve", huề. Sợ nhất là không may gặp phải một anh văn hay chữ tốt, làm nghề viết chữ, lắm khi phiền hà đến muôn đời sau! Những anh này bản chất vốn... thâm trầm, gặp chuyện rắc rối nhãn tiền thường chưa đánh đã chạy, thế nhưng lại sử dụng rất giỏi "chiến lược du kích". Anh ta sẽ không bao giờ giải quyết vấn đề một lần cho xong chuyện, để còn kéo nhau tìm chỗ dùng rượu rửa sạch nợ nần, mà bất cứ lúc nào, ở đâu, hễ có cơ hội là len lén "bắn sẻ", xong rỉ tai bè bạn: "Cậu coi, *thằng ấy* bị tớ phạng quả này ắt tức ói máu mà chết!", rồi xoa tay cười hả hê.

Nói như vậy tôi không có ý xếp ông Nguyễn Bá Trạc vào loại trên. Đã bảo ông ấy thuộc nòi giang hồ (phàm những tay giang hồ còn khuya mới thèm chơi trò đánh trộm hay bóng gió xa xôi). Về khoản này, tôi chịu ông Trạc lắm. Rất tiếc ông xuất thân trường phái trà đá chanh đường, nên nhiều trận nhậu nhẹt bốc giời tôi đã không thể rủ rê ông đi cùng.

Dông dài lạc đề rồi. Xin trở lại chuyện ra mắt sách.

Chuyện ra mắt sách, bên cạnh nhiều điều vui, cũng có lắm điều buồn.

Vui, như đã nói, ít khi có một cuộc họp mặt đông đủ như thế; riêng cá nhân tôi, ít khi có cơ hội sổ lồng để tha hồ say sưa nhậu nhẹt như thế (không tin, cứ đến nhà ông Nguyễn Bá Trạc mà đếm vỏ chai), và nhất là ít khi (có thể nói không bao giờ) một cuộc "hội luận văn học" bỗng nhiên biến thành tiết mục "đố vui để học" tập tinh thần chống Cộng hăng say như thế (đến nỗi, hăng say quá, một cô xướng ngôn viên radio địa phương, quên bẳng tuổi tác mình chỉ đáng hàng con cháu các vị điều hợp viên từng là nhà văn nhà báo tóc đã bạc trắng hoặc chí ít cũng điểm sương đang ngồi trên bàn chủ tọa, hiên ngang bước lên diễn đàn hô hởi khuyên bảo các vị này, nói riêng, và cả hội trường, nói chung "hãy có trách nhiệm với ngòi bút của mình, hãy nêu cao tinh thần chống cộng, hãy cảnh giác đừng để CS lợi dụng...". Tuyệt! Đúng là con cháu Thánh Gióng. Tài không đợi tuổi. Chỉ hơi lấy làm lạ, chả hiểu vào cái ngày 30 tháng tư 1975, cô xướng ngôn viên có cái tên rất ư khả ái danh trấn giang hồ ấy bao nhiêu tuổi, từng "sát cánh cùng chiến hữu dưới giao

thông hào" hay chỉ mới... bỏ tả mặc quần?).

Buồn, vì có đi xa, có gặp gỡ, có chuyện trò, tôi mới thấy cái điều từ lâu những tưởng chỉ là đồn đãi vô căn cứ, đã và đang là một hiện thực sờ sờ trước mắt: Mối chia rẽ Bắc Nam (Cali) của giới văn nghệ Cali. Tôi sẽ không dám có nhận xét ai đúng ai sai. Chỉ thấy hiện tượng có vẻ hơi kỳ quái.

Từ hiện tượng có tính cách cục bộ này phóng chiếu ra, tôi vỡ lẽ: dân tị nạn với nhau còn thế, còn Bắc, còn Nam, còn Mỹ, còn Pháp, còn linh tinh trăm nghìn hiềm khích, thì chả trách gì sau mấy mươi năm chia cắt bởi chủ nghĩa và chiến tranh, và sau mười tám năm im tiếng súng, người QG với người CS, người Bắc với người Nam (Việt Nam), vẫn cứ còn xem nhau như kẻ thù bất cộng đới thiên, âu cũng chuyện bình thường. Bình thường như hai anh đực rựa ôm nhau hôm mùi mẫn trên đường phố có treo cờ phướn tôi vừa nói bên trên.

Những năm tiểu học, trung học, tôi, như tất cả mọi người Việt Nam khác, đều được dạy dỗ rằng dân tộc ta ngoài các đức tính cần cù, can đảm còn là một dân tộc hiếu hòa, đoàn kết, chuộng lẽ phải, biết thương yêu, nhường nhịn, hy sinh, vân vân và vân vân... Nhưng lạ quá, từ lúc trưởng thành đến nay, tôi hình như cứ thấy những điều... ngược lại. Ở đâu có "ta" là ở đó có chia rẻ, ganh ghét, thù hằn, mánh mung, chèn ép, hơn thua... Ở đâu có quần tụ là ở đó nẩy sinh hàng chục, hàng trăm hội đoàn, phe nhóm, bè phái, bang hội... Mà khổ chưa, chẳng ai chịu nghe ai, chẳng ai chịu ngồi với ai. Nói cách khác, ai cũng tự hào vỗ ngực xưng tên ta hay nhất, giỏi nhất, đẹp nhất, trong sạch nhất, lý tưởng nhất (tìm đỏ con mắt không thấy một anh hạng nhì!). Đi vào sinh hoạt của các cộng đồng dân tộc khác, tôi thật tình không biết nên tin vào lời dạy bảo của các thầy, cô thuở bé hay nên tin vào những điều mắt thấy tai nghe. Hãy cứ bước đến bất cứ khu vực nào của người Trung Hoa mà xem. Lấy San Francisco làm khuôn mẫu, chúng ta sẽ thấy cửa hàng Trung Quốc sát cạnh cửa hàng Đài Loan, sách báo phim ảnh Hoa Lục nằm đề huề với văn hóa phẩm Hồng Kông, như anh với em, như vợ với chồng. Và nếu rành tiếng Tàu, thử đọc mà xem, cũng chống đối nhau đấy, nhưng hòa nhã lắm, hiểu biết lắm, khách quan lắm. Đố các anh chị tìm ra cái thứ ngôn ngữ chúng ta thường tặng cho nhau. Đối với "địch" còn thế, huống chi anh em một nhà. Trước 75, những ai từng sống ở Sài Gòn, từng quen biết giới buôn bán Chợ Lớn, đều chẳng lạ gì cái cảnh một quán hàng, cửa tiệm vừa khai trương, lập tức các đồng nghiệp khác đến chia vui, giúp đỡ, góp thêm kinh nghiệm, cả vốn liếng nữa, để tân hiệu đủ sức đứng vững. Chả bù với chúng ta, một bảng hiệu mới vừa trưng lên, cũng có nghĩa một địch thủ mới vừa xuất hiện, phải tìm mọi cách triệt hạ!

Tóm lại, tinh thần chia rẽ, phe nhóm, bè phái, cuồng tín, cực đoan đã như một bệnh dịch, vô hình trung biến những anh chị nhà văn nhà báo của chúng ta thành những người hợm hĩnh đến khó coi. "Văn nghệ sĩ miền Bắc Cali ư? Có ra cái gì. Chị hát em khen hay! Ngược lại *Miền Nam à? Chúng tôi nhìn*

xéo bằng nửa con mắt. Mèo khen mèo dài đuôi"... Cứ thế. Nam Cali với Bắc Cali, miền Đông với miền Tây, Canada với Australia, Pháp với Đức, hải ngoại với quốc nội... Nơi nào cũng xứng đáng đại diện cho văn học Việt Nam cả, và nơi nào cũng "chẳng ra cái thể thống" gì cả!

Kẻ có dính dáng chút ít đến văn chương như tôi còn không biết đâu mà mò, huống chi độc giả!

Chả trách gì mấy năm nay thị trường chữ nghĩa cứ ế ẩm mãi như cảnh chợ chiều! Đến nỗi một số nhà văn nhà thơ danh trấn giang hồ của chúng ta phải mưu sinh thoát hiểm bằng cách cướp nghề của các anh chị ca sĩ: mang sách đi "lưu diễn" khắp nơi. Trong lúc Lynda Trang Đài ngoáy mông trên sân khấu, Tuấn Vũ nhắm mắt thả hồn theo *đường hành quân nắng cháy da người* thì bên dưới tác giả, hay con cháu bè bạn của tác giả, mang sách đến từng bàn, vừa cười duyên vừa ca bài "con cá sống vì nước"!

Ông Tú Xương ơi! So với thời ông, chưa chắc đã *ai buồn hơn ai!*

Ngày 1 tháng 6, 1993

Nửa năm trước tôi gặp một ông ký giả kỳ cựu, ông mô tả tình hình báo chí của ta, đại khái:

Báo chí Việt ngữ hải ngoại ngoài vài tờ được gọi là báo thực sự, đa phần còn lại chỉ là những xấp quảng cáo có phụ trương chữ. Có thể chia những "xấp quảng cáo" này làm ba loại. Loại thứ nhất tạm mệnh danh "báo du kích". Đó là những "tờ báo" chẳng cần nội dung, lập trường, đường lối (vì thế có khi bài trang trước chửi bố bài trang sau), hàng tuần thu gom bài vở của đồng nghiệp, cắt dán cho đầy "tiêu chuẩn", rồi mang in. Những "tờ báo" với công thức này thường thực hiện theo cung cách "gia đình trị". Tòa soạn là phòng khách, phòng ngủ hay phòng ăn, garage. Không chủ bút, không biên tập. Chỉ hai vợ chồng chia nhau "điều hành": chồng sưu tầm bài vở, layout; vợ đi xin quảng cáo, phát hành và thâu tiền. Những "cơ sở truyền thông" vừa nói tuy chẳng sống hùng sống mạnh nhưng mỗi tuần cũng kiếm được đôi ba trăm, vợ chồng con cái tạm lay lất qua ngày. Loại thứ hai chuyên trị chuyện tầm phào: người hành tinh kết duyên với thôn nữ địa cầu sinh một lúc sáu con. Theo tuyên bố của các khoa học gia, vì chưa biết bộ phận sinh dục nằm chỗ nào nên chưa thể phân biệt trai gái. Điểm đặc biệt: những đứa trẻ tạp chủng này đều có ba mắt bốn tai cùng hai cái... ăng teng trên đầu. Đặc biệt hơn nữa, vừa lọt lòng chúng đã biết "đi" ngay. Nhưng thay vì đi như chúng ta, chúng lại di chuyển bằng bốn vòng tròn có vảy tựa... xích xe tăng. Để tăng thêm phần xác thực cho nguồn tin, bên cạnh là một hình chụp đầy đủ chi tiết như mô tả. (Xin bật mí một tí hầu các độc giả không chuyên môn đỡ ngạc nhiên: tôi - Kim Thi - vừa mới học xong một khóa về Design trên Computer, cũng có thể lắp ráp được một tấm hình đại loại). Hoặc bí quyết ái ân đêm bảy ngày ba vô ra không kể, giúp tăng cường hạnh phúc gia đình. Hoặc muốn tiết kiệm chi tiêu, hàng tuần nhớ cắt coupon để dành đi chợ... Loại này không

chính trị chính em, nhiều quảng cáo, nhiều độc giả (giải trí mà), thu nhập khá. Loại thứ ba có biệt danh hơi rùng rợn: báo Mafia. Đó là những tờ báo số nào cũng tìm cách bươi móc chửi bới ít nhất một hai người hay một hai bang hội, tổ chức. Chửi ráo, từ "công dân hạng nhất" đến "cùng đinh hạng bét", từ đời tư đến đời công, từ chuyện trong buồng đến chuyện ngoài ngõ, từ cái tai cái tóc đến cái nốt ruồi ở chỗ kín. Mấy ông bà chủ chợ, mấy tay có chức phận tiền bạc và các anh chị làm nghề trình diễn thường rất rét các tờ báo này, và vì rét nên mỗi tuần nhắm mắt dúi cho một hai trang quảng cáo. Con cá sống nhờ nước, loại báo này sống nhờ chửi!

Ông ký giả già mô tả xong thở dài ngao ngán: "Chưa có thời nào báo chí bát nháo đến vậy."

Tôi nghe, không ý kiến.

Hôm qua tôi lại gặp ông. Nhìn nét mặt rạng rỡ, tôi biết ông sắp cung cấp cho tôi những tin tức vui. Vui thật. Ông nói:

"Biết không, mình khá đến nơi rồi chú ạ, vài tháng nay khuôn mặt báo chí miền Nam Cali coi bộ sáng sủa, sinh động hẳn. Liên tiếp nhiều tờ báo có tầm cỡ và chuyên nghiệp thi nhau ra đời."

Rồi ông kết luận đầy tự tin:

"Cái thời bát nháo của báo chí đã đến lúc cáo chung."

Thấy ông hồ hởi quá, tôi tìm cách hạ bớt khí thế:

"Thời nào, ở đâu lại không có những cái gọi là *báo* đại loại vừa kể. Theo tôi nó chẳng độc hại gì hết, trái lại còn vui là đằng khác. Nó như một cái xú bắp, một cái *van* để xì bớt hơi độc, do đời sống chèn ép, dồn nén mà nên. Hãy hình dung hoạt cảnh này: Anh chồng từ sở ra, ghé qua các cửa chợ, cửa hàng lượm một lúc năm bảy tám chín *tờ báo*, mang về nhà. Thế rồi vừa ăn tối vừa đọc. Đọc, và bật cười. *Này em* - vợ nói với chồng - *nghe nhé, một phi công Đức Quốc Xã lái chiếc khu trục bay trên trời đã bốn mươi năm vừa hạ cánh ở phi trường Y. Theo điều tra của giới chức thẩm quyền, được biết quân nhân lái chiếc phi cơ này chết do đạn phòng không, nhưng vì cửa phi cơ bị khóa chặt, linh hồn anh ta không thoát ra ngoài được để đi đầu thai, đành phải lái lòng vòng suốt bốn mươi năm nay tìm chỗ đáp.* Vợ nghe xong, bật cười khanh khách: *Thế người ta đã mở cửa cho hắn đi đầu thai chưa?* Hoạt cảnh đó không vui à? Cổ nhân thường bảo cười là liều thuốc bổ. Tuần nào báo chí cũng cho không biếu không độc giả bao nhiêu ký thuốc bổ, còn kêu ca nỗi gì? Lại một hoạt cảnh khác: *Này anh, thằng cha X bị chửi quá xá quà xa./ Thế à? / Nghĩ tội, chọc chúng làm chi cho chúng đào mồ cuốc mả / Chưa chắc đâu em, nhiều khi chẳng chọc ghẹo gì chúng vẫn chửi như thường. Ai bảo tiếng tăm giàu có. Như vợ chồng mình, có chọc, chúng nào đã thèm chửi, vừa hao giấy vừa chẳng sơ múi gì.* Rồi anh chồng gật gù kết luận: "*Vô danh tiểu tốt thế mà may.* May thật, chị vợ gật gù theo. Ngẫm, thấy chồng nói hữu lý lắm. Bao lâu nay chị thấy anh củ mỉ cù mì sáng vác ô đi chiều vác về, chẳng chút le lói với đời, trông phát nãn, nhiều lần manh tâm nhảy rào ăn vụng. Nay qua lời anh vừa

phân tích, chị chợt phát hiện chính cái vô danh tiểu tốt của chồng mới là phòng tuyến kiên cố có khả năng chống đỡ tình trạng tên bay đạn lạc liên miên trên chiến trường báo chí hải ngoại. Thế là từ lúc được khai ngộ, chị trở nên yêu chồng chí chát! Đấy, bác ngẩm xem, có phải vô hình trung những tờ báo chuyên trị chuyện chửi người đã góp phần củng cố hạnh phúc cho bao gia đình. Lẽ ra công này phải được tuyên dương, sao còn trách móc nhỉ?... Ấy, tôi chỉ mới đơn cử một hai thí dụ nhỏ, còn khối những cái hay ho do các tờ báo này mang lại. Có thể khẳng định: báo chí hải ngoại là bạn, là đồng minh, là ân nhân, là biểu tượng điển hình cho một tập thể. Không có chúng, xã hội loạn lạc kể chi!"

"Này chú đừng có đùa dai, hãy thử nói chuyện đứng đắn coi nào". Ông ký giả già cau mặt khiển trách. Tôi muốn cười, nhưng kính lão đắc thọ, tôi im.

"Chức năng của báo chí là thông tin trung thực, là hướng dẫn dư luận, là nâng cao kiến thức độc giả. Nhưng báo chí của ta có làm tròn chức năng cao quí đó hay chưa? Câu trả lời dứt khoát: chưa. Trái lại, càng ngày càng trở nên tệ hại: bươi móc đời tư, bóp méo tin tức, gây thù chuốt oán. Ôi, cứ nhìn vào thế giới chữ nghĩa xà bát này, tôi muốn chảy máu mắt vì giận."

Coi bộ ông già dám chảy máu mắt thật lắm. Tôi hoảng, bèn ngồi lại ngay ngắn:

"Hãy bình tỉnh, bác ơi. Chuyện chẳng có chi trầm trọng. Tôi chỉ đùa một tí cho vui, chứ bác thừa biết, từ bao lâu nay có người Việt nào tin vào báo chí đâu?"

Ông ký giả già vỗ bàn đánh rầm, suýt tí nữa ly cà phê di tản xuống thảm: "Chú nói thế mà nghe được à? Báo chí là cái đầu, là bộ óc, là trái tim của cộng đồng, không tin vào nó thì tin vào cái gì bây giờ, hả?"

Tôi nhìn ông ký giả già. Tự nhiên cảm thấy tội nghiệp. Tôi hiểu cái thế hệ đẹp đẽ này, cái thế hệ của những con người coi trọng chữ nghĩa hơn chính bản thân, cái thế hệ "chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm, đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" xem chừng mỗi ngày một vắng. Nguy cơ tuyệt chủng là điều khó tránh khỏi. Tôi định an ủi ông vài lời, nhưng khổ quá, có những sự thật không nỡ nói ra vẫn đành phải nói. Tôi xuống giọng:

"Bác à, bác già rồi, không theo kịp trình độ cập nhật của độc giả nữa rồi. Ngày nay người Việt đọc báo Việt bằng cái cách khác hẳn cha chú thuở xưa. Bác không hiểu cũng phải.

"Nghĩa là thế nào?"

"Nghĩa là thế này: cái gì báo chí nói đen thì ta hiểu trắng. Nói có ta hiểu không. Nói tốt ta hiểu xấu. Và ngược lại."

"Bộ chú điên chắc?"

"Tỉnh táo một trăm phần trăm. Tôi ví dụ nhé: Một tổ chức nhân đạo quyên tiền giúp đỡ con em học sinh nghèo tại Việt Nam, được nhiều người ủng hộ, được các cơ sở tôn giáo và dân chúng trong nước tán đồng, tuyên dương. Nhưng trên mặt báo của ta, hàng nhiều tháng, tổ chức này bị ghép

"tội" nối giáo cho giặc, và những người trong tổ chức bị đè xuống tròng nón cối lên đầu. Rốt cuộc bây giờ ta thấy hai năm rõ mười, chính tổ chức này ngoài công tác từ thiện, còn hỗ trợ không nhỏ cho cao trào đấu tranh nhân quyền của Phật giáo bên nhà. Theo bác, nên tin báo chí hay tin vào tổ chức kia? Nghĩa là nên hiểu xuôi hay hiểu ngược? Một ví dụ khác có tầm bao quát hơn: Hãy thử về Việt Nam "thăm dò dư luận", từ đứa con nít lên ba đến ông già 70 gần đất xa trời, rằng "có nên tháo gở cấm vận, bang giao với Mỹ hay không?". Một trăm phầm trăm câu trả lời sẽ là nên, vô cùng nên. Cấm vận có được tháo gỡ thì kinh tế may ra mới khá lên. Kinh tế khá lên, bao nhiêu thứ khác theo đó bung nở, tài thánh cũng không cản nổi. Mấy mươi năm chiến tranh khi lạnh khi nóng giữa tư bản, cộng sản chẳng giải quyết được gì hết, nay, hamburger, quần bò và "văn hóa phẩm đồi trụy" làm mưa làm gió ở Trung Quốc, ở Đông Âu, chính những thứ "rác rưởi" này đang "đổi mới tư duy" từ cấp lãnh đạo chóp bu đến anh dân cày khố rách. Nhưng khi đọc báo hải ngoại, ta lại bật ngửa ngơ ngác: thể theo nguyện vọng của 70 triệu người VN, chúng ta hãy đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa để Hoa Kỳ tiếp tục duy trì lệnh cấm vấn, gia tăng cô lập kinh tế, làm cho CS hết đường cựa quậy. CS chết, dân hết khổ (khỏe re như con bò kéo xe)... Theo bác, ta nên tin ai. Tin cái tập thể 70 triệu người mỏi mòn chờ đợi hay tin vài ba ông bà "tối rượu sâm banh sớm sữa bò"? Nghĩa là nên hiểu xuôi hay hiểu ngược? Đấy, tôi chỉ ví dụ một hai chuyện trong trăm nghìn chuyện ở hải ngoại để bác hình dung và hiểu. Cho nên bác hãy yên trí, tương lai báo chí nói riêng và cộng đồng Việt Nam hải ngoại nói chung đang mỗi ngày mỗi khởi sắc. Không phải nhờ mấy tờ báo đàng hoàng vừa ra đời như bác nói đâu, mà nhờ cái tinh thần sáng tạo tuyệt vời của nhân dân ta. Nhân dân ta bao giờ cũng tài giỏi tháo vác hơn hẳn các dân tộc khác. Thử hỏi các dân tộc khác, mấy ai có thể viết báo ngược và đọc báo ngược như chúng ta?

Ngày 5 tháng 6, 1993

Hơn tháng nay tôi thường xuyên gặp phải nhiều chuyện bất ưng, tự nhiên ngòi bút trở nên cay độc, cái cay độc lẽ ra nghìn lần không nên có ở một người cầm viết. Đọc lại mấy đoạn nhật ký bên trên, tôi đã định xé bỏ, nhưng rồi nghĩ đi nghĩ lại, tự nhủ ta có thể dối người nhưng chẳng thể dối chính ta. Những suy nghĩ kia đã từng nằm trong đầu tôi, đã từng nhỏ xuống thành chữ, xoá đi, viết cái khác nào khác gì tôi tự dối tôi? Thôi thì mong độc giả hãy đọc nó trong tinh thần hài hước. Ngày nhỏ tôi thường gối đầu giường một tập sách mỏng của nhà xuất bản Phạm Văn Tươi: *"Hãy Quên Đi Và Vui Sống"*. Vâng, chỉ quên đi thì mới vui sống được. Hoặc ngược lại, muốn vui sống thì phải quên đi.

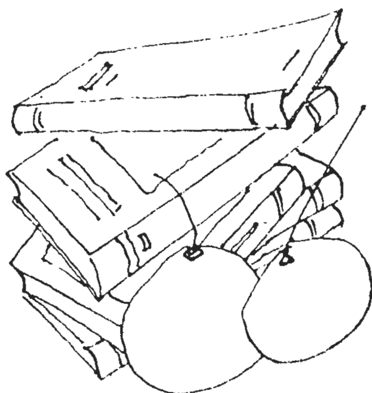
Bằng không, khó có cơ hội sống dai sống dài trên cõi trần ai này.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



CHẾ ĐỘ PHÁT XÍT, biên khảo chính trị của Jeliu Jeliev, Phạm Văn Viêm dịch. Saigon Press xuất bản 1993. Không ghi giá bán.

Chúng ta đang chứng kiến sự phá sản thảm bại của Chủ Nghĩa Mác-Lênin - học thuyết từng được xem là khoa học nhất, đúng đắn nhất cho sự phát triển của xã hội loài người.

Điều bất ngờ này đã được tiến sĩ Zheluy Zhelev tiên đoán ngay từ năm 1967 trong tác phẩm "Nhà Nước Độc Tài", được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1982 với tên gọi "Chế Độ Phát Xít".

Đọc "Chế Độ Phát Xít" ta có cảm giác như đang đọc chính những trang sử của các chế độ Cộng Sản, trong đó có chế độ của chúng ta. Thí dụ cuộc tấn công của nhà nước quốc xã chống các họa sĩ hiện đại ("Triển lãm nghệ thuật thoái hóa") không khỏi khiến chúng ta liên tưởng đến phong trào "Nhân Văn Giai Phẩm" ở miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Bằng một cái nhìn trung thực, khách quan, Jeliu Jeliev đã cung cấp cho chúng ta những dữ kiện rất bổ ích, để từ đó, rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho một Việt Nam hiện tại và mai hậu.

Muốn mua sách, xin liên lạc: Saigòn Press Box 4995. University Station. Irvine, CA 92716, USA.

ÔNG H.O., tuyển tập truyện ngắn của Hà Thúc Sinh, Thế Giới xuất bản 1993. Ấn phí 12 Mỹ kim.

Sách dày 204 trang, gồm 16 truyện ngắn được viết và đăng rải rác trên báo chí hải ngoại từ năm 1983 đến nay.

Hà Thúc Sinh, một nhà văn, nhà thơ đã thành danh từ trước 1975 tại miền Nam Việt Nam. Là tác giả của 15 tác phẩm, gồm thơ, truyện ngắn, truyện dài, hồi ký và dịch thuật. Trong số này, tác phẩm *Đại Học Máu* (Nhân Văn xuất bản 1985 và tái bản cùng năm) đã gây được một tiếng vang lớn trong giới văn học hải ngoại. Từ ấy đến nay ông vẫn tiếp tục một nhịp sáng tác đều đặn và hầu hết những sáng tác này đều xoay quanh các đề tài: hồi ức về một quê hương rách nát, lầm than, về những năm cải tạo của bản thân và bằng hữu, thảm kịch vượt biển, đời sống bơ vơ, lạc lõng và cao go nơi quê người, những khó khăn trong nỗ lực hội nhập... Theo tác giả (qua nhà thơ NMT), tác phẩm bán rất chạy. Mừng cho nhà văn Hà Thúc Sinh và nhà xuất bản Thế Giới, chọn in cuốn nào cũng trở thành best selle cả. Nghĩ tội các nhà xuất bản khác (Văn Nghệ, Thanh Văn, Tân Thư...), luôn luôn từ... bị thương tới chết!

BỎ CHỐN MÙ SƯƠNG, tập truyện của Song Thao, bìa tranh Nghiêu Đề, Luân Hoán trình bày, Hoàng Xuân Sơn, Đinh Cường, Hồ Đình Nghiêm và Thái Tuấn vẽ phụ bản. Kinh Đô xuất bản 1993. Ấn phí 12 Mỹ Kim, 14 Gia kim.

Từ năm 1959 đến 1975, Song Thao từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san tại Sài Gòn. Ông đến định cư tại Montreal, Canada năm 1985 và khởi viết truyện ngắn từ năm 1991. Truyện của ông đã đăng trên các tạp chí Văn, Làng Văn, Nắng Mới. Đây là tác phẩm đầu tay của Song Thao, gồm chín truyện ngắn. Độc giả muốn làm quen với văn chương của tác giả này, xin tìm mua *Bỏ Chốn Mù Sương* hiện có bán tại các nhà sách trên toàn thế gầni.

QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN, Hồi ký của Hồ Dzếnh, bìa Đinh Cường, Thanh Văn xuất bản 1993. Giá 7 Mỹ kim.

Đây là cuốn hồi ký đang viết dở dang của một nhà thơ từng "vang bóng một thời", bản thảo chỉ gồm 35 trang giấy khổ 21X29, mỗi trang có chừng 50 dòng và mỗi dòng chừng 20 chữ.

Bằng giọng văn chân thật, hiền lành Hồ Dzếnh đôi lúc đã làm ta chảy nước mắt cảm thương. Đơn cử một đoạn: "Đây không phải là một buổi liệm. Bởi nếu là liệm thì phải tắm rửa, thay quần áo mới. Mẹ tôi không có một mảnh vải nào cả. Để cho người chết đỡ tủi - người chết có tủi không? - Cha tôi cổi chiếc áo cánh ướt trên người, đắp lên vợ". Đó là một trong nhiều thảm kịch "tận cùng của thảm kịch" mà Hồ Dzếnh đã trải qua, đã kể lại. 35 trang bản thảo này có thể xem như một bản cáo trạng vạch trần cái thời đại ông đang sống, một thời đại không tình thương, không nhân ái, thời đại của tranh chấp chủ nghĩa và quyền lực, thời đại của tội ác và hận thù.

Tiếc thay, Hồ Dzếnh đã lìa trần khi những trang bản thảo mới chỉ khởi đầu, nếu ông còn sống thêm vài năm nữa, có lẽ chúng ta sẽ được đọc và hiểu nhiều hơn nữa về một giai đoạn có thể xem là giông bão nhất của đất nước.

BÊN KIA CỬA TỬ, Nguyên tác: Bardo Thodol của Phật Giáo Tây Tạng. Người truyền pháp: Giáo chủ Lạt Ma Padma Sambhava. Dịch sang Anh văn: Lạt Ma Kazi Dawa Samdup. Dịch sang Pháp văn: Marguerite La Fuente. Dịch sang Việt văn: Như Pháp Quân Trần Ngọc Anh. Thế Giới xuất bản 1993. Giá 12 Mỹ Kim.

Tập sách "Thân Trung Ấm", ở Tây Tạng được gọi là Bardo Thodol, là một tác phẩm trình bày ngắn gọn các giáo lý chính yếu của Phật Giáo Tây Tạng, giải thích tâm lý về các cảnh trông thấy của Thân Trung Ấm, nói rõ các lý do quyết định sự tái sinh theo Hiển Giáo cũng như Mật Giáo, mô tả cảnh phán xét tội nhân khi hiện Thân Trung Ấm, cảnh vũ trụ bao la có liên quan đến sự Luân hồi sinh tử...

ĐÔI BỜ, tập truyện Lê Thị Thấm Vân. Bìa chân dung tác giả qua ống kính Billy Bùi. Tác giả xuất bản. Giá 8 Mỹ Kim.

Trong vài năm gần đây trên văn đàn liên tiếp xuất hiện nhiều cây viết nữ: Bùi Diễm Âu, Vương Như Nguyện, Vũ Quỳnh N.H., Lê Thị Thấm Vân, Trần Thị Diệu Tâm... Mỗi người một vẽ, mỗi người một phong cách. Tựu chung, người nào cũng gây cho chúng ta - độc giả - khá nhiều ngạc nhiên. Và nếu chịu khó theo dõi, chúng ta sẽ thấy trên hầu hết các tạp chí văn chương hải ngoại, tên tuổi các nhà văn nữ luôn luôn chiếm một sĩ số cao hơn nam giới. Hiện tượng này có lẽ sẽ làm chị chủ bút Trăm Con vui mừng. Mới đây chị có thực hiện số báo mang chủ đề "Nữ Quyền". Tôi nghĩ, chị khỏi cần đòi "quyền" cho nữ giới làm gì, bởi trên thực tế, các chị đã "ăn đứt", đã "đẩy lùi" bọn tu mi vào quên lãng, từ khuya.

Đôi Bờ là một tập truyện ngắn gồm 11 truyện, được viết và đăng rải rác trên báo chí hải ngoại từ năm 1989 đến nay. Hãy nghe Lê Thị Thấm Vân tâm sự:

Tôi viết văn. Tôi tìm được sự thông cảm, hàn gắn. Như tấm ván bắc ngang từ bên này bờ qua bên kia bờ. Hai bên bờ sông tôi đều yêu mến, và thấy được sự cần thiết lẫn nhau.

Tôi viết văn. Tôi cảm nhận được nhịp rung của đời sống. Trong đó, con người tôi yêu thương trân quí biết bao! Tôi thấy được hình ảnh tôi lung linh hiện hữu trong mắt mọi người, và ngược lại.

Tôi viết văn. Tôi khám pá ra màu sắc trong cuộc sống. "Đưa tay chùi vội giọt nước mắt trong đêm khuya, một mình. Hoặc rất tình cờ, bắt gặp ai đó với nụ cười nở bừng trên đôi môi..."

Và tôi chọn lựa viết văn, bởi tôi thật lòng yêu thích văn chương.

Tất nhiên, đối với một người "thật lòng yêu thích văn chương", thì những

điều được người ấy viết ra, nhất định phải là những điều từng được ôm ấp, trân trọng, để gạn lọc, chưng cất, làm nên tác phẩm. Chỉ chừng đó cũng đủ cho chúng ta - độc giả - tìm, đọc và chia xẻ.

Về hình thức, *Đôi Bờ* được trình bày giản dị nhưng rất đẹp, rất sang.

THƠ THẲNG ĐỨNG (từ tập I đến tập XIII) của Roberto Juarroz, bản dịch Diễm Châu, Trình Bày xuất bản 1993. Không ghi giá bán.

Roberto Juarroz là một tên tuổi lừng lẫy nhất của Châu Mỹ La Tinh hiện đại. Ông sinh ngày 5 tháng Mười 1925 tạo Coronel Dorrego thuộc miền bình nguyên rộng lớn Buenos Aires của Á Căn Đình, là tác giả của nhiều tập thơ có chung một tựa, chỉ khác số thứ tự: Poesía Vertical I, II, II... *Thơ Thẳng Đứng khởi sự từ năm 1958, nay đã lên đến tập thứ XIII (1993). Tất cả các bài trong các tập đều không mang tên, như thể tác giả muốn nhấn mạnh tính "vô danh" của thơ mình hoặc ngồn xuất phát chung của những bài thơ ấy:* Thơ Thẳng Đứng, *thơ của sự rơi, của phận người, không phải là thơ "nằm ngang" mà là của chiều thẳng đứng (lên hay xuống), của đào sâu, của chất vấn, của đảo lộn chóng mặt...*

Toàn thể tác phẩm của Roberto Juarroz được in cả ở Buenos Aires lẫn Caracas. Một phần của thơ ông đã được dịch ra khoảng 20 thứ tiếng trên thế giới. R. Juarroz đã được tặng "Giải thưởng Lớn Danh Dự dành cho thi ca" của Fundación Argentina ở Buenos Aires và nhiều giải thưởng văn chương khác ở nước ngoài, trong đó có giải Jean Malrieu ở Marseille vào tháng Năm 1992 và Giải Thưởng Lưỡng Niên Quốc Tế về Thi Ca ở Liège (Bỉ) vào tháng Chín 1992.

Người ta nói dịch là phản, nhất là dịch thơ. Tuy nhiên qua những bản dịch này, của Diễm Châu, dù khó tính cách mấy chúng ta vẫn không thể phủ nhận một sự thật: khó có tác giả nào, hiện nay, chuyển đạt được cái tinh túy của thi ca ngoại quốc qua ngôn ngữ Việt nam "đạt" bằng ông.

TRONG HỒI TẮT HƠI, thơ Nguyễn Chí Trung. Bìa, phụ bản, thủ bút của tác giả. Thay lời bạt của Bùi Giáng. Rừng Đen xuất bản tại Hồ Lửa Stuttgart tháng Ba 1975.

Tập thơ trình bày đẹp, ấn loát đúng tiêu chuẩn, chỉ gồm hai trăm bản quí in trên giấy"eiderdruck". Một bản đánh dấu NCT và 199 bản đánh số từ 2 đến 200.

1975 - 1993, gần hai mươi năm, hôm nay mới giới thiệu, quả là điều lạ. Tại sao? Xin trích một đoạn thư riêng thay câu trả lời: *Gần 10 năm tôi tuyệt nhiên không hề phổ biến thơ NCT trên bất cứ một báo chí nào nữa hoặc với người nào nữa, ngoại trừ các bạn cũ ở VN như Bùi Giáng, Hoài Khanh, Phạm Thiên Thư...*

Nhưng nay, tạm thời tôi chỉ thấy Hợp Lưu, Diễn Đàn và Trăm Con là có khả năng...

Đó là lý do chúng tôi nhận được *Trong Hồi Tắt Hơi* của ông. Đó cũng là lý do, dù muộn màng, chúng tôi vẫn giới thiệu tác phẩm này, với ước mong thơ NCT sẽ xuất hiện trở lại, không chỉ trên ba tờ báo ông vừa nêu, mà còn trên tất cả mọi diễn đàn văn học trong, ngoài nước.

TUYỂN TẬP THƠ VĂN PHẬT GIÁO, Thái Tú Hạp thực hiện. Sông Thu xuất bản. Ái Cầm Trình bày. Phụ bản tranh và ảnh của Võ Đình, Nguyễn Nhật Tân, Vi Vi Võ Hùng Kiệt, Lê Quang Xuân, Nguyên Khai. Phụ bản *Một Trời Như Lai*, thơ Quảng Long, Trọng Nghĩa phổ nhạc. Bìa *Dâng Hoa Đến Ngài Đạt Lai Lạt Ma*, ảnh của Graham Harrison. Ấn bản để cúng dường Phật Đản 2537, không ghi giá bán.

Sách dày gần 400 trang, với sự góp của rất nhiều tăng giới, cư sĩ, Phật tử và văn thi sĩ thuộc nhiều thế hệ cầm bút, kể cả những vị đã quá vãng hoặc đang sống tại Việt Nam:

Hồ Trường An, trần kiêu bạt, thảo bình, hoàng cầm, ái cầm, trang châu, vũ hoàng chương, huỳng hữu cửu, hoàng duy, trương thế dung, an nguyễn kiều mỹ duyên, triều hoa đại, tịnh đức, giác đẳng, thích hộ giác, nguyễn mộng giác, nhất hạnh, thái tú hạp, luân hoán, nguyễn xuân hoàng, tịnh liên nghiêm xuân hồng, trần tiễn huyến, trần lư nguyên khanh, vi khuê, huyền không, duy lam, viên linh, du tử lê, trần vấn lệ, viên lý, tuệ nga, vô ngã, t.t. mây trên ngàn, trần văn nam, nguyễn đức bạt ngàn, cao my nhân, nguyễn hữu nhật, linh linh ngọc, thích đức niệm, lưu nguyễn, ngọc hoài phương, võ phiến, đan quế, ngô văn quy, nguyên sa, tuệ sỹ, hà thúc sinh, lê hồng sơn, phan ni tấn, quách tấn, kiệt tấn, mai thảo, huệ thu, kiêm thêm, phạm công thiện, phùng minh tiến, phan lạc tiếp, cao tiêu, đỗ quý toàn, huy trâm, thanh vinh, thi vũ.

Và có lẽ do sơ xuất kỹ thuật, vài vị có bài nhưng không có tên trong mục lục: Hoàng Xuân Sơn, Cung Vũ, Tịnh Tuệ, Trần Sỹ Lâm, Khánh Trường. Cũng có lẽ do sơ xuất kỹ thuật, tác giả ngoài mục lục tên Trương Thế Dung nhưng trong bài lại là Trương Tú Dung. Tên nào đúng?

Phải ghi nhận đây là tập hợp đông đảo nhất từ trước đến nay trong một tuyển tập. Độc giả, nhất là Phật tử, rất nên tìm đọc tác phẩm này.

LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC, của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch. Bìa tranh Đào Kỳ, thế kỷ thứ 15, đời Minh, sưu tập của Cleveland Museum of Arts. Trình bày Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Giá 14MK.

Độc giả yêu thích văn chương hẳn không xa lạ gì với tên tuổi của Will Durant và Nguyễn Hiến Lê. Có thể nói trong gia tài văn hóa nhân loại, công trình đồ sộ của Durant về lịch sử văn minh loài người là một hạt trân châu quí hiếm gần như độc nhất vô nhị. Học giả Nguyễn Hiến Lê trong nhiều thập niên qua, đã bỏ công chuyển ngữ một phần công trình vĩ đại này sang Việt ngữ, như Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ, Lịch Sử Văn Minh Ả Rập... Rất tiếc đời

người thì ngắn, mà công việt lại đa đoan, học giả Nguyễn Hiến Lê đã không thể giới thiệu đến chúng ta cái lấp lánh muôn màu của hạt trân châu này qua ngôn ngữ mẹ đẻ. Hy vọng trong tương lại sẽ có một tác giả khác tiếp tục công việc của học giả Nguyễn Hiến Lê, để đại đa số người đọc Việt Nam, vốn không thông thạo ngoại ngữ, có tài liệu học hỏi.

Qua 314 trang sách dịch, lịch sử hình thành và phát triển của một dân tộc có đất đai và dân số lớn nhất hành tinh này được trình bày tuy khái quát nhưng rất đầy đủ, về mọi lãnh vực: tôn giáo triết học, văn học, kinh tế, chiến tranh...

Một cuốn sách không thể thiếu đối với những ai còn yêu mến con người và mặt đất này.

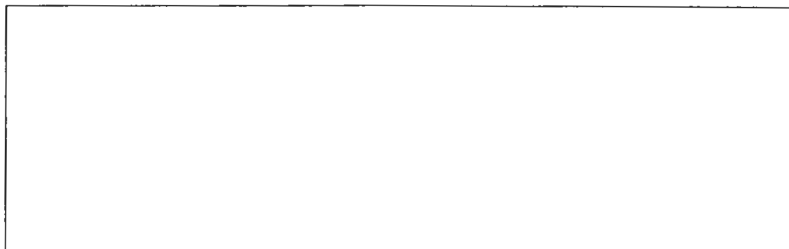
TIỂU THUYẾT I, Võ Phiến. Phụ bản Phạm Thăng. Văn Nghệ tái bản. Giá 15MK.

Gồm hai tiểu thuyết, *Giã Từ* (1960) và *Một Mình* (1963) trong toàn bộ sự nghiệp của tác giả này đã được nhà xuất bản Văn Nghệ in lại dưới tên chung *Võ Phiến Toàn Tập*.

Nói đến Võ Phiến, bất cứ người đọc sách nào cũng hiểu: ông là một trong rất ít những chân dung tiêu biểu đại diện cho Văn Học Miền Nam Việt Nam trước 1975, và sau này, tại hải ngoại.

Về sự nghiệp văn chương Võ Phiến, chúng ta hẳn đã được đọc và nghe rất nhiều rồi, thiết tưởng chúng tôi có nhắc lại ở đây, thì cũng chỉ là chuyện “khen phò mã tốt áo”, vừa thừa, vừa có khi lệch lạc. cái thừa và lệch lạc không phải sẽ làm giảm uy tín ông, mà sẽ gây bực mình cho độc giả. Chỉ xin nêu ra một khía cạnh tích cực, xứng đáng làm gương cho tất cả những người viết văn “hậu sinh": Hiện tại tuy tuổi đã cao, và sức khỏe yếu do bệnh tật gây ra, nhưng nhà văn Võ Phiến vẫn cần mẫn, thủy chung với chữ nghĩa. Nghĩa là vẫn tiếp tục đọc và viết đều đặn mỗi ngày. Người ta hy vọng toàn bộ *Tổng Quan Văn Học Miền Nam* của ông sẽ hoàn tất một ngày gần đây, và chắc chắc sẽ là tư liệu quý giá cho văn học sử Việt Nam mai hậu. Cầu mong nhà văn Võ Phiến vẫn còn sung mãn về thể chất cũng như trí tuệ trong nhiều năm nữa để tiếp tục công việc của mình, nói riêng, của văn hóa Việt Nam, nói chung.

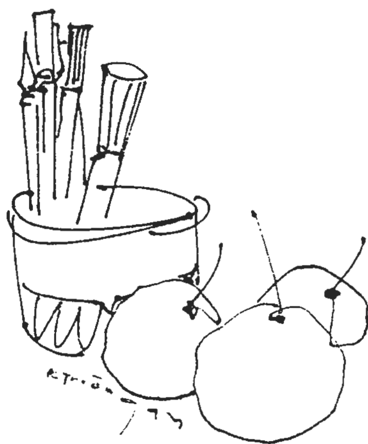
NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU





với văn hữu và độc giả

THƯ VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ



Có cái được, cũng có cái chưa được

Xét chung Hợp Lưu càng ngày càng được quá. Tuy nhiên đi nếu đi vào chi tiết thì có cái được, cũng có cái chưa được. Lấy số 11 làm ví dụ, bài của Thang Ma (*Trung Quốc Tạp Ghi*), Trần Hồng Hà (*Trại Đào Tẩu*), truyện ngắn của Phạm Thị Ngọc, Cung Tích Biền, Phạm Chi Lan, Nguyễn Thị Thu Huệ, Bảo Ninh... đều khá cả. Nhất là Trần Hồng Hà và Thang Ma. Địa bàn của Hợp Lưu rộng nhỉ, sang mãi tận Tiệp Khắc, Ba Lan, Hungary, Rumanmi, Liên Xô, Trung Quốc... Lâu lắm văn chương hải ngoại mới có những tạp ghi, ký sự khách quan như thế. Trần Hồng Hà là ai vậy? Ông ấy viết thông minh quá, những đoạn đối thoại xuất sắc. Đọc sướng lắm. Còn Thang Ma, người Việt gốc Mỹ thật ư? Sao lại lưu lạc mãi tận cái xứ xa lắc xa lơ đó, lại còn lấy vợ sinh con Tàu? Hẳn phải là tay giang hồ cự phách. Đùa cho vui vậy thôi chứ các ông ấy là ai không quan trọng, điều quan trọng trong những bài viết đó tôi thấy tỏ hiện rất rõ những tấm lòng, những trái tim biết yêu thương, gắn bó với con người, dù con người đó thuộc nòi giống mình hay chẳng phải "mình". Nó khác hẳn với những cái gọi là hồi ký hồi kiếc bày bán tùm lum ở các nhà sách, cũng quê hương đất nước đồng bào lung tung xèng, mà thực chất chỉ để biện minh cho mình, chà láng bản thân mình. Đọc, cứ ngứa ngáy chỗ cổ họng. Muốn (...) (tòa soạn đục bỏ hai câu). Mừng cho Hợp Lưu. Cứ vậy mà đi, về lâu về dài tôi nghĩ sẽ còn nhiều tài năng ở mọi nơi đến với các bạn.

Riêng những cái chưa được cũng xin nói luôn, gọi là góp ý: truyện ngắn của ông Thế Uyên tôi thấy nó thế nào ấy. Xin nói rõ, tôi không thuộc dòng

dối đạo đức, dù đạo đức thật hay đạo đức giả, trái lại, là độc giả khá trung thành của các thứ sách báo "chỉ dành cho người lớn". Sở dĩ tôi cho rằng truyện ngắn của ông Thế Uyên "thế nào ấy" có lẽ tại tôi từng đọc hơi nhiều loại văn chương nằm trong trường phái mà ông Thế Uyên, đâu đó, gọi là "văn chương tải tình".

Tôi tạm chia loại văn chương này làm hai khuynh hướng: 1) Nếu dâm, dâm hẳn, tha hồ muốn viết đến cỡ nào cũng chấp. Ai thích đọc tìm mà đọc. Loại này cũng giống như phim X, mặt nào đó có tác dụng tốt đối với một số người. Đừng sợ nó gây nguy hại cho ai. Một sản phẩm bày bán ngoài thị trường, mua hay không tùy sở thích của khách. Tôi thích, dù có phải trèo non lội suối gian nan cách mấy cũng cố tìm cho bằng được. Anh không ưa, bán một tặng ba cũng cứ lắc đầu nguầy nguậy. Nghĩa là theo tôi tốt, xấu, thanh cao, phàm tục là thiên tính bẩm sinh. Bùn vẫn mãi mãi là bùn, sen muôn đời vẫn sen. Bùn không làm bẩn được sen. Sen chẳng thể làm cho bùn trở nên thơm tho. Đất Mỹ khỏe mạnh chỉ vì đất Mỹ tự do. Và tự do hàng đầu của dân Mỹ là quyền được chọn lựa. Chọn cái hay hoặc cái dở trong phạm vi luật pháp cho phép. Tôi chưa thấy một quốc gia nào đạo đức bằng nước Mỹ, trên mu-vi, đố anh tìm ra một xen cụp lạc coi cho... đã con mắt. Đến nỗi quảng cáo tã cho bé by cũng chỉ thấy giỏi lắm là hai cái... chân. Tôi cũng chưa thấy một quốc gia nào sa đọa như nước Mỹ, anh muốn ăn chơi hưởng thụ cỡ nào cũng có. Vậy mà cái sa đọa nào có giết được cái lành mạnh. Và nước Mỹ vẫn giàu, vẫn cường tráng, vẫn trẻ trung đỏ da thắm thịt ai thấy cũng ham (không ham, sao cứ vượt biên, vượt biển dài dài?)

2)Nếu dùng dâm như một phương tiện để "tải" - chữ của ông Thế Uyên - cái gì đó, thì phải làm sao cho người đọc thấy được điều nhà văn muốn "tải". Người đọc có trình độ chắc chắn sẽ không tìm ở đó chất dâm nhằm thỏa mãn dâm tính (xin hiểu hai chữ dâm tính trong cái nghĩa bình thường. Không dâm, đâu phải là người), mà hắn sẽ nhắm vào những yếu tố khác, những yếu tố làm nên giá trị của tác phẩm: văn chương ấy có đẹp không, tư tưởng ấy có sâu sắc không, thông điệp tác giả muốn trao cho hắn đúng hay sai, v.v... Tôi đọc ông Thế Uyên theo khuynh hướng thứ hai. Và tôi có cảm tưởng mình vừa hụt chân vào một ổ gà. Có lẽ tại tôi kỳ vọng ở ông hơi cao. Hình như ông viết ba cái này nhằm mục đích giải tỏa những nỗi niềm nào đó rất là cá nhân.

Mà thôi. Ừ thì ông thích viết như thế, quyền của ông. Tôi thấy nó làm sao ấy, quyền của tôi. Và tôi có ý kiến, HL muốn đăng thư này lên mặt báo hay bỏ vào sọt rác, quyền của HL. Đây là chỗ thích nhất của tự do. Hoan hô tự do.

Nói chuyện nghiêm chỉnh và xây dựng một tí, theo nhận xét của tôi - một độc giả khá chăm chỉ của nhiều tờ báo ở hải ngoại - cùng nhiều bạn bè, thì ông Thế Uyên là một nhà văn có vị trí hẳn hòi của văn chương Việt Nam trong nhiều thập niên qua. Tư tưởng của ông cấp tiến, nhiều nhận xét của ông về nhiều vấn đề gai góc của cộng đồng Việt Nam hải ngoại và trong nước

rất tốt. Chỉ hiềm một điều, gần đây tôi thấy ông có khuynh hướng ngã về cái "tôi" của mình hơi nhiều. Đọc những bài phỏng vấn ông trên Văn Học, Hợp Lưu... chúng tôi cảm thấy thế nào ấy. Cũng gần đây, lại đọc một cái "nhắn tin văn học" ông cho phổ biến trên báo chí, rằng một nhà xuất bản dự định in lại những cuốn sách giáo khoa Việt văn của ông. Không biết nguồn tin này xác thực bao nhiêu phần trăm. Nếu thực, tôi lo. Theo chỗ tôi biết, tại các quốc gia tiên tiến - điển hình như Mỹ - cứ vài ba năm người ta lại vất đi hoặc cập nhật toàn bộ các giáo trình, cho phù hợp với những cái mới của mọi kiến thức. Các cuốn sách giáo khoa của ông Thế Uyên đã xuất bản cách đây gần ba mươi năm, làm tài liệu tham khảo thì tốt, nhưng để dạy cho học sinh thì có tội nghiệp cho chúng không? Việt Nam hiện nay đã thống nhất một nhà, nhưng các giáo trình về văn học ở trong nước chỉ dành cho nửa mảnh đất hình cong chữ ếch-xì, và được soạn thảo theo khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa, lại nồng nặc tính tuyên truyền, kiểu: Các anh chị hãy đưa ra một ví dụ điển hình mà các anh chị đã được thấy hoặc nghe kể lại về sự tàn bạo của đế quốc Mỹ và lòng nhân ái quân đội ta. Bỏ, phải lắm. Nhưng bỏ, không có nghĩa là bê nguyên cái giáo trình cũng chỉ của nửa mảnh ếch-xì còn lại đã mốc meo bụi bặm buộc học sinh nhai lại. Từ bấy đến nay bao nhiêu nước chảy qua cầu, bao nhiêu cái mới, cái hay của văn chương Việt Nam chưa được cập nhật. Nếu ông Thế Uyên thực sự quan tâm đến thế hệ tương lai, thì mần ơn mần phước ngồi soạn lại những cuốc sách giáo khoa cũ (của ông) cho con em ở hải ngoại, và biết đâu cả nước sau này, nó nhờ. Công đức đó tôi nghĩ nó lớn gấp nhiều chục lần mấy tác phẩm "tải tình" ông đang tung ra hàng loạt trên văn đàn.

Tôi được một may mắn, không phải là đồng nghiệp của ông Thế Uyên, nên những điều tôi vừa trình bày không bị cái "tình văn hữu" nó làm cho ngòi bút ngập ngừng. Tuy nhiên lời thật mất lòng, mong ông Thế Uyên hiểu cho. Là đứa mê văn chương, thiết tha với cái mỹ của văn chương, lúc nào cũng mong văn chương người mình mỗi ngày mỗi hay hơn, tốt hơn. Vì vậy mới có những lời này, nếu lọt tai ông, quả là vạn hạnh.

Trần Công Bảo, CA.

- Trần Hồng Hà là một thành viên chủ lực của tờ Diễn Đàn, một tạp chí do nhóm sinh viên và nghiên cứu sinh Việt Nam tại Praha và Ostrava chủ trương.

- Thang Ma từng sống ở Mỹ, tốt nghiệp kỹ sư, nhưng lưu lạc qua Tàu, lấy vợ Tàu, chọn Tàu làm chốn nương thân. Hiện ông đang dạy văn chương Mỹ tại một đại học ở Bắc Kinh.

Anh muốn liên lạc với hai vị này, thư về tòa soạn HL, chúng tôi sẽ chuyển. Trên nguyên tắc HL không được quyền tiết lộ địa chỉ của cộng tác viên nếu không được họ cho phép.

- Nhà văn Thế Uyên rất cởi mở, chúng tôi tin ông ấy không phiền lòng khi đọc những nhận xét trên. Như anh nói: tự do mà. Biết đâu chúng ta sẽ được

thưởng thức một bài viết của nhà văn Thế Uyên về chuyện tại sao ông viết "văn chương tải tình" và "tại sao cần in lại những cuốn sách giáo khoa về văn học Việt Nam của ba mươi năm trước". Thân mến.

Cái đầu và trái tim

Năm 1976 tôi đi học tập. Mười năm sau trở về thì nhà đã là nhà của cán bộ, vợ đã là vợ của cán bộ, con cũng đã là con của cán bộ. Hoàn cảnh của tôi chẳng phải duy nhất. Có hàng trăm, hàng nghìn trường hợp như thế. Mất nhà, mất vợ, mất con, lưu lạc xứ người, dở ông dở thằng. Nỗi đau này tại đâu mà ra? Nỗi đau này nào phải một sớm một chiều mà quên đi được? Ban đầu nghe nói đến HL, đọc báo thấy người ta tố cáo HL là "ổ" của những tên thiên tả, tôi giận lắm. Một lần đến nhà bạn thấy tờ HL, mượn về đọc, coi xem "bọn sớm đánh tối đầu" này chúng ăn nói ra làm sao. Từ đó, trong ngân quỹ dành cho sách báo, có một khoản cho HL. Nhưng mà khổ quá, cái đầu của tôi thì thấy các anh đi đúng hướng, nhưng trái tim lại nhoi nhói mỗi khi nghĩ đến mười năm tủi cực cùng cảnh nhà tan cửa nát. Từ tôi suy ra, không trách được búa rìu dư luận đã và chắc chắn sẽ còn bổ lên đầu các anh. Cũng từ tôi suy ra, tôi đề nghị các anh nên mềm mỏng hơn một tí. Hợp lưu để góp phần vực dậy cái đất nước rách nát kia là điều ai cũng mong, nhưng hợp thế nào, lưu thế nào để những người như chúng tôi cũng có thể tham gia, đó mới là công lớn. Hiện nay quá nhiều vết thương chưa khép miệng, quá nhiều nỗi đau chưa kéo da non, chỉ cần một chút đụng chạm nho nhỏ cũng đủ làm buốt óc. Các anh là những nhà văn nhà báo có ý thức trách nhiệm, có tầm nhìn bao quát (tôi thật tình tin thế), hy vọng các anh sẽ có cách nào đó để giữa cái đầu và trái tim không còn xung khắc. Đó là nhiệm vụ của các anh, và đó cũng là mong ước của chúng tôi.

Một cựu thiếu tá VNCH (CA)

Cả tòa soạn đều cảm động khi đọc thư anh. Anh nói đúng, quả thật đang có rất nhiều lấn cấn giữa cái đầu và trái tim. Làm thế nào để chúng đừng xung khắc? HL đã nghĩ đến câu hỏi này, HL cũng đã bằng nhiều hình thức, thử tìm câu giải đáp cho câu hỏi này. Cuối cùng chỉ thấy còn lại duy nhất một giải pháp: cố gắng xếp quá khứ vào ngăn kéo, hoặc nếu chưa xếp được thì tạm quên đi. Nên xem nỗi đau kia là thảm kịch chung của đất nước. Chúng tôi từng nhận được nhiều thư từ các quốc gia Đông Âu, không ít người, trong chiến tranh, cũng nhà tan cửa nát, cha anh chồng vợ cũng vùi thây đâu đó dọc Trường Sơn. Ngày nay, đi lao động xứ người, bị khinh khi coi rẻ như man di mọi rợ. Về Việt Nam thì trăm cay nghìn đắng, trốn ở lại thì trăm đắng nghìn cay. Hoàn cảnh của họ bi đát nào kém gì anh? Nếu không muốn nói còn hơn là đằng khác, bởi trong họ không chỉ có một mối căn hờn. Chẳng những họ căm hờn cái chế độ đã đẩy họ đến chỗ triền miên nghèo đói, mà trong ký ức họ, những trận mưa bom của Mỹ, vẫn còn hằn đậm. Đi với kẻ thù cũ, là phản bội vong linh bao nhiêu

người thân, về với chế độ hiện tại, là tiếp tục sống trong tăm tối. Họ phải chọn giải pháp nào? "Con đường ngã ba" này là nan đề lớn nhất của những bộ nhân. Nhiều người bảo rằng, qua HL, nhờ HL, họ cảm thấy an ủi đôi phần, thấy rằng con đường mà người Việt chúng ta phải chọn trong tương lai chẳng thể nào khác hơn con đường hòa hợp hòa giải. Chỉ hòa hợp hòa giải thì đất nước mới khá lên nổi, và chỉ hòa hợp hòa giải thì chế độ mới sớm đổi thay. Đừng mong chế độ sụp, nó sụp, lấy gì thay thế? Nó sụp, máu sẽ đổ nữa. Chỉ mong nó sớm đổi thay. Đổi thay, đa nguyên đa đảng, là tiền đề để xây dựng một cơ chế mới, cái cơ chế sẽ có anh, có những bộ nhân ở Đông Âu, và có cả những tấm lòng thực sự tha thiết với quê hương đang bị trù dập ở quê nhà. Cái sức mạnh tập hợp đa diện đó hẳn có đủ đau thương và kinh nghiệm để không bao giờ rơi ngã vào vết xe chuyên chế (của CS) và vong thân (của các chính quyền Sài Gòn xưa). Ước mong cái đầu và trái tim của anh sớm hết xung khắc. Thân kính.

Lạ.

Cũng lạ thật, về Việt Nam thì vẫn về. Về ăn chơi vung vít, khoe mẻ khoe sang, rồi trở ra, chửi. Chửi đã, lại về. Tôi đã thấy bao nhiêu người như thế. Thật tình tôi không cách nào hiểu nổi. Cảm giác lợm giọng đối với bọn này y như cảm giác lợm giọng mỗi khi tôi đọc một mẩu tin nào đó trên báo chí hải ngoại liên quan đến Việt Nam. Những chuyện giết người, cướp của, đâm cha, chém mẹ, hút sách, đĩ điếm... nơi nào không có (nước Mỹ còn có kẻ giết người hàng loạt rồi cưa xương lóc thịt bỏ tủ lạnh ăn dần nữa kia). Đưa tin là nhiệm vụ của báo chí. Nhưng đưa tin bằng cái giọng điệu sách mé, hả hê thì quả chỉ có báo chí Việt Nam mới nhẫn tâm làm. Thậm chí cả thiên tai, bão lụt cũng được khai thác một cách tận tình theo chiều hướng "cho bỏ ghét"! Đọc các "bản tin" này tôi cảm thấy kinh hoàng. Nó chả khác nào các ông Việt Kiều tôi vừa nói trên, về nước, bỏ tiền mua trinh gái tơ, rồi quay phim, chụp hình làm "sưu tập", thế mà khi trở ra, lại nhổ nước bọt khinh bỉ cái xứ sở đói nghèo chỉ rặc đĩ điếm, mánh mung. Ước chi tôi có quyền phép, sẽ gom cả lại, châm lửa đốt thành tro ném xuống biển, cho không khí đỡ ô nhiễm.

Đất nước sẽ còn tả tơi dài dài vì lũ Việt kiều và báo bổ này!

Lê Thanh Long, (Canada).

Anh "phẩn" thế sẽ... ốm người đi. Chuyện dài Việt kiều và chuyện dài báo bổ hải ngoại sẽ còn dài dài, hãy để sức mà chịu đựng, chờ "ngày mai trời lại sáng". Có dịp qua cali HL sẽ tình nguyện bao một chầu "tới nơi tới chốn". Khi say, ta sẽ thấy đời toàn màu hồng. Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui, *ai biểu chọn chi điều buồn. Thân mến.*

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮN VÀ BẠN ĐỌC

Chị Nguyễn Nam Hà (Warszawa - Plonska): Tình trạng báo không đến

tay nhiều độc giả ở Đông Âu làm tòa soạn "điên đầu" bấy lâu nay. Tên chị đã vào computer, mỗi kỳ bấm nút là nó tự động chạy ra, làm sao sót được? Không hiểu sao cái hệ thống bưu điện của các nước xã hội chủ nghĩa cũ nó... tiêu cực đến thế? Nhận thư chị, chúng tôi... xùng quá, bèn tức tốc gởi ngay một gói, khá bề bộn, cầu mong nó đừng đi vào hư vô nữa. Đã chuyển các printcard của chị đến nhà văn Trần Diệu Hằng. Thân mến.

Đỗ Quyên (Germany): Viết chữ "anh" trước tên ĐQ thấy nó chương chướng thế nào, nên xóa (cũng như không ai nỡ viết chữ chị sau cái tên Nguyễn Anh Hùng, phải không?). Chọn chi cái bút hiệu làm bao nhiêu đàn ông tưởng bở! Bản thảo của anh, đọc, muốn khùng. Chi chít rậm rịt hơn rừng già Tây Nguyên. Đánh máy kiểu mổ cò như tên đả tự của HL, e rằng... ba tuần chưa xong. Rồi, đã cho tên anh chui vào computer, từ nay "đến hẹn lại lên", cứ tà tà ra hộp thư mang báo về. Nếu không có thì lỗi tại bưu điện chứ chả phải tại chúng tôi đâu nhé. Nhắn thêm: cái "rậm rịt như rừng" được "hoạn" bớt đã tới. Sẽ "lên đường" số *Văn Học Việt Nam vùng Đông Âu*. Thân mến.

Anh Nguyễn Hoàng (Nga): các tờ báo anh cho hay lắm. Phương tiện eo hẹp như ở bển mà làm được thế quả là tài. Đã gởi bộ chữ VNI cùng cách sử dụng đến anh. Hy vọng không thất lạc. Bản thảo ND đang đọc, sẽ bàn kỹ với anh sau. Thân mến.

Anh Nguyễn Bạch (Houston - TX): Hợp Lưu quá neo người, nếu mở thêm mục như anh đề nghị, chắc không kham nổi. Muốn giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến văn học nghệ thuật, công việc không giản dị, phải một người làm full time mới lo được. Hai câu thơ anh hỏi, rất may đã đọc và còn nhớ: của Nguyễn Trãi (anh tìm đọc toàn bài trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập*, phần *Ức Trai Thi Tập* , tr. 325-326 - Viện Sử học, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Hà Nội, 1976). Thân mến.

Anh Trần Lê Nam (Thụy Điển): Phải qua tận Paris mới tìm thấy à? Công phu nhỉ. Từ nay anh khỏi lặn lội xa xôi nữa nhé. Đừng quên cổ động dùm. Thân mến.

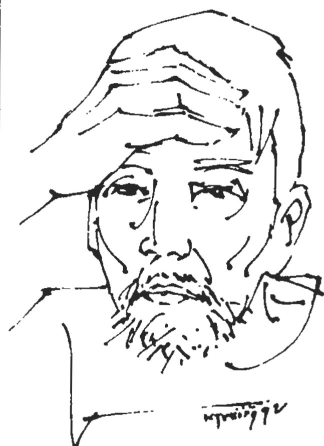
Anh Hoàng Trọng (San Jose): Chấp hết. Cái gì cũng chở được cả, miễn hay. Vụ đó xin đọc "Ngày... Tháng..." số này. Tử vi của hắn sao quả tạ đóng ở cung mệnh nên tai bay vạ gió cứ hà rầm. Bù lại "đường đời" trong lòng bàn tay hắn thì dài ngoằng, xe hủ lô cán chưa chắc đã chết. Nghĩa là hắn sẽ còn sống dai sống dài (chỉ mong đừng sống dở). Thân mến.

Anh Phạm Phú (Cali): Nặng quá, không chở nổi đâu. Thử hạ bớt vài "ton" xem. Mục đích là xây dựng chứ không phải đạp đổ. Phải không? Thân mến.

Nhắn tin bạn đọc Đông Âu: Mỗi kỳ Hợp Lưu nhận báo trả lại không dưới vài mươi số. Vừa tốn tiền gởi, lại tốn thêm tiền phạt. Khổ đau này xin ngõ cùng các bạn, với hy vọng mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc trở về VN, cố gắng viết cho vài chữ để kịp điều chỉnh. Thân mến.

HỢP LƯU

họa sĩ nguyễn gia trí đã qua đời



Một cái tang lớn của nghệ thuật tạo hình Việt Nam và giới thưởng ngoạn: Họa sĩ lão thành Nguyễn Gia Trí vừa qua đời tại nhà riêng (số 493 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận - Sài Gòn) vào lúc 10 giờ 30 đêm 20 tháng Sáu, 1993. Thọ 85 tuổi.

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí sinh năm 1908 tại Hà Sơn Bình, Bắc Việt Nam. ông theo học khóa 5 trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, nhưng nửa chừng, không hiểu vì lý do gì ông thôi học. Năm 1931, ông trở lại trường (khóa 7). Từ đó, dù còn rất trẻ, họa sĩ Nguyễn Gia Trí đã đưa kỹ thuật sơn mài đến đỉnh cao của nó, không những với Việt Nam, mà còn mở rộng ra tầm cỡ thế giới. Nhiều tác phẩm của ông hiện được trưng bày tại các viện bảo tàng Âu châu.

Họa sĩ Tô Ngọc Vân từng khẳng định: *Đến cuộc thí nghiệm của Nguyễn Gia Trí, lối sơn ta không còn là mốt mỹ nghệ nữa. Ở óc, ở tâm hồn người ấy ra, nó đã được nâng lên hàng mỹ thuật thượng đẳng...*

Và họa sĩ Quang Phòng nhận xét: *Thế giới sơn mài của Nguyễn Gia Trí vừa thực vừa mông lung, phản ánh trong nó niềm khát khao vô tận, một vẻ đẹp đầy ma lực, khó nắm bắt, luôn chạy trốn người đi tìm kiếm. Nó biến hóa, ẩn hiện không ngừng giữa các lớp sơ n trong quá trình họa sĩ mài ra mà bất ngờ ánh lên chất màu quí giá mà phải những người có con mắt tinh đời mới kịp thấy để dừng tay đúng lúc. Trong địa hạt này Nguyễn Gia Trí như một nhà ảo thuật lão luyện, quen điều khiển những chất màu chưa ai biết đến...*

Năm 1989, họa sĩ Nguyễn Gia Trí được Bộ Văn Hóa chính thức công nhận là một trong những họa sĩ đương đại có công trong việc xây dựng nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại.

Hiện nay tại Việt Nam, một số nơi còn lưu giữ được các tác phẩm sơn mài của ông, như tại Thư Viện Quốc Gia (nay là thư Viện Tổng Hợp thành phố HCM), có hai bức tranh khổ lớn của ông. Và tại Bảo Tàng Mỹ Thuật thành phố HCM cũng có trưng bày bức sơn mài cũng khổ lớn ông hoàn thành sau năm 1975 mang tên *Vườn Xuân Trung Nam Bắc* (2mx 5.40m).

JELIU JELIEV
PHẠM VĂN VIÊM
Sofia - Bulgaria

CHẾ ĐỘ PHÁT XÍT

Biên Khảo Chính Trị

Đọc CHẾ ĐỘ PHÁT XÍT ta có cảm giác như đang đọc chính những trang sử của các chế độ Cộng Sản, trong đó có chế độ của chúng ta. thí dụ cuộc tấn công của nhà nước Quốc Xã chống các họa sĩ hiện đại (*Triển lãm Nghệ Thuật Thoái Hóa*) không khỏi khiến chúng ta liên tưởng đến phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm* ở miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

SAIGON PRESS 1993

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(*Tất cả xin ghi rõ bằng chữ in*)

Tôi tên______________________________

Địa chỉ:______________________________

____

____

____

Giá tiền:

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada:
Hạng tư: $18.00 ☐ (1/2 năm) - $36.00 ☐ (1 năm)
Hạng nhất: $24.00 ☐ (1/2) năm) - $48.00 ☐ (1 năm)

* Âu châu, Úc châu, Á Châu:
Đường thủy: $24.00 ☐ (1/2 năm) - $48.00 ☐ (1 năm)
Hàng không: $34.00 ☐ (1/2) - $60.00 ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề:



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

Đã phát hành trên toàn thế giới:

ĐÔI BỜ

TẬP TRUYỆN



Lê Thị Thấm Vân

- Tác phẩm đầu tay của một nhà văn trẻ
- Tác phẩm tiêu biểu cho tâm tình của một thế hệ trưởng thành bên ngoài quốc gia Việt Nam.